NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 175 • NOVEMBER 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

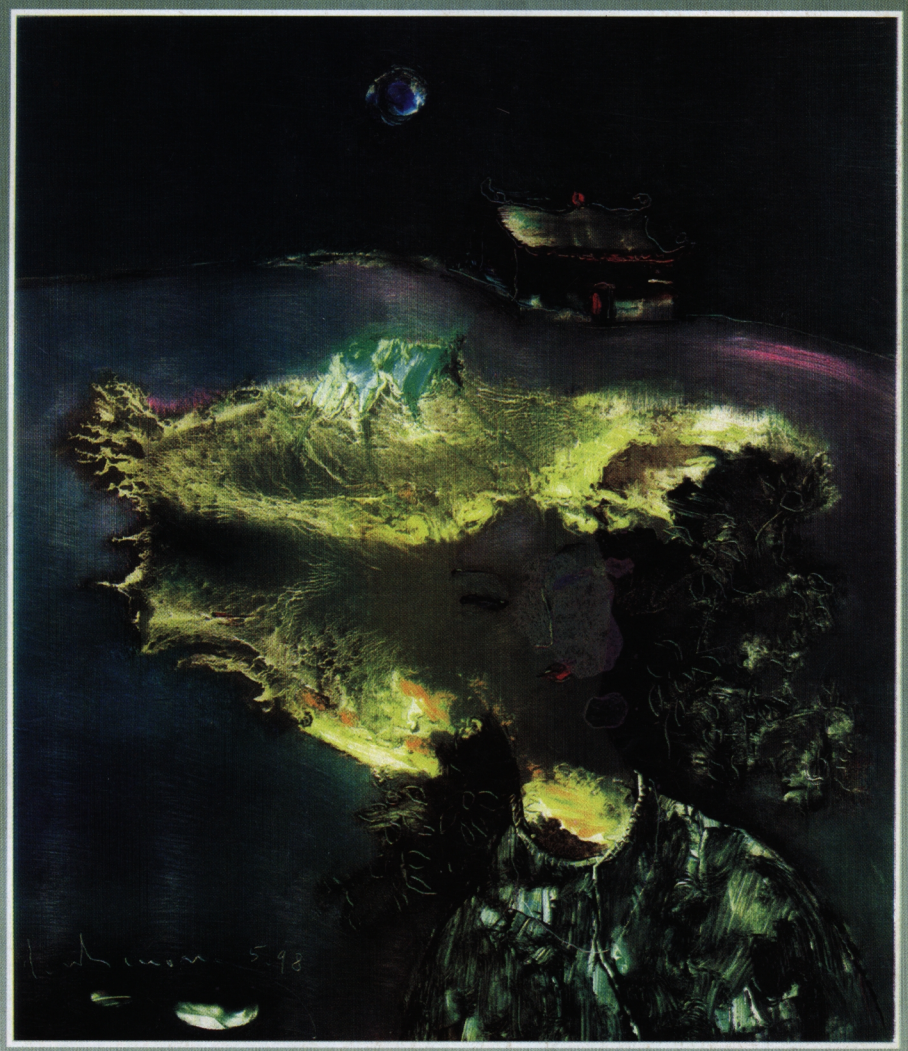

BÁO VIỆT NGỮ Ở NGA
LAN HƯƠNG

NHẢY CHÂN SÁO SONG THAO

NÉT HUẾ TRONG TÁC PHẨM CỦA HỌA SĨ TÔN THẤT SA BÙI OANH HẰNG

Trung Tâm Vân Sơn Hân hạnh giới thiệu bộ Video

Vân Sơn 25 - Hoa Hậu Việt Nam Thế Giới Lần II

Một món quà tinh thần vui vẻ nhất trong dịp lễ Labor Day 1 tháng 9-2003

Đã được phát hành rộng rãi khắp nơi bằng DVD & Video Tape.

Điện thoại: (714) 799-1566 * Fax: (714) 799-1577

Nhà sách TỰ LỰC (USA) và Nhà sách NAM Á (Paris)
đồng giới thiệu quý độc giả tác phẩm được mong đợi từ lâu

Sách dày **800 trang, bìa cứng**, giá $20.00

Lịch Sách & Giai Phẩm Xuân
Vạn Toàn
GIÁP THÂN 2004
Nam, Nữ mạng từ 9 tới 81 tuổi.

Sách Lịch Tử Vi, Phong Thủy, Hà Lạc Bát Tự
Giáo Sư Phạm Kế Viêm Biên Soạn

Giai Phẩm Xuân
Hoàng Hải Thủy - Vũ Thư Hiên - Kiệt Tấn - Hoàng Khởi Phong - Trần Thị Diệu Tâm - Tử Nguyên - Duyên Anh - Phạm Kế Viêm - Thiên Đạo Cư Sĩ.

Tử Vi Tây Phương
Chiêm Tinh Gia Thiên Nga

Âm - Dương lịch đối chiếu
Thiên Đạo Cư Sĩ

- "Vạn Toàn" như điều cầu mong do Nam Á & Tự Lực gửi đến quý vị dịp đầu Xuân 2004.
- "Vạn Toàn" là một đóng góp cụ thể của Giáo Sư Phạm Kế Viêm vào điều cầu mong trên. Giáo Sư Phạm Kế Viêm, cựu Trưởng khoa Toán Trường Võ Bị Quốc Gia VN, Đà Lạt, trong những năm dài lao tù Học Tập Cải Tạo, và sau này khi định cư tại Paris đã khổ công sưu tầm tài liệu, nghiền ngẫm suy đoán về Tử Vi, Phong Thủy, Hà Lạc Bát Tự (Chu Dịch) để tìm ra thời điểm NÊN LÀM, NÊN TRÁNH trong đời người, hầu đem lại sự "Vạn Toàn" cho quý đồng hướng.
- "Vạn Toàn" còn là Giai Phẩm Xuân, với sáng tác của các tác giả quen thuộc: Hoàng Hải Thủy - Vũ Thư Hiên - Kiệt Tấn - Hoàng Khởi Phong - Trần Thị Diệu Tâm - Tử Nguyên - Duyên Anh - Phạm Kế Viêm - Thiên Đạo Cư Sĩ, mong đem đến món ăn tinh thần với tinh tự quê hương để quý bạn đọc hoàn toàn thoải mái trong những ngày đầu Xuân Giáp Thân (2004).
- "Vạn Toàn" cũng còn là tên lịch của tiền nhân ta (Vạn Tuyển, Vạn Toàn, Hiệp Kỷ). Trong phần đối chiếu Âm - Dương lịch, Thiên Đạo Cư Sĩ căn cứ theo Vạn Niên Lịch, với "Cát Trạch Thuật", ghi rõ mọi sự kiện Âm Dương, Ngũ Hành, Can Chi, Hợp khắc của Ngày Giờ để quý đọc giả tiện xử dụng. Sau cùng Chiêm Tinh Gia Thiên Nga cũng cống hiến đến quý vị phần luận đoán Tử Vi Tây Phương để rộng đường so sánh Đông - Tây.

oOo

Khổ Lịch: 12 X 19 inch, giấy mỏng nhẹ, bó lòng xiết vào carton dày 0.25 inch, giá $7.00

Năm Thứ 20 tại hải ngoại
TAM TÔNG MIẾU
GIÁP THÂN 2004
do **Thiên Đạo Cư Sĩ** (soạn theo Vạn Niên Lịch, Trung Hoa)

Với Trạch Cát Thuật:
- Ghi mọi sự kiện Âm Dương, Ngũ Hành, Can Chi, Hợp Khắc.
- An vị Cát Tinh, Hung Tinh với lời khuyên Nên, Cử.
- Ghi rõ ngày Kỵ, Vía và ngày kỷ niệm danh nhân VN.
- Các ngày Chay Tịnh từ Nhất Trai tới Thập Trai.
- Sưu tầm Tục Ngữ, Phong Dao đặc thù dân tộc.

Nhà Sách Tự Lực
14318 Brookhurst Street. Garden Grove, CA 92843
☎: (714) 531-5290 **www.tuluc.com**

Nhà Sách Nam Á
44, Avenue d'Ivry 75013 PARIS
☎: 01.45.84.81.87

Quí vị cũng có thể mua tại các tiệm sách khắp nơi và muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với chúng tôi tại địa chỉ và số phone trên hoặc xin ghé vào trang nhà
www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name:_____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail:_____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #:_____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v. v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC
SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ
– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khỏi bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.
* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lở miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).
Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)
– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOÀI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:
a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như:
Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hăm không nổi
- Viêm nhiễm hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiễm hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiễu thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Cămbốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn không tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị. K.T.

Trần Thị Kim Thấm - Riverside

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy vọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉ mỉ giải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế. Kính thư

Lana Anderson

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN
CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:
14360 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843 USA
Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số:
Tel: (714) 531-6330

TRUNG TÂM VŨ LỤA
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

VŨ KHẮC KHOAN

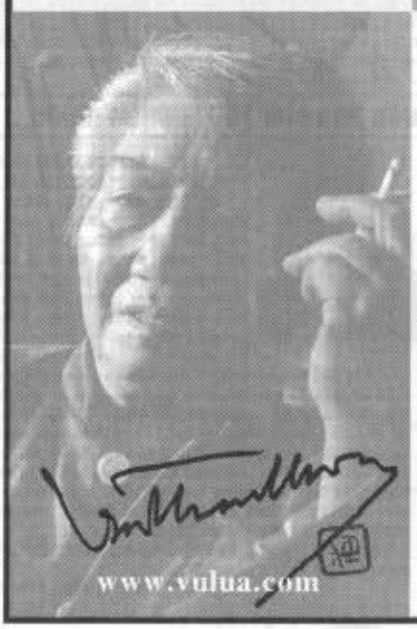

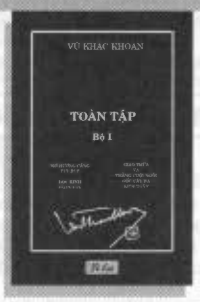

toàn tập
Bộ I
Giá 60Mỹ Kim
(trọn bộ)

Gồm 3 tác phẩm:

Giá 25Mỹ Kim

Giá 20Mỹ Kim

Giá 20Mỹ Kim

Địa chỉ liên lạc: 12612 Groveview St. Garden Grove. CA. 92840 . 714-308-1251

HAPPY CAR RENTAL
TRUNG TÂM CHO THUÊ XE

*** Thành thật * Phục vụ vui vẻ**
*** Bảo đảm giá rẻ nhất cho quý đồng hương**

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới

8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng
* Detail cho các loại xe

* Có phục vụ mướn xe miễn phí trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

LỊCH NHỰT THANH - GIÁP THÂN 2004

CƠ SỞ TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐÃ PHÁT HÀNH

TAM TÔNG MIẾU

NHỰT THANH

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU LỊCH TREO TƯỜNG VÀ LỊCH TỬ VI NHỰT THANH GIÁP THÂN 2004

Lộng Lẫy - Dễ Hiểu - Đạo Đức - Chính Xác - Linh Thiêng

BAO LA VẠN HỮU

* Cuốn LỊCH SÁCH TỬ VI BAO LA VẠN SỰ.
* Giàu sang, sinh tử, họa phúc, rủi may của Quí vị nằm trong LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH NĂM 2004.
* LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH nổi tiếng khắp nơi trên thế giới hơn 26 năm qua.
* LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH chính xác, linh thiêng, đạo đức, sâu sắc, phong phú và xinh đẹp từ hình thức đến nội dung.
* Trong thế giới đảo điên, hỗn loạn, khó khăn, LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH là kim chỉ nam bảo đảm chính xác cho Quí vị và gia đình thân thuộc.
* Không có LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH trong tay, quí vị có thể gặp nguy nan, hiểm trở, tai ách mà chẳng biết đường nào để cứu thoát mình và người thân cận chung quanh qua biển khổ.
* Bảo đảm LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH sẽ đem đến, hạnh phúc thành công, thịnh vượng, giàu sang và tránh được rủi ro, tai ách, đau khổ.

cho tất cả Quí vị.

Có lịch nhựt thanh trong tay,
Vẹn nguyên chân lý tháng ngày với anh,
Giàu sang, hạnh phúc màu xanh.
Soi tình yêu sáng nơi anh mỗi giờ

Nhựt Thanh kính mời

MỤC LỤC SÁCH TỬ VI THƯỢNG HẠNG
LỊCH NHỰT THANH - GIÁP THÂN (2004)

1. Lời mở đầu.
2. Tìm mãi thương yêu (Nhựt Thanh).
3. Không hề phôi phai (Khánh Ly)
4. Vận mệnh thế giới Giáp Thân (2004).
5. Bảng sao hạn năm Giáp Thân (2004).
6. Cách cúng giải hạn Tam Tai.
7. Bài thơ giải đoán sao Hạn.
8. Cách cúng giải trừ sao Hạn.
9. Cách dùng 12 trực.
10. Giải thích ngày Tam Nương.
11. Giải thích ngày Nguyệt Kỵ.
12. Bảng Tam Tinh.
13. Bảng giá thú.
14. Bàn tay tính cung chết.
15. Bảng xem Vận Niên cho các Tuổi.
16. Hạn Tam Tai.
17. Bàn tay Kim Lâu (Xem cất nhà năm nào tốt
18. Sanh tại Huỳnh Long Tử tại Huỳnh Đế
19. Để Quí vị biết sinh vào giờ nào.
20. Mẫu Tuế Tấm Tử Tuế.
21. Thập Nhị Huỳnh Long.
22. Nguồn gốc Khỉ và các loài Khỉ.
23. Tử vi Tây Phương 2004.
24. Tử vi Đông Phương Giáp Thân (2004)
25. Lịch năm Giáp Thân (2004).
26. Giới thiệu băng nhạc hay.

GIÁ BIỂU

* Lịch treo tường **$12.00USD**
(Mỹ quốc + Cước phí $ 3.00, Âu Châu +$ 10.00, Úc Châu +$ 16.00, Canada + $ 6.00)
* Lịch sách tử vi .....**$ 27USD**
(Mỹ quốc + Cước phí $ 3.00, Âu Châu +$ 10.00, Úc Châu +$ 16.00, Canada + $ 6.00)

Cấm trích dịch và in lại dưới mọi hình thức. Copyright©2004

các đại lý khắp nơi xin liên lạc trực tiếp về : ***NHỰT THANH***

10342 Mc Clure Ave.
Garden Grove, CA 92843 USA
Tel/Fax: (714) 531-3413

BAN BIÊN TẬP

Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

MỤC LỤC

Số 174 – Tháng Mười 2003

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

11. Bác sĩ Mahathir Mohamad từ giã chính trường – **Ngô Nhân Dụng**
14. Bốn mươi năm sau – **Trần Ngọc Ninh**
20. Hoa Kỳ-Một đế quốc bất đắc dĩ – **Nguyễn Gia Tiến**
22. Bàn về các quả bong bóng đầu tư – **P/V Giáo sư Phạm Đỗ Chí**
25. Làng báo ở Nga – **Lan Hương**
30. Từ chính sử đến dã sử – **Cỗ Lũy**
38. Một số suy nghĩ nhân vụ Bùi Đình Thi – **Phạm Xuân Đài**
45. Người xưa, đất cũ – **Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh**
53. Nguyễn Văn Tường tham lam? – **Nguyễn Quốc Trị**
63. Nét Huế trong tác phẩm của họa sĩ Tôn Thất Sa – **Bùi Oanh Hằng**

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

71. Bùi Giáng giữa chúng ta – **Trần Hữu Thục**
78. Đại Hội điện ảnh Việt Nam Quốc tế – **Nguyên Huy, Phạm Xuân Đài**
97. Cơn khát – **Kiều Duy Vĩnh**
101. Kiếp Văn chương – **Tôn Nữ Thu Nga**
103. Đi hay ở – **Nguyễn Hữu Chi**
110. Côn Luân Nô – **Lê Mạnh Hùng** dịch
113. Một đám cưới – **Võ Doãn Nhân**

THƠ

37. Em đi xem lễ – **Hoàng Duy Khánh** 104. Bến quê – **Nguyễn Bạch Dương** 108. Kỷ niệm – **Lê Thị Kim** 111. Mộng – **Cổ Ngư** 114. Hai mươi bảy năm – **Trần Vấn Lệ**

Bìa: *Lá Sen*, tranh **Đinh Cường**, sơn dầu 24 x 30 "
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày: **Lê My**
Hí họa: **Babui**
Minh họa: **Bé Ký, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp**
Ảnh: **Nguyên Huy, Vũ Quí Hạo Nhiên, Nguyễn Tường Thiết, Tôn Nữ Thu Nga, tư liệu**

MỤC THƯỜNG LỆ

7. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư trị sự
82. Sổ tay – Ngô Nhân Dụng
89. Đời sống quanh ta – Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên

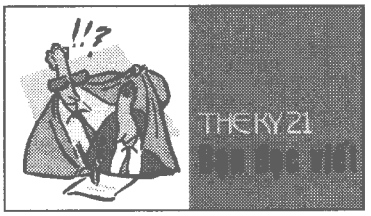

Đẹp, nhưng chưa hoàn chỉnh

Thế Kỷ 21 số 174 thay đổi cách trình bày. Đẹp lắm. Và mới nữa. Cầm tờ báo là thấy ưa liền! Nhưng có lẽ vì mới đổi nên còn hơi gạp trục trạc chút xíu: bài từ trang nọ tiếp qua trang kia chưa thấy hợp lý. Các anh có nhận thấy vậy không?

Song Thao (*Canada*)

Vẽ như con nít

Hoan hô bài về tranh thiếu nhi trong Thế Kỷ 21 số 174. Là một người cầm cọ, tôi nhìn bìa báo và **rất thích** bức tranh hàng trên, tay phải. Thì ra nó được ban giám khảo cho giải nhất, nhóm I !!! Pháp có câu: "Les grands esprits se rencontrent." Hà hà!... Cháu ấy tên là Collen hay COLLEEN? *

Ông Picasso, năm 80 tuổi, có nói: "Bây giờ tôi có thể vẽ như con nít." Tôi năm nay 70, mới hiểu ông muốn nói cái gì. Trẻ em có một khả năng hội họa hồn nhiên, chỉ tội là sau đó, "con nít" có thông minh và biết tính toán, mất đi cả. Phải thật già, mới tìm lại được.

Cô bé Colleen, biết đâu năm 13, 14 tuổi sẽ không vẽ đẹp như vậy nữa. Phải chờ đến lúc 60, 70, 80 tuổi kia!

Họa sĩ Già: **Võ Đình** *(Florida)*

** Trong số báo trước tên em được viết Collen là sai, phải viết Colleen mới đúng. Xin lỗi em Colleen Phong và cảm ơn họa sĩ Võ Đình đã nhắc nhở. (Tòa soạn)*

Bụt nhà không thiêng

Cậu bé tám tuổi nhà tôi ham vẽ vời lắm, lâu nay tôi vẫn coi đây là một 'tai họa.' Ngồi trên bàn học bài hay làm bài một lúc thì ngó tới ngó lui đã thấy cu cậu đang loay hoay vẽ một cái gì đó trên tờ giấy tráng. Chơi ngoài sân ngoài vườn thì cũng cái tật bạ đâu vẽ đó, khi thì với viên phấn trên driveway, khi thì dùng cây bút chì mỡ mà họa... ngay trên tường nhà! Tôi thường la rầy cháu và nhiều khi cảm thấy hơi thất vọng về cháu. Cứ vẽ mãi thế này thì mong gì sau này thành bác sĩ, dược sĩ như dự định của tôi được?

Khi thấy số báo Thế Kỷ 21 "Trung Thu, các em vẽ" ngoài hiệu sách thì tôi chú ý, vì thấy vụ này hình như có liên quan đến con mình. Mua về, xem tranh, đọc bài, thì thấy bàng hoàng, và hơi có cảm giác nhà mình cũng có một ông Bụt mà mình chẳng coi ra gì cả. Số báo cho tôi biết tầm quan trọng của năng khiếu vẽ nơi thiếu nhi, và người ta đã na

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

vợ tôi cũng cho con tôi đi thi vẽ chuyến vừa rồi, vì vợ tôi vẫn bênh vực cái tính ưa vẽ vời của nó. Và đó cũng là đề tài một số trận cãi vã giữa chúng tôi.

Nguyễn Tiến Thân *(Oregon)*

Cổ tích và thần tiên

Hai bức tranh Trung Thu nằm ở hàng trên, bìa báo Thế Kỷ 21 số 174 thật là độc đáo. Quý vị cứ tự hỏi, có người lớn nào vẽ Trung Thu như thế hay không? Tôi chắc chắn không thể nào có được! Những bức tranh như thế chỉ có thể là sản phẩm của một tâm hồn ngây thơ, *tưởng tượng* một hình ảnh Trung Thu theo ý mình. Không có những hình ảnh cổ điển về Trung Thu như các em bé đi rước đèn, múa lân, ăn bánh bên cạnh ông bà cha mẹ, hoặc trừu tượng hơn một chút, "ánh trăng trắng ngà có cây đa to" v.v... mà đây là những *thế giới,* được xây dựng một cách kỳ bí chỉ trong đầu óc các em nhi đồng thôi. Nhìn những bức tranh này, tôi có cảm giác giống như hồi nhỏ nghe truyện cổ tích, nghe tới đâu là trong đầu mình xây dựng tức thì những hình ảnh theo câu chuyện đến đó. Ví dụ chuyện An Khế Trả Vàng, tôi có ngay trong đầu mình hình ảnh con quạ thật to đến ăn khế nhà nọ. Nhưng to đến mức nào? Chịu. Không có một tỉ lệ hợp lý nào cả. Nó to nhưng vẫn có thể đậu trên cành khế để mà ăn quả, và khi cần thì vẫn có thể chở một người trên lưng nó như thường. Có thể khi đậu trên cây khế thì nó không to hơn con quạ bình thường là mấy, hoặc chỉ cùng cỡ đó thôi (vì như thế mới "hợp lý"), nhưng khi chở người thì nó đột nhiên lớn hơn cả trăm lần (cũng chỉ vì như thế mới "hợp lý"). Cái lý trong đầu óc trẻ con thì chẳng có lý tí nào hết theo cái nhìn của người lớn. Con nít vẽ những ý tưởng ấy ra thì thành tranh của mình, không phải trừu tượng, không phải hiện thực, mà nó *là như thế*, đúng với những gì mình có trong đầu thế thôi. Hãy xem con rồng trong bức tranh ở bìa báo, mà tác giả Phạm Phú Minh đoán là một đám rước rồng, nhưng theo tôi thì chưa chắc. Có thể nó đến đấy từ một ý tưởng cổ tích, và đám con nít cầm đèn chơi quanh nó cũng trong một thế giới thần tiên chợt nảy ra trong đầu tác giả trong lúc thực hiện tác phẩm dự thi. Tất cả là thực mà cũng rất là không thực. Chỉ có mặt trăng như là một sự thực vĩnh cữu chứng kiến từ trên cao.

Tôi không có mặt tại cuộc thi nhưng cũng chia xẻ được những xúc động của tác giả bài *Xem tranh thiếu nhi*: "... Tôi cúi xuống nhìn các em vẽ, lòng đầy biết ơn được ngập trong thứ ánh sáng trong trẻo mà hơn hai trăm em đã mang vào phòng thi này."

Mộng Hùng *(Internet)*

Hãy viết về Sài Gòn!

Rất đồng ý với ông Tu Phan trong mục Bạn Đọc Viết số 174 vừa rồi. Tại sao không viết về Sài Gòn? Thành phố của cái mới. Thành phố của khai phá. Thành phố của sức sống. Của dân tộc Việt Nam chứ không của miền Nam miền Bắc gì cả.

Sau 1975, Hà Nội là một cái gì gây tò mò cho người miền Nam, nhất là giới cầm bút, vì ảnh hưởng của nó trong văn học rất lớn – tôi muốn nói văn học Việt Nam trước 1945. Vì bị cấm cản suốt mấy mươi năm đất nước chia cắt, nhiều người háo hức muốn thăm, muốn tìm hiểu, muốn viết về Hà Nội. Nhưng đó chỉ như là cuộchoài niệm tập thể, sau cơn lên đồng rồi thì tôi nghĩ các nhà cầm bút, nhất là từ miền Nam, chẳng còn gì nhiều để viết tiếp về nó nữa, trừ những nhà viết sử, vì Hà Nội chính là quá khứ chứ không phải là tương lai. Nhất là với cuộc đào xới khảo cổ lớn lao tại khu Ba Đình hiện tại, Hà Nội lại chìm sâu vào quá khứ hơn nữa.

Trong khi đó Sài Gòn mới là nơi đáng viết. Sức sống tuôn trào. Sức sống mới bát đầu cách đây có ba trăm năm, còn trẻ trung sung sức, nhất là nó có hai mươi năm đóng vai thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa, điều đó đã tạo cho nó nhiều lực đẩy bây giờ vẫn còn.

Tôi nghĩ làm những số báo về các thành phố hay những địa phương khác nhau cũng là điều hay, nhất là cho đồng bào tị nạn ở nước ngoài để thấy gần gũi với đất nước mình hơn. Về khảo cứu, về tâm tình, mặt nào cũng nên cả. Nên yêu cầu những hội ái hữu địa phương và rộng rãi bạn đọc cộng tác. Sẽ có những địa danh trước nay ít được để ý bỗng hiện ra với tất cả vẻ đẹp và tâm tình tha thiết của nó.

Lê Phương Mai *(Internet)*

Đời sống quanh ta

Vài số báo gần đây, tôi thấy mục Đời Sống Quanh Ta có phần khởi sắc, vì có thêm phần đời sống của nước Pháp với tác giả Từ Nguyên

có cái "nhìn quanh" khá kỹ lưỡng và bén nhạy. Từ bao nhiêu năm nay, hai tác giả Thanh Thảo và Trần Quán Niệm mỗi tháng vẫn rỉ rả cho độc giả một mảng đời sống, đọc vui và ích lợi. Đời sống thì bao la làm sao nói hết mọi chuyện, tốt hơn hết cứ hãy nhìn "quanh ta" có cái gì ngộ ngộ thì đem vào. Tôi đề nghị Tòa soạn nên mở rộng đón nhận nhiều mảng đời sống khác nhau từ nhiều nơi do độc giả viết, đây sẽ trở thành một mảnh vườn phong phú. Người Việt Nam bây giờ ở đâu mà chẳng có mạt? Cũng chẳng cần phải có đạc phái viên cố định tại một địa phương, vì chẳng phải ai cũng có thể trở thành người viết báo chuyên nghiệp, cứ để "thường dân" viết những gì đạc biệt xảy ra quanh họ, góp lại sẽ nhiều cái hay lám đấy.

Quý vị "đồng nghiệp độc giả" của tôi nghĩ sao? Tháng nào "có chuyện" thì đóng góp cho tờ báo một bức thư thôi, mình thấy sao viết vậy chẳng cần trau chuốt, về chữ nghĩa câu kéo đã có mấy ông bà ngồi ở tòa soạn lo, phải không quý vị?

L. Vi *(Seattle WA)*

Inspiration, Happiness, Unity

Tôi thấy câu kết trong bài Xem Tranh Thiếu Nhi số báo tháng rồi hay đấy. Câu đó không phải của tác giả mà là trích từ ý kiến của một người xem tranh, được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt: "Tôi muốn nói tác dụng của loại sinh hoạt này không chỉ nhằm tạo sự vui chơi và giáo dục cho các em nhỏ, mà còn thực sự mang lại niềm cảm hứng, nỗi hân hoan và sự đoàn kết cho cả một cộng đồng."

Ý tác giả nói ảnh hưởng của cuộc thi trên đời sống của cộng đồng, đem lại một không khí tích cực vui tươi đoàn kết. Rõ ràng chúng ta rất thiếu những biến cố văn hóa có ý nghĩa làm thăng hoa đời sống của chúng ta. Chỉ ham những chuyện chính trị, nhưng phần nhiều là những cái đĩa cũ chạy đi chạy lại nhiều lần đã mòn, nghe chán chết đi được. Rồi kèn cựa nhau những cái vạt vãnh. Trong khi cả một đám con cháu đang lớn lên thế kia chẳng ai nghĩ ra được một trò gì có ích lợi cho chúng. Bỗng nhiên vụ thi vẽ xảy ra, mang ngay *inspiration, happiness, unity* cho mọi người. Tôi rất cảm phục tác giả ý kiến đó, Le TV Tran, đã nói lên đúng thực trạng của cộng đồng Việt Nam: luôn luôn khát khao những sinh hoạt tốt đẹp, có ý nghĩa, nhưng lại thường hay gạp những điều ích kỷ, nhỏ nhen, thủ cựu.

Tôi đề nghị dùng ba chữ của Le TV Tran: "**Inspiration, Happiness, Unity**" làm khẩu hiệu cho các hoạt động của chúng ta. Việc gì không đáp ứng được khẩu hiệu đó thì đừng làm. Hãy tìm và thực hiện những việc mang lại cảm hứng cho đời sống, hạnh phúc cho mình, cho người, và làm cho mọi người thương yêu gần gũi nhau.

Nguyễn Văn Liên (*Santa Ana*)

Thưa quý văn hữu và bạn đọc,

Như đã thành một cái tật, mỗi năm khi nhớ đến chuyện làm báo Xuân thì thấy thời gian trước mạt không còn được bao nhiêu nữa, và lại ân hận sao không chuẩn bị sớm hơn. Năm nay, khoảng tháng Sáu chúng tôi đã nhớ đến chuyện này, nhưng lại thấy là còn sớm quá, và cái ý tưởng "hãy còn sớm" cứ quanh quẩn trong đầu cho đến lúc biết ra là thời gian đã gần hết. Như thường lệ, nhưng là một cái lệ không bao giờ cũ, chúng tôi xin kêu gọi quý văn hữu và bạn đọc tích cực (và phải mau chóng nữa) đóng góp bài vở cho số Xuân Giáp Thân 2004 sắp tới. Năm Con Khỉ hẳn là có không thiếu gì chuyện nói.

Số Xuân Thế Kỷ 21 năm nay sẽ ra vào đầu năm dương lịch, vì Tết rơi vào 22 tháng January 2004. Khi số báo này tới tay quý vị thì chỉ còn NON một tháng để viết bài và gửi bài. Bài cho số Xuân cần được gửi về Tòa soạn (e-mail, dĩ nhiên) khoảng đầu tháng 12 – 2003.

Số Xuân là số đôi, sau đó Thế Kỷ 21 sẽ nghỉ không ra số tháng Hai 2004. Tháng Ba sẽ có số đạc biệt về Sài Gòn, tháng Tư, số đạc biệt về Thạch Lam. Như vậy trừ số tháng 12 sắp tới, ba số kế tiếp đó sẽ là các số có chủ đề. Xin quý bạn đọc và văn hữu lưu ý để đóng góp ý kiến cùng bài vở. Xin cảm tạ quý vị.

Tòa soạn và bạn đọc
Hộp thư trị sự

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Hữu Chi, Phạm Đỗ Chí, Lan Hương, Trần Hữu Thục, Nguyễn Đức Cung, Chu Vương Miện, Trần Huy Sao, Nguyễn Gia Tiến, Võ Doãn Nhẫn, Nguyễn Quốc Trị, Song Thao, Xuân Quang, Hồng Châu, Bùi Oanh Hàng, Dương Như Nguyện, Lê Mạnh Hùng, Mạc Phi Thiện, Xuân Liễu.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Trinh Nhu Hoa TX – Nguyen Hung Vu CA – Truong Thi Kim Anh Norway – Nguyen Tan Vinh Norway – Nguyen Ngoc Luu CA – Trinh Van Tay CA – Pham Quoc Phu OK – Nguyen An CA – Thich Minh Duc CA – Nghiem Xuan Khuyen CA – Dao Dan CA – Nguyen Huu Cua CA – Tran Thien Do CA – Dam Dung CA – Le Nhan Tien TX – Nguyen Van Quynh CA – Ha Van Tai MA – Nguyen Ngoc Lien NJ – Ewing Diep FL – Buu Hoan VA – Vo Trong Diec CA – Nguyen Van Hien CA – Tran Khanh Toan OK – Pham Toan NY – Nguyen Thi Le LA – Nguyen Phuong England – Le Van Xe Japan – Le Hieu Liem CA – Ta Anh Tuyet FL – Tran Ai CA – Vu Gia An VA – Nguyen Dat Canada – Charles Do CA – Phuc Phung MN – Quan Thuy Hoai CA – Nguyen Thi Tiet Germany – Le Quang Thong Germany – Bui Hanh Nghi Germany – Huynh Hoang Cuong NY – Robert P.Neathery WA – Nguyen Dinh Cuong CA – Le Thi Lan CA – Ton That An MA – Phan Cong Linh CT – John C Diep FL – Thanh Bui MD – Phan Trong Le VA – Truong Van Tung CA – Thai Thi Mai FL – Le Quang Minh CA – Truong Minh Cuong CA – TRan Anh Tuan CA – Nguyen Tu Dau CA – Dang Thi Nham VA – Mai Viet Thuy Australia – Nguyen Tan Sy TX – Pham De OH – Vu Van Dinh CA – Lib: DWC Library IA – Huyen Ton Nu Lien Huong VA – Nguyen Huu Viet OK – Do Cam Vy CA – Nguyen Kim Hung CA – Thuan Hua MO – Nguyen Tuong Van MD – Nguyen Cao Hoang CA – Nguyen Ngoc Thuy CA – Nguyen Giao OK – Nguyen Van Huong PA – Le Cong Giao CA – Diep Luu OH – Truong Ngoc Tich TX – Do Van Khanh CA – Vo Viet Quy MD – Nguyen Duc Tam IL – Nguyen Huu Dien AL – Tuong Nang Tien CA – Vu Loc CA – Nguyen Van San CA – Nguyen Thi Ty France – Le Van Tu WI – Nguyen Tuong Viet VA – Nguyen Xuan Ngat IL – Ton Anh Van MA – Nguyen Lam OH - Hoang Tuy An CA - Nguyen Van Kim PARIS – Phan Van Quang – VA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Nguyen Minh Thanh TX – Phan Van Thuong CA – Vo Cung NC – Pham Phuong Minh GA – Sushi Bar Germany – Dr Văn Thuy Ewynn CA – Dinh Vien TX – Le Xuan Chinh VA – Nguyen Xuan Can GA – Pham Bang Ho OR – Dang Van Phuong OH .

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Le Dinh Khoi CA – Nguyen Hung Vu CA – Tran Ai CA – Dinh Xuan Quan CA – Susan Lam VA – Dinh Xuan Quan CA – Duong Thieu Hung MD – Nguyen Tuong Thach TX – Le Cong Giao CA – Diep Luu OH .

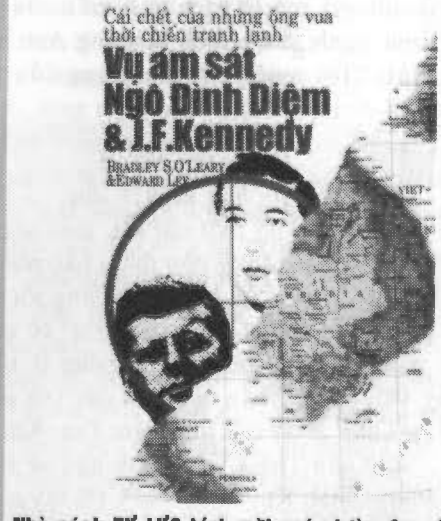

Nhà sách TỰ LỰC kính mời quý vị tìm đọc: Cái chết của những ông Vua thời chiến tranh lạnh - Vụ ám sát Ngô Đình Diệm & J.F. Kennedy

Tự Lực: (714) 531 - 5290

www.tuluc.com

NGÔ NHÂN DỤNG

Bác sĩ Mahathir Mohamad

từ giã chính trường

Ngày 31 tháng Mười, Bác sĩ Mahathir Mohamad từ chức thủ tướng Malaysia và từ giã luôn cuộc đời chính trị. Ông đã đưa Mã Lai Á tiến tới một đất nước phồn thịnh và một xã hội an hòa sau 22 năm cầm quyền, thay đổi một quốc gia tân lập với nhiều tiểu quốc, nhiều chế độ, và xã hội nhiều xung đột căng thẳng chủng tộc và kinh tế. Dân Mã Lai chắc sẽ nhớ ơn ông. Một tuần lễ trước khi từ chức, ông được hội nghị thượng đỉnh 57 nước Hồi Giáo đứng dậy vỗ tay sau bài diễn văn từ giã, như một thông điệp sau cùng trước khi về hưu. Nhưng đối với nhiều nước Tây phương thì ông Mahathir là một nhà lãnh đạo không dễ thương chút nào cả; ông thường lên tiếng đả kích các chính phủ Mỹ, Israel, và đặc biệt là đổ nhiều tội cho người Do Thái ở khắp thế giới.

Ông Mahathir và người Do Thái

Điều làm nhiều người nổi giận đối với ông Mahathir là một câu ông nói ràng, "Ngày nay người Do Thái đang điều khiển thế giới bàng bàn tay người khác. Họ biết dùng người khác đi đánh nhau và chết thay cho họ."

Lý thuyết "người Do Thái điều khiển thế giới" đã xuất hiện từ thế kỷ 19, bên Âu châu, và được truyền bá cả ở Mỹ trong đầu thế kỷ này. Một cuốn sách đang bán chạy nhất ở Mã Lai Á là cuốn *The International Jew* (Người Do Thái quốc tế) bài Do Thái, được xuất bản ở Mỹ 80 năm trước đây, do Henry Ford, chủ tịch công ty xe hơi Ford ấn hành và phổ biến. Trên bìa cuốn sách in lại ở Mã Lai Á là hình ngôi sao David sáu cánh đè trên tượng Thần Tự do ở New York. Lý thuyết "người Do Thái đang điều khiển thế giới" được các chế độ phát xít, quốc xã và cộng sản dùng để tấn công dân Do Thái ở các xứ họ, cũng như các nhóm bảo thủ cực đoan bài Do Thái ở Âu châu và Mỹ.

Nhưng đó là một lý thuyết kỳ thị chủng tộc không thể chấp nhận trong một xã hội văn minh. Nhiều người Do Thái làm ăn giỏi, giầu có, cũng như nhiều người Trung Hoa ở các nước Đông Nam Á. Nhiều người Do Thái giữ các địa vị quan trọng, rất đông đảo trong giới văn nghệ, điện ảnh, truyền thông, khi họ hội nhập vào các xã hội Âu châu và Mỹ châu. Nhưng nói ràng có một âm mưu của người Do Thái để thống trị thế giới thì người bình tĩnh khách quan không thể tin được. Cũng giống như khi nói cộng đồng người Hoa cấu kết nắm đầu các nước Đông Nam Á là điều khó tin. Các chính phủ Ý, Đức, Úc, Canada đều lên tiếng phản đối lời tuyên bố của ông Mahathir.

Phản ứng của Tổng thống Bush có chừng mực hơn, vì vẫn coi ông Mahathir là một đồng minh trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Tháng Năm năm ngoái, ông Mahathir được ông Bush đón tiếp long trọng ở Tòa Bạch ốc, và được ca ngợi là góp công rất nhiều trong việc điều tra và bắt giữ các nhóm khủng bố ở Đông Nam Á. Tổng thống Bush không lên tiếng gì sau lời tuyên bố của ông Mahathir tại Hội nghị Hồi Giáo. sau đó ông Bush vẫn gặp ông Mahathir để nghe ông giải thích ràng những câu ông nói về người Do Thái đã bị trích dẫn lẻ loi ngoài toàn bộ bài diễn văn. Sau đó, ông

Bush cho tùy viên báo chí của ông ra nói với các nhà báo ràng ông đã thẳng thắn bầy tỏ bất đồng ý kiến với ông Mahathir về câu nói đối với người Do Thái. Ngoại trưởng Mã Lai Hamid Albar đã giải thích với Ngoại trưởng Mỹ Colin L. Powell ràng bài diễn văn của ông Mahathir thực ra nhắm công kích các quốc gia Hồi Giáo và tín đồ đạo Islam hơn là chống người Do Thái!

Ông Mahathir và người Hồi Giáo

Và khi đọc nguyên bài diễn văn của ông Mahathir trước 57 nhà lãnh đạo các quốc gia Hồi Giáo thì chúng ta thấy đúng như vậy. Ông nhắm đánh thức các dân tộc theo đạo Islam hơn là chỉ trích người Do Thái, mà ông chỉ nhắc đến trong mấy câu.

Ông Mahathir đã thẳng thắn chỉ trích các giáo sĩ Hồi Giáo cực đoan. Ông cho là 1 tỷ 300 triệu người Hồi Giáo suy yếu chính vì các giáo sĩ này, "Vì chúng ta không chịu học khoa học và toán học" dưới ảnh hưởng của các giáo sĩ cổ hủ chỉ tôn sùng các giáo điều cũ. Kết quả là "Ngày nay, cả khối Hồi Giáo chúng ta bị khinh khi, bị làm mất danh dự. Tôn giáo của chúng ta bị coi thường, đất thánh của chúng ta bị xúc phạm (ám chỉ quân Mỹ đóng ở Á rập Sau đi). Xứ sở của chúng ta bị chiếm đóng (ám chỉ xứ Palestine, Afghanistan và Iraq.) Dân chúng của chúng ta chết đói và bị giết..."

Ông phê bình thái độ của người Hồi Giáo: "Phản ứng duy nhất của chúng ta là tăng thêm cơn giận dữ. Người đang giận dữ thì không thể suy nghĩ chín chắn. Vì vậy nhiều người trong chúng ta hành động phi lý. Họ tấn công, giết bao nhiêu người kể cả người Hồi Giáo cho nguôi cơn giận dữ..."

Mô tả cảnh tuyệt vọng của 1.3 tỷ người Hồi Giáo trên thế giới, ông nói, "Trong các quốc gia và dân tộc Hồi Giáo có một nỗi tuyệt vọng ... Nhưng có phải là chúng ta hoàn toàn bất lực không làm gì được hay không? Có phải một khối 1.3 tỷ người không thể làm gì để thoát khỏi cảnh nhục nhã và và áp bức do một kẻ thù nhỏ bé hơn gây ra hay không? Có cách nào khác ngoài cách kêu gọi những thanh niên của chúng ta (ôm bom) tự sát và giết người để mời (bên địch trả đũa) tàn sát thêm nhiều người của chúng ta hay không?" Câu này phù hợp với thái độ mà ông Mahathir đã bầy tỏ là phản đối những cuộc ôm bom tự sát để giết người Do Thái ở Palestine. Tiếp theo, ông Mahathir nhắc nhở các người đồng đạo: "Thực ra chúng ta biết chúng ta rất mạnh; 1 tỷ 300 triệu người không thể bị xóa bỏ đi được." Tiếp theo ông mới nói, như nêu một tấm gương, "Những người ở Âu châu đã giết 6 triệu trong số 12 triệu người Do Thái. Nhưng ngày nay người Do Thái đang điều khiển thế giới bằng bàn tay người khác. Họ biết dùng người khác đi đánh nhau và chết thay cho họ."

Ông Mahathir nói tiếp, "Chúng ta biết không phải tất cả những người không Hồi Giáo đều chống chúng ta ... Ngay trong số người Do Thái, cũng có nhiều người không chấp nhận chính sách của chính phủ Israel ... Chúng ta không nên làm tất cả mọi người ghét chúng ta. Chúng ta cần chinh phục khối óc và con tim của họ ... Chúng ta phải lôi kéo họ về phía mình, không phải bằng cách van xin họ giúp đỡ, nhưng bằng cách tự tranh đấu cứu lấy mình trong danh dự. Chúng ta không được làm cho kẻ địch mạnh hơn bằng cách đẩy tất cả mọi người về phía chúng qua những hành động vô trách nhiệm và phản Hồi Giáo." Một lần nữa, ông lại ám chỉ các vụ khủng bố có tính cách cực đoan.

Ông nói thêm về tấm gương trong lịch sử người Do Thái với những lời lẽ thán phục: "Chúng ta đang đối đầu với một dân tộc biết suy nghĩ. Họ tồn tại được sau 2000 năm với những cuộc tàn sát người Do Thái (pogrom) không phải bằng cách đánh lại mà còn bằng suy nghĩ. Họ đã sáng chế ra những chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, nhân quyền và chế độ dân chủ khiến cho (ai cũng thấy) việc áp chế họ là sai, nhờ thế họ có thể sống bình đẳng với những người khác. Nhờ thế ngày nay họ có thể nắm quyền được ở nhiều quốc gia và họ,

Tòa nhà đôi, cao nhất thế giới ở thủ đô của Malaisia

một nhóm người ít ỏi, đã trở thành một lực lượng mạnh trên thế giới ..." Ông Mahathir chỉ trích người Do Thái bây giờ đã trở thành hung hăng, mà "người hung hăng cũng giống như người giận dữ, sẽ quên suy nghĩ và phạm lỗi lầm." Ông coi đó là một cơ hội cho người Hồi Giáo.

Chúng ta không ngạc nhiên khi lãnh tụ các quốc gia Hồi Giáo đã dứng dậy vỗ tay hoan hô sau bài diễn văn của ông Mahathir; trong đó có những người do chính phủ Mỹ dựng lên như ông Karzai, tổng thống Afghanistan, hoạc đại diện phái đoàn chính phủ lâm thời Iraq. Trong thế giới Hồi Giáo hiện nay ít có một nhà lãnh đạo chính trị nào có lối nhìn xa như ông Mahathir. Ông cổ động cho việc phát triển giáo dục, nhất là khoa học và kỹ thuật. Ông không ngần ngại chỉ trích các giáo sĩ cực đoan, "những người giải thích Hồi Giáo mà đi dậy mọi người ràng khi người Hồi Giáo trau dồi kiến thức thì chỉ cần học kinh thánh là đủ. ... (Vì họ mà) việc học hỏi các kiến thức y học, khoa học vân vân, không được khuyến khích. Đứng về mạt tri thức, người Hồi Giáo đang thoái hóa..."

Chúng ta biết ràng vào những thế kỷ 11 đến 17, thế giới Hồi Giáo tiến bộ rất nhiều, vượt trên Âu châu về các môn toán, khoa học, y học, xã hội học, địa dư, hàng hải, vân vân. Từ thời đế quốc Ottoman, đạt trung tâm ở Thổ Nhĩ Kỳ, nền văn minh Hồi Giáo đã không tiến lên được, và ngày nay các chế độ hủ lậu và khuynh hướng cực đoan trong tôn giáo có thể còn kìm hãm sự phát triển của Hồi Giáo thêm nữa.

Mahathir và nước Mã Lai Á

Ông Mahathir vốn là một bác sĩ đổi nghề đi làm chính trị. Ông đã thành công trong việc canh tân xứ sở nhưng thường bị các nước Tây phương chỉ trích vì chế độ của ông không theo đúng các tiêu chuẩn tự do, nhân quyền theo quan niệm phương Tây. Ông lại thường hay lên tiếng chống các chính sách tây phương, chứ không im lạng.

Ông Mahathir

Thái độ của ông Mahathir thành hình qua kinh nghiệm cai trị xứ Mã Lai Á. Khi lên cầm quyền, ông đứng trước một quốc gia trong đó thiểu số người Hoa (32%) và người Ấn Độ (9%) nám trong tay cả guồng máy kinh tế, như ở phần lớn các nước Đông Nam Á khác. Đa số người gốc Mã Lai theo đạo Islam thì nghèo khó. Chính phủ Mahathir không tìm cách trục xuất các người thiểu số nhưng chỉ đưa ra một chính sách ưu đãi người Mã Lai, nhàm khuyến khích người Mã lai nâng cao trình độ học vấn, tham gia vào chính quyền và việc kinh doanh, thương mại. Những nhóm quá khích về chủng tộc và tôn giáo không còn lôi kéo được nhiều người, những cuộc biểu tình, bạo động đã chấm dứt. Ông Mahahtir đã thu hút tiền bạc của người Hoa, người Ấn và lá phiếu của người Mã Lai để củng cố đảng chính trị của ông. Kinh nghiệm của ông, ông muốn chia sẻ với các nước Hồi Giáo khác: Hãy tự lực, tự cường, nâng cao giáo dục và phát triển kinh tế. Nhưng đồng thời ông cũng muốn các cường quốc trên thế giới phải chấp nhận phải giúp đỡ các dân tộc tiến chậm hơn, để nâng họ lên.

Sau những năm ông cầm quyền, lợi tức bình quân của dân Mã Lai Á đã tăng gấp ba lần, lên tới 4,000 mỹ kim một năm, đứng hàng thứ năm ở châu Á. Số người được coi là "nghèo" đã giảm từ 35% xuống 5%.

Khi xẩy ra cuộc khủng hoảng tiền tệ Á châu năm 1997-98, Mã Lai Á bị các nhà đầu cơ tiền tệ quốc tế rút tiền ra, rất nguy kịch. Chính phủ Mỹ cũng như Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã khuyến cáo các nước trong vùng một chính sách khác khổ và vẫn mở cửa thị trường để đối phó với cơn khủng hoảng. Nhưng ông Mahathir làm ngược lại nhiều lời khuyên của IMF. Ông ra lệnh kiểm soát tiền vốn ra vào và cho chi tiêu nhiều hơn. Cuối cùng, chính sách của ông đã thành công, Mã Lai Á phục hồi sớm hơn các nước khủng hoảng khác; sau đó chính phủ lại cho tiền vốn lưu thông tự do hơn.

Nhưng trong thời gian này, ông Mahathir

cũng làm cho các nước Âu Mỹ bực mình. Thứ nhất, ông đã kích các nhà tư bản đã rút tiền ra khỏi các nước Đông Nam Á nhanh chóng thúc cho cuộc khủng hoảng tăng nhanh và mạnh hơn. Ông cũng nói đến thế lực của những người Do Thái trong giới tài chánh quốc tế. Trong khi ông Mahathir chống lại các áp lực của Quỹ Tiền tệ Quốc tế thì Phó thủ tướng của ông, Anwar Ibrahim lại ủng hộ các chính sách đó. Sự rạn nứt khiến cho ông Anwar mất vai trò người thừa kế ông Mahathir, bị bắt và đưa ra tòa về tội yêu người đồng tính. Biến cố này khiến các nước Tây phương càng mô tả ông thủ tướng mã Lai Á như một nhà độc tài bất chấp nhân quyền.

Nhưng ông Mahathir không chấp nhận trong nội bộ đảng ông lại chia rẽ, có thể bị tách làm đôi vì ông Anwar. Chính ông Mahathir đang bị đe dọa bởi sự bành trướng của một đảng mang mầu sắc tôn giáo và họ đang thu hút những người gốc Mã Lai theo Hồi Giáo. Nếu đảng đó lên thì không những xứ Mã Lai Á có thể sẽ lại chia rẽ về chủng tộc và tôn giáo, mà chính sách thủ cựu còn có thể đẩy lùi cả nước về phương diện kinh tế nữa.

Để bảo vệ lá phiếu của những cử tri gốc Mã Lai, ông Mahathir đã nhiều lần đứng về phía khối tín đồ Hồi Giáo quốc tế. Tuy cộng tác với chính phủ Mỹ trong chiến dịch chống các nhóm Hồi Giáo quá khích ở Đông Nam Á, ông Mahathir vẫn lên án Mỹ sử dụng chiến dịch này để tấn công khối Hồi Giáo thế giới. Và ông không ngừng chỉ trích chính phủ Israel trong vụ Palestine. Cuối tháng vừa qua, ông Mahathir còn đổ dầu vào lửa khi nói rằng các chính phủ Mỹ và Israel đang đóng vai trò "quốc gia khủng bố" đối với người Hồi Giáo (ở Palestine, Iraq và Afghanistan.)

Tương lai

Tuy tuyên bố từ giã đời sống chính trị, nhưng ông Mahathir mới ngoài 70 tuổi, và trong tương lai ông vẫn còn đóng một vai trò quan trọng, khi ông Abdullah Badawi lên làm thủ tướng. Trên diễn đàn quốc tế, ông sẽ đóng vai một chính khách lão thành, trong thế giới thứ ba và nhất là thế giới Hồi Giáo. Nếu tổ chức Hội nghị Hồi Giáo biến chuyển, đạt ra một định chế chạt chẽ hơn, như một chức Tổng thư ký, thì chắc ông Mahathir có thể là một ứng viên sáng giá. Tuy nhiên, cá tính và cách ứng sử của ông có thể khiến cho thông điệp của ông không có hiệu quả.

Những lời nói bài Do Thái của ông Mahathir sẽ khiến cho bài diễn văn của ông không đạt được mục đích mà chính ông mong muốn, khi khích động người Hồi Giáo trên thế giới phải đi đúng đường tự lực tự cường. Trong lúc ông tìm cách thuyết phục các dân tộc Hồi Giáo phải tự giải quyết các vấn đề của mình, bác bỏ các luận điệu hủ lậu của các giáo sĩ cực đoan, trong lúc ông kêu gọi họ hãy học hỏi và suy nghĩ để tiến kịp người Do Thái trên thế giới, thì những lời nói đầy giận dữ của ông nhắm vào người Do Thái có thể mang tác dụng ngược lại! Những câu bài Do Thái của ông sẽ khiến nhiều người Hồi Giáo giữ một thói quen cũ, là không tự xét mình mà chỉ đổ tội cho người ngoài, đứng đầu là người Do Thái và chính phủ Mỹ.

Thực ra, vấn đề trầm trọng của các quốc gia đa số theo đạo Islam là các chính phủ hủ lậu, tham nhũng và tàn bạo đang cai trị. Ông Saddam Hussein đã tàn sát dân Iraq. Ông Suharto ở Indonesia hay các tướng lãnh khác ở Pakistan đã nuôi dưỡng những chế độ tham nhũng và bảo thủ. Ai Cập vẫn sống dưới một chế độ dân chủ giả hiệu. Chế độ thần quyền ở Iran đã cản trở dân chúng không cho tiến bộ về kinh tế, xã hội. Chính phủ Mahathir ở Mã Lai Á dưới thời ông Mahathir là một trường hợp thành công hiếm hoi. Các dân tộc Hồi Giáo trên thế giới nên bắt chước những gì chính phủ Mahathir đã làm ở Mã Lai Á, mà không để bị khích động vì những lời lẽ bài Do Thái trong cơn giận dữ của ông. Vì đúng như ông nói, người chỉ nuôi hờn oán trong lòng thì không thể suy nghĩ sáng suốt được. ●

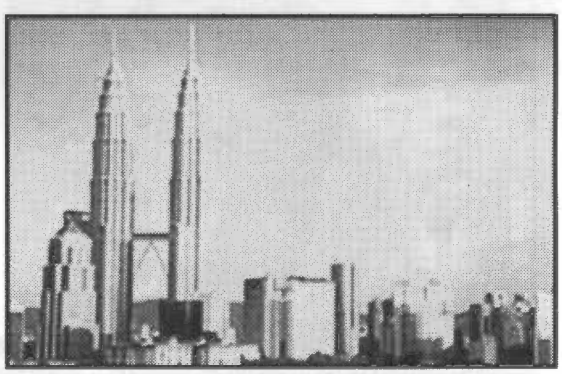

Tòa nhà đôi, cao nhất thế giới ở thủ đô của Malaisia

Bốn Mươi Năm

Bài diễn văn không đọc trong ngày tưởng niệm Mùa Pháp nạn ở California

TRẦN NGỌC NINH

Trong một khoảng thời gian dài năm, từ 1945 đến 1975, đất nước Việt Nam đã là một địa vực của một tấn bi kịch kinh hoàng trong đó các siêu cường của thế giới trao binh khí cho các tay sai để động viên người trong nước tàn phá giết chóc nhau vì những ý thức hệ và quyền lợi xa vời với những nhu cầu và ước vọng đích thực của người dân Việt Nam.

Trong dọc tấn kich bi thảm ấy, chỗ này, chỗ nọ, lại có những màn dữ dội khủng khiếp dị thường, như núi lửa phun, như cháy kinh đô và cung điện, làm siêu đổ trong khoảnh khắc, cả một chế độ hay một triều chính mà trước đó, không mấy ai dám ngờ là định mệnh đã đánh dấu để cho phải mai một.

Một trong những tai biến lớn ấy là vào năm 1963, ở Miền Nam Việt Nam, khi ấy đang có tên Nước Cộng Hòa Việt Nam. Phật tử thường gọi những ngay tháng đau thương ấy là "Mùa Pháp Nạn." Mùa Pháp nạn lại lôi cuốn theo sự đổ vỡ tan hoang của chính quyền và chế độ Cộng Hòa đã có một phần trách nhiệm không nhỏ trong nguyên nhân và diễn tiến của Pháp nạn ấy. Những sự kiện lịch sử trong những ngày bi thương đó đã mở đầu một sự suy sụp không thể nào kìm giữ được của thời thế, với những đau khổ không cùng mà quốc dân Việt nam đang phải gánh chịu.

Bốn mươi năm đã qua từ những buổi tang thương ấy. Cuộc chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên Sô đã tạm thời đóng băng.

Một cuộc thế chiến nữa lại đã chớm lên với một nguyên do khác trong đó tôn giáo có thể sẽ phải trút bỏ những ước vọng hóa đạo bác ái hòa bình cố hữu để dấn mình vào những vấn đề vật chất của đời sống như sự phú cường, quyền lực, tình dục, văn minh, khoa học ... và sự tàn sát chúng sinh không phân biệt.

Không quá sớm cũng chưa muộn để chúng ta nhìn trở lại một lúc quá khứ còn đè nạng trong đầu óc và cuộc sống ngày nay của ta. Tôi xin nhắc lại những chuyện chưa cũ ấy theo sự biết của một chứng nhân, bổ túc bởi những sử liệu đã được giải mật.

Pháp nạn không bắt đầu ngày 8 tháng 5 năm 1963 trong ngày lễ Đản Sinh của Đức Phật ơ Huế, mà trước nhiều. Không muốn lên đến đầu đến đũa là ngày Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn Độc Lập của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rồi âm thầm diệt tất cả các tôn giáo và tín ngưỡng mà Karl Marx gọi chung là "thuốc phiện của quần chúng", tôi chỉ nói đến sự kỳ thì tôn giáo mà Phật giáo và Phật giáo đồ đã phải chịu ở Miền Nam Việt Nam, sau khi đất nước bị chia đôi bởi Hiệp định Geneva 20 tháng Bảy 1954.

Hiệp định Geneva chỉ là một thỏa ước hưu chiến để nước Pháp bại trận rút lui ra khỏi chiến trường mà không mất mạt, và cho phép hai khuynh hướng chính trị Việt Nam chia thành hai Miền đại khái tương đương có tổ chức chính trị, và quân đội để vào một cuộc đấu tranh khác, định là hai năm sau, và hi vọng có thể là một tổng tuyển cử mà không ai tin là có thể tổ chức

được.

Ở nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Đạo Luật Cải Cách Ruộng Đất (tháng 12 năm 1953) được thi hành thành một cuộc *đấu tranh giai cấp* ở nông thôn, với những cán bộ "tam cùng" vào trong từng làng, lăng nhục, hành hạ, đánh chết và bát đi khổ sai cả trăm ngàn người bị tố là "địa chủ" để tiêu diệt giai cấp Kulak Việt Nam. Phong trào tố khởi chấm dứt tháng Tám năm 1956, sau đó thì nhân dân miền Bắc phải chịu nép một bề.

Ở miền Nam, đương nhiên thành một nước với một chế độ khác, Quốc trưởng Bảo Đại tiếp ông Ngô Đình Diệm ở Cannes, Pháp, và phong ông làm Thủ tướng chính phủ. *Vấn đề chính yếu là phải lập Miền Nam thành một quốc gia độc lập* có một nội chính vững vàng, những liên hệ ngoại giao tốt đẹp, một quân đội đủ hùng mạnh để giữ nước và một sự ủng hộ tin được của số đông nhân dân, kể cả các nhóm người thiểu số.

Quốc trưởng Bảo Đại là người hợp pháp nhưng thiếu khả năng lãnh đạo và cũng không được nhân dân kính trọng lắm, nhất là ở miền Nam.

Ông Ngô Đình Diệm là một vị đại thần cương nghị, bảo thủ. Người ta có thể bất đồng ý kiến với ông và chê trách tính quan liêu cố chấp của ông, nhưng không thể nghi ngờ lòng ái quốc của ông, mà ông đã đạt ngay dưới lòng tin đạo. Ông chống Pháp khi còn làm quan trong triều, ông chống Cộng từ lúc Việt Minh vừa cướp chính quyền ở Hà Nội và giết cả gia đình anh ruột ông ở Huế, nhưng ông không phải là một nhà cách mệnh tuy có một thời ông tin tưởng ở Hoàng thân Cường Để. Học vấn của ông đạt trọng tâm vào Thánh Kinh Công giáo, Tứ Thư Ngũ Kinh của Nho gia, và Lịch sử chính truyền của Việt Nam. Mạc dầu vậy, trong các nhà chính trị Việt Nam thời ấy, ông cũng có thể nói là người có biết thế giới bên ngoài, qua những nước ông đã đến ở, Malasia, Singapore, Tokyo, Pháp, Bỉ và Hoa Kì. Ở Hoa Kì, ông đã giao thiệp với những nhân vật quan trọng như Thượng nghị sĩ John F. Kennedy (sau này là Tổng thống Mĩ 1960-1963), W.O. Douglas của Tối cao Pháp viện, và nhất là Hồng Y Giáo Chủ Spellman và một nhân vật có một uy quyền rất lớn ở Đông Nam Á châu là Trung Tướng E.G. Lansdale.

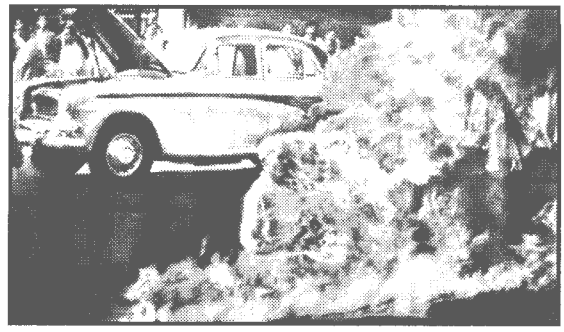

Ngày 11 tháng Sáu, 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức châm ngọn lửa Bồ tát tự thiêu

Ong Ngô Đình Diệm còn được một lợi thế nữa, là một số lớn trí thức chống Cộng sản và không Cộng sản, hiểu ràng đây là cuộc chiến cuối cùng, đã gạt bỏ mọi tị hiềm với một người xuất thân từ giới quan lại và qui tụ bên ông Ngô Đình Diệm, với ý muốn xây dựng một nước Việt Nam phồn thịnh, tiến bộ, tự do, khả dĩ đối đầu được với Miền Bắc của Hồ Chí Minh, đang lẫy lừng với chiến thắng Điện Biên và được sự tán thưởng không những chỉ của các nước Cộng sản mà cả của Thế giới thứ Ba đang lên.

Miền Nam năm 1954 là một mớ hỗn độn vô luật pháp, vô chính phủ

Trong chức vụ Thủ tướng Chính phủ mới, ông Ngô Đình Diệm bị lung lay dữ dội trong những tuần đầu tiên bởi cuộc nổi loạn của một số lãnh tụ địa phương, thuộc các giáo phái có quân đội riêng, đã chống Pháp và chống cộng suốt từ 1954 đến 1955 và không chấp nhận sự lãnh đạo của ông Diệm. Cuộc chiến dữ dội nhất là với nhóm Bình Xuyên, mà người cầm đầu là Bảy Viễn với một hệ thống đĩ điếm, hút sách và cờ gian bạc lận ở giữa châu thành Chợ Lớn, Sài Gòn, có quân đội Pháp nâng đỡ trong bí mật. Với sự giúp đỡ của thế lực Mĩ, ông Diệm dẹp được cuộc nổi loạn này tuy không hẳn là chiến thắng.

Một bài học thứ hai là sự lép vế và thất bại của Chính phủ Miền Nam ở Hội nghị các Nước Nhược Tiểu tại Bandung, trong đó Chu Ân Lai, Nehru và Phạm Văn Đồng là những trụ cột lớn. Trên khắp thế giới người ta tiên đoán sự chết yểu của miền Nam Việt Nam.

Các Tổng trưởng và Bộ trưởng của ông Diệm cũng lần lượt từ chức, chỉ còn vài người

ở lại. Chính phủ lung lay, tưởng như chỉ quạt một cái thì đổ và tan tác như đống tro vàng mã trước gió. Nhưng Thủ tướng Ngô Đình Diệm vẫn cương quyết ngồi lại với một ngân sách gần như rỗng không, một quân đội quốc gia sơ sác và những mầm loạn còn y nguyên như cũ, không kể những đảng viên và cán bộ mà Cộng sản không cho tập kết ra Bắc và gài chìm vào các làng, các quận và các cơ quan; lại thêm vấn đề di cư và những dân tị nạn trốn tránh sự bị bát phải tập kết làm cho xã hội khắp nơi có những giao động mạnh, sối nổi và âm ỉ.

Vì những đụng chạm với Quốc trưởng Bảo Đại, vẫn ở Pháp và vẫn trung thành với chính trị thực dân của Pháp, lại còn liên hệ tài chánh với bọn Bình Xuyên, ông Ngô Đình Diệm tổ chức một cuộc Trưng Cầu Dân Ý để loại bỏ Bảo Đại ra khỏi chính trường và tự mình đảm nhiệm chức Tổng thống. Một Quốc Hội cũng được bầu ra. Tất cả dĩ nhiên là có gian dối và chỉ là hình thức, nhưng những việc ấy đã cho ông Diệm ngay lập tức cái thế để thảo luận với Pháp về những liên hệ chính trị, ngoại giao, kinh tế văn hóa ngang hàng với Đế quốc cũ, đồng thời cho ông được đối đầu ngang với ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Với sự giúp đỡ lớn lao của Hoa Kì để cấp tốc xây dựng Miền Nam thành một nước, nền Đệ Nhất Cộng Hòa đã thành hình và có cơ sống được, tuy ở vào một vị trí với một nhiệm vụ cực kỳ gian nan, của một thế giới đang rung chuyển vì cuộc Chiến tranh lạnh giữa Hoa Kì và khối Liên Sô- Trung Quốc.

Ông Ngô Đình Diệm *không phải là không có công*. Làn sóng đỏ bị chạn lại trong chín năm ở bờ Bến Hải là một sự kiện kỳ diệu trong lịch sử.

Nhưng ông Ngô Đình Diệm *cũng đã phạm những lỗi lầm lớn* trong sự lãnh đạo và kiến thiết đất nước, mà sự tích lũy đã dẫn đến sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, báo hiệu cho sự tan rã của những ước vọng Dân Chủ, Tự Do của nhân dân Việt Nam.

Trong ngày hôm nay, tôi không thể trình bày và phân tích hết những sai lầm của người lãnh đạo Đệ Nhất Cộng Hòa, và chỉ có thể, trong mấy phút còn lại nói về những điểm chính yếu đã làm cho cả một tòa chính quyền nguy nga, xây dựng trên sự nỗ lực của một thế hệ yêu nước, bị phá vỡ chỉ trong vài ngày.

Tình thế 1954, trước viễn vọng của một Tổng tuyển cử hay một cuộc chiến dứt điểm giữa *Cộng sản*, có Liên Sô và Trung quốc yểm trợ, và *Quốc gia,* lần đầu tiên được thực có chính quyền, với sự nâng đỡ dè dạt, thận trọng của Hoa Kì (tình thế 1954) đòi hỏi *một sự đoàn kết vững vàng* trên tất cả mọi mạt, ý hệ, xã hội, kinh tế, chính trị để tạo ra cho toàn dân một sự anh ninh thịnh vượng tương đối. Trước nhữung giết chóc , khủng bố, truy bức và thiếu thốn của miền Bắc, sự xây dựng đoàn kết ở miền Nam có thể là cái ưu điểm cho phép Quốc gia mới thành lập ở miền Nam đứng vững được.

Ông Ngô Đình Diệm trong chức vụ và nhiệm vụ Tổng thống đầu tiên của nước Việt Nam tự do, đã không thực hiện được sự Đại Đoàn Kết ấy.

a)Cuộc hành quân đánh dẹp Bình Xuyên và các lực lượng võ trang của các giáo phái có thể là bát buộc, không thể tránh được, nhất là với Bình Xuyên vì những lí do mà người dân không phản đối. Nhưng các mưu kế và chiến thuật mà chính phủ dùng để đạt được chiến tháng một phần nào làm cho dân chúng các địa phương, có một tâm lí anh hùng cá nhân, mất nhiều thiện cảm. Miền Lục tỉnh và Hậu Giang không hề lúc nào theo hẳn về với chính phủ Trung ương không phải không có cớ. Sự bất hợp tác với Trung ương quyền lực kéo dài cho tới giờ này, bất chấp sự độc tài bất bao dung của Đảng và nhà nước Cộng sản.

b)Về mạt chính trị, sự đoàn kết quốc gia không thể bỏ qua *vấn đề đảng phái*. Trước hết, tất cả các đảng bí mật thành lập trong thời Pháp thuộc đều có một mục đích là mưu đồ tranh đấu cho sự độc lập của Việt Nam, chỉ khác nhau về đường lối, từ sự mở mang dân trí cho đến võ trang khởi nghĩa, mà tất cả điều đó hợp lại mới có thể tạo ra một nước Việt Nam mới, đủ sức sống được trong thế giới văn minh. Mạt khác, một nước Cộng hòa có đời sống chính trị đa đảng, sẽ là một biểu tượng sáng ngời về Tự do và có một sức mạnh quyến rũ không thể cưỡng lại được đối với nhân dân và những nhà trí thức đối kháng còn sống sót trong nền độc tài Stalinít- Maoít ở Miền Bắc. Tổng thống Ngô

Đình Diệm, một nhà Nho học uyên thâm, lại đã có trong chính phủ đầu tiên của ông nhiều nhà trí thức du học ở Pháp và Mĩ, không kể hai người em ruột là ông Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Luyện, đã quên mất lời dạy của Đức Khổng Phu Tử ràng *Đại Đồng Tiểu Dị* và cũng không hiểu được ràng sức mạnh của dân chủ chính là ở sự tự do công khai, xem xét và thảo luận các vấn đề dưới mọi khía cạnh.Tôi không nói thêm. Sự thành lập Đảng Cần Lao Nhân Vị trên chính cương phóng tác từ tư tưởng của Triết gia công giáo Emmanuel Mounier song song với sự dựng lên một Nha Mật vụ Chính trị và một Lực lượng Đạc biệt theo mẫu hình của bọn S.S. của Hitler, **là một sự đứt đoạn với truyền thống chính trị Việt Nam, chỉ kém có Đảng Cộng sản mà thôi**. Cái chết của ông Nguyễn Tường Tam là một hành động phản kháng tối đa về chính trị của họ Ngô.

c)Óc địa phương của ông Ngô Đình Diệm lại làm cho người Việt Nam không sinh trưởng ở miền Trung, và đạc biệt ở tỉnh Thừa Thiên, thấy ràng bị thiệt thòi và bị tha hóa trong quyền lợi. Thực là lạ lùng là ở cuối Thế kỷ thứ Hai mươi, tuy nước Đại Việt đã lập quốc từ đầu Thế kỷ thứ Mười một với triều nhà Lý (1009-1229), mà từ Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến mũi Cà Mau, óc địa phương nhỏ hẹp vẫn chi phối tư tưởng của người Việt Nam đến thế: dầu là Cộng sản hay Quốc gia, tình xứ sở cũng ở trên tình Quốc dân. Ông Ngô Đình Diệm có một đạc nhỡn cho những người Thừa Thiên, không những trong sự lựa chọn những người thừa hành, mà cả trong việc gửi sinh viên đi du học (là một công việc đã được Phủ Tổng Thống lấy về quyền hành đạc biệt của Phủ).

d)Ông Ngô Đình Diệm là người *Công giáo đầu tiên* lên cầm đầu chính quyền, sau khi truất ngôi Vua, dứt bỏ một Nhà. Điều này dân Việt Nam, vốn đã bị khinh thường và áp bức bởi cả một trăm năm Pháp thuộc, cũng không tỏ thái độ vì biết ràng không có quyền lựa chọn trong tự do. Nhưng trong địa vị và với uy quyền của một Tổng thống trong một thời thế khủng hoảng và quyết định của Lịch sử, ông Ngô Đình Diệm lẽ ra phải tỏ một sự tôn trọng khôn khéo vàchính trị đối với một đại tôn giáo mà Quốc dân đã theo hơn hai ngàn năm nay, nhất là với một cuộc Tổng tuyển cử vẫn có thể bát buộc phải áp đạt bất kỳ lúc nào trong tương lai; ông đã theo các thiên kiến tôn giáo của ông và các bào huynh đệ của ông mà có một chính sách kì thị riêng đối với Phật giáo, tiến dần đến một sự đàn áp và mạ lị ngoài luật pháp. Chính phủ của ông lại đã đạc biết ưu đãi các cộng đồng di cư Thiên Chúa giáo Roma và thiên vị riêng những công chức và nhân viên đồng đạo của ông, đến nỗi ràng số người xin cải đạo vào Gia Tô giáo của ông tăng lên vùn vụt trong những năm ông làm Tổng thống. Các thống kê của Nhà Thờ không ghi lại vì lí do gì. Những sự bất công ấy không xứng đáng với một chính phủ mang danh là Cộng Hòa.

Định mệnh đã đánh xuống ngày 8 tháng 5,1963. Trong tuần ấy, ở Huế có hai ngày lễ đụng nhau. Đến trước, ngày 5/5, là ngày Ngân khánh của Tổng giám mục Ngô Đình Thục, cờ Vatican và cổng chào được dựng lên ở dọc sông Hương, từ khách sạn Morin đến đài Phát thanh Huế, chưa bao giờ long trọng huy hoàng như thế. Rồi đến ngày Phật đản, 8/5/63, dân chúng đã theo lệ thường treo cờ Phật giáo ở cửa nhà, ở chùa Diệu Đế, chùa Từ Đàm và bày hương án bái vọng từ ngày hôm trước. Bỗng có lệnh cấm treo cờ của "Thượng cấp" (sau này mới biết là từ Tổng giám mục), rồi dưới sự đòi hỏi của dân, lại được Tòa Tỉnh trưởng cho phép. Ngày hôm sau rước tượng Phật trong sự sôi nổi và uất ức của quần chúng lên chùa Từ Đàm để làm lễ. Buổi tối, mọi người tụ tập ở dưới Đài Phát Thanh để chờ nghe thuyết pháp theo chương trình đã định, thì không có phát thanh Phật giáo. Trái lại, lực lượng bảo an và cảnh sát do thiếu tá Đạng Sĩ chỉ huy kéo đến bao vây đám đông. Xe vòi rồng xịt nước để đuổi dân dự lễ, Thiếu tá chỉ huy bắn ba phát súng lên trời và một xe thiết giáp mang danh Ngô Đình Khôi tiến vào sân đài phát thanh. Một trái lựu đạn được ném ra không biết do ai, vào đám người tụ họp, xe thiết giáp xông vào chẹt người. Mọi người hoảng sợ, xô nhau chạy, tiếng kêu la thảm thiết. Tám hay chín người chết, chân tay, đầu óc văng tung tóe hay bị nghiền nát, không đếm được. Với sáu người bị thương vì mảnh lựu đạn Israel ở bờ sông Hương, chính phủ không bao giờ chứng minh được ràng có một bàn tay thứ ba đã gây nên tội ác.

Tin tức do Reuter và AFP truyền vào Sài Gòn và làm bùng lên một sự náo động chưa

từng thấy từ ngày quân Pháp đổ bộ lại. Các Thượng tọa ở Huế vào Sài Gòn, các chùa ở Sài Gòn đông nghịt người đến nghe tin tức mỗi tối đến khuya. Bản thông cáo chính thức của Tổng hội Phật giáo Việt Nam được công bố với năm thỉnh nguyện của Giáo hội. Một lễ cầu siêu được tổ chức và một Ủy Ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo được thành lập để lên gặp Tổng thống, điều trần về các nguyện vọng bình đẳng tôn giáo nhưng chỉ được trả lời rằng phải làm theo các luật lệ hành chánh. Tin tức khắp nơi về những hiện tượng linh thiêng kỳ diệu rồn rập đến qua lời đồn và cả những bản tin của Hãng Thông Tấn Việt Nam.

Ngày 11 tháng Sáu, 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức châm ngọn lửa Bồ tát tự thiêu. Tấm nhục hình thành than của Ngài, ngồi kiết già uy nghiêm trong ngọn lửa, đã được tác giả của nó truyền về Hoa Kì và từ đó ra khắp năm châu cho toàn nhân loại văn minh biết sự khổ đau của người con Phật ở Việt Nam.

Bất chấp những khuyến cáo của Chính phủ Hoa Kì, coi thường một Ủy Ban Điều Tra Liên Hiệp Quốc, Tổng thống Ngô Đình Diệm và em là Ngô Đình Nhu, trong ngông cuồng đi đến rồ rại, lập ra kế hoạch "Nước lũ" đàn áp Phật giáo đến cùng, bằng những lời lẽ, phương sách không những tồi tệ, thô bỉ mà còn trái luật pháp. Tôi chỉ kể lại ba việc:

1. Việc thuê mướn nhóm thầy cúng Lục Hòa Tăng (tức Cổ Sơn Môn) giả danh Phật giáo để bôi nhọ Phật giáo;

2. Lời tuyên bố của bà Ngô Đinh Nhu đi "tẩy não dân Mĩ" rằng sự tự thiêu vì Đạo pháp của cố Hòa Thượng Thích Quảng Đức là một vụ "nướng sống người" giống như người Mĩ làm món "chả nướng" barbacue;

3. Cuộc tấn công ban đêm vào chùa Xá Lợi và các chùa Ấn Quang, Giác Minh, Từ Nghiêm, Theravada ở Sài Gòn, Từ Đàm, Bảo Quốc, Diệu Đế ở Huế. Ở Sài Gòn, đánh phá, hành hung và bắt bớ ở chùa Xá Lợi là Cảnh sát Chiến đấu trá hình Quân đội (Tại sao không giả làm cướp mà trút tội cho lính?) dưới sự điều động trực tiếp của cấp chỉ huy. Tài liệu sử của Đại học Oxford viết rằng vào khoảng một ngàn vị sư nam nữ đã bị bắt trong đêm ấy.

Đây là giọt nước cuối cùng làm rào chén nước đã đầy đến miệng chén. Nhưng Phật giáo và Phật tử không còn dính dáng trực tiếp đến sự kiện lịch sử xảy ra nữa, khi nước đã trào ra lênh láng.

Trên khắp thế giới, báo chí lên án những hành động đàn áp Phật giáo của chính quyền gọi là tự do của Miền Nam Việt Nam.

Tại Roma tòa thánh phủ nhận những lời tuyên bố về Đạo củaTổng Giám Mục Ngô Đình Thục.

Ở Washington D.C. , J.F. Kennedy, Tổng thống Công giáo Roma đầu tiên của Hoa Kì và là người chịu lời ủy thác của Giáo chủ Spellman để hết sức ủng hộ và nâng đỡ giải pháp Ngô Đình Diệm đã đi đến quyết định là phải truất phế họ Ngô vì giữ lại chỉ có hại cho nước Mĩ, hại cho sự ứng cử lại chức Tổng thống Hoa Kì, và hại cho đảng Dân Chủ của ông.

Một giờ trưa ngày 01 tháng 11, 1963, quân đội được điều động bởi một Hội đồng Tướng lãnh vây và nã súng vào thành Cộng hòa và Dinh Gia Long.

Chín giờ sáng ngày 2-11-1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu bị bắt lên một xe thiết giáp M.113 và bị giết bằng dao găm và súng trong xe. Người đao phủ tay sai bị thanh toán sau đó, như người ám sát Tổng thống Kenedy mấy tuần sau.

Ở Huế, ông Ngô Đình Cẩn xin tị nạn ở Tòa Lãnh sự Hoa Kì, nhưng bị chuyển vào Sài Gòn và bị Tòa đại sứ trao lại cho Hội đồng Quân nhân, rồi bị kết án tử hình.

Ông Ngô Đình Thục bị gọi về Roma và bị cấm phòng trong Tòa Thánh. Ít lâu sau ông bị trục xuất ra ngoài Giáo hội.

Mùa Pháp nạn chấm dứt cũng như cái họa lớn cho gia đình ông Ngô Đình Diệm. Sau đó với sự liên minh thiếu thiện cảm, thiếu chân thành, thiếu quyết tâm của một siêu cường quốc, nước Việt Nam sơ sinh Miền Nam đã đi từ sự chia rẽ nội bộ trầm trọng đến sự bất tín nhiệm chính quyền , rồi bị xóa tên trên bản đồ Thế giới.

Nay thì Pháp nạn là chung cho tất cả các tôn giáo ở Việt Nam, và sự tự do tiến bộ chỉ còn là những bánh vẽ mà người ta treo trên tường cho nhìn mà không cho ăn. ●

Hoa Kỳ
một "đế quốc" bất đắc dĩ

NGUYỄN GIA TIẾN

Danh từ "đế quốc", với ý nghĩa xấu, thường để chỉ một cường quốc, vì quyền lợi ích kỷ, dùng sức mạnh áp đạt khắp nơi trên thế giới "luật chơi" của mình. Có thể là oan uổng, khi trước đây Cộng Sản gán ghép cho Mỹ danh từ này. Nhưng ngày nay, do sự oái oăm, mỉa mai, của Lịch sử, dù muốn dù không, có lẽ Hoa Kỳ sẽ phải đóng vai trò này.

Thực vậy, chỉ trong khoảng thời gian hơn một thập niên vừa qua, hai biến cố quan trọng đã xô đẩy Hoa Kỳ, tiến lên nám giữ vai trò của một "đế quốc", mà có lẽ "bản chất, tinh thần" của quốc gia Hoa Kỳ, cũng như của người dân Mỹ, chưa thực sự được sửa soạn để nám giữ vai trò này.

Biến cố thứ nhất là sự sụp đổ của khối Cộng Sản Liên Xô. Hoa Kỳ mạc nhiên trở thành siêu cường duy nhất. Và duy nhất là quốc gia có sức mạnh để ngăn ngừa, can thiệp, vào những cuộc thảm sát qui mô của nhân loại, đã và sẽ còn xảy ra trong tương lai, như tại Rwanda, Bosnia, Kosovo... hoặc những đe dọa, bất ổn, tại các địa phương xa xôi, như sự căng thẳng tại eo biển Đài Loan, sự hung hăng của Bắc Hàn... Nói khác đi, có lẽ không còn ai khác hơn ngoài Hoa Kỳ, sẽ phải nám giữ vai trò "sen đầm" quốc tế trong nhiều thập niên nữa.

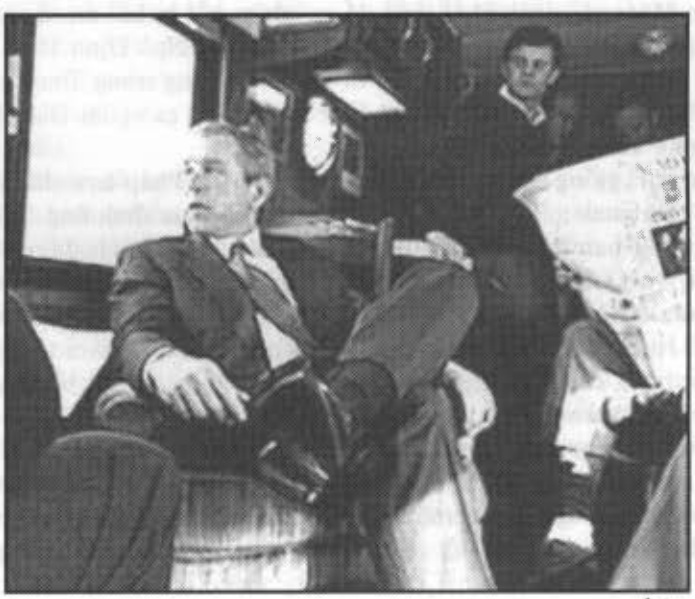

Tổng thống Bush Ảnh AP

Biến cố thứ hai là cuộc khủng bố 11 tháng 9, 200. Sau vụ 911, thế giới đã tỏ ra quá bất ổn, và Hoa Kỳ hiểu ràng ngay nền an ninh của bản thân mình cũng không thể được bảo đảm, nếu chỉ sống co cụm trong nước Mỹ, không cần biết đến những gì xảy ra bên ngoài. Do đó, mạc dầu bị chỉ trích là ngang ngạnh, các lý thuyết gia Mỹ đã khá có lý, khi chủ trương chính sách "tấn công phủ đầu" (pre-emptive attack) các mầm mống đe dọa bất cứ từ nơi nào trên thế giới. Thực vậy, với sự tiến bộ của các phương tiện ngày nay, thế giới đã trở nên quá nhỏ hẹp, khiến Hoa Kỳ không còn có thể tự cho phép "sự xa

xỉ" (le luxe!) là thái độ ung dung, thản nhiên, không phòng hờ trước những tai họa. Một cố vấn trong chính phủ Bush đã nói rằng nếu chờ đợi có bằng chứng rõ ràng của sự đe dọa, rồi mới phản ứng, thì đã quá muộn, khi các bằng chứng này xuất hiện là một cái "nấm nguyên tử"! Đây cũng là một biện minh cho hành động tấn công Iraq vừa qua, khi các "vũ khí tàn sát tập thể" (WMD) của Iraq mới chỉ là một nghi vấn ở thời điểm đó.

Tóm lại, trong bối cảnh một thế giới đầy hiểm nguy, bất trác, hiện nay, có lẽ Hoa Kỳ không còn sự chọn lựa nào khác, là sẽ phải tiếp tục hành xử như một "đế quốc."

Tình hình Iraq hiện nay là nơi thí nghiệm xem Hoa Kỳ có đủ khả năng nắm giữ vai trò này. Các nhà phân tích am hiểu, đã đánh giá vùng Trung Đông hiện nay có tầm quan trọng chiến lược đối với Hoa Kỳ, không thua gì Âu Châu đối với Mỹ sau Thế chiến II. Chỉ có một giải pháp là sự xáp xếp lại toàn bộ, một tiến trình "dân chủ hóa" toàn vùng, trường kỳ và rất tốn kém, mới bảo đảm được lâu dài nền an ninh và quyền lợi của Mỹ sau này. Các chiến lược gia đạt câu hỏi: Hoa Kỳ đã thực hiện được một chương trình Marshall cho Âu Châu sau Thế Chiến II, liệu Hoa Kỳ có đủ khả năng, đủ ý chí, dân chúng Hoa Kỳ có đủ ý thức, đủ kiên nhẫn, để hy sinh, thắt lưng buộc bụng, trong mục tiêu nhằm thực hiện một chương trình Marshall tương tự tại Trung Đông?

Các biến chuyển trong những ngày qua cho thấy hình như chính phủ Bush đã gặp nhiều khó khăn trong việc động viên nhân lực và phương tiện trong tiến trình xây dựng tại Iraq. Không phải Hoa Kỳ thiếu phương tiện, thiếu nhân lực, mà trở ngại là trong nội bộ Mỹ đã có sự thiếu ý chí, thiếu kiên nhẫn, thiếu đồng thuận, trong việc đem xử dụng các nguồn nhân lực và tiền bạc. Vì nhu cầu bầu cử trong năm tới, để hốt phiếu, rất có thể chính phủ Bush phải buộc lòng áp dụng những biện pháp mỵ dân, gây trở ngại cho tiến trình bình định tại Iraq và vùng Trung Đông, như giảm quân số, rút ngân khoản, kêu gọi Quốc tế tiếp tay... chứng tỏ sự lúng túng, yếu kém của mình, và làm đề tài cho sự chế diễu, đắc chí, của đám chính khách cơ hội chủ nghĩa bên Âu Châu.

Tất cả những sự khó khăn trên, nếu là một thể chế độc tài toàn trị, có lẽ đã được giải quyết dễ dàng. Nhưng nó đã trở thành nan giải, đối với một quốc gia có nền Dân Chủ Tự Do như Hoa Kỳ.

Trước hết là các cơ cấu, thể chế, hiến pháp, của nền Dân Chủ, với nhiệm kỳ vài năm, quá ngắn để duy trì, thực hiện những chương trình dài hạn. Nhân dân quen sống trong một xã hội cởi mở, không che giấu. Sự tự do tư tưởng, phát biểu chính kiến, cũng là những môi trường béo bở cho các chính khách hoạt đầu, mỵ dân, đầu độc dư luận. Thời chiến tranh Việt Nam đã có những Mc Govern, Ramsey Clark, Jane Fonda... sẵn sàng "đâm sau lưng các chiến sĩ.» Những đám thanh niên phản chiến Mỹ sẵn sàng đốt cờ Hoa Kỳ vô tội vạ. Ngày nay cũng không thiếu các hiện tượng như John Kerry, và đồng bọn trong giới truyền thông thiên tả, và Hollywood ... vì tư lợi ngắn hạn, có thể sẵn sàng thọc gậy bánh xe các tiến trình phục vụ lợi ích lâu dài của quốc gia Hoa Kỳ.

Sau nữa, sự quí trọng sinh mạng con người trong các thể chế Dân chủ, sự kém nhẫn nại, khi phải chịu đựng những hy sinh lâu dài, cũng là những nhược điểm. Các chiến lược gia Trung Cộng gần đây đã phân tích khá đúng, khi cho rằng mạc dầu yếu kém hơn về kỹ thuật, Trung Cộng không sợ một cuộc đụng độ quân sự với Mỹ trong tương lai. Họ lý luận rằng, cũng như trước đây trong chiến tranh Việt Nam, chiến lược của Trung Cộng sẽ là "cù nhầy," chỉ cần kéo dài thời gian, chỉ cần giết được thật nhiều GI, là Mỹ sẽ "co vòi," nản chí! Và về phía Trung Cộng thì sinh mạng lính không thành vấn đề, Trung Cộng rất trường vốn!

Để kết luận, khi nhận định bối cảnh thế giới hiện nay và trong vài thập niên tới, người ta thấy Hoa Kỳ khó có thể tránh khỏi vai trò bắt buộc của một "sen đầm quốc tế,» vai trò của một "đế quốc." Mạt khác, người ta tự hỏi, liệu bản chất và tâm tư người dân Mỹ, cùng các cơ cấu, tổ chức, xã hội, của quốc gia Hoa Kỳ, có đủ thích ứng, có được sửa soạn, để Hoa Kỳ nắm giữ được vai trò này, hay sẽ gặp nhiều khó khăn, thất bại?

Tất cả những điều này có lẽ còn tùy thuộc rất nhiều vào việc người dân Mỹ có đủ khả năng, trình độ, để ý thức được đâu là những quyền lợi thiết yếu, lâu dài, của họ. ●

Thụy Sĩ, tháng 9, 2003

Phỏng vấn GS Phạm Đỗ Chí

Bàn về các quả bong bóng đầu tư

Nhân Họp APEC Và Lúc "Cơn Sốt Vàng" Tạm Im:

LTS: Nhân "cơn sốt vàng" ở VN trong mấy tháng gần đây, hai tờ báo Thế Kỷ

Hỏi: *GS nghĩ gì về cơn sốt vàng vào mấy tháng vừa qua trên thế giới và nhất là ở VN?*

PDC: Giá vàng cũng như giá bất cứ món hàng nào khác căn bản là do cung cầu ấn định. Riêng vàng là "món hàng" đạc biệt đã luôn làm điên đầu mọi người và các chuyên viên tài chính vì thêm giá trị kim bản vị của vàng trong hệ thống tài chính quốc tế, vì là phương tiện tồn trữ của cải lâu đời, vì lòng tin vào nó lúc có xáo trộn chính trị hay kinh tế, nhất là ở Trung Đông và Á Châu (càng đúng hơn nữa cho dân chúng VN từ nhiều thế hệ), vì là "mồi ngon" và quen thuộc cho các tay đầu cơ và các người "có máu" muốn tham dự, v.v... Các yếu tố sau gây thêm các biến động bất thường theo cả hai chiều lên xuống cho giá cả, ngoài giá căn bản do luật cung cầu nói trên.

Hỏi: *Xin GS cho biết tóm lược các yếu tố cung cầu hay yếu tố "gây sốt" trong năm nay đã khiến giá vàng lên trên $380/ounce vào cuối tháng 9 trên thế giới và hiện trên 7 triệu Đồng VN/cây.*

PDC: Về phần cung, đã từ nhiều năm giá vàng xuống thấp dưới mức 300$, có lúc tới $250/ ounce, và đã khiến các hãng sản xuất đóng cửa nhiều hầm mỏ có mức vốn sản xuất bình quân là 320-350/ounce (tức trên giá bán thấp trước đây). Vì vậy mức cung tổng thể đã giảm bớt từ nhiều năm. Ngoài ra còn có yếu tố ít được biết hơn là các ngân hàng trung ương trên thế giới đồng ý hạn chế số vàng bán ra mỗi năm là 400 tấn một năm. Về phía cầu, nhu cầu về sản xuất nữ trang và công nghệ vẫn tăng đều, do đó trên căn bản đã có bội cầu và làm giá tăng. Nhưng thật sự giá chỉ tăng vọt vì các yếu tố "đột xuất" như các căng thẳng vì chiến tranh Iraq, cơn sụt giá của đồng đôla Mỹ trong mấy tháng qua. Riêng ở VN, giá vàng lúc trước thấp hơn giá vàng thế giới chút ít nay "bắt kịp lại" và nhảy vọt do một phần dân chúng bắt đầu tích trữ đầu tư hay do các bàn tay có "máu" đầu cơ.

Hỏi: *Giá vàng đang tạm im trong tháng 10 này để giảm dần đi xuống mức 300$/ounce hay sẽ tăng bộc phát trở lại vượt mức tâm lý quan trọng 400$/ounce?*

PDC: Tôi ước mong có cạp kính thần tiên tri để trả lời câu này cho cá nhân tôi và gia đình hay bạn hữu gần xa. Không ai có thể tiên đoán chính xác biến chuyển của giá vàng, nhất là cho tương lai xa. Tuy nhiên có thể xét qua vài yếu tố căn bản cung cầu cũng như các biến cố có thể ảnh hưởng đến giá vàng trong tương lai gần và xa, như vài gợi ý khách quan để quý vị độc giả suy xét và tìm được quyết định đầu tư cá nhân.

Sau kỳ họp thượng đỉnh APEC ở Bangkok vào tháng 10, các tin tức mới nhất (sáng ngày 21/10) cho thấy bản dự thảo thông cáo chung (sẽ ra chính thức ngày 22/10) chú trọng nhiều về các vấn đề an ninh và chống khủng bố theo quan điểm chính do Mỹ đề nghị, vấn đề tăng cường nỗ lực của WTO để gia tăng thương mại quốc tế nhất là để làm bớt các rào cản hàng xuất cảng của các nước nghèo, tăng các mối hợp tác liên kết kinh tế và thương mại khu vực, chú trọng chuyện phát triển các xí nghiệp nhỏ và vừa (SME) trong các nước APEC còn yếu

kém kinh tế để thu bớt khoảng cách với các nước giàu, và tiến tới mở thị trường trái phiếu cho khu vực APEC,... Chuyện được chờ đợi và bàn tán nhiều nhất trước thềm hội nghị APEC vẫn chưa xảy ra: Trung Quốc vẫn cương quyết chưa cho lên giá đồng yuan (nhân dân tệ) lúc này vì lý do thể diện chính trị.

Tuy nhiên trong vài tháng nữa, nếu sau cùng áp lực của Hoa kỳ thành công với TQ để làm cho tiền yuan lên giá và kéo theo sự phá giá cùng lúc của đô la Mỹ với tiền Euro, yen và các tiền á châu khác, giá vàng có thể nhanh chóng vượt giá 400$ trong một thời gian ngắn. Tuy vậy, nhìn xa hơn thì có nhiều yếu tố khác nhau sẽ gây phản ứng trái ngược trên giá vàng:

- Yếu tố quan trọng nhất là tỷ lệ lạm phát ở Mỹ và các nước công nghệ: các dự báo quốc tế đều cho biết lạm phát được kiểm soát chặt chẽ trong các quốc gia này. Các ngân hàng trung ương có thể can thiệp bằng cách tung vàng dự trữ bán ra hơn mức qui ước 400 tấn một năm như đã nói trên. Đây sẽ là yếu tố kìm giữ giá vàng hữu hiệu nhất để làm "chùn tay" các "trùm" đầu cơ.
- Nhưng ngược lại, với lời cảnh báo mới đây của Quĩ Tiền Tệ Quốc Tế về mức âm quá cao của cán cân vãng lai Hoa kỳ (do các bội chi của cả hai khu vực tư nhân và chính phủ) khiến đồng đô la có thể mất giá trong lâu dài gây các bất quân bình nghiêm trọng cho nền tài chính thế giới, vàng sẽ được coi là nơi "ẩn trú" an toàn cho tài sản và giá sẽ còn vọt cao.
- Thêm vào đó, cũng do yếu tố trên, các ngân hàng trung ương, nhất là của TQ và các nước Á châu, có thể quyết định mua vàng thay cho đô la Mỹ trong khối ngoại tệ dự trữ của họ, và gây thêm áp lực tăng giá vàng.
- Sau cùng với sự tham gia của các tay có "máu" nhảy vào đầu cơ, sẽ có thể xảy ra hiện tượng quả bong bóng cho cơn sốt vàng.

Hỏi: *GS có thể nhắc lại vài "quả bong bóng" đó trong lịch sử tài chính thế giới để rút kinh nghiệm?*

PDC: Vâng, quả bong bóng nổi tiếng nhất có lẽ là vụ buôn hoa tu líp ở Hà Lan đã được thổi đến trời xanh trước khi xì hơi nổ banh. Ngay cả với vàng, nhiều người cũng còn nhớ lúc có lạm phát cao ở Mỹ vào các năm 1980-81 cùng với biến cố bát giữ con tin người Mỹ ở Iran và thêm vào việc tay "trùm dầu hỏa" Hunt đầu cơ tích trữ bạc, giá vàng bị đẩylên tới 600-800/ ounce và giá bạc vượt lên trên 50$/ounce trong vài ngày sau đó đã tụt dù nhanh làm nhiều tay mất nghiệp.

Quả bong bóng mới đây nhất là thị trường cổ phiếu các hãng công nghệ thông tin và các hãng "dot.com" của Hoa Kỳ đã tụt "thảm khốc" từ mức 5100 của chỉ số Nasdaq vào tháng 3/ 2000 xuống 1200 vào cuối tháng 3/2003 (mạc dù đang lên lại ở mức trên 1900 vào thời điểm của bài phỏng vấn này, 21 tháng 10, 2003), đã khiến nhiều quĩ đầu tư *mutual funds* chuyên môn và người đầu tư thua lỗ nạng. Phải thú thật là chính người viết cũng đã học được nhiều bài học quí sau lần cùng "ôm đầu máu" để chạy này trong ba năm qua.

Ngay cả ở VN, một số người ở Sài gòn chác vẫn còn nhớ hiện tượng buôn "chim cút" thuở nào đã làm bao người khóc dở mếu dở vì muốn làm giàu nhanh.

Hỏi: *GS nghĩ có nên mua/bán vàng lúc này?*

PDC: Tôi tránh không muốn trả lời trực tiếp câu này với ý nghĩa thúc đẩy đầu cơ hay cách làm ăn "mánh". Tuy nhiên, trong địa hạt tư vấn đầu tư, các chuyên viên hay khuyên nên giữ độ 5%-10% tài sản bằng vàng hay bạch kim, bằng cách mua thẳng quí kim hay mua các cổ phần hầm mỏ. Và nguyên tác căn bản vẫn là "không để tất cả trứng vào trong một rổ."

Hỏi: *Theo ý đó, cho một người trung lưu có chút vốn đầu tư nên làm gì?*

PDC: Câu trả lời tùy theo hoàn cảnh cá nhân, nhất là mức độ chịu được rủi ro đầu tư (nói rõ hơn là thua lỗ) của mỗi người. Ngoài vàng như đã nói trên, có thể giữ thêm ngoại tệ ngoài tài sản bằng đô la Mỹ, thí dụ thay bằng tiền Euro, các tiền mạnh của Á châu, như tiền bath của Thái Lan, tiền won của Đại Hàn, đô la của Singapore hay Taiwan, và nhất là tiền yuan của Trung Quốc.

Hội nghị APEC

Điều sau này có lẽ dễ áp dụng nhất cho các ngân hàng có dự trữ ngoại tệ. Cho những ai có kiến thức và muốn tham gia các thị trường chứng khoán ở ngoài nước Mỹ, đây có lẽ là lúc tốt để mua các cổ phiếu Á châu như của Nhật Bản, Hongkong,Thái Lan, Hàn quốc, Đài Loan, v.v... hay Australia và New Zealand (nhất là cổ phiếu các hãng có mỏ vàng bạc). Đây tất nhiên chỉ là phần thêm vào các cổ phiếu trên thị trường Hoa Kỳ đang có khuynh hướng phục hồi theo nền kinh tế Mỹ trước mùa bầu cử năm tới, để theo nguyên tác "bỏ trứng vào nhiều rổ" (diversification).

Hỏi: *Quay lại chuyện ở VN, người ta luôn nói đến đầu tư vào thị trường nhà đất nóng hổi của VN, sao không thấy GS nhắc đến?*

PDC: Chính vì cái "nóng hổi" đó mà làm tôi ngần ngại nhắc đến, dù bao người ở VN đã giầu nhanh chóng trong mười mấy năm nay vì nhà đất. Tôi ở xa nên không rành lám về khía cạnh này ở VN, nhưng đọc báo hay nghe kể chuyện giá đất lên tới 30-40 cây vàng/mét vuông trong "nội thành" của vài thành phố lớn VN cũng "phát ớn", hơn cả giá bên Mỹ hay Âu châu hay các nước Á châu có lợi tức đầu người cao gấp 10-20 lần của VN. Nếu có nhu cầu nhà cửa thì cái nhà đầu tiên mua để ở vẫn là đầu tư với ưu tiên số một cần làm. Nhưng tung tiền để mua "đầu cơ" thêm nhà đất ở "nội thành" Hà Nội hay Sài Gòn lúc này thì có lẽ là "uống thuốc liều," nhưng có vẻ mọi người vẫn làm và một số đông người "vẫn khoe chiến tháng" trong ba năm qua. Chúng ta ở ngoài khó hiểu nổi. Nhưng quả bong bóng nào cũng có riêng chu trình của nó. ●

LAN HƯƠNG

NGA LÀNG BÁO Ở

1. Một thành viên mới ra đời

Đầu tháng Chín năm nay, làng báo tiếng Việt ở Nga lại có thêm một nhân khẩu mới, hay đúng hơn là một gia đình mới với một mẹ và hai con. Đó là tờ báo hàng ngày "Lá Cải," phụ trương "Thể thao vua" và trang nhà lacai.com. Thực ra trang nhà lacai.com đã có từ năm 2001, nhưng rất ít người Việt biết đến nó. Thứ nhất vì, lúc đầu người lập trang nhà này chỉ có một mục đích để có việc làm cho đỡ buồn nên nó không được quảng cáo ở đâu, và sau nữa đa phần người Việt ở Nga không có máy tính trong nhà. Tuy chỉ nhận mình là loại "Lá Cải," nhưng hóa ra so với tất cả những tờ báo hàng ngày với những cái tên rất "oai" đang có mạt ở Nga, "Lá Cải" lại có dáng dấp một tờ báo nhà nghề hơn hẳn.

Thị trường báo hàng ngày hiện nay ở Nga đã bão hòa với năm tờ báo lâu năm là "Nhân Hòa," "Ngày Mới," "Thời Báo Moskva," "Nhật Báo" và "Tin Tức và Thị Trường," nhưng mạt khác nó vẫn thiếu vắng một tờ báo chuyên nghiệp có thể vượt thoát ra khỏi chức năng một bản tin vạt, để có thể phản ánh được những vấn đề của cộng đồng. Tất các các tờ báo đang tồn tại tuy tên tuổi rất khác nhau, nhưng nội dung của chúng không thấy gì khác biệt, quanh quẩn vẫn chỉ có những chủ đề ăn khách nhất là: tin tức (Việt Nam, Nga, và thế giới), thể thao, trang bạn gái, những tin hình sự, tệ nạn ở Việt Nam, những vấn đề sức khỏe thường thức, chuyện đăng nhiều kỳ, và ô chữ. Nhìn qua nội dung các tờ báo, người ta có thể thấy ngay, nó nhắm chủ yếu vào giới bình dân để đáp ứng nhu cầu thông tin và giải sầu của họ. Và cũng thật dễ hiểu, vì các tờ báo này đa số được bán tại các khu chợ của người Việt.

Khác hẳn với các tờ báo khác in bằng giấy thường, "Lá Cải" được in trên giấy báo với khổ A 4. Tờ báo gồm 28 trang nhưng ôm đồm rất nhiều chủ đề khác nhau để cố gắng đáp ứng mọi tầng lớp người Việt: tin tức của Nga và thế giới, tin Việt Nam, những vấn đề trong kinh doanh, gương kinh doanh, khoa học, văn học nghệ thuật, thời trang, pháp luật, thế giới đó đây, gia đình, tình yêu, ẩm thực, truyện ngắn, truyện cười, trang cộng đồng, và cả một góc để giới thiệu những bài thơ, ảnh của bạn đọc gửi đến.

"Lá cải" cũng như các tờ báo khác, không có các bài riêng của mình, nó chỉ dịch, lấy lại bài trên các tạp chí, báo của Việt Nam và nước ngoài. Nhưng ít nhất nó cũng dám ghi rõ xuất xứ của bài trích dịch, chứ không "ăn trộm tỉnh như không," như các tờ báo khác. Tờ "Lá cải" cho ta cái cảm giác một tờ báo có gương mạt của mình, được sắp xếp và chọn lọc cẩn thận, dù nó chưa có được một tiếng nói riêng.

Cái đặc biệt nữa của tờ báo này là phần quảng cáo được tập trung lại ở một số trang nhất định, không nằm vô tổ chức kín cả trang 1, hay ngang nhiên chen chúc cái trên, cái dưới ở khắp mọi trang như tình trạng chung ở các báo khác. Sự phân định rõ ràng giữa thương mại và độc giả này, cùng với những lời nhắn nhủ "đây là góc của bạn...", làm cho người đọc cái cảm giác, đây là tờ báo của họ, làm vì họ, chứ không phải báo... kiếm tiền của người làm

báo.

Dù có rất nhiều cái hay, cái mới so với tất cả các báo khác, nhưng "Lá Cải" có thể chiếm được độc giả và phát triển hay không, lại là một chuyện không dễ. Lịch sử 10 năm làng báo tiếng Việt ở đây đã cho thấy, trong làng báo đã từng có không ít tờ báo viết rất cứng tay, nội dung phong phú, nhưng rồi chúng đều lần lượt phải đóng cửa vì bị sứ quán gây khó dễ, hay chủ các chợ không hài lòng. Các báo ở Nga phải chiều lòng rất nhiều vị "thượng đế": "thượng đế" độc giả, "thượng đế" chủ chợ, "thượng đế" sứ quán. Vị thượng đế nào cũng cho mình là to nhất. Nên cuối cùng, báo chí dù mang thật nhiều cái tên mỹ miều, rồi cuối cùng chỉ còn là... lá cải.

2. Báo chí "chui"

Làng báo chí công khai, nghĩa là ít nhất người ta cũng dám đem ra bán công khai cho mọi người mua, bắt đầu xuất hiện từ năm 93, nhưng thực ra trước khi có những tờ báo công khai ra đời, trong cộng đồng người Việt đã từng có những tờ báo chui. Vào hè năm 1991, trong không khí Glasnost (đổi mới) ở Liên Xô khi đó, các sinh viên và nghiên cứu sinh trường đại học tổng hợp Moskva (MGU) đã cho ra đời tập san "Tuổi Trẻ," gồm rất nhiều bài với nội dung quá cởi mở bàn về những chủ đề vẫn bị coi là cấm kỵ về tư tưởng lẫn hiện thực của hệ thống chính trị ở Việt Nam. Nhân viên sứ quan lập tức tỏ thái độ đạc biệt quan tâm tới tờ báo này và những người chủ trương nó. Có người bị đưavề nước, có người phải chạy sang một nước thứ ba. Và tờ báo cũng chỉ kịp trình làng có một số duy nhất. Sau đó giới sinh viên lại tiếp tục phát hành hai ấn bản chui khác, là "Dân Việt" và "Bản Tin Kinh Tế," nhưng lần này họ phát hành hoàn toàn bí mật, được lạng lẽ truyền tay nhau trong giới sinh viên. Những tờ báo này không ghi rõ ban biên tập là ai, và nội dung cũng thuộc loại thật gai góc, đề cập tới rất nhiều vấn đề cấm kỵ, và khó nói như tờ "Tuổi Trẻ." Những tờ báo đầu tiên này còn hết sức đơn sơ, chỉ gồm hơn chục trang in máy tính không dấu, rồi mang đi photocopy. Mỗi số in ra chừng 20-30 ấn bản, nhưng nó lại được độc giả chào đón thật nồng nhiệt, truyền tay nhau đi từ trường này sang trường khác. Cả hai tờ đều chỉ ra được hai số rồi lại im lạng, vì phản ứng của tòa đại sứ Việt Nam khi đó hết sức gay gắt.

3. Những tờ báo thương mại

Năm 1993, có thể nói là năm hết sức được mùa của báo chí tiếng Việt đủ mọi thể loại. Nhưng số phận mỗi tờ một khác.

Tờ báo tiếng Việt ra hàng ngày đầu tiên ra đời vào đầu năm 1993 có tên là "Vạn Sự." Gọi là "báo" quả thật là quá cao sang đối với tờ báo này vào thời nó mới ra đời, vì tờ báo chỉ có bốn trang A 4 được in roneo trên loại giấy rẻ nhất có thể tìm được trên thị trường, nó vừa xù xì, vừa không được tẩy tráng, vừa rất bở. Báo được trình bầy bằng máy chữ, nên không hề có tranh ảnh, mỗi bài báo lại có một loại chữ khác nhau, đôi khi còn dùng hình thức cắt dán để tiết kiệm thời gian. Tờ báo được bán với giá 1500 rúp nghĩa là nửa đô la Mỹ. Vào thời điểm 1993, khi người ta có thể sống thoải mái với 15 đô la một tháng, giá tiền một tờ báo như vậy quả không rẻ. Ba số đầu tờ báo chỉ dám phát hành dưới dạng bản tin vạt, tin tức chủ yếu là tin hình sự. Phải đến số thứ 5, tờ báo mới mở rộng thêm phần tin cộng đồng và một trang để dành riêng cho ô chữ. Ô chữ có lẽ là đóng góp lớn nhất của tờ "Vạn Sự" cho làng báo Việt ở Nga. Vì cho đến tận ngày nay hầu hết báo chí hàng ngày ở Nga vẫn coi ô chữ là một trang quan trọng trong tờ báo của mình. Tờ "Vạn Sự" chú ý tới những tin tức giật gân, đạc biệt là các tin hình sự vì tình trạng an ninh vào những năm đó ở Nga hết sức căng thẳng. Tờ báo dùng ngôn ngữ khá chợ búa, nên chẳng bao lâu nó đã bị mệnh danh là báo "cửu vạn" (cửu vạn là từ để chỉ dân khuân vác ở Nga). Người Việt mua báo, một phần để biết tin tức, nhưng phần đông là để giải sầu những lúc ngồi bán hàng không có khách mua. Vì vậy, ô chữ trong các tờ báo đã trở thành phần quan trọng nhất của tờ báo.

Hai người chủ trương tờ "Vạn Sự," vừa là chủ bút, vừa làm người dịch, vừa là người đứng bán báo ở ngay trong đôm 5 mới. Ngày đó có lẽ do người Việt phải sống nhiều năm trong điều kiện thiếu tự do báo chí, nên họ không coi trọng báo chí tư nhân. Nghề làm báo bị coi là một nghề thật mạt hạng, dành riêng cho những ai... chẳng biết làm gì khác.

Cuối năm 1993, một tờ báo rất chuyên nghiệp ra đời. Tờ báo mang tên "Việt", được in trên giấy báo rất đẹp, do những người làm báo

chuyên nghiệp trong Viện khoa học và xã hội chủ trương. Đây là tờ báo tiếng Việt có đăng ký trên bộ in ấn của Nga. Nhưng nó cũng không vượt qua được con số 2 định mệnh như những tờ báo chui trước đây. Bản kẽm cho số báo thứ ba đã bị sứ quán giữ lại. Ông Hồ Huấn Nghiêm, đại sứ Việt Nam ở Nga khi đó, giải thích luật báo chí của Việt Nam không có báo chí tư nhân, nên nếu báo Việt muốn tồn tại thì phải trương lên khẩu hiệu "Phụ trương của tập san Đất nước"[1]. Nhưng những người làm tờ báo này, không muốn cúi mình như vậy, nên đành phải đóng cửa tờ báo. Sau này ông tổng biên tập tờ "Đất Nước" cho biết, thực ra tờ "Việt" bị đình bản vì dám đăng hai bài hơi mạnh tay trong số 2. Những người thích báo chí, ai cũng tiếc cho tờ báo "Việt". Từ đó đến nay, chưa có một tờ báo tiếng Việt nào đạt được trình độ chuyên nghiệp như tờ báo xấu số này.

Tháng 12 năm 1994, bốn sinh viên của trường Năng lượng, Sư phạm và Quan hệ quốc tế đã cho ra đời một tờ báo thứ ba là tờ "For You". "For You" cũng là tờ báo ra hàng ngày, nhưng mang một phong cách khác hẳn "Vạn sự." Tờ báo được trình bầy trên máy tính, tuy vẫn dùng khổ giấy A 4 nhưng đẹp hơn hẳn Vạn Sự. Tờ "For You" tăng tờ báo lên tám trang, nhắm vào giới có học, nên tờ báo có một giọng văn nhẹ nhàng và nghiêm túc. Nội dung chính của báo vẫn là những tin tức nổi bật ở nước Nga, và trên thế giới dịch từ các báo của Nga. Nhưng tờ báo cũng đã có một mô hình những chủ đề nhất định: gia đình, phụ nữ, thể thao, chuyện lạ đó đây, bạn cần biết và câu chuyện cộng đồng. Tờ báo cũng không ngần ngại đưa cả những tin tức về Phật giáo bị đàn áp trong nước, thay từ "đồng chí" vẫn thường được dùng trên các báo chí của Việt Nam bằng một từ "ông" theo phong cách phương Tây. Nhiều năm sau, cho đến tận thời điểm năm 2003, đây vẫn là tờ báo duy nhất, thường xuyên có những bài viết riêng của mình về cộng đồng người Việt ở Nga, thậm chí chuyện dài kỳ được trích đăng cũng do các cộng tác viên tự viết. "For You" là tờ báo đầu tiên đưa quảng cáo lên báo, đã biến nghề báo thành một ngành kinh doanh thực sự. Nhờ thu nhập từ quảng cáo, nên sau này, nghề làm báo bớt bị coi thường hơn, và người làm báo cũng biến thành một "ông chủ báo," oai chẳng kém gì "ông chủ công ty," hay "ông chủ phòng." Những tin tức quá độc lập đã làm tờ "For You" bị công an sứ quán gây khó dễ để rồi phải đình bản vào cuối năm 1995.

Thời kỳ 1996-1998 quả là thời vàng son của báo chí, người ta đua nhau ra báo. Có người còn coi báo chí là một ngành kinh doanh, chỉ cần đầu tư máy tính, máy in, thế là thu bộn tiền quảng cáo. Thế nhưng có vào nghề rồi mới biết, báo chí chẳng phải một cái nghề, nó là một cái nghiệp, phải sống chết với nó lắm mới làm nổi. Trong hai năm 96-97 hàng loạt báo ra đời như Nhân Hòa, Bưu Điện Buổi Sáng, Tin Nhanh, Ngày Mới. Nhưng đáng nói nhất là tờ Tin Nhanh.

Hè năm 1996 xuất hiện tờ "Tin Nhanh."

Trang nhà của báo "Lá cải"

Tờ này cũng thuộc hàng "cứng cổ," vì vừa ra đời, nó đã cho đăng một loạt các tin tức thuộc danh sách "phản động," dám trích đăng cuốn tiểu thuyết "Ly Thân" của Trần Mạnh Hảo, trích đăng cả "Đêm Giữa Ban Ngày" của Vũ Thư Hiên. Những ai cũng thuộc hàng "cứng cổ," không thích uốn mình theo sứ quán thì rất thích tờ "Tin Nhanh" và thủy chung với tờ báo. Nhưng đa số dân chúng thì sợ đọc tờ báo này. Sợ sứ quán là một căn bệnh khá nạng và khá phổ biến trong cộng đồng người Việt ở Nga. Sợ không dám làm báo "phản động" thì cũng dễ hiểu, nhưng đa số người lại sợ đọc cả những tờ báo bị gán cho cái tên "phản động," sợ gạp những người bị gọi là "phản động." Cuối năm 97, công an sứ quán lại gây khó dễ để cấm tờ Tin Nhanh phát hành. Ở Nga báo chí hoàn toàn tự do, thậm chí các báo có ấn bản dưới một ngàn bản còn không phải đăng ký. Nhưng tòa sứ quán Việt Nam ở đây vẫn có thể kiểm soát được báo chí vì tất cả các báo tiếng Việt phải bán ở các ốp[2] của người Việt. Các chủ ốp ở, ốp bán hàng người Việt luôn phải lấy lòng sứ quán, nên chỉ cần sứ quán đề nghị, họ sẽ lập tức cấm không cho bán hay tịch thu những tờ báo bị gán cho cái tên "phản động" trong khu vực ốp của họ.

Cái khó nhất để tồn tại của một tờ báo ở Nga không phải ở chuyện viết bài, mà là bán báo. Mỗi tờ báo chỉ có từ hai đến bốn người để lo dịch bài, đánh máy, trình bầy, lo việc xuất bản, nhưng lại phải có ít nhất bốn, năm người lo đi bán báo. Mỗi trung tâm có đông người Việt, lại phải có một người chuyên đi bán báo. Số báo bán được nhiều hay ít, phụ thuộc phần lớn vào sự khéo léo của người đi bán.

Đến cuối năm 1999, làng báo tiếng Việt đã khá đông đúc với sáu tờ ngang sức nhau là "Thời Báo Moskva", "Ngày Mới", "Nhân Hòa", "Người Đưa Thư", "Nhật Báo" và "Tin Tức Thị Trường." Trong những tờ này, chỉ có tờ "Tin Tức Thị Trường" được ông chủ chợ KT tài trợ không phải lo về phần thu nhập của báo, tất cả các báo còn lại đều là báo tư nhân, tự sống bằng tiền bán báo và quảng cáo. Nhưng số lượng phát hành của mỗi tờ báo không cao, chỉ xê dịch từ 300 đến 1200 số. Các báo đều phát hành 28 trang khổ A 4, in mầu rất đẹp. Nhưng phần nội dung không có gì khác biệt nhau. Chính vì thế, để dành độc giả, có tờ báo đã thuê cả cảnh sát Nga can thiệp vào cuộc cạnh tranh của làng báo. Cuối năm 2000, hai tờ "Ngày Mới" và "Thời Báo Moskva" đã phải gián đoạn nhiều thời gian không ra báo được vì bị cảnh sát theo dõi, tịch thu máy móc, và nhiều nhân viên bị bát, trục xuất về nước. Cuộc cạnh tranh giữa mấy tờ báo mà ly kỳ chẳng kém gì chuyện trinh thám. Sau này, tất cả các báo đều tự tìm cho mình một cái ô trong giới cảnh sát, khi đó chuyện bát bớ, khám xét bừa bãi mới chấm dứt.

Trong những năm 2000, 2001, 2002, làng báo không thấy xuất hiện thêm gương mạt nào mới, chỉ có tờ Người Đưa Thư đã đình bản từ cuối năm 2000 vì mãi không vượt qua được mức 300-400 số báo mỗi ngày.

4. Báo chí "cung đình"

Ngoài các tờ báo tư nhân, ở Nga còn có một vài tờ báo được gọi là báo "trong luồng," nghĩa là báo của sứ quán, hay một tổ chức thân cận của sứ quán. Những tờ báo thuộc nhóm này có tạp chí "Đất Nước," "Thông Tin và Thời Đại," "Bản Tin" và "Khoa Học và Cộng Đồng." Trong số này tờ "Đất Nước" là tờ tạp chí tiếng Việt đầu tiên xuất hiện ở Nga. Nó ra đời từ những năm 1988-1989, ba tháng ra một số, nhưng cũng không đều đạn, đến tháng 5 năm 2000 mới phát hành đến số 32. Tờ "Thông Tin và Thời Đại," tờ "Bản Tin" của sứ quán, tờ "Khoa Học và Cộng Đồng" của Hội Khoa học, kỹ thuật Việt Nam tại Nga đều phát hành theo kiểu bập bõm, không đều đạn tùy theo khả năng tài trợ của các ốp. Những tờ báo này sống bàng tiền tài trợ, và được bán khoán cho các khu chợ của người Việt để phát không cho dân chúng nên không có gì đạc sắc về nội dung: chúng không có ý nghĩa về mạt thông tin, cũng không có gì đạc biệt về văn học, nghệ thuật. Những tờ báo được gọi là"báo cung đình" này ít được nhác đến nhất và cũng ít được người Việt đọc nhất. Những tờ báo này mác căn bệnh chung của tất cả các "báo chính thống ở thời đại bao cấp," nghĩa là nghèo nàn, khô khan, lám chỉ thị, nghị quyết mà không phản ánh được điều gì trong xã hội, cộng đồng. Đến những số ra đời mấy năm cuối, khi làng báo tiếng Việt đã khá đông đúc, tờ Đất Nước mới thay đổi về nội dung để nó bớt khô khan hơn, nhưng vẫn không thu hút được độc giả. Từ khi ra đời, tuy độc quyền, một mình một cõi báo chí, nhưng tờ báo

này vẫn luôn phải bán ép, nghĩa là ai lên tòa đại sứ cũng bị giúi phải mua. Tờ "Thông tin và Thời đại" đúng như tên gọi của mình, chỉ chuyên về các vấn đề kinh tế và tin tức. Ra đời vào năm 1993 khi tình hình chính trị, kinh tế của Nga có nhiều thay đổi, cộng đồng người Việt đang rất cần thông tin, hai số đầu của tạp chí này đã được đón nhận nồng nhiệt, đặc biệt là phụ trương tháng 10 để đưa tin về vụ tấn công vào trụ sở Xô viết tối cao tại Nhà Tráng ngày 3 và 4 tháng 10 năm 1993. Nhưng sau đó tờ báo đã bị rơi vào quên lãng, vì dù sao nó vẫn là một tờ báo "chính thống," các bài viết không dám nhận định, tránh né, bình luận thiếu khách quan.

Tờ "Bản Tin" của sứ quán, cũng ra đời từ năm 1993, định ra mỗi tuần một số để kịp thời chuyển tải thông tin cho cộng đồng người Việt, nhưng lại là tờ báo dở nhất. Tờ "Bản Tin" chỉ có bốn trang, in roneo, hình thức nghèo nàn, tin tức không thể theo kịp những tờ báo ngày, dù ban biên tập của nó cũng có cố gắng hơn so với những năm đầu.

5. Những tờ tạp chí lận đận

Ngoài các tờ báo hàng ngày, ở Nga có hai tờ tạp chí gây được sự chú ý của độc giả là tờ Người Bạn Đường của Hội văn học nghệ thuật và tờ Bến Quê của một nhóm sinh viên. Khác với các báo hàng ngày, ra đời vì mục đích thương mại, có thể tự nuôi các nhân viên và tờ báo, các tờ tạp chí ở Nga đều không có ý nghĩa về mạt thương mại, luôn phải bù lỗ rất nhiều. Tờ Người Bạn Đường ra đời cuối năm 1993. Tổng biên tập tờ tạp chí là nhà thơ Nguyễn Đình Chiến. Những người chủ trương tờ báo này dự định ra mỗi tháng một số, nhưng rồi tiền tài trợ mỗi lúc một thưa, nên tạp chí cũng ra mắt bạn đọc thưa thớt dần, về sau mỗi năm chỉ còn phát hành được một số. Sau số 12 ra đời vào dịp Tết năm Canh Thìn 2000, người ta không còn thấy "Người Bạn Đường" xuất hiện nữa. Tờ tạp chí này chỉ chú trọng tới các vấn đề văn học và nghệ thuật. Tạp chí in bìa mầu rất đẹp với 66 trang bên trong. Nội dung chủ yếu gồm văn xuôi, thơ, lý luận phê bình và nghiên cứu, văn học nước ngoài và văn hóa nghệ thuật. Lúc đầu tờ tạp chí này chủ trương độc lập, chỉ tuân thủ những giá trị của nghệ thuật, nên cũng được nhiều độc giả yêu thích. Nhưng rồi sau khi chuyện ngán Nỗi Sợ, quá hiện thực đăng trong số 2, kể về thân phận một tiến sỹ phải đi đạp xích lô để kiếm sống, tờ tạp chí này đã bị các nhân viên sứ quán gây khó dễ. Từ đấy tờ tạp chí cũng không còn độc lập như lúc đầu họ muốn nữa, mà phải trương lên khẩu hiệu "phụ trương của tạp chí Đất nước." Tổng biên tập của tờ báo cho biết, sau số 2, tinh thần của ban biên tập đã giảm sút nhiều. Từ số thứ ba, tờ tạp chí có nhiều thay đổi và xuống dốc dần, và họ cũng nhạt nhòa dần.

Tạp chí Bến Quê của sinh viên ra đời vào giữa năm 1993. Tổng biên tập tờ Bến Quê là phó tiến sỹ khoa báo chí, trường quan hệ quốc tế Moskva Hoàng Thị Hồng Hoa. "Bến Quê" dân dã và đại chúng hơn tờ "Người Bạn Đường." Tờ "Bến Quê" quan tâm tới mọi vấn đề của cộng đồng người Việt: từ sinh hoạt tâm linh, sinh hoạt cộng đồng, luật pháp đến giá cả, sức khỏe. Bến Quê là tờ tạp chí có rất nhiều bài phỏng vấn của riêng mình, chịu khó đi sục sạo mọi nơi có người Việt tập trung để viết bài, đưa tin. Điều đạc biệt nhất của tờ tạp chí này là những tin tức, bài viết hết sức cởi mở, không tuân thủ sự cấm đoán nào của tòa đại sứ. Nhưng tờ tạp chí này còn nhiều lỗi, các bài viết chưa cứng tay. Chính sự cứng đầu của tờ báo, đã là nguyên nhân khiến tờ Bến Quê bị gây khó dễ, không được bán tại các ốp của người Việt và phải đình bản sau khi ra số 5.

Hiện nay làng báo tiếng Việt ở Nga không còn lại tờ tạp chí nào. Ngay cả những tờ tạp chí xuất bản tại hải ngoại cũng không thể phát hành được ở Nga, bởi thật đơn giản là mạng lưới bảo vệ, công an vẫn luôn để mát tới những món ăn tinh thần đạc biệt hấp dẫn độc giả này. Những tờ báo có chút lập trường, có một tiếng nói riêng, đều đã bị cấm đoán phải đình bản. Và làng báo ở Nga dù đã xuất hiện, phát triển được đúng mười năm vẫn không thoát khỏi tình trạng báo lá cải, hay bản tin vạt. ●

[1] "Đất Nước" là tờ tạp chí của tòa đại sứ Việt Nam ở Nga.

[2] "Ốp" là nói tắt của từ tiếng nga "Obtsejitye" nghĩa là ký túc xá. Thời kỳ đầu, khi người Việt mới đến Nga, họ đều ở trong các ký túc xá của nhà máy hay trường học. Dần dần danh từ "ốp" đã trở thành một khái niệm chung để chỉ những nơi sinh sống, hay buôn bán chung của người Việt. Sau này khi đã tự thành lập nên các trung tâm để ở hay buôn bán, người Việt vẫn gọi các trung tâm của mình là "Ốp" theo thói quen từ những ngày đầu đến nước Nga.

Từ chính sử đến dã sử...

NGUYỄN ĐỨC CUNG

Cicero (106-43 trước Công-Nguyên), một nhà hùng biện kiêm chính trị gia lừng danh thời cổ La mã đã có nói: "*Lịch sử là thầy dạy của cuộc đời*" (Historia, magistra vitae). Câu nói này vốn để lại nhiều suy gẫm về ý nghĩa cho biết bao thế hệ từ đó cho đến ngày hôm nay. Bài học lịch sử là bài học kinh nghiệm đúc kết qua thời gian, kinh qua bản thân mình hay tha nhân, bạn cũng như thù, người xưa cũng như người nay. Bài học đó được viết đi viết lại dưới nhiều hình thức của văn chương, qua nhiều nhãn quan và cảm hứng tùy theo trình độ của người viết, môi trường họ được nuôi dưỡng và huấn luyện, dạy dỗ và lớn lên, trưởng thành để thâu thái kinh nghiệm. Bài học lịch sử không vì ảnh hưởng của giới tính, tuổi tác, chủng tộc hay tôn giáo của tác giả mà mất đi giá trị nội tại của nó nhưng trái lại nó đã hiện diện như một thực thể không cần chứng minh cũng tựa như bầu khí ta đang thở không thấy mà vẫn có, và vẫn trường tồn bất diệt mà mọi người đều có thể tự do sử dụng, tha hồ học hỏi, giống như lời thi hào Tô Đông Pha nói trong bài phú *Tiền Xích Bích* của văn học cổ Trung Hoa: "*thủ chi vô cấm, dụng chi bất kiệt*" (lấy mà không cấm, dùng mà không hết). [1]

Đối với dân tộc Việt Nam, các biến cố lịch sử đã được ghi nhận qua từng triều đại dưới các ngòi bút thuộc nhiều quan điểm khác nhau hay thuộc nhiều trường phái khác biệt đôi khi chống phá lẫn nhau [2] cho nên việc tìm hiểu giá trị của các khuynh hướng sử học xuyên qua cung cách, bút pháp, quan điểm ghi lại các biến cố thời đại luôn luôn vẫn là điều cần thiết. Sử học là một khoa học nhân văn so trong chương trình giáo dục của Việt Nam trước đây vẫn còn khá mới mẻ, bởi vì cách đây hơn một nửa thế kỷ, chúng ta vẫn còn phải học câu "*Nos ancêtres sont des Gaulois*" (tổ tiên của chúng ta thuộc giống Gôloa) [3]. Có nhiều khuynh hướng viết lịch sử, theo nhiều thể loại, với các dụng tâm khác nhau cho nên việc góp ý về một vài vấn đề lịch sử vốn đã từng bị hiểu lệch lạc, sai lầm xét ra cũng có tác dụng làm phong phú thêm kho tàng tư liệu sử học. Ngày nay, việc viết lại lịch sử, hay đóng góp một số nhận định, phân tích về các đề tài lịch sử luôn luôn là vấn đề cần thiết nhất là góp ý vạch trần chính sách lợi dụng bộ môn sử học để tuyên truyền ru ngủ quần chúng đạc biệt những giới bình dân ít học, hoạc lợi dụng lịch sử để xây dựng những biểu tượng dối trá, đánh bóng lãnh tụ, tôn sùng thần thánh hóa cá nhân [4] mà mục đích chỉ nhằm dối gạt quần chúng, đánh lừa dư luận hòng tiếp tục ngồi trên ghế cai trị của một tập đoàn bất nhân như chế độ Cộng sản tại Việt Nam hiện nay, thiết tưởng cũng cần được lưu tâm cảnh giác không chỉ trong giới nghiên cứu sử học hoạc trong giới hoạt động chính trị mà còn ở ngoài quần chúng nữa. Đối với những người Việt nam tuổi đời từ 40, 50 trở lên tương đối có ít nhiều hiểu biết và đóng góp vào lịch sử Việt nam kinh qua cuộc chiến tranh quốc-cộng, có thể họ không bị sách vở và hệ thống tuyên truyền của chế độ Cộng sản đánh lừa, nhưng đối với các thế hệ trẻ người Việt lớn lên tại hải ngoại chắc chắn lớp người đi sau sẽ không tránh khỏi bị đầu độc, tiêm nhiễm các luận điệu sai lầm khi

đọc lịch sử đất nước thông qua các tài liệu do chế độ Cộng Sản cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp. Tuy nhiên, do ý thức bén nhậy và nỗ lực tìm hiểu sự thật của các tầng lớp trí thức trẻ tuổi, chắc chắn họ sẽ tiếp cận được với chân lý của lịch sử bao lâu họ có quyết tâm tìm về các nguồn sử học chân chính, tìm hiểu thực chất của các khuynh hướng biên soạn lịch sử nước nhà, phân tích được giá trị của các nguồn tư liệu, sử phẩm có trong thư viện hay được dùng trong chương trình giáo dục của nhà trường với tinh thần vô tư, khoa học.

Dưới nhiều hình thức của các bộ môn văn chương, lịch sử Việt nam đã được ghi lại rất sớm, có người cho ràng từ thời nhà Ngô, Đinh rồi Tiền Lê đã có những hoạt động ghi lại các biến cố lịch sử [5] tuy nhiên dư luận chung vẫn cho ràng Lê Văn Hưu (1230- 1322) với bộ *Đại Việt Sử Ký* là người khởi đầu cho một quá trình biên soạn lịch sử của một đất nước đã có kỷ cương nền nếp. Có nhiều khuynh hướng biên soạn lịch sử được tạm thời tổng quát hóa theo các quan điểm sau đây: chính sử, dã sử, sử học do người ngoại quốc viết, sử quan duy vật mác xít, sử học quốc gia.

Từ quan điểm lịch sử cung đình...

Gọi tên "lịch sử cung đình" là lối gọi có tính cách thời thượng, hiện đại thật ra đó là một lối viết được gán cho khuynh hướng ghi chép các biến cố lịch sử của "chính sử" hay "sử học chính thống" nếu nói theo danh từ của môn Phương pháp sử học nhằm phân biệt với "dã sử". *Chính sử* là sử sách do cơ quan chính thức của triều đình quân chủ biên soạn thường gọi là Quốc sử quán do các viên chức khoa bảng của triều đình được chỉ dịnh đứng ra sưu tập tài liệu và biên soạn lịch sử các triều đại hay các biến cố của quốc gia. *Dã sử* (*dã* là đồng nội, chốn dân gian – theo Đào Duy Anh) là sử sách do dân chúng ngoài xã hội viết về các biến cố quân sự, chính trị, văn hóa, kinh tế v.v... Sử gia Nguyễn Phương đã gọi một cách tổng quát hai nguồn sử liệu *chính sử* và *dã sử* là sử liệu *công* và sử liệu *tư* [6].

Sử học truyền thống Việt Nam vốn chịu nhiều ảnh hưởng của nền sử học truyền thống Trung Hoa cho nên các sử gia chính thống nước ta trước đây đã sử dụng các lối chép sử của Bác phương trong khi biên soạn tác phẩm của mình đó là lối *kỷ truyện*, *biên niên* và *cương mục*.

Trước hết, lối *kỷ truyện* bắt chước theo phương pháp của sử gia Tư Mã Thiên (145-86 ? tr. C.N.) khi ông này viết bộ *Sử Ký* tức là lối viết lịch sử dưới hình thức tiểu sử các nhân vật *"lấy nhân vật làm trung tâm, đã kể lại có hệ thống lịch sử hoạt động các loại nhân vật trong ba nghìn năm của Trung quốc cổ đại, phơi bày hình tượng lịch sử rực rỡ đẹp mắt trong một quyển sách dài, các bài truyện ký đều có tình tiết câu chuyện rất sinh động, miêu tả các cảnh hoạt động và chi tiết một cách sống động như thật, khẩu ngữ hóa ngôn ngữ một cách linh động hoạt bát..."* [7] Một lối viết có tên *liệt truyện* cũng được các nhà biên soạn sử học Việt Nam dưới các triều đại quân chủ trước đây sử dụng với các bộ sử có tên như *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* v.v... mà hình thức cũng không khác lối *kỷ truyện* bao nhiêu.

Thứ đến là lối *biên niên* đã được Khổng Tử sáng tạo đầu tiên để cắt bỏ và sửa chữa sử nước Lỗ mà biên soạn thành sách Xuân Thu, một tác phẩm có lẽ ngài đã gửi gám sở nguyện rất nhiều trong đó khi nói ràng *"biết ta cũng là nhờ sách Xuân Thu, buộc tội ta cũng là vì sách Xuân Thu"* (tri ngã dã kỳ duy Xuân Thu hồ, tội ngã dã kỳ duy Xuân Thu hồ!). Sách này chứa đựng cả một triết lý về chính trị: vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, cha cho ra cha, con cho ra con, mọi người đều phải cư xử theo đúng danh phận của mình. Đây là lối viết của tất cả các bộ chính sử, kể lại sự kiện theo thứ tự thời gian, thí dụ muốn chép một sự việc nào, trước hết người ta ghi niên hiệu của hoàng đế, rồi đến tháng, mùa, có khi ngày, và nếu có hiện tượng thiên văn gì cũng ghi nhận luôn. Lối viết này cũng gây trở ngại cho người đọc là khó nắm bắt được các sự kiện vốn phải liên lạc mật thiết với nhau nhưng lại bị dàn trải rải rác trong thời gian.

Nhận định về sử biên niên, giáo sư Nguyễn Phương cho ràng *"Trong loại nầy, sử gia lấy thời gian làm bố cuộc, thuật hết chuyện ngày nầy mới qua chuyện ngày khác, hết tháng nầy rồi mới qua tháng khác, v.v... Lấy thời gian làm đơn vị căn bản như thế, một chuyện xảy ra bên tây có thể nằm bên cạnh một chuyện xảy ra bên đông, nếu cả hai xảy ra trong cùng một ngày.*

Vì thế đặc điểm của loại sử biên niên là thiếu tính cách tổng hợp. Ngoài ra, những sử gia chép loại sử biên niên, như các tác giả của Đại Việt Sử Ký Toàn Thư và Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục thường ít có óc khảo chứng nên sự kiện có nhiều chỗ phi phỏng." [8]

Sau hết, lối *cương mục* tức là thể loại phỏng theo phương pháp của bộ *Cương mục* của Chu Hy (1130-1200), nhà tư tưởng và nhà giáo dục trứ danh thời Nam Tống. Trình bày ý nghĩa và phân tích sự lợi hại của lối chép sử này, giáo sư Nguyễn Thế Anh đã viết: "*Các việc đều chép theo thứ tự thời gian đã đành (phép chép biên niên), nhưng ngoài ra còn tóm đại ý việc định chép trong một đoạn hoặc một câu ngắn để nêu lên như một tiểu đề, rồi ở dưới mới chép tự sự rõ ràng các công việc đã xảy ra (cương là giềng, tức là dây cái của lưới; mục là mắt lưới). Nhưng vì chú ý nêu việc lớn làm cương để ghi việc nhỏ làm mục ở sau, đã phải bỏ đi rất nhiều việc khó gắn vào làm mục cho cương đã nêu ra."* [9] Tuy nhiên theo nhận định của giới nghiên cứu sử học gần đây lối cương mục cũng là một hình thức ghi chép lịch sử có tính tổng hợp cao hơn phép biên niên. [10]

Nói chung, các nguồn sử liệu này có những giá trị nằm trong các phạm trù riêng biệt mà khi sử dụng người ta cần phải cẩn án theo phương pháp sử để tìm ra sự thật lịch sử. Có người cho rằng "*sử quan thường là quan lại của triều đình hoặc là những sĩ phu thấm nhuần tư tưởng nho giáo. Họ ghi chép đúng ý của triều đình và theo quan điểm nho giáo. Lịch sử được phản ảnh trong điều kiện đó cho nên không hẳn hoàn toàn trung thực. Lịch sử cung đình được soạn thảo chính thức để lưu truyền công khai. Thậm chí dân chúng còn bị bắt buộc phải chấp nhận quan điểm lịch sử cung đình. Nó được giảng dạy ở nhà trường, được lưu trữ ở các thư quán, văn khố. Đó là cách ghi chép sử và truyền bá dưới chế độ phong kiến chuyên chế. Ai nói khác sẽ mắc tội phản quốc hoặc khi quân phạm thượng bay đầu như chơi..."* [11]

Thật ra phong cách viết sử của các sử gia chính thống dưới các chế độ quân chủ nhiều khi tỏ ra rất phóng khoáng, tự do, chứ không quá khát khe, cứng ngắc, xưng tụng một chiều quá đáng dòng họ thống trị. Các sử gia chính thống cũng đã biết phối hợp các nguồn tài liệu để đạt tới chân lý lịch sử, khen chê những chỗ hợp tình, hợp lý, sử dụng bút pháp một cách cẩn trọng, không đến nỗi quá phiến diện, thiên chấp. Đọc đoạn văn sau đây sẽ thấy chỗ dụng công của các nhà viết sử chính thống: "*Người ta hay chê chính sử có nhiều thiên lệch như trường hợp sử quan nhà Nguyễn gọi Tây sơn là ngụy Tây, Tây tặc, gọi các cuộc chiến đấu của anh em họ là "nhập khấu" (vào ăn cướp)... Sử quan chỉ chép những sự việc của Tây sơn, Trịnh Lê khi chúng có liên quan tới Chúa của họ thôi. Dã sử sẽ bổ khuyết vào sự thiếu sót đó... Chính sử quan nhà Nguyễn cũng biết bổ khuyết tài liệu mình có được bằng cách tham bác dã sử khi viết về tổ chức quân chính triều Tây sơn chẳng hạn. Họ cũng đã dùng những chữ rất kêu để khen tài Nguyễn Huệ, cũng không giấu tật xấu say sưa của Nguyễn Văn Thành, tật ham chơi trong tình trạng chiến tranh của Thành, Duyệt, Huỳnh Đức... Cho đến cả việc quan quân Gia Định có người đi cướp của dân, sách nhiễu dân chúng, họ cũng ghi rõ".* [12] Đó là nhận định của một nhà nghiên cứu sử học miền nam trước năm 1975 khi ngòi bút của giới sử học ở đây không bị câu thúc, không bị lãnh đạo bởi một ý thức hệ chính trị nào.

Ngược dòng quá khứ, ngay chính vua Tự Đức khi ban bút phê về việc biên soạn pho *Khâm định Việt sử Thông Giám Cương mục*, cũng đã có những ý kiến khoa học, mới mẻ về phương cách chép sử, đã tỏ dấu nghi ngờ về hai niên kỷ Kinh Dương vương và Lạc Long quân, cũng như về phạm vi quá rộng rãi của nước Văn Lang ngày xưa mà cho rằng "*chẳng qua là sử cũ chép quá phô trương đó thôi.*" [13]

Để tìm hiểu quan điểm của giới nghiên cứu sử học miền bác đối với các nguồn sử liệu chính thống hay trường phái "lịch sử cung đình," chúng ta thử đọc vào đoạn văn sau đây: "*Nói chung nguồn sử liệu chính thống phản ánh tư tưởng, mong muốn và ý đồ chính thức của giai cấp thống trị. Mặt khác, nó cũng mang những thông tin – ở những mức độ chính xác khác nhau – về tình hình chung của cả nước hoặc ở từng đơn vị hành chính. Nguồn sử liệu chính thống bao gồm nhiều mặt khác nhau: chính trị, pháp luật, tài chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự, ngoại giao v.v... Trong hoàn cảnh nước ta trước đây, khi mà những điều kiện ghi chép sự việc chưa phát triển, nhất là trong các tổ chức tư nhân, nguồn sử liệu chính thống hết sức quý giá. Chẳng*

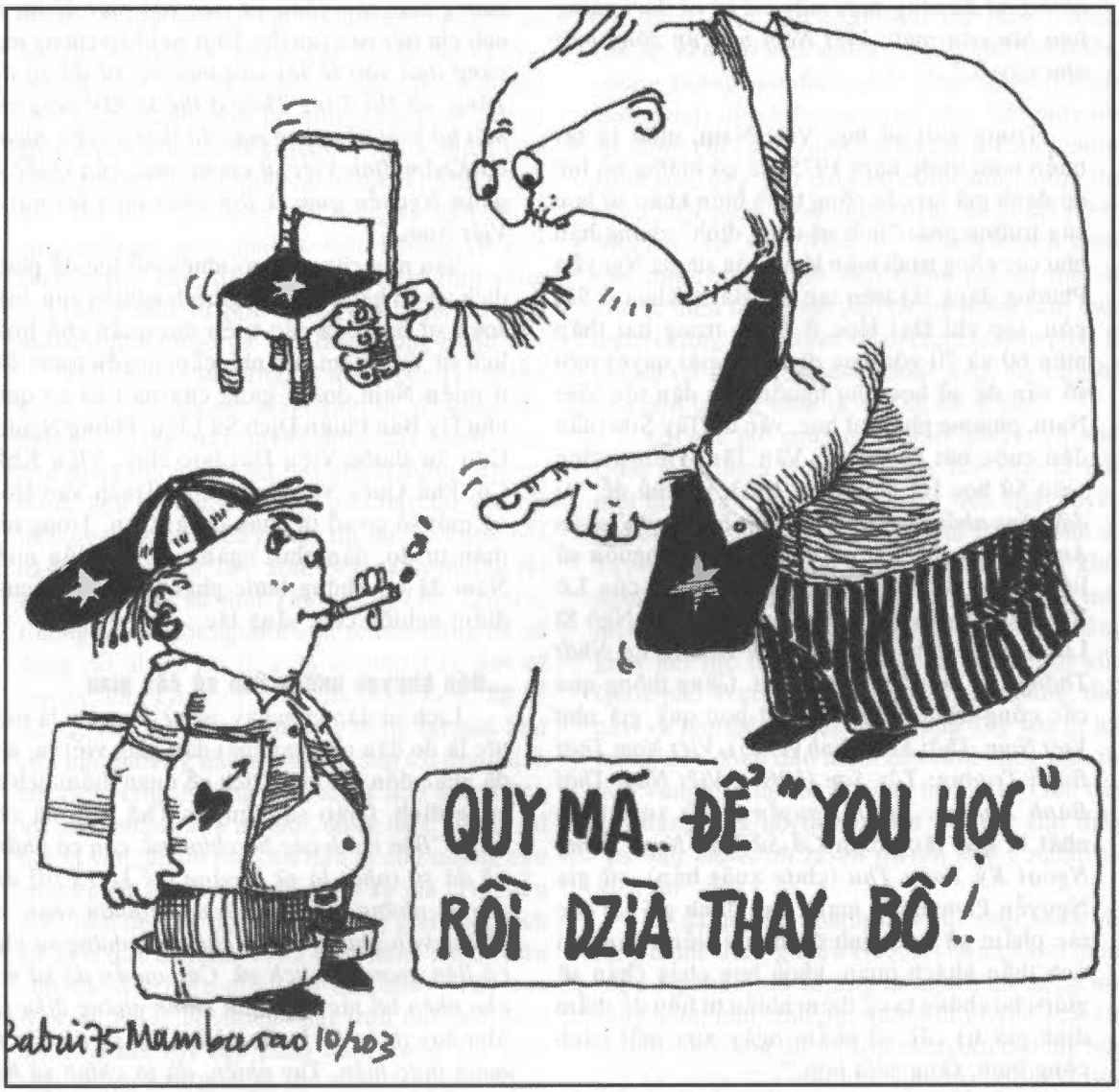

hạn, các bộ sử biên niên chính thống của nước ta trước đây (như bộ Đại Việt sử kí toàn thư chẳng hạn) có thể coi là nguồn sử liệu lớn nhất và đáng tin nhất về các thời đại được ghi chép. Một bộ luật còn lại như luật Hồng Đức không chỉ giúp chúng ta hiểu được tư tưởng của giai cấp thống trị ở thế kỉ XV mà còn để lại cho chúng ta một số thông tin đáng quý về tình hình xã hội"[14] Tình hình xã hội là gì, dưới con mát những người viết sử thuộc giai cấp vô sản, nếu không phải là thực trạng của cuộc sống mọi tầng lớp dân chúng. Khối tài liệu lịch sử viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm (chính sử) còn giữ lại được trong các văn khố quốc gia hay tại các thư viện tư nhân chính là bằng chứng hùng hồn về sức sống mãnh liệt và sinh động của dân tộc Việt Nam.

Về phương diện đánh giá một sử phẩm, mà ở đây lại là một sử phẩm có liên hệ với "lịch sử cung đình," sử gia Nguyễn Phương đã viết: *"Các sử phẩm tồn tại được để thách thức với thời gian thường nhờ hai tính cách: tính cách độc nhất của nó, hay là tính cách đúng đắn hợp với sự trình bày tuyệt diệu của nó. Về phương diện độc nhất, một sử phẩm dầu không hay ho gì, cũng vẫn được mọi người quý mến vì những chứng tích chứa đựng trong nó, mà người ta không thể gặp được ở bất cứ một nơi nào khác. Bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư , chẳng hạn, về mặt văn chương, chẳng có gì hấp dẫn bao nhiêu,*

nhưng nó đã sống được mấy thế kỷ và thiết tưởng bao lâu còn nước Việt Nam nó còn sống mãi như vậy." [15]

Trong giới sử học Việt Nam, nhất là tại miền nam trước năm 1975, đã có những nỗ lực để đánh giá lại các công trình biên khảo sử học của trường phái "lịch sử cung đình" chẳng hạn như các công trình biên khảo của sử gia Nguyễn Phương đăng tải trên tạp chí Bách Khoa ở Sài gòn, tạp chí Đại Học ở Huế trong hai thập niên 60 và 70 với mục đích thử giải quyết một số vấn đề sử học như nguồn gốc dân tộc Việt Nam, phương pháp sử học, vấn đề Tây Sơn (dẫn đến cuộc bút chiến với Văn Tân, viện trưởng viện Sử học Hà Nội, năm 1963, về chủ đề *"Ai đã thống nhất Việt Nam, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh?"*) qua đó thẩm định giá trị các nguồn sử liệu chính thống như *Đại Việt Sử Ký* của Lê Văn Hưu, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên, phân tích giá trị quyển *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô Thời Chí. Cũng thông qua các công trình biên khảo sử học quý giá như *Việt Nam, Thời Khai Sinh* (1965), *Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn* (1967), *Việt Nam Thời Bành Trướng: Trịnh Nguyễn* (chưa xuất bản) nhất là qua tác phẩm *Cổ Sử Việt Nam Trong Ngoại Kỷ Toàn Thư* (chưa xuất bản), sử gia Nguyễn Phương đã mạnh dạn đánh giá lại các tác phẩm sử học kinh điển của tiền nhân với tinh thần khách quan, khoa học chắc chắn sẽ giúp cho chúng ta có thêm nhiều tư liệu để thẩm định giá trị các sử phẩm ngày xưa một cách công bình, sáng suốt hơn.[16]

Dưới thời các vua nhà Nguyễn, ngành biên soạn sử học đã đi vào nền nếp với những công trình đại qui mô nói lên tầm vóc của nhà nước quân chủ phong kiến như các bộ *Khâm Định Việt sử Thông giám Cương mục, Thực Lục, Liệt Truyện Chính Biên, Liệt Truyện Tiền Biên, Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, Đại Nam Nhất Thống Chí, Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu...* được tiếp tục bổ sung, biên soạn qua nhiều thế hệ của triều đại nhà Nguyễn. Nhận định về các công trình biên soạn đó, nhà sử học Tạ Chí Đại Trường cho rằng *"tổ chức ghi chép sử có hệ thống và công trình lưu lại đồ sộ nhất là của triều Nguyễn thế kỉ XIX. Nhà Nguyễn cũng thực hiện một lối viết sử mới có tính chất tổng hợp hơn so với phép biên niên trước, đó là phép cương mục tóm thâu sự việc vào một đề tài và đưa chi tiết vào sau đó. Thật ra phép cương mục cũng dựa vào lề lối của một bộ sử đồ sộ đời Tống, và Hồ Tông Thốc ở thế kỉ XIV từng viết một bộ Việt sử cương mục đã thất truyền, nhưng bộ Khâm định Việt sử cương mục của Quốc sử quán Nguyễn quả là lớn nhất theo lối này ở Việt Nam."* [17]

Sau này cũng đã có nhiều nỗ lực để phiên dịch và ấn hành các công trình nghiên cứu, biên soạn sử học của các triều đại quân chủ trong lịch sử Việt Nam của nhà cầm quyền trước đây ở miền Nam do cố gắng của một số cơ quan như Ủy Ban Phiên Dịch Sử Liệu, Phòng Nghiên Cứu Sử thuộc Viện Đại học Huế, Viện Khảo Cổ, Phủ Quốc Vụ Khanh Đạc Trách Văn Hóa, và một số cơ sở tư nhân ở Sài Gòn. Trong tinh thần tự do, dân chủ, ngành sử học của miền Nam đã có những bước phát triển trong quan điểm nghiên cứu, sáng tác.

...Đến khuynh hướng lịch sử dân gian

Lịch sử dân gian hay *dã sử* cũng chỉ là một, tức là do dân chúng ngoài dân gian viết ra, như đã nhắc đến khi phân tích về quan điểm lịch sử cung đình. Giáo sư Nguyễn Thế Anh đã cho rằng: *"Bên cạnh các bộ chính sử, còn có những bộ dã sử (nhất là từ khoảng thế kỷ XI trở đi); đấy là những quyển sách do tư nhân soạn, do những văn gia đã muốn chép lại những sự việc có liên quan đến lịch sử. Các quyển dã sử này cho phép bổ túc hay đính chính những điều sai lầm hay thiên lệch của những bộ sử do các sử quan thực hiện. Tuy nhiên, dù là chính sử hay dã sử, việc chép sử vẫn chỉ là độc quyền của một giai cấp xã hội hạn chế, giai cấp sĩ phu. Giới này, dù viết sử tại sử quán theo lệnh của nhà vua, hay chép sử tự ý mình, cũng chỉ nhìn thấy có một khía cạnh của sự việc mà thôi, và các tác phẩm của họ chỉ phản ảnh các chuyên tâm của giai cấp sĩ phu; họ nhìn các giai cấp xã hội khác theo cái nhìn riêng của giới sĩ phu: các hoạn quan là địch thủ của họ tại triều đình, thường được trình bày như là những loạn đảng; giới thương gia của các đô thị ít khi được đề cập đến; nông dân chỉ được nhắc đến khi mà họ nổi loạn và đe dọa trật tự xã hội."* [18]

Những người viết dã sử hay sử liệu tư nhân đa số đều không muốn để tên họ rõ ràng trên tác phẩm của mình, có lẽ là do họ ưu tư về

những di lụy, vướng víu với những hệ quả do ảnh hưởng của tác phẩm gây ra cho họ và cho con cháu về sau, là những tư nhân hay văn gia có ý muốn biên soạn lại những biến cố hay sự kiện có liên quan đến lịch sử do ý thích của mình hay do những quan hệ nào khác khiến cho họ cảm thấy thôi thúc cần viết lại. Vấn đề tư nhân viết sử, xuất phát do việc Khổng Tử viết sách Xuân Thu, đã làm tăng thêm tính sáng tạo trong nền sử học Việt Nam vốn chịu rất nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung quốc [19].

Thật ra, dã sử cũng đã đóng góp rất nhiều trong việc bổ khuyết cho chính sử, đã giúp cho người viết sử giải quyết được rất nhiều vấn nạn trong khi nguồn sử học chính thống không đủ tư liệu để cung cấp lời giải đáp do vấn đề liên quan đạt ra. Lấy một thí dụ về cuộc nổi dậy của anh em Tây Sơn, bên cạnh những tài liệu về chính sử như *Thực Lục*, *Liệt Truyện*, *Cương Mục*, giới nghiên cứu sử học cũng đã sử dụng rất nhiều tài liệu dã sử như *Tây Sơn sử truyện*, *Vãn Lê di sử*, *Tây Sơn thuật lược*, *Lê kỷ dã sử*, *Việt sử bổ di*... để xây dựng lại quá khứ của một thời kỳ nhiễu nhương đen tối trong lịch sử Việt Nam. Những giai thoại lịch sử, những lời đồn, những câu ca dao, đồng dao, những lời nói ví von, ẩn dụ mà căn bản là của những câu chuyện dã sử đã cung cấp cho sử gia rất nhiều chất liệu để xây dựng lại cả một giai đoạn lịch sử kéo dài từ năm 1775 đến năm 1802. Câu chuyện tấm biển đồng đề các chữ "*Tây sơn Nguyễn Nhạc vi vương*" đạt trên núi cao đêm đêm có lửa rọi vào cũng nằm trong âm mưu thần thánh hóa lãnh tụ do chính Nguyễn Nhạc tạo dựng nên đã được dã sử ghi lại. Chuyện kể rằng: "*Nhạc là người cơ trí, bèn làm một biển đồng khắc sáu chư "Tây sơn Nguyễn Nhạc vi vương." Ban đêm ông sai người đem lên dựng tận trên đỉnh núi, rồi cứ canh hai cho đốt lửa chiếu vào. Người ta ai cũng lấy làm lạ. Nhân có ngày giỗ, Nhạc mời người khắp nơi đến dự. Tối đó, khi ăn uống no say rồi, bọn hương hào bảo nhau: "Đã hai tháng nay, ở trên núi ban đêm có lửa, không hiểu chuyện gì?" Tất cả hùa nhau đi xem, Nhạc cũng xin đi theo. Khi họ đến lưng chứng núi, ở trên bỗng có tiếng hô to xuống rằng: "Chúng bay lên núi làm gì?Có ai là Nhạc đó không?" Họ khiếp sợ, Nhạc cũng thất kinh. Họ thưa lại rằng: "Tên thần hỏi Nhạc làm gì?" Người trên núi nói: "Chúng bay dừng lại đó, chỉ Nhạc được lên nhận mật thư thôi." Nhạc run sợ, kêu nài mọi người xin cho khỏi phải lên, nhưng không sao được. Rồi Nhạc lên núi nhận xuống một tấm biển mang về nhà. Khi thấy tên họ được ghi rành rành, ai nấy đều kinh khủng. Hôm sau, ông giết trâu bò cùng dân chúng thề ước chiêu quân. Mọi người đều cho là điềm tốt. Nhiều kẻ tin theo Nhạc.*" [20] Câu chuyện được vận dụng trong một thời điểm mà sự mê tín vốn là hiện tượng rất phổ thông trong tâm thức quần chúng Việt Nam, chác chán không phải là không có tác dụng tranh đoạt được sự ủng hộ của dân chúng nhất là những kẻ ít học.

Với câu nói ngắn ngủi như "*binh triều binh Quốc phó, binh ó binh Hoàng tôn*" tuy là của một tài liệu chính sử [21] nhưng tính chất tuyên truyền mang đậm ý nghĩa đả phá và tôn phù do Tây sơn đưa ra trong buổi đầu của cuộc khởi nghĩa, lại dường như mang dáng dấp của một lời đồn chính trị rõ ràng nói lên ý thức đối kháng giữa hai lực lượng một bên là quân đội của Quốc phó Trương Phúc Loan (tham nhũng, thối nát) và một bên là lực lượng của Tây sơn là lực lượng của đông đảo nhân dân (khi xung trận thì la ó vang trời để trợ lực cho thanh thế) lúc bấy giờ đang ủng hộ hoàng tôn Dương, cho thấy "*cả một mánh lới tuyên truyền đầy ý nghĩa và hiệu lực*" [22].

Về dáng dấp, khuôn mạt của một nhân vật lừng danh như Nguyễn Huệ, tài liệu của sử quan triều Nguyễn mô tả ông là người có tiếng nói sang sảng như chuông, tướng đi như hổ, cử chỉ nhanh nhẹn như điện chớp và người đời lúc bấy giờ sợ quân Tây sơn như sợ cọp. Một tài liệu dã sử khác được cho là tả đúng khuôn mạt của Nguyễn Huệ một cách thực hơn: "*Tóc Huệ quăn, mặt mụn đầy, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái tròng rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu...*" [23] hầu như đem lại cả một phong vị thích thú cho người đọc sử về sau hơn là khi đọc thấy nhưng lời mô tả chân dung mang tính ước lệ của văn phong kinh điển của ngòi bút sử quan ngày trước.

Thêm vào đó những câu ca dao lịch sử trước sau thuộc vào giai đoạn tao loạn đó cũng có ít nhiều đóng góp sử sự cho các nhà biên soạn lịch sử về sau như:

Trăm quan có mắt như mờ,
Để cho Huy-quận vào rờ Chính-cung.

nói về việc thông gian giữa quận Huy Hoàng Đình Bảo với Đạng Thị Huệ, mẹ của Trịnh Cán dẫn đến sự sụp đổ của họ Trịnh.

Hay câu:

Đầu cha lấy làm chân con
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi...

là một lối chơi chữ chiết tự như sau: chữ *quang* (tên Quang Trung) có chữ *tiểu* ở trên đem xuống để vào phần dưới của chữ *cảnh* (tên Cảnh Thịnh, con Quang Trung).

Hoặc câu ca dao được truyền tụng một thời:

Lạy trời cho chóng gió nồm,
Cho thuyền chúa Nguyễn dong buồm thẳng ra...

nói lên phần nào lòng dân chúng lúc bấy giờ đối với thời thế có vẻ nghiêng chiều về phía ủng hộ chúa Nguyễn Ánh.

Dĩ nhiên lợi điểm thứ nhất của dã sử là không bị ràng buộc vào khuôn phép khắt khe của triều đình, vào dư luận một chiều hay bầu không khí hoặc mô thức được đóng khung sẵn của xã hội đương đại. Tuy vậy, sự phổ cập nội dung một tài liệu dã sử cũng khó thực hiện nếu nó mang nhiều tính cách chống đối chính quyền hoặc đi ngược lại với dư luận chung trong xã hội. Tư liệu lịch sử do đó sẽ chỉ được lưu truyền trong dòng tộc, bà con mang tính cách của một thứ gia bảo, hay gia phả không tiện phổ biến ra bên ngoài.

Do những hạn chế trong việc bảo lưu tài liệu dã sử trong gia đình nên loại tài liệu này đã bị thất truyền, tam sao thất bản qua thời gian khiến cho việc biên soạn lại lịch sử đất nước gặp nhiều khó khăn mà chính Ngô Sĩ Liên, tác giả *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* cũng đã phải thốt lên ràng: *"Nước ta thiếu sử sách biên chép, mà sự thực đều do truyền văn, lời ghi có phần quái đản, công việc hoặc có sót quên, cho đến sao viết không đúng, biên chép phiền tạp, chỉ làm loạn mắt..."* Dĩ nhiên việc sử dụng tài liệu dã sử đòi hỏi sử gia óc phê phán, phân tích và tổng hợp theo tinh thần khoa học, biết cân nhắc các tư liệu khi đến tay, đánh giá sử liệu với đầu óc nhạy bén, sâu sắc. Việc sử dụng nhuần nhuyễn tài liệu dã sử đòi hỏi nhiều công phu về cẩn án vì phải truy nguyên nhiều thứ có liên quan tới tài liệu ví dụ tác giả, nguồn gốc xuất phát tư liệu, thời điểm, địa điểm, môi trường gia đình, xã hội, thể loại sáng tác (cũng có liên quan phần nào đến địa phương và thời điểm lưu hành tác phẩm).

Một điểm cần lưu ý là sử liệu tư nhân đa số đều là những nguồn sử liệu *tiên nguyên*, sử liệu *trực tiếp* hay là sử liệu *đầu tay* nghĩa là *"tác giả trực tiếp biết sự kiện hoặc là nhờ chính mắt thấy, hoặc nhờ chính tai nghe, hay là chính tác giả là người đã đóng một vai trong các việc xảy ra"*. [24] Trường hợp này có thể dẫn chứng với tác phẩm *Vũ Man Tạp Lục Thư* của Nguyễn Tấn (1821-1871) [25]. Tác giả là một viên Tiểu phủ sứ thuộc sơn phòng Quảng Ngãi, đã tình nguyện đảm nhiệm công cuộc bình định nhóm man Đá Vách từng gây nhiều khốn đốn cho triều đình nhà Nguyễn từ năm 1770 cho đến gần một trăm năm sau. Năm 1863, ông lãnh trách nhiệm ra quân dẹp giặc mọi ở miền núi hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Sau chưa đầy ba năm, ông dẹp xong và thu thập tất cả mọi hiểu biết của ông về núi rừng địa phương cùng phong tục tập quán của các sắc dân thiểu số ở đó, lịch sử kiến trí duyên cách miền thượng du để viết nên tác phẩm độc đáo *Vũ Man Tạp Lục Thư* mà chính cụ Cao Xuân Dục đã đánh giá là *"Tập sách này cũng dùng để bổ túc cho các sách sử trước đây chưa đầy đủ, soi rõ thêm các điều chưa tường tận"* và Henri Maitre, một nhà nhân chủng học nổi tiếng ở Đông Dương trước đây nhận xét đó là một tập hồi ký cung cấp những ghi nhận rất chính xác, rất quý giá về các sắc dân thiểu số ở Quảng Ngãi, thêm vào một trang sử rất kỳ thú về lịch sử xứ ta.[26] *Vũ Man Tạp Lục Thư* đã là một nguồn tài liệu đầu tay và tiên khởi viết về lịch sử vùng thượng du Quảng Ngãi, Bình Định do viên Tiểu phủ sứ đầu tiên viết ra và truyền lại cho con cháu trong dòng tộc ông ở Quảng Ngãi làm kim chỉ nam cho việc bình định các sắc tộc thiểu số ở đây. Các sách vở, trước tác, biên khảo của người Pháp viết về vùng cao Nghĩa Định, rồi phần lớn các sử liệu của triều Nguyễn hoặc sách vở của các tác giả Việt Nam về sau, khi muốn truy cứu về các sắc dân thiểu số ở hai tỉnh này đều dựa trên tác phẩm *Vũ Man Tạp Lục Thư*. Chính một người trong dòng tộc Nguyễn Tấn, Diên-Lộc quận công Nguyễn Thân cũng đã nối tiếp sự nghiệp của cha ông từ chốn rừng cao núi cả của Nghĩa Định sơn phòng, ổn định cuộc sống người dân thượng du ở đó, phát triển các phương

lược chiến đấu và củng cố tư thế vững mạnh cho cơ sở quốc phòng và phát triển ở núi rừng miền tây Trung kỳ, nhờ vào kinh nghiệm tích lũy từ cuốn sách *Vũ Man Tạp Lục Thư* này [27].

Đối với những người viết sử theo khuynh hướng vô sản mác xít, việc thừa nhận các thành quả của nền sử học tư sản quả thật là khó khăn. Tuy vậy, trước những kết quả khó lòng phủ nhận được giá trị của nguồn tư liệu chúng ta đã thử lược qua ở hai phần tham khảo và nhận định nói trên, chính họ cũng phải xác nhận rằng "*sử liệu tư nhân thực sự là nguồn sử liệu có giá trị và phong phú nhất về sinh hoạt xã hội và kinh tế, văn hóa hiện đại cũng như thời xưa. Nghiên cứu các vấn đề lịch sử kinh tế, xã hội thời xưa mà thiếu nguồn sử liệu tư nhân tức là thiếu về cơ bản tình hình thực tế của các vấn đề đó.*" [28]

Từ khi việc biên soạn lịch sử do độc quyền của các viên chức nhà nước dưới các chế độ quân chủ phong kiến hình thành có qui củ đến ý thức tự viết lấy lịch sử và do đó tạo nên khuynh hướng dã sử ở ngoài khuôn khổ của triều đình, thật ra *nền sử học Việt Nam* nói chung cũng chỉ nhắm nhiều vào mục đích nêu gương tốt, bài trừ việc xấu, răn dạy hậu thế với những sử sự điển hình, chung chung. Đến khi người Pháp có mạt ở Đông Dương, khuynh hướng viết sử *mang một chiều hướng mới*, và về sau sử học lại đi tới nhiều bước phát triển quan trọng chứa đựng các sắc thái cá biệt, xung khắc lẫn nhau trong khuôn khổ của các cuộc chạm trán ý thức hệ chính trị mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong một bài nghiên cứu sau.●

New Jersey 10-8-2003

CHÚ THÍCH:

1.- Một bài phú nổi danh của Tô Thức tức Tô Đông Pha (1036-1101) thời Đường.

2.- Nói về những cuộc luận chiến giữa các quan điểm sử học mác-xít và sử học quốc gia trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam trước đây khởi đi từ việc bút chiến giữa Văn Tân của Viện sử học Hà Nội với giáo sư Nguyễn Phương ở Sài gòn trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử (1959) và tạp chí Bách Khoa & tạp chí Đại Học (1963, 1964) ở Sài Gòn và Huế về chủ đề "Ai đã thống nhất Việt Nam, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh" đến việc các sách vở Cộng Sản viết sau năm 1975 lên án một số các sử gia miền nam như Nguyễn Phương, Tạ Chí Đại Trường về các vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam, phương pháp luận sử học, vấn đề Tây sơn v.v... và trong các trại học tập cải tạo của nhân viên và quân đội chế độ VNCH sau ngày 30-4-1975.

3.- Trương Như Tảng, *A Viet Cong Memoir*, Nhà xuất bản Vintage Books, New York, 1985, tr.

4.- Trần Gia Phụng, *Án tích Cộng Sản Việt Nam*, Nxb. Non Nước, Toronto, Canada, 2001, xem *Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh*, tr. 335

5.- Tạ Chí Đại Trường, *Những bài văn sử*, Nxb. Thanh Văn, California, tr. 137.

HOÀNG DUY KHÁNH

EM ĐI XEM LỄ

Em đi xem lễ buổi mai
Đôi là áo mỏng chưa phai nỗi sầu
Sầu riêng tôi giữ đã lâu
Sầu em còn có gối đầu hằng đêm
Tôi đi tìm giấc mơ êm
Mà loanh quanh mãi những thềm lá bay
Em cầu xin đấng Ngôi Hai
Cho nhân gian được tháng ngày bình yên
Em về tóc thả vai nghiêng
Hình như vơi được chút phiền muộn tôi.

6.- Nguyễn Phương, *Phương pháp sử học*, Phòng Nghiên Cứu Sử, Viện Đại Học Huế xb.,1964, tr. 71.

7.- Vương Tuệ Mẫn (chủ biên), *100 Danh Nhân Có Ảnh Hưởng Đến Lịch Sử Trung Quốc*, bài *Tư Mã Thiên, sử gia thông hiểu những thay đổi xưa nay tự trở thành trường phái riêng*, tác giả Trương Đại Khả. Bản dịch của Tiến Sĩ Nguyễn Văn Dương, Nxb. Văn Hóa - ThôngTin, 2002, tr. 280.

8.- Nguyễn Phương, Sách đã dẫn, tr. 133.

9.- Nguyễn Thế Anh, *Nhập Môn Phương Pháp Sử Học*, Sài Gòn, 1974, tr. 10.

10.- Tạ Chí Đại Trường, *Những bài văn sử*, Nxb. Thanh Văn, Cali., 2000, tr. 137.

11.- Đại Dương, *Thư gởi người mới quen*, Diễn Đàn Tự Do số 3, 30-9-1995.

12.- Tạ Chí Đại Trường, *Lịch Sử Nội Chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, Nxb. Văn Sử Học, Sài Gòn, 1973, tr. 16.

13.- Nguyễn Phương, *Việt Nam Thời Khai Sinh*, Phòng Nghiên Cứu Sử, Viện Đại Học Huế xb, 1965, tr. 155.

14.- Lê Văn Sáu, Trương Hữu Quýnh, Phan Ngọc Liên, *Nhập Môn Sử Học*, Nxb. Giáo Dục, 1987, tr.101.

15.- Nguyễn Phương, *Phương Pháp Sử Học*, Sđd, tr. 59-60.

16.- Nguyễn Đức Cung, *Viết về một sử gia Việt Nam đã ra đi, Linh mục Trúc Long Nguyễn Phương* (1921-1993), Tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong, số 435-436, tháng 1 và 2 năm 1994, xb. tại Virginia, Hoa Kỳ. Nguyễn Đức Cung, *Tưởng niệm sử gia Nguyễn Phương*, nguyệt san Đất Mẹ, Houston, số 49 , tháng 2 – 1994. Trần Gia Phụng, *Sử gia Nguyễn Phương, người đặt vấn đề*, trong *Những câu chuyện Việt sử*, tập 2, Nxb, Non Nước, Toronto, 1999, tr. 393.

17.- Tạ Chí Đại Trường, *Những bài văn sử*, Sđd. tr. 137.

18.- Nguyễn Thế Anh, Sđd, tr. 5.

19.-Vương Tuệ Mẫn, Sđd, bài *Khổng Tử, gương sáng muôn đời sánh ngang quân thân* (vua và cha mẹ) *Trời Đất*, của Trương Kỳ Hồng, tr. 41.

20.- Nguyễn Phương, *Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1967, tr. 31.

21.- *Chính biên liệt truyện*, q.30, 2b.

22.- Nguyễn Phương, *Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn*, Sđd, tr. 41.

23.- Tạ Chí Đại Trường, *Lịch Sử Nội Chiến*... Sđd, tr . 271.

24.- Nguyễn Phương, Phương Pháp Sử Học, Sđd, tr. 69.

25.- Nguyễn Đức Cung, *Lịch Sử Vùng Cao Qua Vũ Man Tạp Lục Thư*, Nxb. Nhật Lệ, Philadelphia, Hoa Kỳ 1998.

26.- Nguyễn Đức Cung, Sđd, tr. 84.

27.- Nguyễn Đức Cung, *Diên-Lộc Quận-Công Nguyễn Thân*, Nxb. Nhật Lệ, Philadelphia, Hoa Kỳ, 2002, tr. 90.

28.- Lê Văn Sáu, Trương Hữu Quýnh, Phan Ngọc Liên, Sđd, tr. 102.

Một số suy nghĩ
NHÂN VỤ BÙI ĐÌNH THI

PHẠM PHÚ MINH

LTS. Vào đầu tháng Năm năm 1979, một vụ trốn trại đã xảy ra tại trại cải tạo Thanh Cẩm thuộc tỉnh Thanh Hóa, một trại nhốt tù nhân chính trị miền Nam sau 1975. Năm người thực hiện việc vượt trốn là cựu đại tá Trịnh Tiếu, Linh mục Nguyễn Hữu Lễ, cựu dân biểu Đặng Văn Tiếp, giáo sư Nguyễn Sĩ Thuyên và ông Lâm Thành Văn. Như thường lệ, sau khi bị bắt lại, tất cả mọi người trốn đi đều bị đánh đập tàn nhẫn, trong đó có hai người chết là Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn.

Ông Bùi Đình Thi nguyên là sĩ quan quân đội VNCH, cũng là một tù nhân cải tạo, thời gian bấy giờ đang giữ chức vụ Trật tự của trại, coi như một loại phụ tá cho cán bộ trực trại. Những người sống sót trong vụ trốn trại, sau này thuật lại, đặc biệt là Linh mục Nguyễn Hữu Lễ trong một số bài viết, rằng ông Thi có tham gia trong việc đánh đập nói trên và trực tiếp gây ra cái chết cho dân biểu Tiếp.

Tháng Chín 2003 vừa qua Tòa án Di dân Los Angeles truy tố ông Bùi Đình Thi về những cách đối xử dã man của ông với bạn đồng tù. Phiên tòa hiện chưa chấm dứt. Cộng đồng tị nạn Việt Nam rất chú ý đến vụ án này, mà bài viết sau đây là một trong các ý kiến liên quan đến nội vụ.

Trong cái xã hội nho nhỏ là cộng đồng người Việt Nam tại Quận Cam, và có thể tại nhiều vùng khác nữa, hiện đang xôn xao về vụ Bùi Đình Thi bị bắt để chờ ra tòa án của Sở Di Trú. Đồng bào đã nghe biết về vụ này từ mấy năm trước qua các bài báo của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ kể chuyện bị anh Bùi Đình Thi đánh đập trong nhà tù Thanh Cẩm, qua loạt bài phỏng vấn vào năm 2001 của báo Người Việt với các nhân vật liên hệ như cha Lễ, anh và chị Bùi Đình Thi, qua sự kiện cha Lễ đã thân hành đến nhà anh Bùi Đình Thi để nói lên lời tha thứ... Nhưng cho đến gần đây quần chúng không biết hoặc ít được biết về việc anh Bùi Đình Thi đã bị ông Nguyễn Đình Tháng, Chủ tịch của Tổ Chức Cứu Người Vượt Biển đệ đơn kiện về những việc ác anh Thi đã làm tại trại Thanh Cẩm, vì với những việc này, anh không xứng đáng được hưởng quy chế tị nạn tại Hoa Kỳ. Suốt từ năm 2001, những toán điều tra của cơ quan INS (Sở Di Trú) đã nhiều lần gạp gỡ hỏi chuyện một số cựu tù nhân trại Thanh Cẩm, trong đó có người viết bài này, về các vụ việc xảy ra hơn hai mươi năm trước liên quan đến

chuyện anh Bùi Đình Thi đánh chết người và đối xử vô nhân đạo với những người khác.

Với tư cách nhân chứng, tôi đã kể lại những gì mình biết và còn nhớ được trong thời gian tháng Năm năm 1979 tại trại Thanh Cẩm, khi vụ trốn trại và sự trừng phạt khốc liệt xảy ra, làm chết hai trong năm người thực hiện việc trốn đi. Nói chung những thông tin của tôi cung cấp không có gì cụ thể lắm, vì tôi không trực tiếp nhìn thấy những việc đánh đập xảy ra ở khu kiên giam, nhưng tôi có thể khẳng định Thi là một người hung ác dựa theo nhận định riêng của tôi và những lời kể của bạn bè trong trại, và của cha Lễ sau này, nhất là của đại tá Trịnh Tiếu (một trong những người trốn trại còn sống sót) là bạn thân của tôi, những năm sau khi rời kiên giam đã sống gần gũi với tôi một thời gian dài cho đến ngày cùng được thả ra khỏi trại tù vào đầu năm 1988, và sau này còn nhiều dịp gạp nhau ở Hoa Kỳ.

Khi tôi nói Thi là một người hung ác là tôi chỉ dựa vào những điều tôi nhận định thời gian Thi làm trật tự ở trại Thanh Cẩm, khoảng năm 1979, chứ trước đó tôi không hề biết anh ta, và sau này sau khi ra khỏi tù tôi cũng không có dịp tiếp xúc, dù là ở Việt Nam hay khi đã qua Hoa Kỳ. Theo chị Bùi Đình Thi trong buổi gạp gỡ với phóng viên báo Người Việt năm 2001 thì anh Thi là một người mộc mạc, trước 1975 là một sĩ quan tác chiến tận tụy, và là một người chồng người cha tốt của gia đình. Sau khi ở tù về cũng lo làm lụng cực khổ để nuôi gia đình, không nghe có điều tiếng gì đạc biệt. Trước và sau thời gian làm trật tự năm 1979, không có dấu hiệu của sự hung ác. Điều này làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Và dần dần nhận ra ràng chính sự cai trị của chế độ cộng sản sau khi miền Nam sụp đổ đã làm nảy sinh ra nhiều hiện tượng rất bất thường, mà trường hợp Bùi Đình Thi chỉ là một vụ việc nổi bật có nhiều người biết mà thôi.

Hầu như toàn thể quân cán chính của miền Nam từ bậc trung trở lên sau khi thua trận đều phải vào tù cải tạo. Theo sự hiểu biết thông thường, tự cổ chí kim, từ đông sang tây, phe thua trận nào cũng phải chịu sự "xử lý" của phe thắng trận, cách này hay cách khác. Tất cả những người tự trọng, dù thua trận, đều hiểu điều đó và cắn răng chịu đựng những gì kẻ thù dành cho mình, cho dầu là những điều xấu nhất, không năn nỉ van xin, hiểu ràng đó là quy luật của cuộc chơi. Năm 1975, chúng ta đã chứng kiến những kẻ quyền thế nhất chạy đi ngoại quốc trước nhất, những sĩ quan cao cấp bỏ đơn vị dẫn gia đình chạy trốn, những trưởng nhiệm sở đã biến mất từ lâu trước khi quân thù đến..., nhưng chúng ta cũng chứng kiến tư cách lẫm liệt "thành mất chết theo thành, nước mất chết theo nước" của những vị tướng quân tuẫn tiết, những vị sĩ quan chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, những công chức túc trực tại nhiệm sở cho đến khi có người đến đòi bàn giao... Nhờ những vị sau này mà chúng ta còn ngẩng mạt lên được khi nói về miền Nam của chúng ta. Nhưng đó là trong biến cố, xảy ra trong khoảnh khắc bản lề của còn và mất, tùy vị thế, hoàn cảnh, người ta có thể có những quyết định xứng đáng với biến chuyển lớn lao đang ập đến.

Nhưng khi cuộc sống tù đày bát đầu với hàng trăm ngàn con người tản mác khắp các trại cải tạo mọc lên như nấm trong nam ngoài bắc thì dần dần, ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, biết bao việc thương tâm, phẫn nộ, đau buồn, đê hèn, nhục nhã liên tục xảy ra.

Khi đói khổ ụp xuống triền miên, khi ngày về hoàn toàn mù mịt, khi được nhắc nhở liên tục "về hay không là tùy thuộc ở các anh có tiến bộ hay không" nhiều người dần dần biến chất. Cái đói triền miên làm cho con người biến sang một trạng thái khác, không đến nỗi đánh mất mình, nhưng luôn luôn cái bản năng sống còn thúc đẩy phải ra tay kiếm một cái gì đấy để bỏ vào cái bao tử lúc nào cũng lép kẹp. Để cứu lấy mình. Trong hoàn cảnh ấy thì thấy tự nhiên thôi. Nhưng dù vậy, phần đông tù nhân cải tạo đều biết giữ tư cách của mình, và luôn luôn nhắc nhở nhau làm việc ấy. Giữ tư cách đây là khẳng định cách thế cư xử với kẻ đang giam cầm mình. Không nịnh bợ, không cầu xin, giữ thái độ đàng hoàng đối với họ. Nhờ thế, dần dần đám cán bộ cũng đâm ra nể mình. Nhưng anh em bấm nhau cảnh giác trước những kẻ làm ăng-ten. Nhận nhiệm vụ một cách kín đáo với an ninh trại báo cáo mọi sự việc xảy ra trong đám tù, nhất là những lời nói "phản động," các hành động "tiêu cực" và quan trọng nhất là các âm

được hứa hẹn như thế). Dù là nhận công tác một cách hoàn toàn bí mật, có cái lạ là trước sau những kẻ làm ăng-ten đều bị anh em biết hết, và họ bị lánh xa, cuộc sống gần như cô lập. Dễ nhận ra nhất là những lần váng mạt bất thường của các đương sự để đi báo cáo, hoặc ở hiện trường lao động, hoặc giờ nghỉ trong trại. Ang-ten thì cũng nhiều mức độ, có người báo cáo cầm chừng, cho có (loại này thường bị chê là thiếu tích cực), nhưng cũng có người làm công tác này một cách năng nổ và... thông minh, len lỏi, tìm hiểu những câu chuyện trò, những lời than vãn hay diễu cợt, thậm chí cả câu ca tiếng hát của bạn đồng tù, xào nấu cho có đầu có đuôi, có khi cho thành âm mưu, kế hoạch để báo cáo với an ninh, mong "lập công" lớn. Loại sau này bị các bạn tù ghét nhất, liệt vào thành phần "hại anh em." Nhiều người đã bị đi kỷ luật hoặc bị trừng phạt tàn khốc vì những báo cáo này. Chung quy chỉ vì câu hứa hẹn "tiến bộ, mau về." Ang-ten loại này luồn lọt, nguy hiểm và không lộ mạt, khó tính hết những tác hại của họ đối với anh em.

So với thành phần ăng-ten thì chức sắc kiểu như Bùi Đình Thi là những người được "bổ nhiệm" chính thức, nếu làm theo đúng chức năng được giao – phụ cán bộ đóng mở cửa buồng giam, đưa bữa ăn lên khu kiên giam và kỷ luật, coi sóc vấn đề vệ sinh tại các buồng, kiểm tra các đội khi đi làm về v.v... - thì cũng chẳng có gì gây hại cho anh em, ngược lại có người còn kín đáo giúp đỡ được một số anh em, nhất là những kẻ đang khốn đốn trong kiên giam, kỷ luật. Nhưng khốn nỗi Bùi Đình Thi lại cũng mang cái tâm lý muốn lập công, và hình như càng ngày ý muốn lập công lại càng thôi thúc mãnh liệt. Luôn luôn phải tỏ ra mình tích cực hơn nữa. Phải tỏ ra mình tuy là giáo dân nhưng vẫn có thể thẳng tay với mấy ông linh mục, có khi còn mạnh tay hơn là đối với người thường để chứng tỏ tấm lòng trung thành của mình. Không một người trật tự viên nào của trại Thanh Cẩm thuộc thành phần quân nhân công chức miền Nam mà lại đánh bạn tù cả. Thi là trường hợp duy nhất, mà lại hành động quá sức tích cực, vì thế đây là trường hợp điển hình để tìm hiểu về sự thay đổi có tính cách đột biến nơi một con người trước kia vốn là mộc mạc. Có thể trong thời gian đó Thi hành động như một kẻ lên đồng, mê man, không làm chủ được những cú đánh đấm trong cơn say máu của mình. Yếu tố ma quỷ nào trong người anh bỗng đột nhiên sống dậy như thế? Kẻ thủ lợi lớn nhất trong vụ này là cộng sản, họ đã thành công trong việc giam cầm và nghiền nát nhân cách của con người, ít ra là đối với một số người. Phương pháp của họ khá khoa học, trong khi vắt kiệt sức về thể chất với chế độ cho ăn thật ít, bắt làm thật nhiều thì về tâm lý họ liên tục tác động với những buổi học tập, những hứa hẹn "tiến bộ được về sớm" nhen nhóm hoài một nỗi hy vọng tuy xa vời nhưng vẫn là hy vọng, nhất là đối với những người ngây thơ. Mà trong hoàn cảnh đó thì con người dễ thành ngây thơ lắm! Cha Lễ kể khi Thi và Phát đánh một linh mục trên kiên giam, một bảo vệ ngứa tay cũng định nhào vô đấm tiếp thì thiếu úy an ninh Lăng ngăn lại: "Để chúng nó thanh toán nhau." Đó là câu nói làm tôi đau nhất khi nhớ về những năm tù đày. Nó chứng tỏ sự thành công của cộng sản trong việc khai thác những yếu kém về mạt con người của phe bại trận – dĩ nhiên khai thác khi đang giam cầm và hành hạ họ thì cũng chẳng phải là khó khăn gì.

Nhưng khi cả miền Nam rơi vào tay cộng sản thì những biến chất không chỉ xảy ra nơi trại tù, mà cả xã hội bên ngoài. Không kể những anh chị "cách mạng 30" mang băng màu đỏ chạy lăng xăng đây đó, những biến chất xảy ra về sau âm thầm và khủng khiếp hơn theo với sự ép cả xã hội vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của cộng sản. Nhưng có một sự kiện liên quan đến anh em trong tù. Một hôm, một anh bạn trước kia giữ chức vụ cao cấp trong chính quyền được gia đình từ trong Nam ra thăm nuôi, khi vào trại đã thầm thì với tôi: "Toa biết không, có thể 'chạy' được. Có đường giây... bộ Nội vụ..." Tôi nhìn anh, rất đỗi lạ lùng. Anh có thể đồng ý cho gia đình anh làm việc đó không? Từ ngày vào tù, dẫu gì chúng tôi cũng tự coi mình là đại diện cho cả một chế độ của miền Nam, với những lý tưởng tự do dân chủ của miền Nam mà mình biết chắc chắn hơn hẳn cộng sản. Cố gắng giữ tư cách trong tù không những vì danh dự hay vì nền giáo dục vốn có của cá nhân mình, mà một phần nào đấy còn vì

vệ điều đó. Vào tù là chấp nhận sự trừng phạt mà người thua trận phải chịu, nhưng không quỳ gối xin xỏ, cái đó là một sự thật rõ rệt mà chỉ trừ một số ít, tất cả anh em cựu tù nhân cải tạo đều có thể chứng nhận. Tôi không tưởng tượng được cảnh gia đình quân nhân công chức miền Nam phải quỳ gối dâng vàng bạc hoạc những thứ khác cho kẻ thù kèm với lời van xin để đổi lấy sự tự do cho thân nhân của mình. Nỗi nhục thua trận đã đủ lớn cho cả một đời mình và cả con cháu mình, thế chưa đủ sao mà phải tự tạo thêm một nỗi nhục nữa chỉ để sớm thoát thân? Nhưng nỗi nhục đó vẫn đã xảy ra, âm thầm lạng lẽ, tưởng như không ai biết, nhưng cần gì ai biết hay không biết, miền Nam vẫn mang thêm một nỗi nhục, quan chức ngoài Bắc lại giàu thêm một mớ bạc vàng và cả sự đắc ý...

Tôi có một anh bạn người miền Trung, cha của anh ta là bạn học của ông Phạm Văn Đồng thời trung học ở trường Quốc Học Huế. Sau 1975 anh đi tù ngoài Bắc, cha anh ở nhà có nhiều cơ hội có thể xin cho anh về, nhưng ông cụ không làm. Sau sang Hoa Kỳ tôi có gặp lại anh và nghe anh tâm sự: "Ở trong tù tôi oán ông cụ lắm, vì tôi biết ở vị trí của ông, ông có thể xin cho tôi ra tù dễ dàng. Nhưng ông không nói một lời, cho đến ngày ông qua đời. Bây giờ nghĩ lại tôi mới hiểu ông không xin vì ông tôn trọng tôi, ông không muốn tôi mang thêm một nỗi nhục nhã nữa, nỗi nhục quỳ gối xin xỏ kẻ thù. Bây giờ tôi mới hiểu nỗi lòng của cha tôi, ông chỉ là một nhà giáo hiền lành, giản dị, nhưng có những nguyên tắc sống rất là lớn lao. Ông biết tôi có thể chết trong tù, nhưng ông chấp nhận điều đó hơn là bắt tôi phải chịu nhục. Nhân cách của tôi được ông che chở như thế không đến nỗi bị sứt mẻ trong cơn đổi đời. Ngày nay tôi còn ngẩng mặt nhìn mọi người mà lòng không xấu hổ là nhờ ông. Đó là bài học lớn nhất cho cả một đời tôi, do ông cụ dạy tôi bằng sự im lặng."

Bài học của anh bạn tôi cũng là bài học cho tôi, và có lẽ, cho tất cả chúng ta.

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI BÙI ĐÌNH THI

Vụ Bùi Đình Thi đã khiến tôi liên tưởng đến bao nhiêu điều không vui khác của chúng ta sau năm 1975, như vừa nêu ra trên đây. Tất cả chúng ta đều là nạn nhân của một hoàn cảnh đạc biệt. Hoàn cảnh ấy làm nảy sinh những cái quái dị mà nếu bình thường thì khó có ai hình dung nổi. Khi nhớ ra điều đó, có lẽ chúng ta thấy lòng dễ thông cảm và tha thứ hơn. Và hãy nhớ cho kỹ lại, có thể nhiều lần chúng ta còn phải tha thứ cho chính chúng ta nữa kìa! Đối với số đông, làm anh hùng rất khó, phải thành thật mà nhận như vậy. Có lẽ biết vậy nên đa số chúng ta không mấy ai dám tự xưng anh hùng trong thời gian tù tội. Không tự thẹn với mình đã là may lắm rồi.

Đông đảo người Việt tị nạn đang nóng lòng theo dõi vụ án Bùi Đình Thi. Hiện tượng 800 cuốn hồi ký Tôi Phải Sống của linh mục Nguyễn Hữu Lễ, giá 32 đô la một cuốn, bán hết sạch chỉ trong mấy tiếng đồng hồ buổi chiều ra mắt sách 21 tháng Chín vừa qua tại Little Saigon cho thấy thiên hạ náo nức về vụ Bùi Đình Thi như thế nào. Cuốn sách đã được chọn thời điểm và nơi chốn ra mắt thật đúng lúc, đúng chỗ. Một người bạn của tôi tham dự buổi ra mắt sách đã nói đùa rằng nếu cha Lễ trích một phần số tiền bán sách để tạng cho gia đình Bùi Đình Thi đang lúc khó khăn bối rối thì thật là vừa nhân đạo vừa công bằng.

Chác ràng rất nhiều người, nếu không nói là tất cả mọi người, đều phẫn nộ khi nghe nói về những hành vi của Bùi Đình Thi khi ở trong tù. Trong tất cả những việc đáng tiếc mà chúng ta đã làm, đây là một điều nổi bật nhất. Một số người đã tỏ thái độ lên án Bùi Đình Thi một cách nặng nề, trước cả tòa án. Cách đây mấy ngày, ký giả Thiện Giao của báo Người Việt sau khi đi thăm chị Bùi Đình Thi về có viết một bài tường thuật tình cảnh của gia đình chị, có lẽ với một chút thương cảm kín đáo, đã bị một độc giả gọi điện thoại vào máng: Bộ muốn tiếp tay cho cộng sản phải không? Thái độ quá khích không muốn ai nghĩ khác mình, dù chỉ là tình thương một người vô can trong cơn hoạn nạn, có thể khá phổ biến trong cộng đồng của chúng ta. Nếu đúng như thế thì là điều đáng buồn. Việc gì cũng vậy, nên xét một cách bình tĩnh và với tấm lòng nhân. Không thể có thiện cảm với một người mà mình nghĩ làm nhiều điều ác, cái đó dễ hiểu, nhưng ghét luôn cả gia đình người ta trong lúc đang lâm vào cảnh đau buồn và khó khăn, ghét đến độ không chịu cho người khác bày tỏ một thút tình lân mẫn, thì quả là quá đáng, nếu không nói là quá quát. Tại sao một số người trong chúng ta hay có những cách phán xét một cách cực đoan như vậy? Ông bà chúng ta thường nói "nghĩ đi thì có lúc cũng phải nghĩ lại," có nghĩa là sự việc gì cũng ẩn chứa nhiều mạt trong đó, cảm nhận một lần có thể chỉ thấy một mạt thôi, từ từ suy nghĩ lại có thể phát giác nhiều khía cạnh khác. Nóng vội, cực đoan thì luôn luôn chỉ nhìn mọi chuyện một cách phiến diện, hời hợt trên bề mạt, còn thực chất ra sao thì không biết. Mọi đánh giá, phán đoán trong tình trạng đó thường là sai lệch.

Thái độ cực đoan trên đây rất thường thấy trong chế độ cộng sản. Đó là chủ trương căn bản của họ: mọi điều đảng nói ra đều đúng, ai nói khác là có tội. Cộng sản không cho phép ai được phê phán các chủ trương của đảng. Muốn kết án ai thì đưa ra tòa, và tòa án chỉ là công cụ để tuyên những bản án do đảng làm sẵn. Trên nguyên tắc tòa chưa tuyên án thì chưa có tội, thế nhưng trong chế độ cộng sản, chỉ sắp đưa ra xử, báo chí đã đồng loạt viết bài lên án, chưởi bới rồi. Có nghĩa là bị cáo đương nhiên phải bị kết án và bị trừng trị. Có trường hợp luật sư hăng hái bênh vực bị can quá cũng bị báo chí chưởi luôn! Một số cá nhân trong cộng đồng chúng ta cực đoan thì có lẽ chỉ do tính khí, nhưng cái cực đoan của cộng sản thì là một chủ trương dứt khoát nhằm làm một gọng kềm siết cổ cả xã hội. Rời bỏ chế độ cộng sản để tìm tự do, điều đầu tiên chúng ta phải ý thức là sự tự do ngay trong tinh thần của chính chúng ta. Cực đoan, không cần đếm xỉa ý kiến người khác, kết án vô tội vạ, hùa theo đám đông mà không chịu tìm hiểu bằng chính cái đầu của mình..., đó là những gông cùm di lụy làm cho chúng ta vẫn còn trong tình trạng nô lệ, mạc dầu đang ở trên đất tự do. Chỉ có thể tự mình thoát khỏi sự tù hãm do chính mình gây ra bằng cách phá vỡ cái não trạng chật hẹp tù túng của mình, để từ đó được tự do thực sự.

Trong buổi ra mắt sách Tôi Phải Sống của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ tổ chức tại hội trường của đài Little Saigon Radio tuần trước đã xảy ra một việc bất ngờ, thoáng qua, nhưng ý nghĩa thật to lớn. Một trong những vị khách tham dự

đã phát biểu ý kiến là cô Hàng. Cô Hàng cho biết vừa mới qua Mỹ được chín tháng và câu hỏi cô nêu lên với Linh mục Nguyễn Hữu Lễ là, tại sao trong lúc đất nước oàn oại, khổ đau dưới chế độ cộng sản thì các vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo lại bỏ đi, mà không ở lại chịu chung nỗi đau với dân tộc. Linh mục Lễ trả lời ràng, khi ra khỏi nhà tù sau 13 năm bị giam cầm, ông không còn đất sống ngay trên quê hương của ông, vì chế độ vẫn thi hành những biện pháp trấn áp với ông. Do đó, ông bát buộc phải vượt biên. Một số người đã la ó phản đối câu hỏi của cô Hàng. Thậm chí, có người còn nói bàng thái độ hăm dọa gián tiếp là cô nên giữ mình, và cẩn thận khi ra về.

Trước thái độ đó của một số người, MC buổi ra mát sách là anh Đinh Quang Anh Thái đã xin phép Linh mục Lễ để có ngay đôi lời với quan khách tham dự. Bàng một giọng đanh thép, anh Thái nhấn mạnh ràng, anh rất phẫn nộ trước hành vi thiếu dân chủ của một vài người trong và ngoài hội trường và nói ràng *"chúng ta bỏ đất nước ra đi vì không thể chấp nhận một chế độ cai trị độc đoán, lúc nào cũng cấm đoán người dân, không cho người dân nói khác ý kiến của nhà cầm quyền. Tập thể người Việt tỵ nạn hải ngoại đang sống trong một đất nước dân chủ tự do, vậy mà dường như chúng ta chưa học được cung cách sinh hoạt dân chủ tự do. Chị Hằng nêu câu hỏi với linh mục Lễ bằng một thái độ hết sức tôn trọng và hòa nhã. Chúng ta có thể đồng ý hay không đồng ý với điều chị nói, nhưng chúng ta không nên tỏ thái độ dọa nạt, la ó như vậy. Hành động như thế, chúng ta không thể giải thích được sự hiện diện của chúng ta ở xứ sở này."* Anh Thái còn nhắc lại câu nói của một danh nhân, ràng *"tôi có thể không đồng ý với quan điểm của quý vị, nhưng tôi sẽ chiến đấu tới cùng để bảo quyền của quý vị nói ngược lại quan điểm của tôi."* Quan khách đã vỗ tay tán thưởng quan điểm của anh Thái. Hy vọng những tràng pháo tay đó sẽ càng ngày càng lớn, càng vang dội tạo tác dụng xóa nhòa những loại tính khí không xứng đáng chút nào với con người trưởng thành và tự do.

Chúng ta trở lại với chuyện Bùi Đình Thi.

Trước một tội ác, xã hội và cá nhân từng người có thể có hai thái độ và ứng xử khác nhau. Xã hội, mà cụ thể là những cơ chế điều khiển đất nước của từng xứ sở, phải có những biện pháp đối với những kẻ gây ra tội ác. Phạm tội gì, mức độ gây thiệt hại bao nhiêu, thì phải có những hình phạt tương xứng được ghi thành luật lệ rõ ràng.

Nhưng đối với từng cá nhân thì thái độ không cần phải nhất thiết giống như chính quyền, vì đây là vấn đề giữa người với người chứ không phải của một cơ chế, một guồng máy với người. Guồng máy dựa trên nguyên tắc, còn người thì dựa theo tình người. Trước một vấn đề, mỗi cá nhân đều có quyền có ý kiến riêng của mình và được quyền phát biểu. Người khác có thể không đồng ý với ý kiến đó và nói lên lập trường của mình, nhưng luôn luôn tôn trọng quyền phát biểu của người khác. Đó là một lề thói, một thành tựu rất đáng ca ngợi mà con người, sau bao nhiêu thế kỷ suy ngẫm về bản thân mình và bản chất sự cộng tồn của tập thể xã hội, mới nhìn thấy và tranh đấu dai dẳng với nhiều máu và nước mắt mới có được. Chúng ta may mắn đang được sống trong thời đại và xứ sở những điều tốt đẹp như thế đã trưởng thành từ lâu, chúng ta cũng nên học và tận hưởng những sự tốt đẹp đó với tư cách những con người trưởng thành.

Dĩ nhiên với lương tri nói chung, con người đều đồng ý với nhau về những điều thiện, điều ác: Thiện thì cần khuyến khích, ca ngợi, học hỏi, Ác thì phải ngăn ngừa, trừng trị để nó không phát triển. Thế nhưng với tư cách là những cá nhân độc lập, mỗi người đều có quyền có thái độ riêng, phù hợp với quan niệm về thiện ác của mình. Theo thường tình, một người vô cớ tát vào mạt chúng ta thì chúng ta tát lại một cái, cho huề. Thế nhưng cách đây những hai ngàn năm, chúa Giê Su bảo nó tát ta bên má phải thì ta giơ nốt má trái cho nó tát. Theo thường tình, ai gây những điều đau khổ cho bản thân ta thì ta phải gây trở lại cho họ sự đau khổ tương xứng, để trả thù, nhưng cách đây hai ngàn rưỡi năm Phật Thích Ca lại nói: lấy oán trả oán, oán oán chập chồng, lấy ân trả oán, oán oán tiêu tan. Đó là những cái thấy của bậc thánh nhân về bản chất của việc ân oán trong cõi nhân sinh. Người phàm chúng ta khó mà theo được những nguyên tắc ứng xử như thế, nhưng những điều dạy của các ngài đã thành chân lý, từ mấy ngàn năm loài người luôn luôn phải ráng để mà theo vì biết khi đạt được cái đó thì nhân tính của mình mới được phát triển

toàn diện. Mà cốt lõi nhân tính thì cũng chẳng có gì là rắc rối: lấy thương yêu mà sống với nhau, thay vì là oán thù. Tuy đơn giản, bài học ấy vô cùng khó, mỗi người phải cố gắng tự thắng mình từng chút một để cho tình thương nơi mình lớn lên, oán thù thu nhỏ lại, nhích dần mỗi lúc một tí tới chỗ hoàn thiện.

Bùi Đình Thi bị tố giác đã làm những việc ác, cơ quan trách nhiệm tiến hành điều tra để đưa ra tòa xét xử, hầu bảo đảm công lý cho xã hội. Đó là việc của một cơ chế xã hội. Nhưng Linh mục Lễ, một nạn nhân trực tiếp của Thi, lại có thể có những quyết định ngược lại, cách đây mấy năm ông đã đến nhà anh Bùi Đình Thi và nói lời tha thứ cho anh. Công lý của xã hội không tha thứ nhưng cha Lễ có thể tha thứ. Mỗi bên dựa trên đạo lý riêng của mình. Xã hội dựa trên trách nhiệm đối với quần chúng, cha Lễ dựa trên lòng nhân. Đối với một tấm lòng nhân từ, thương xót những yếu hèn lầm lỡ của con người, thì trừng trị, làm khổ một con người, dù là người đó từng làm khổ mình, không đem lại điều gì tích cực cả. Thêm một chịu đựng khổ ải nữa thì có thêm chút gì tốt đẹp cho cuộc đời đâu? Nếu người từng làm điều ác kia hối hận việc làm của mình, chuộc tội bằng cách làm điều tốt cho bao người khác, và tâm hồn cũng như thể xác được bình an, đó chẳng là điều tốt đẹp đáng mong ước hơn chăng? Bên cho, bên nhận đều hạnh phúc với điều thiện.

Hội ái hữu cựu tù nhân chính trị Thanh Cẩm chúng tôi mỗi năm đều có họp mạt để trò chuyện hàn huyên cùng nhau. Những người đã có những năm tháng dài bên nhau trong tù, cùng chia sẻ những cay đắng và đùm bọc che chở cho nhau trong cơn khổ ải, bây giờ gặplại, tự nhiên coi nhau như những người thân. Có người trong chúng tôi gọi tập thể này là "gia đình cựu tù nhân Thanh Cẩm," chữ "gia đình" ở đây rất đúng, diễn tả chính xác tình cảm của chúng tôi đối với nhau. Tôi nhớ hồi năm 1982 tôi bị té gẫy chân tại Thanh Cẩm, anh em đã lo láng giúp đỡ tôi như thế nào trong hoàn cảnh thiếu thốn ấy, thì tình cảm gia đình đã có từ thời đó chứ không phải chỉ sau này gặp lại nhau trên đất Hoa Kỳ tự do và sung túc. Chúng tôi không bao giờ làm cái trò thuê nhà hàng, mướn ca sĩ để họp mạt cả, mà luôn luôn tổ chức tại nhà một người bạn nào đấy, để giữ gìn cái không khí gia đình của chúng tôi. Mỗi lần "gia đình" họp mạt tại Nam Cali, nhiều anh em ở các tiểu bang và thành phố xa cũng cố gắng sắp xếp thì giờ về chơi. Nhưng có một người cựu tù đang ở ngay trong vùng này mà không bao giờ có mạt trong những buổi họp mạt ấy cả, đó là anh Bùi Đình Thi. Đọc lời triệu tập họp mạt chung trên báo thì anh em tự động tới với nhau, nhưng riêng anh Thi thì không dám tới, vì biết không ai ưa mình. Cho đến một năm anh Thi ngỏ lời xin tới cùng mọi người, có lẽ để tự phá vỡ sự cô lập từ ngày ra khỏi tù cho đến nay, nhưng anh em sau khi bàn bạc lại không đồng ý. Anh em đã bàn với nhau như thế này: Đối với những việc làm của anh Thi trong tù, anh em đồng ý bỏ qua, nghĩa là tha thứ. Nhưng xin anh đừng đến, vì sự có mạt của anh sẽ phá vỡ không khí vui vẻ tự nhiên của tất cả mọi người.

Cái bóng đen của quá khứ vẫn còn, và cái bóng ấy sẽ đổ ụp lên buổi tiệc vui nếu anh Thi xuất hiện. Anh em chỉ muốn giữ không khí gia đình Thanh Cẩm được thanh thản và êm ả. Thế nhưng lúc này lúc khác nhiều cá nhân vẫn đến nhà anh Thi để thăm anh và vui vẻ báo cho nhau biết gia đình anh sinh sống cũng bình thường, các con anh đi học và có công ăn việc làm, bát đầu cưới vợ lấy chồng... Sau những năm đại nạn, nghe như thế thì ai cũng mừng, mừng cho anh cũng như mừng cho tất cả gia đình của bao anh em khác đã vươn lên được trong cuộc sống mới. Chính anh em trong trại Thanh Cẩm, trong đó có cha Lễ, những người đã trực tiếp sống những ngày tháng kinh hoàng có hành vi lầm lỗi của anh Thi góp phần, lại là những người có thái độ bao dung nhất với anh Thi. Khổ ải làm con người lớn lên. Từ trong khổ ải đi ra người ta mới hiểu thấu sự cần thiết của LÒNG NHÂN trong cuộc sống nhân quần. Anh em Thanh Cẩm vô cùng biết ơn cha Lễ đã nêu tấm gương sáng nhân từ ấy khi nói lời tha thứ cho anh Thi ba bốn năm về trước, để anh em có thể theo gương cha củng cố cái thiện cho tâm hồn mình.

"Thiện căn ở tại lòng ta." Ai cũng có sẵn cái vốn quý ấy nơi mình. Nhưng phát triển nó, đem nó ra mà áp dụng được trong đời sống bình thường hàng ngày mới là điều quý nhất. Và mong nó sẽ xóa nhòa được những cái bóng đen của quá khứ vẫn còn vướng vất trong tâm mỗi người.●

Người xưa đất cũ

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

(Tiếp theo và hết)

Nhà thờ Phát Diệm

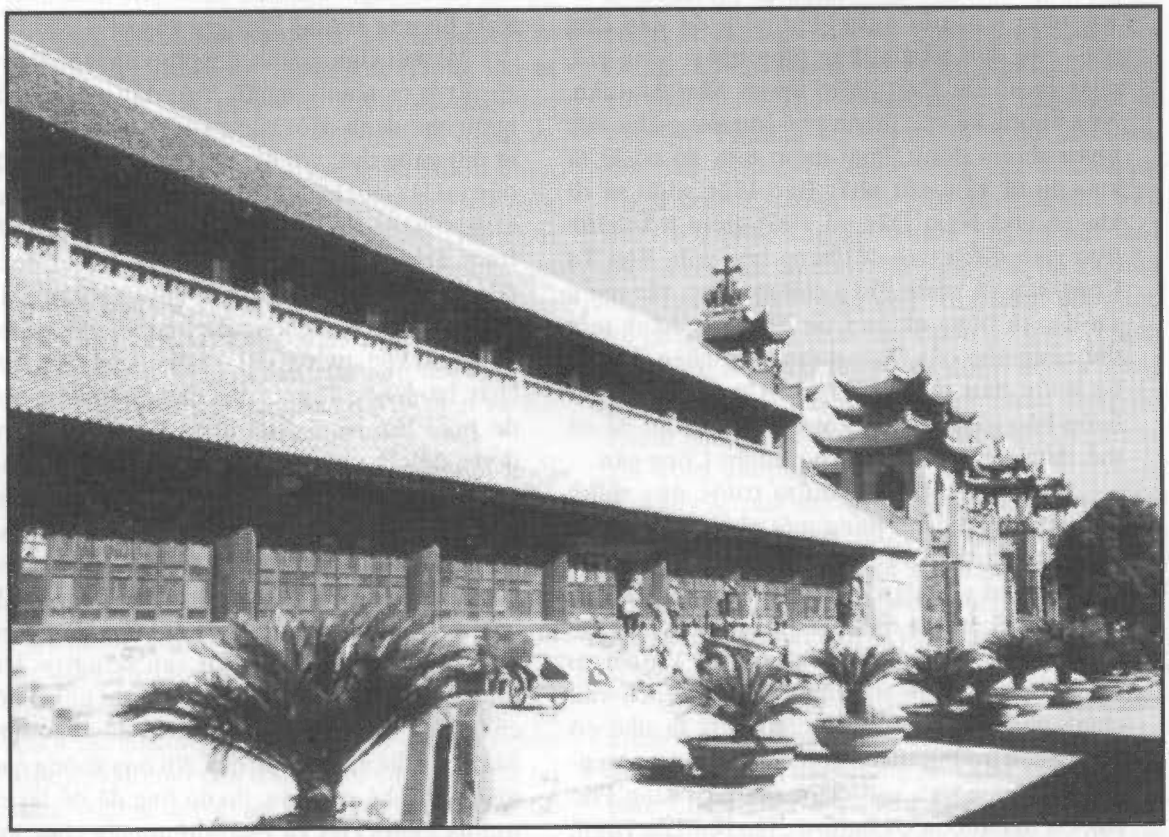

Cũng như ở tại các thành thị Việt Nam thời đó, các mối làm ăn buôn bán lớn tại Phát Diệm như thóc gạo, chiếu, muối, chạp phô v.v. hình như đều ở trong tay người Tàu. Người Tàu trong vùng Kim Sơn/Phát Diệm tuy không được tổ chức thành bang hội mà chỉ có ban đại diện, nhưng tương đối cũng khá đông. Nếu tôi không nhầm thì hồi đó chú "Zuyt" (phải chăng tiếng Việt gọi là "Việt" ?) một thương-gia ở phố Thượng Kiệm là trưởng ban. Vào dịp Đức Cha Yu Ban, giám mục Thượng Hải, thăm viếng Phát Diệm (1936 ?), chú Zuyt cầm đầu một phái đoàn khá đông, ăn mạc đồ tây rất chỉnh tề, cầm cờ "Tưởng Giới Thạch" đi đón và chào mừng giám-mục Yu Ban.

Với ba khu chợ có đình có quán, cùng với bến tầu sông Trì-chính và hàng trăm cửa hàng, việc buôn-bán trong vùng cũng sầm-uất lám. Vào những ngày phiên chợ, người tứ xứ kéo về mua bán, kể cả những người Mường từ Khoan-dụ, rừng núi Nho-quan và Hoà-bình xuống, nên phố xá ồ-ào, đông nghẹt, nhiều khi phải chen nhau mà đi. Vào mấy phiên chợ trước Tết Đoan-ngọ (tức Tết Tháng Năm), chỗ nào cũng thấy kẹo mứt, đường phèn, đường cát, dưa hấu và các loại trái cây ăn để "giết sâu bọ." Những

phiên chợ trước Tết Nguyên-đán đông hết chỗ nói. Tôi chưa từng thấy đâu bày bán nhiều và đủ loại cam, quýt, bưởi, chanh yên, phật thủ như ở chợ Tết Phát-diệm. Trên bến dưới đều đỏ ối những cam và quýt.

Sau 1946, háng trăm ngàn dân tản-cư thuộc đủ mọi thành-phần xã-hội từ các thành-phố Thanh-hóa, Ninh-bình, Nam-định, Hà-nội về tá-túc tại khắp các làng trong vùng, nên hoạt-động các ngành bỗng phát-triển nhảy vọt và phong-phú hơn trước rất nhiều, nhất là về mạt buôn-bán: chợ trời, hàng ăn, quán cà-fê v.v. mọc lên mỗi ngày như nấm để đáp ứng nhu- cầu dân số gia-tăng từng ngày, từng giờ, nhất là từ khi Phát-diệm thành Khu An-toàn. Nếu không kể các thành-phố lớn trong khu-vực Pháp chiếm đóng, Phát-diệm thời đó có lẽ là khu thị-tứ sầm-uất nhất Bắc-Việt, nhất là từ khi có chợ Năm Dân và Phát-diệm trở thành trục giao-điểm trao đổi hàng-hóa giữa Khu Tư Cộng-sản và miền Pháp chiếm đóng, tức miền Tự-do, và bỗng-nhiên Cồn Thoi trở thành một thứ cảng nhỏ của Phát-diệm, đón nhận thuyền bè buôn bán từ khu Tư tới. Cũng nhờ có sự buôn bán giao-dịch này mà nhiều người đã có thể thừa dịp trốn thoát khỏi miền Cộng-sản.

Nói tóm lại, Phát-diệm trước đây được phồn-thịnh và danh tiếng một phần là nhờ đức tính cần-cù, tháo vát, có nhiều sáng kiến, chịu khó làm ăn của dân chúng, phần khác là nhờ những vị lãnh-đạo tinh-thần tài-trí như Cha lớn Khâm Trần Lục, Đức Giám-mục Việt-nam Tiên-khởi Nguyễn Bá Tòng, Đức Cha Cố-vấn chính-phủ Lê Hữu Từ v.v. Sau nữa là nhờ có những bậc trưởng-thượng biết lo-láng cho tương-lai địa-phương và con cháu sau này. Ông Phó Bá, cố ngoại của cố nghị-sĩ Nguyễn Gia Hiến, có dinh cơ tọa-lạc tại phía Tây bờ hồ, có thể được coi như là tiêu biểu cho các bậc ông cha này. Ông Phó Bá vốn là thơ ký riêng, đồng thời cũng là chân thân-tín và đắc-lực nhất của Cha Sáu. Sự giao dịch thơ từ giữa các lãnh tụ Cần vương ở Ba-đình với cha Sáu đều qua sự móc nối với ông Phó Bá. Tuy là người xứ quê, và cũng như cha Sáu, không phải là tay khoa bảng, nhưng ông là người có đầu óc, hiểu rộng và biết nhìn xa, lại có lòng với xứ sở quê hương. Để chuẩn-bị cho sự phát-triển địa phương, ông tự bỏ tiền túi gởi một số thanh-niên đi Hà-nội và Nam-định học chữ Pháp và một số những nghề mới chỉ thấy có ở các thành-thị như nghề thêu, chụp ảnh, mở lò bánh tây (tức bánh mì), thợ nguội, thợ tiện, thợ giày, thêu đăng-ten, sửa đồng hồ, sửa đàn nhà thờ v.v.

Những người đi học chữ thì trở về dạy học tại trường tiểu học Pháp-Việt đầu tiên ở Phát-diệm do ông và cố Độ sáng-lập ngay trong khuôn viên Nhà Thờ Lớn. Các người đi học nghề khi trở về được giúp vốn mở tiệm làm ăn. Theo như cựu nghị-sĩ Nguyễn Văn Chức thì lớp dạy Đông-y đầu tiên thời đó cũng do ông phó Bá thành-lập và chính thân phụ của ông đã xuất thân từ trường Đông y này.

Về mạt kinh-doanh, ông Phó Bá là một trong số rất ít ỏi những người Việt đầu tiên lập hội buôn nạc-danh. Hội buôn Thái Thương của ông ra đời cùng thời với hai hội buôn Việt-nam đầu tiên tại Hà-nội lúc đó, tức công-ty Quảng-Hưng-Long ở hàng Bồ và công-ty chạy tàu Bạch Thái Bưởi. Đồng hồ tủ đứng (tức grand-father clock), đồng hồ treo, đồng hồ quả quít, xe đạp Saint-Etienne, đèn manchon, các loại máy may, máy thêu, vải vóc, tơ lụa, chỉ sợi, thuốc nhuộm, rượu chát, bánh kẹo Tây v.v. mà dân Phát-diệm trước đó phải lên Nam-định hoặc Hà-nội mới mua được, đều là những mạt hàng Pháp hoặc ngoại-quốc do công-ty Thái Thương nhập cảng và bầy bán tại cửa tiệm hai tầng tọa lạc giữa phố Phát-diệm, tức tiệm bánh kẹo Đức Lợi của bà phán Hanh sau này. Rất tiếc là sau khi ông phó Bá qua đời các cổ-đông và nhân-viên không biết cách quản-trị, nên ít lâu sau công-ty Thái Thương phải khai phá-sản, đóng cửa tiệm buôn, chấm dứt một thời-kỳ buôn-bán đầy hào-hứng của Phát-diệm. Khi sáp qua đời ông không quên những thế-hệ mai sau, do đó ông đã để lại cho trường Pháp-Việt xứ Phát-diệm mấy chục mẫu ruộng, nhờ đó mà nhà trường đỡ phải lo rất nhiều trong việc chi-phí điều-hành và trả lương các thày giáo. Riêng con em làng Phát-diệm, giàu cũng như nghèo, nhờ ruộng ông phó Bá để lại, đều được đi học không mất tiền.

Tới đây tôi xin phép kết thúc chuyện ông phó Bá và bắt đầu nói tới nhân-vật chủ-chốt của Phát-diệm thời sơ-khởi, một nhân-vật lỗi-lạc nổi tiếng khắp thiên-hạ thời đó, mà tên tuổi sẽ đời đời gắn liền với Phát-diệm: đó là cụ Sáu, tức Cha Trần Lục, người đương thời thường kính cẩn gọi cha là Quan Lớn Khâm, hoặc Cụ Lớn Khâm. Để cho tiện, trong phần

kế tiếp sau đây tôi sẽ chỉ kêu ông là Cha Sáu.

Thân-phụ Cha Sáu vốn gốc người Nam-định nhưng về sau gia-đình vào Thanh-hoá lập-nghiệp nên ông được sanh năm 1825, tức Minh-mạng năm thứ sáu, tại Mỹ-quan, huyện Nga-sơn, tỉnh Thanh-hoá. Tên thật của Cha là Trần Hữu, khi vào tiểu-chủng-viện đổi tên là Triêm, tới khi chịu chức linh-mục, vì mới có sáu chức, nên người ta thường gọi cha là Cha Sáu, và cha đã chấp nhận tên này một cách rất vui vẻ và hãnh-diện. Tên Trần Lục là tên Vua Tự-đức chính-thức viết trên các các đạo sắc phong của nhà vua. Thời cấm đạo, cha Sáu bị bắt rồi bị phát-vãng đi đầy tại Lạng-sơn. Trong khi bị đầy ở Lạng sơn, thày sáu Triêm đã giúp các quan tỉnh rất nhiều việc, đặc biệt là trong vụ dẹp bọn Tạ Văn Phụng mượn danh Thiên Chúa giáo để lôi kéo những người theo đạo bất mãn với triều đình Huế để làm giặc với chiêu bài "Phù Lê." Sau khi chịu chức linh-mục, cha xin bề-trên trở lại Lạng-sơn tiếp-tục trông nom con chiên tại ba tỉnh Lạng-sơn, Tuyên-quang và Thái-nguyên. Ít năm sau cha Sáu được cử về quản-nhiệm ba xứ Thanh-hóa, Mỹ-điện và Kẻ dừa và sau cùng là Phát-diệm.

Là một linh-mục sống vào một thời buổi vô cùng nhiễu-nhương, ngoài nhiệm-vụ đi mở nước Chúa trong một hoàn-cảnh hết sức khó-khăn và ngạt nghèo, cha Sáu còn phải tham-dự việc đời, bênh vực dân chúng , không phân-biệt lương giáo, chống lại mọi bất-công và cường-quyền áp-bức, giữ gìn trật tự an-ninh trong vùng, giúp các quan tỉnh giải-quyết những khó khăn địa-phương. Có nhiều lần cha còn giúp việc ngoại-giao cho triều-đình đặc - biệt là tại cuộc thương thuyết ký kết hoà-ước Patenôtre (1884). Sự thực mà nói, hòa ước Patenôtre hoàn toàn là một thảm bại ngoại giao, nhưng thế nước lúc đó là như thế, biết làm sao đây. Hơn nữa cha Sáu chỉ là một thành viên của phái-đoàn, Chánh Sứ Toàn quyền Đại thần Phạm Thận Duật mới là người chủ chốt phải gánh mọi trách-nhiệm. Nhân nhắc tới Thượng thơ Phạm Thận Duật, tôi tưởng không thể không có một vài lời công đạo về ông, một nhà ái-quốc và cũng là một trong số những danh sĩ nổi tiếng trong Phong-trào Cần Vương miền Bắc thời đó. Theo một vài tài liệu gần đây, có người nói ràng "bố chính" Phạm Thận Duật rất thù ghét Cha Sáu và người Phát Diệm nên đã có lần gọi quân Cờ Đen về Yên Mô để sửa soạn đánh phá Phát Diệm. Theo sự tìm tòi của riêng tôi thì có lẽ đó chỉ là một sự hiểu lầm. Thực ra thì sự giao thiệp giữa họ Phạm và Cha Sáu, tuy không phải thân thiết, nhưng cũng không đến nỗi tệ đến như thế. Đúng ra thì khi nghe quân Cờ đen kéo về đóng ở Yên mô, họ Phạm lúc đó đương làm bố-chánh ở Bắc ninh vội về Yên mô can thiệp để chúng rút khỏi vùng Ninh bình. Vì thấy có sự hiện diện của họ Phạm ở Yên Mô trong thời gian đó, nên người Phát diệm nghi ngờ thái độ và hành động của ông cũng không có gì là lạ. Sau này, xã Phượng-trì (quê của Đông-các đại-học-sĩ Vũ Phạm Khải, thày học cũ của Phạm Thận Duật, thường được gọi là ông Các Phượng-trì) bị một số người Kim-sơn đốt phá vì chuyện tranh chấp đất đai, Phạm Thận Duật đã cùng Cha Sáu đứng ra dàn xếp giữa đôi bên. Sau khi Phạm Thận Duật thất thế sa cơ, vào khoảng 1887 hoặc 88, bà thứ của họ Phạm bị các quan tỉnh Ninh bình bắt giam về chuyện thiếu thuế hay thiếu nợ gì đó, chính Cha Sáu đã đích thân can thiệp để bà được phóng thích. Theo một vài con cháu dòng họ Phạm Yên mô, những chi tiết trên đây đều được ghi trong gia-phả của dòng họ.

Tuy là nhà tu, nhưng ngoài nhiệm vụ làm cha xứ, Cha Sáu rất chú-trọng đến phúc-lợi của nhân-dân do đó, như đã trình bày ở trên, cha đã hăng say tiếp-tục công-cuộc khẩn-hoang vùng Kim sơn được bắt đầu từ thời quan Doanh-điền-sứ Nguyễn Công Trứ.

Giữa một thời-đại rối-ren, tao-loạn, Phát-diệm dưới sự lãnh-đạo khôn-khéo của Cha Sáu lúc đó có phần nào giống như khu an-toàn thời Đức Cha Lê Hữu Từ sau này, nên dân tứ xứ kéo về Kim sơn nương náu rất đông. Cố tam đại tôi từ vùng duyên-hải Kiên-chính, tỉnh Nam-định nghe tiếng bèn đem cả gia-đình về lập cuộc đời mới tại Phát-diệm. Cố ngoại tôi thì từ làng Bương, huyện Nga sơn, tỉnh Thanh-hóa, ra theo cha Sáu, ngồi dạy học với ông đồ Phú Phát Diệm, sau tậu nhà và lập-nghiệp tại xã Lưu-phương.

Tiếng tăm về đức-độ cũng như tài kinh-bang của vị limh-mục công-giáo có cái tên rất nôm na là Cha Sáu vang dội tới tận kinh-đô Huế, nên vua Tự-đức, mạc dầu vẫn ghét đạo cũng phải kính-phục. Nhân lúc ngoài Bắc thời đó không mấy yên-ổn, giặc cướp như rươi, theo

sự đề-cử của quan lại Bắc-kỳ, nhà Vua cử Cha Sáu giữ chức Trấp-an lo việc bình-định và an-dân tại miền duyên-hải Bắc Việt, tiễu trừ bọn hải tạc Tầu Ô. Công việc hoàn thành, nhà vua ban thưởng cha Sáu sáu tấm Kim-tiền và một Kim-khánh là những huy-chương cao-quý nhất của triều-đình. Trong một sắc phong, vua Tự Đức đã nhận xét về cha Sáu như sau: "Linh-mục Trần Lục có năng lực dẹp yên Lương Giáo Bắc-kỳ. *Ông là bậc trung thành thiên hạ đều biết, Triều-đình yên trí.*" Sau vụ Văn thân phá rối và tàn sát hàng ngàn người theo "tả đạo" tại ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, trong một bản văn khác nhà vua viết: "Trần Lục đã hòa-giải và đã đem lại thuận hòa giữa lương dân và những người theo đạo Gia-tô tại Đông kinh, và ông làm điều đó là do công tâm của ông như người ta đã từng biết như vậy. *Trẫm và hết thảy các quan trong nước đều tin cậy.*"

Tới khi những chuyện lộn xộn như trên tái diễn, vua Đồng Khánh bổ-nhiệm cha Sáu làm Khâm-sai Tuyên-phủ-sứ với trọng-trách an-dân tại ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh. Từ đó ai nấy đều kính cẩn gọi cha là quan lớn Khâm hoặc cụ lớn Khâm. Thân mật hơn thì là Cha Lớn Khâm. Năm 1925, để ghi lại những công-lao hiển-hách của Cha Lớn Khâm, vua Khải Định truy-phong cha tước Phát-diệm Nam.

Ngoài trọng-trách trấp-an mà triều-đình giao-phó, Cha Sáu còn là một nhà lãnh đạo tinh-thần, nên bằng mọi giá, cha quyết-tâm bảo-vệ con dân, Lương cũng như Giáo, mang phúc-lợi và an-bình đến cho họ. Chính vì vậy mà những phe phái gây rối vốn thù-nghịch với người có đạo vu-cáo là cha theo Tây diệt Văn-thân và Cần-vương. Đúng ra thì các phong-trào Văn thân mới là đáng trách, vì không mấy khi dám trực diện với Tây nên đã giận cá chém thớt bằng cách đốt phá hàng trăm làng Thiên Chúa giáo, sát hại hàng vạn người vô tội. Họ chẳng bao giờ bình Tây mà chỉ có sát tả một cách thiệt là tận tình. Trong một thời buổi rối loạn và nhiễu-nhương như vậy, cha Sáu có thể làm được những gì đây? Chẳng hạn như vào cuối năm 1873, tên quản Hautefeuille kéo một tiểu đội lính Pháp về chiếm tỉnh-lỵ Ninh-bình, các quan tỉnh bỏ chạy hết. Trước khi rút về Nam định, tên quản Tây Hautefeuille không biết phải làm thế nào, bèn nhờ người mời cha lên giao lại tỉnh-lỵ. Vì tình thế ép buộc, và cũng vì dân vì nước, Cha Sáu bất đắc dĩ phải chấp nhận chuyện tiếp thu tỉnh lỵ và thu xếp tàn cuộc.

Về vụ Ba-đình, các giả-thuyết thường đối chọi nhau. Tôi cũng đã cố gắng rất nhiều để tìm hiểu vấn-đề nhưng cho tới nay vẫn chưa có manh mối gì có thể giúp tôi đi tới một kết luận dứt khoát mạc dầu tôi đã có cái cơ hội được nghe một nhân chứng đương thời, tức ông nội tôi, nói rất nhiều về vai trò của "Cha Lớn Khâm" trong vụ này. Như đã nói ở trên, có một số người sau này thường vịn vào hai vụ tiếp nhận Ninh bình và Ba-đình để phê phán và kết tội Cha Sáu là theo Tây và diệt Cần vương. Đó chẳng qua cũng chỉ là một sự vu cáo hết sức chủ quan và hàm hồ, hoàn toàn do thành kiến và đố kỵ, thực ra không có chứng cớ cụ thể hoạc sự kiện xác thực nào khả dĩ kiểm chứng được một cách khách quan. Đó cũng là một âm mưu bóp méo lịch sử một cách thực vô duyên và đầy ác ý của một số người thiển cận, hoạc vì mục đích chính trị, hoạc vì đầu óc bè phái và thiên kiến mà bất cứ thời buổi nào cũng thấy có. Cha Sáu là một con người thông quán rất đạc biệt nên mỗi khi phải đối phó với một sự việc khó khăn thường có những quyết định cũng rất đạc biệt và khác thường mà người bình thường như chúng ta nhiều khi không hiểu hoạc hiểu một cách sai lầm. Vốn là một con người chính trực quân tử, lại can trường, dám làm dám chịu, thấy việc phải là làm, cha Sáu chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện sau này người đời không hiểu có thể xuyên tạc. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng một vị chân tu có lòng trung quân, có tài đức và trí tuệ hơn người, lại hết lòng thương dân, có tinh thần dân tộc cao độ và quán triệt nền văn hóa truyền-thống Việt Nam như cụ Sáu không thể nào lại là một con người bội phản, bất nghĩa, hại dân hại nước.

Phần sau của bài này, tôi thiết-nghĩ không thể không có một đôi lời về nhà Thờ Lớn Chánh Toà. Nói cho rõ hơn, tôi muốn trình bày một vài chi-tiết liên quan tới việc xây cất ngôi thánh đường độc nhất vô nhị này.

Khi bị đầy ở Lạng-sơn, Cha Sáu có lời khấn là nếu một khi được tự-do trở về phục-vụ dân con Chúa sẽ xây dựng một ngôi thánh đường thực xứng đáng để kính Đức Mẹ Mân-côi. Tới khi được triều-đình phóng-thích, cha vẫn chưa biết tới khi nào mới thực-hiện được lời khấn. Khi làm giáo-sư tại tiểu chủng-viện Vĩnh-trị,

cha rất để ý tới ngôi nhà thờ kiểu Việt-Nam của xứ Vĩnh-trị. Sau này, trong mấy dịp đi Huế, cha rất chú-trọng tới lối kiến-trúc cung-đình, đặc-biệt là cổng Ngọ-môn trước Điện Thái-hoà. Khi được Bề-trên cử về làm chánh xứ Phát-diệm, Cha Sáu nhận thấy ngôi thánh-đường xứ mới rất nhỏ bé, làm bằng gỗ và lợp bổi, trông rất sơ-sài, bỗng nhiên cha sực nhớ tới lời khấn năm xưa, và như có Trời xui khiến cha Sáu cảm thấy nơi đây đích thực là một linh-địa, và quyết tâm thực-hiện lời khấn. Sau một thời-gian suy-nghĩ và toan tính kế-hoạch, từ năm 1870 cha bắt đầu thực-sự chuẩn-bị công-cuộc xây một ngôi thánh-đường thực xứng-đáng để tôn kính Đức Mẹ. Giai-đoạn chuẩn-bị này kéo dài trên mười năm. Bước quan-trọng đầu tiên là tìm nguồn cung cấp vật-liệu xây cất. Nhờ lúc đó cha có nhiều quyền-thế lại thêm có sự đóng góp rất nhiệt-thành của con chiên về tài chánh cũng như nhân-lực, nên công việc cũng được dễ-dàng. Được biết là miền thượng lưu sông Cả và sông Mã có rất nhiều gỗ quý như lim, gụ v.v. nhất là cây chò vừa cao lại vừa thẳng và rất to lớn. Bình thường thì chỉ nhà vua mới có quyền đốn cây chò để xây cất cung điện . Tục-truyền ràng, dân-gian nếu ai cả gan dám đốn rừng chò, Trời sẽ ra tai-ương lụt-lội đồng thời sẽ sai Hà-bá lấy lại hết số gỗ bị đốn. Cha Sáu đâu có tin những lời nhảm-nhí đó, chẳng qua người ta phao ra như vậy có ý bảo-vệ rừng chò để dành cho nhà vua. Tuy nhiên cũng có phần nào sự thật, nếu để dân tự-do phá rừng quá lố, không có gì ngăn nước lũ từ trên nguồn đổ xuống tất nhiên là sẽ có lụt lội xảy ra. Đó cũng là một cách bảo vệ môi sinh rất hữu hiệu của người xưa.

Nhà thờ Phát Diệm

Vào cái thời hỗn quân hỗn quan lúc đó, trong khi triều-đình chẳng còn quyền hành gì, hàng năm vào mùa náng ráo cha Sáu cho dân công lên rừng đốn gỗ đóng bè theo dòng sông ra biển, tới Cửa Đài, chờ con nước lên, xuôi bè vào Phát-diệm. Đá thời lấy ở hai núi Nhồi (thuộc Thanh-hóa) và Thiện-dưỡng (thuộc Ninh-

bình). Sau khi phá núi, người ta thường đóng bè chở đá theo đường sông về Phát-diệm. Cho tới nay, người bình thường không mấy ai biết rõ các cột nhà thờ cao thẳng táp, từ chân cột lên tới ngọn đều lớn tròn hai người ôm mới nổi, làm bằng loại gỗ gì. Nhiều người cho là gỗ lim. Thưa không, đó chính là gỗ chò, bởi vì chỉ có gỗ chò mới lớn, cao, thẳng táp và nhẵn-nhụi như vậy. Cung-điện và Cửa Ngọ-môn ở kinh đô Huế trước đó chừng gần một trăm năm phần lớn cũng đều làm bằng gỗ chò.

Không phải chỉ có gỗ chò mới là thứ hiếm, nhiều loại vật-liệu khác phải được thửa riêng cho việc xây cất nhà thờ, nên sau này, mỗi khi cần được thay thế, thường rất khó tìm hoặc phải chế bằng vật-liệu khác.

Sau hơn mười năm chuẩn-bị, gỗ đá và các thứ vật-liệu khác chất cao như núi, Cha Sáu cho cất bốn ngôi nhà thờ nhỏ bao quanh trước, kiểu mẫu, cách chạm trổ và gỗ khác nhau, có lẽ với mục-đích là sẽ chọn một trong số bốn nhà thờ nhỏ này làm kiểu mẫu cho Nhà Thờ Lớn sau này, đồng thời cũng là để rút kinh-nghiệm trong việc xây cất .

Ngôi nhà thờ nhỏ đẹp nhất và cũng công-trình nhất là nhà thờ kính Trái Tim, làm toàn bằng gỗ gụ, là thứ gỗ mịn đẹp và quý nhất. Nhưng rốt cuộc, khi vẽ lại, kiểu cách nhà Thờ Lớn khác hẳn, đẹp, duyên-dáng và nguy nga hơn mấy nhà thờ nhỏ trước kia rất nhiều. Nói tới những nhà thờ mẫu, tôi quên chưa nói tới một ngôi nhà thờ kiểu mẫu rất đạc-biệt, với một lối kiến-trúc thiệt lạ-lùng: đó là Nhà Thờ Đá, được xây cất đầu tiên, ở lui hẳn về góc ở phía Tây Bắc, hết thảy làm toàn bằng đá xanh, có hai tháp nhọn tương tự như Bút Tháp cạnh cổng ra vào đền Ngọc-sơn, Hà Nội.

Việc xây cất nhà thờ cũng mất chừng 10 năm, cả thảy trước sau trên 20 năm. Nhà thờ tuy không to lớn bao nhiêu nhưng vì làm toàn bằng những cây gỗ và phiến đá lớn nên quả là một công-trình kiến-trúc tương-đối vĩ-đại nhất là khi ta đạt nó vào trong cái bối cảnh của Việt nam ở cuối thế kỷ 19. Ngoài ra lối kiến-trúc Việt-Nam có pha lẫn đôi chút nghệ-thuật baroque của nhà thờ rất độc-đáo, uy-nghi mà vẫn mỹ-lệ, duyên-dáng, đầy dân-tộc tính. Có một điều rất đạc biệt làm cho mọi người phải ngạc nhiên và kính phục đó là sự hòa đồng rất sâu sắc giữa các nền văn hóa và nghệ-thuật mà người ta tưởng chừng như không bao giờ có thể gạp nhau đã được thể hiện một cách hài hòa và tự nhiên ở các công trình kiến trúc của khu quần thể nhà thờ Phát diệm. Thực vậy, trên một số những phù điêu và hoa văn, đạc biệt là trong ngôi nhà thờ đá tôi nói ở trên, người ta phát hiện thấy có những chi tiết biểu dương rõ rệt sự hòa hợp giữa Thiên Chúa giáo với Phật giáo và Đạo giáo, giữa nghệ thuật cổ truyền Việt Nam với nghệ-thuật Phục hưng và Cổ-điển Tây phương, và đạc biệt hơn nữa, giữa quan niệm triết lý vuông tròn rất nhân bản và

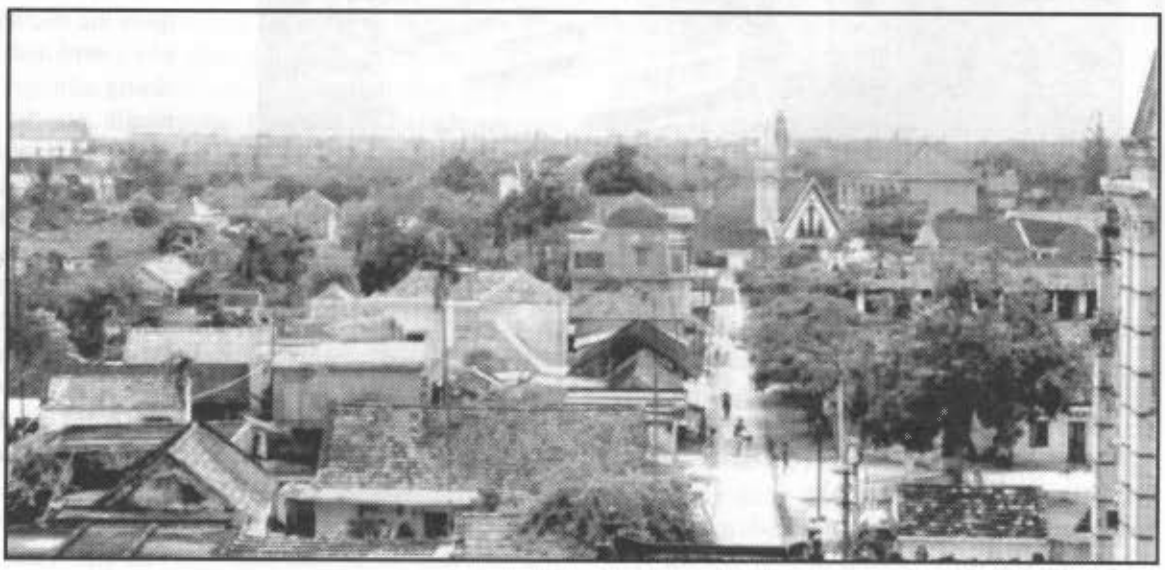

Thị xã Phát Diệm

thực tiễn của Việt Nam và hệ thống tư tưởng có tính cách siêu linh và nhiệm mầu của Thiên Chúa giáo, nói tóm lại, một sự phối hợp về nghệ thuật và tư tưởng có thể nói là chưa từng thấy được thể hiện bất cứ thời nào, nơi nào trên thế giới.

Vì được xây cất theo lối cổ-truyền Việt-Nam, lại là một ngôi nhà quá lớn, nên nhà thờ có tới sáu hàng cột với hai hàng cột giữa cao tới 12 thước tây, cột nào cũng to lớn tròn trịa đều nhau từ chân tới ngọn. Từ gác đàn lên tới Cung Thánh cả thảy có chín vì với 48 cây cột. Đạc-biệt là mỗi vì được giao cho một họ đạo trong xứ tự vẽ kiểu và chạm trổ theo ý riêng của mỗi họ, thành ra có sự thi đua giữa các ho đạo. Kết quả mỗi vì là một công-trình nghệ-thuật riêng biệt, tuyệt đẹp và công-phu nhưng không giống nhau. Riêng thợ chạm đá không biết Cha Sáu tuyển ở đâu, chỉ biết là hết thảy các bức phù điêu bàng đá đều được chạm trổ một cách hết sức tỉ-mỉ, tinh vi và nghệ-thuật. Đáng chú ý hơn cả là hai tác-phẩm rồng và phượng được chạm bong ở hai bên hông cuối nhà thờ và mạt tiền hoàn toàn xây bàng đá phiến của ngũ-môn tiền đình nhà thờ với những chi tiết trang trí thuần tuý Việt Nam. Có một điểm hết sức độc đáo là hết thảy những hình người, thiên thần, súc vật hay cỏ cây, hoa lá như cây chuối, cây cau, bông sen v.v. trên các bức phù điêu, các đầu cột, xà ngang v.v. đều là những hình ảnh hoàn toàn Việt Nam, những hình ảnh rất quen thuộc mà chúng ta thường chỉ thấy ở các di-tích lịch sử thuộc các đời Đinh, Lê, Lý, Trần hoạc trên các tranh mộc bản Đông Hồ và hàng Trống Hà-Nội

Đẹp và hùng-vĩ hơn cả là Phương-đình hình vuông 25th X 25th, có năm tháp (ở giữa và bốn góc), cao 25 thước, được xây bàng những phiến và khối đá nạng hàng mấy chục tấn.

Hồi còn mài đũng quần ở trường các Frères Phát-diệm, vào những buổi trưa hè nóng bức, tôi thường tới nàm phễnh rốn trên sập đá lớn giữa Phương-đình để hóng gió và hưởng cái mát lạnh của sập đá. Nhưng khi nhìn lên vòm đá hình tròn cao mười mấy thước tôi bỗng có một cảm-giác rờn-rợn. Biết đâu cái vòm đá được xây bằng những tảng đá thước lớn lao kia có thể sập xuống đè mình chết gí, rồi tôi lẩn-thẩn suy nghĩ không biết ông cha mình ngày xưa đã làm cách nào kéo lên trên cao được những tảng đá lớn như vậy, hơn nữa lại không có xi-măng, làm thế nào mà các cụ lại có thể gán những tảng đá lớn đã được gọt đẽo kỹ-càng để cho vừa khớp với nhau như những miếng puzzles thành vòm trần của Phương-đình một cách tài-tình và mỹ-thuật như vậy.

Phải chăng những vòm đá hình tròn trên đây tượng trương cho Trời và những sập đá hình vuông tượng trưng cho Đất (theo sự tích bánh chưng bánh dầy), hai biểu-tượng căn bản của vũ trụ quan và triết lý vuông, tròn rất thực-tiễn của cha ông chúng ta từ mấy nghìn năm trước (xin đọc lại phần ở trên). Nếu đúng là như thế, một lần nữa, về phương diện đem Ki-tô giáo hội nhập vào nền văn hóa địa-phương, cha Sáu đã phần nào đồng ý với các giáo-sĩ Dòng Tên để rồi mạnh dạn đi trước Cộng đồng Vatican II tới hơn nửa thế-kỷ. Nói một cách khác, với cái tâm tình chứa chan tình tự dân tộc, cộng với tài năng thiên phú, óc uyên bác và lòng mộ đạo sâu xa, Cha Sáu đã vô hình trung thành công một cách tuyệt diệu trong cố gáng Việt Nam hóa đạo Thiên Chúa qua tác-phẩm kiến-trúc để đời độc nhất vô nhị của ông. Không biết khi nói như thế có phải là tôi đã quá đáng hay không, nhưng trước tôi đã có rất nhiều nhân vật nổi danh khen ngợi "nạng tay" hơn nhiều. Nữ ký giả Yvonne Schultz viết trong tạp chí Pháp *Illustration* (tương tự như *Life* ở Hoa-kỳ) số ngày 29 tháng 11, 1929 như sau: "Có lẽ trên khắp thế-giới không có ngôi nhà thờ nào rực rỡ như các nhà thờ Phát Diệm, trùng trùng những bức cuốn, càng vào trong càng thấy lộng lẫy." Lord Curzon, Phó Vương Ấn-độ, đã viết về Cha Sáu trong *National Observer*:

"Trong rất nhiều cuộc du-lịch của tôi, ít khi tôi được gạp một nhân vật lỗi lạc như vị giáo hoàng nhỏ nước An-nam này."

Việc kéo chuông lên treo ở tầng lầu thứ ba của Phương-đình cũng là một công-trình phi-thường. Ông nội tôi kể lại là phải đắp đất thành một cái dốc từ mạt đất lên tới tận từng thứ ba cao 20 thước để kéo chuông lên. Cũng nhờ có việc lấy đất này mà có cái hồ phía trước nhà thờ, tức hồ có đài và tượng Chúa Giê-su làm Vua. Nói thì đơn-giản như vậy, thực-sự thì cả là một nỗ-lực cam go và vĩ-đại, vì lúc đó đâu có những dụng-cụ cơ-khí như ngày nay. Chuông Phát-diệm tuy đứng hàng thứ hai ở Việt-nam, sau chuông chùa Cổ-lễ (Nam-định), nhưng tiếng

chuông trầm hùng và đi xa hơn chùa Cổ-lễ rất nhiều. Có thể là vì chất-liệu và kỹ-thuật đúc cao hơn, cũng có thể là vì chuông được treo cao.

Cha Sáu còn trù tính xây một tháp cao 60 thước Tây, nhưng chưa kịp thực hiện thì cha đã qua đời, thiệt đáng tiếc. Năm đó, năm cuối cùng của thế kỷ 19, Cha Sáu thọ đúng 70.

Kể từ thời Cha Sáu, nhất là từ khi có ngôi Thánh-đường mới, Phát-diệm bắt đầu nổi tiếng trong thiên-hạ. Tiếp đến là thời-kỳ Giám-mục Việt-Nam tiên-khởi Nguyễn Bá Tòng rồi đến thời-kỳ Đức Cha Lê Hữu Từ, đất Kim-sơn/Phát-diệm càng được thiên-hạ chú ý và ngưỡng-mộ, nhiều nhân-vật nổi tiếng đã tới thăm nơi địa-linh này, chẳng hạn như trong thời Pháp-thuộc, ta thấy có Phước-môn Công Nguyễn Hữu Bài, học-giả Trương Vĩnh Ký, các toàn-quyền De Lanessan và Rousseau, Phó vương Ấn-độ Lord Curzon, Đại-tướng Catroux, đô-đốc Decoux, các thống-sứ Châtel, Tholance v.v. Vào thời Việt-Minh thì có chủ-tịch Hồ Chí Minh, Cựu-hoàng Bảo-đại, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp v.v. Thời khu an-toàn có một số người ngoại-quốc nổi tiếng tới thăm hoặc tìm hiểu như giáo-sư Honey, đại-văn hào Graham Green v.v. Các nhân-vật chính-trị đối-lập tìm về Phát-diệm cũng khá đông. Tôi thời đó mới gia-nhập làng văn-nghệ nên hầu như ngày nào cũng có dịp tiếp đón các bạn văn-nghệ như Tử-Phác, Tô-Vũ, Ngọc Bích, Sỹ-Tiến, Bích-Hợp, Ngọc Giầu, Phan Tại, Nguyễn Văn Hiếu, Đỗ Thế Phiệt, Lương Ngọc Châu, Nguyễn Anh Thường, mấy anh em trong nhóm William Chang v.v. và một số các vị trưởng-thượng như các cụ Vi Huyền Đắc, Lê Trọng Quỹ v.v. Chính nhờ dịp này mà vào mùa đông 1948, Đoàn Văn Cầu và một số anh em Phát Diệm chúng tôi đã có thể tổ-chức được ba buổi trình-diễn nhạc cổ-điển lần đầu tiên tại Phát-diệm

Đây chẳng những là chuyện có lần đầu tiên tại Phát-diệm mà cũng là độc nhất vô nhị trong suốt các vùng kháng-chiến tại Việt-nam hồi đó. Báo *Sự Thật* của Cộng-sản đã chửi chúng tôi thậm-tệ về vụ này. Tôi còn nhớ, lễ Sinh-nhật năm đó (1948) cha Hoàng Quỳnh làm lễ nửa đêm tại nhà thờ họ Rosa ở phía bên kia Cầu Ngói, tôi đưa Đỗ Thế Phiệt và Đỗ Anh Tuấn tới đánh đàn và thổi sáo dưới ánh nến lung-linh của Đêm Giáng-sinh trong ngôi nhà thờ nhỏ hẹp và cũ-kỹ. Khi ra về, anh Ng. Đ. Th., con trưởng cụ Hàn Th., cũng là một tay vĩ cầm thuộc loại tài tử nói với tôi là trong đời anh chưa bao giờ anh được dự một lễ Noel đẹp và sốt sáng đến như vậy. Ba năm sau anh Th. qua đời, tuổi chưa tới 40. Đỗ Thế Phiệt thì sau đó mấy năm đi Âu-châu theo học lớp nhạc-trưởng tại Conservatoire Internationale tại Thụy-sĩ. Anh mất một cách đột-ngột tại Saigon cách đây gần 30 năm, giữa lúc anh đảm-nhiệm chức Giám-đốc Trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon. Thay thế anh tại trường Quốc-gia Âm-nhạc là một người Phát-diệm, cũng là một tay vĩ-cầm nổi tiếng, đó là Nguyễn Khắc Cung, con trai thứ hai của Cụ Bố Lễ. Nguyễn Khắc Cung nay ở đâu, tôi thực không rõ.

Những chuyện trên đây tôi có cảm tưởng như mới xảy ra ngày hôm qua. Chuyện nào gần nhất cũng đã là sự việc xảy ra cách đây ít nhất ba, bốn mươi năm hoặc trên nửa thế-kỷ về trước và những người tôi nhắc tới trong bài này, hình như chẳng còn ai ở trên đời này.

Tôi có một cái tật rất tệ là mỗi khi phải suy nghĩ một vấn-đề gì hoặc khi cầm bút viết tôi thường vừa nghĩ vừa nghe nhạc. Khi tôi viết tới những dòng này thì máy CD của tôi đương chơi một đoạn nhạc của Schumann. Bản nhạc solo dương cầm này có cái tên là *Romance en Fa dièse majeur* nghe thiệt êm đềm và buồn. Qua những tiếng nhạc chứa chan tình cảm biết bao kỷ niệm và hình ảnh thân yêu của những ngày Phát Diệm xa xưa đã lần lượt hiện ra trong đầu óc tôi một cách thiệt nhanh nhưng khá rõ ràng, chẳng khác gì một đoạn phim đen tráng. Và một nỗi buồn mung lung khó tả tràn ngập tâm hồn tôi.

Những năm này, những tháng này, những ngày này, trong suốt cuộc đời, tôi không thể nào quên được. Có lẽ vì đó là những tháng ngày vui nhất trong đời tôi, đồng thời cũng là những tháng ngày hạnh-phúc cuối cùng của Phát-diệm, trước khi một trận bão lửa khủng khiếp sập xuống đầu người dân Phát diệm/Kim Sơn, bắt buộc họ phải rời bỏ mồ mả tổ tiên đi tìm Tự do cách đây đúng 50 năm.

Và tới đây, tôi xin phép được tạm ngưng bài về Phát diệm, là phần đầu của những câu chuyện "Người xưa, đất cũ" mà tôi mong được trình làng trong những dịp sắp tới . ●

Nguyễn Văn Tường tham lam?

NGUYỄN QUỐC TRỊ

Trong một cuốn sử căn bản mà hầu hết bốn thế hệ người Việt Nam vừa qua thường rất quen thuộc vì đã có học ở trường, hay đọc qua để biết về quá khứ của dân tộc, sử gia Trần Trọng Kim đã viết về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường (NVT) như sau:

"Nguyễn Văn Tường . . . thật là một người có tài trí, giỏi nghề giao thiệp, nhưng chỉ có tính tham lam và lại tàn nhẫn. [ ] Ông . . . ***chịu tiền hối lộ của những người Khách cho chúng đem tiền sểnh, là một thứ tiền niên hiệu Tự Đức đúc ở bên Tàu đưa sang bắt dân phải tiêu.*** *Ai không tiêu thì phải tội."* (*Viêt Nam Sử Lược*. Sài Gòn: Bộ-Giáo-Dục, Trung- Tâm Học-Liệu xuất-bản, 1971, 223-4)

Cũng như hầu hết các tác giả viết sử thời đó, sử gia họ Trần không cho biết nguồn tin này, cũng như mọi chi tiết quan trọng khác trong cuốn sách, xuất xứ từ đâu. Tuy nhiên, tác giả có cho biết "Những Sách Soạn Giả Dùng Để Kê Cứu" ở cuối bộ sử (t. 237), trong đó có 16 sách chữ nho và quốc ngữ, và 10 sách tiếng Pháp. Trong số sách chữ nho và Việt có *Đại Nam Thực lục Chính biên, Quốc triều Sử Toát yếu*, và *Hạnh Thục Ca* là có liên quan trực tiếp đến nhân vật NVT. Nhưng cả ba cuốn sử liệu này đều không có chỗ nào nói NVT ăn tiền hối lộ của người Tàu cả. Ngoài ra, cũng không sách nào nói là NVT tham lam hoạc tàn nhẫn cả, chỉ xem NVT là một "quyền thần" và tường thuật những sự kiện, như truất phế vua, có thể được người đọc suy diễn ra là tốt hay xấu, tùy theo quan điểm thân Pháp hay chống Pháp của mình. Về 10 cuốn sách tiếng Pháp, hầu hết,

Nguyễn Văn Tường

nếu không nói là tất cả, đều được viết đứng trên lập trường của Pháp, nhìn sử Việt Nam theo khía cạnh quyền lợi của nước Pháp. Trong các sách đó, chừng hai phần ba có nói đến NVT, và gần một nửa là của các tác giả thực dân Pháp có tiếng là thù ghét NVT và mạt sát ông thậm tệ, như J. Dupuis, E. Louvet [viết về cuộc đời Đức GM Puginier], và J. Silvestre, người đã vận động và thực hiện việc đưa hai ông Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình thay hai

ông Tường, Thuyết và vua Đồng Khánh thay vua Hàm Nghi. Viết dưới thời Pháp thuộc vào đầu thập niên 1920 để dùng vào việc giáo dục thanh thiếu niên của một nước Việt Nam thuộc Pháp, cuốn sách của sử gia Trần Trọng Kim, mạc dầu về sau có đôi chút sửa đổi, dĩ nhiên đã phải chịu áp lực chính trị của chính quyền thời Pháp thuộc, và ảnh hưởng nặng nề của các sách báo của nền sử học thực dân Pháp. Vì xu hướng viết sử trội yếu của các sử gia Việt là lạp lại những gì các sách trước đã viết, không đạt nạng vấn đề tìm kiếm các tài liệu gốc và đầu tay, hay lượng giá, phối kiểm các tài liệu tham khảo, cho nên những sự xuyên tạc và bóp méo do các tác giả thực dân tung ra với mục đích tuyên truyền vẫn được truyền tụng mãi cho đến ngày nay, cả nửa thế kỷ sau khi Việt Nam đã thoát khỏi sự kìm kẹp của Pháp.

Mới gần đây, chẳng hạn, những câu nói đó của sử gia Trần Trọng Kim được lạp lại gần như nguyên văn trong cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả của Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc. (Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, Huế, 1995 [sẽ được gọi tát là: Thế Phả], 383). Trong bài "Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không?" đăng trên báo *Thế Kỷ 21* số 172 và 173 năm 2003, người viết đã chứng minh với đầy đủ chi tiết ràng câu chuyện tư thông và giết vua đó, mà sử sách ta đã tốn bao nhiêu giấy mực bàn cãi mãi, và cho đến nay còn được lạp đi lạp lại trong bộ sử mới xuất bản đầu thế kỷ thứ 21, (Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*. Antony, Pháp: Hội Văn hóa Hải ngoại, 2002, 1271-2, 1327,1891-2), chỉ là một câu chuyện hoàn toàn bịa đạt, do nền sử học thực dân tung ra, vì mục đích chính trị, để bôi lọ nhân vật NVT, một nhân vật đã kiên trì chống Pháp với sách lược "hòa để mưu chiến," và đã bị Pháp đày đi Tahiti rồi mất ở đó. (Xin xem bài "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn." *Thế Kỷ 21,* số 169, 170, 171, 2003). Bài này và các bài kế tiếp sẽ tiếp tục chứng minh ràng tất cả các tố cáo khác của sử sách liên quan đến việc NVT ám hại vua quan, hoàng tộc, ăn hối lộ người Tàu, nịnh bợ, tráo trở để bị cho là "tham lam, tàn nhẫn, gian trá ...", *đều không dựa trên một cơ sở nào vững chắc cả, và đều là kết quả của sự xuyên tạc, bóp méo, bôi lọ các nhân vật chống Pháp, của nền sử học thực dân.*

Để tiện việc trình bày, vấn đề này được chia làm ba phần chính: 1. NVT tham lam; 2. NVT tàn nhẫn?; và 3. NVT gian trá? Bài này sẽ chỉ nhấn mạnh vào khía cạnh "tham lam," hai khía cạnh kia sẽ được bàn trong dịp khác. Vì ranh giới giữa ba tính chất này đôi khi không rõ rệt, và có thể đưa đến nhiều trùng dụng, sự phân chia này không khỏi có phần độc đoán, và chỉ nên được xem như là một phương tiện để sáp xếp tư tưởng mà thôi. Những sự việc, đúng hay sai, có hay không có xảy ra, liên quan đến NVT mà sử sách đã có thể dùng để suy diễn là NVT là tham lam, sẽ được bàn xét sau đây.

I. Nguyễn Văn Tường tham nhũng và hà lạm?

A. Chiến dịch xuyên tạc vua quan Việt Nam của Thực dân Pháp

Nói đúng ra, không phải một mình NVT mà tất cả vua quan nhà Nguyễn nói chung hồi đó, đều là đối tượng của sự bôi lọ của nền sử học thực dân Pháp. Sự bôi lọ đó cần thiết cho giới thực dân để biện minh cho cuộc chiến tranh xâm lăng chiếm cứ thuộc địa của họ. Theo một luận cứ quen thuộc của thuyết thực dân, nước Pháp văn minh, vĩ đại có bổn phận dìu dắt các dân tộc bán khai ở các châu Phi, Mỹ, Á lên con đường văn minh tiến bộ. Muốn vậy, cần phải giải phóng các dân tộc này khỏi sự áp bức, bóc lột tàn bạo của giai cấp cai trị họ, cũng như khỏi những tập tục dã man, hủ lậu, mê tín dị đoan của xứ sở họ. Các viên chức dân và quân sự Pháp lo việc diệt trừ giai cấp thống trị bản xứ. Các thừa sai Công giáo lo việc mang ánh sáng phúc âm đến cho dân chúng bị trị. Trong khuôn khổ chiêu bài đó, một tác giả Pháp, dựa vào thư tín của Đức Giám Mục Retord, đã đánh giá các quan lại Việt Nam đại lược như sau: Dân Bắc Kỳ nói chung rất hiền lành và biết ơn, còn những nhà cầm quyền thì chỉ có thể khống chế bằng cách làm cho họ sợ hãi mà thôi; giới quan lại là giai cấp tệ lậu nhất trong xã hội: rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện, xướng ca, trụy lạc là lối tiêu khiển của họ; họ chỉ lo lừa phỉnh vua để hưởng vinh hoa, đàn áp dân chúng để kiếm tiền, bóp méo luật pháp để làm lợi cho mình và làm hại kẻ bần cùng; với những kẻ cai trị như vậy, mọi hiệp ước đều vô nghĩa, chỉ có vũ lực mới buộc được họ thi hành những điều cam kết mà thôi. (Romanet du Caillaud, F., *Histoire de l'intervention francaise au Tong-*

King de 1872 à 1874. Paris, Challamel ainé, 1880, 311). Cuốn sách ghi những hàng này của tác giả Romanet đã có ảnh hưởng lớn đến chánh sách thực dân của Pháp sau ngày bốn tỉnh thành Bắc Kỳ, do Francis chiếm đoạt, được giao hoàn lại cho Việt Nam. Cái luận điệu khinh miệt vua quan Việt Nam như vậy không phải là một biệt lệ, mà đầy dẫy trong sách báo của người Pháp thực dân, dưới muôn ngàn hình thức, minh thị hay mạc thị, và ngay cả trong sử sách Việt, bị ảnh hưởng và áp lực của nền sử học thực dân.

Một cuốn sử về Việt Nam viết bằng tiếng Pháp của nhà bác học Công giáo Trương Vĩnh Ký xuất bản vào cuối thập niên 1870, đã mạt sát thậm tệ các vị vua, quan nhà Nguyễn. Theo tác giả thì sở dĩ Nam Kỳ mất, Bắc Kỳ loạn lạc là vì sự ương ngạnh mù quáng của các vua nhà Nguyễn, cùng với sự khủng bố, đàn áp, và tham nhũng của các quan lại. Tác giả cũng lấy tư cách là một sử gia trung nghĩa và cẩn trọng, không quên rằng dù là người An Nam của Pháp, của Nam Kỳ hay Bắc Kỳ, mọi người đều cùng chung một nguồn gốc. Nhưng tác giả khẳng định rằng mình phản đối, đến tận cùng, chính sách cai trị sai lầm, phản kinh tế, đã biến dân chúng trở thành trâu ngựa cho nhà Nguyễn. Tác giả cũng không ngần ngại thú nhận rằng tổ chức chính trị đẹp đẽ của Pháp đã cám dỗ tâm hồn, chinh phục lòng kính mến và tận tụy của mình, cũng như đã thu hút được cảm tình của các dân tộc được sáp nhập vào nước Đại Pháp, vì họ đã hưởng được biết bao nhiêu là tự do, là an ninh do những người chủ mới đem lại. Rồi vị học giả tiếp tục dẫn chứng tội trạng của các vua nhà Nguyễn một cách cụ thể hơn: Minh Mạng đã bạc đãi các giáo sĩ, tập trung họ về Huế để dịch sách hay thực hiện các cuộc khảo cứu khoa học, xong việc thì đày họ đi nơi ma thiêng nước độc; thải hồi các sĩ quan Pháp đã từng tận tụy giúp vua cha; từ chối tiếp sứ giả Pháp; áp bức, đô hộ các nước láng giềng; lấy chị dâu cho mang thai rồi xử tử cùng với hai cháu mình để chúng khỏi có cơ tranh dành ngôi báu; mua chuộc bộ hạ của công thần Nguyễn Văn Thành, xúi họ làm văn thư giả mạo để tố cáo ông này làm phản, rồi xử tử. Cũng theo lời tác giả thì vua Thiệu Trị, sau khi nổi cơn thịnh nộ vì tàu Pháp bắn phá bờ biển, đã ban bố thêm một chỉ dụ mới, ngoài những chỉ dụ diệt đạo đương hành, ra lệnh xử tử tất cả những người Âu châu, bị bắt được trên lãnh thổ Đại Nam, mà không cần phải xét xử; ra chỉ thị hủy bỏ tất cả đồ đạc xuất phát từ Âu Châu hiện có trong hoàng thành; lúc còn là hoàng tử, lấy "Cô Hàng", gái Gò Công do người cô môi giới; người cô còn trẻ và coi được, vua cũng lấy luôn; cả hai cô cháu đều có con trai; con của cháu trở thành Tự Đức; con của cô trở thành anh của vua là Hoàng Tử Hoàng Bảo; ông anh âm mưu nổi loạn để tranh ngôi, thất bại, bị gán là đã tự treo cổ chết trong ngục. Nhà bác học cũng kể tiếp rằng, thừa hưởng máu Thiệu Trị, Tự Đức đã giết hại vô số giáo sĩ và giáo dân; khi tàu Pháp can thiệp và sứ thần Pháp đến, vua và triều thần như câm như điếc, theo gương Bác Kinh coi mọi người dân nước khác đều là mọi rợ. (Trương Vĩnh Ký, *Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*, 2e volume. Saigon: Imprimerie du gouvernement, 1879, 251-273). Trong độ 20 trang giấy dành cho ba triều vua tiếp theo đời Gia Long, tác giả chỉ bàn có bấy nhiêu chuyện, toàn là tội lỗi, của các vị vua, và tuyệt đối không đả động gì đến những khía cạnh tích cực của các triều đại đó. Ảnh hưởng của cuốn sử đầy thiên kiến và xuyên tạc đó có thể được phỏng đoán là rất sâu rộng và tai hại cho nhà Nguyễn, vì nó được dùng để dạy học trò Nam Kỳ thời đó, và, theo học giả Pháp Henri Cordier, người giới thiệu cuốn sử thượng thạng của sử gia Pháp Charles Maybon xuất bản năm 1920, thì dân chúng Pháp chỉ biết lịch sử Việt Nam qua cuốn sách duy nhất đó của học giả họ Trương, (Charles Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam* [1592-1820]. Paris Plon, 1920, I, xii) mặc dầu nó không được soạn theo đúng các qui tắc sưu khảo.

Trong bối cảnh đó, NVT, với tư cách là một đại quan của Triều Nguyễn đã kiên cường lãnh đạo công cuộc kháng Pháp cho đến lúc bị Pháp bắt đi đày, dĩ nhiên phải lãnh nhiều mũi dùi xuyên tạc, bôi lọ hơn bất kỳ ai khác.

B. Nguyễn Văn Tường và Tân Sở, kinh đô kháng chiến

NVT đỗ cử nhân năm Canh Tuất, Tự Đức thứ 3, 1850 (Cao Xuân Dục, *Quốc-Triều Hương-khoa lục*. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu. Nhà Xuất Bản TP HCM, 1993, 297). Ông bắt đầu cuộc đời làm quan, dài trên 30 năm, cho

đến ngày đi đày ở Tahiti vào tháng 9 năm 1885. Suốt trong thời gian này, dù ở chức vụ nào, NVT luôn luôn tận tụy làm hết bổn phận với vua, với nước. Ông bắt đầu với một chức học quan, huấn đạo huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau một thời gian ngắn, ông được thăng tri huyện Thành Hóa (vùng Cam Lộ, Quảng Trị), và đã ở lại với vùng hoang địa nghèo khổ này, trước sau, tất cả chín năm. Trong vùng này, người Kinh sống xen kẽ với người Thượng ở những nơi gần núi non hiểm trở, và đầy sơn lam chướng khí. Người Thượng gồm nhiều sắc dân khác nhau, phần đông sống lưu động ngoài vòng kiểm soát của triều đình, và thường xung đột lẫn nhau. NVT đã đem lại an ninh cho vùng biên giới Lào Việt này, và đã có công chiêu tập các đồng bào thiểu số về khai khẩn đất hoang, qui tụ thành xóm làng đông đúc, phồn thịnh, an cư lạc nghiệp dưới sự kiểm soát và bảo vệ của Triều đình Huế. NVT đã tận tâm và thành công trong công cuộc khẩn hoang, phát triển thủy nông, mở mang chợ búa, mở ngành nghề, bố phòng an ninh, và chiêu dân lập ấp, nên ông được dân trong vùng tưởng nhớ công đức và thờ phượng, và được vua Tự Đức khen thưởng nhiều lần. (ĐNTL, XXVIII, 217, 271, 315, 321; XXIX, 48; Trần Viết Ngạc, "Nguyễn Văn Tường qua châu bản Triều Nguyễn." *Nhóm chủ chiến trong Triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học, 20-6-1996, Trường ĐHSP TP HCM [sẽ được gọi tắt là HNNVTDHSP96], 209; Đỗ Bang, "Góp phần làm sáng tỏ những uẩn khúc trong cuộc đời của nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường [1824-1886]." Hội thảo khoa học "Nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường," Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế - Đại học Huế & Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên, 2/7/2002 [sẽ được gọi tắt là: HTNVTHUE02], 23).* Thành tích đó đã được vua minh thị thừa nhận, vì sau khi NVT được thăng thưởng giữ các chức vụ cao hơn, như viên ngoại và biện lý bộ Binh, án sát Quảng Nam, và phủ doãn Thừa Thiên, vua Tự Đức vẫn bổ nhiệm ông kiêm sung chức doanh điền sứ hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị. Rồi không lâu sau khi NVT bị cách chức phủ doãn Thừa Thiên năm 1866, vì là quan đứng đầu địa phương mà đã không ngăn chận được vụ loạn giặc Chày Vôi xảy ra trong quản hạt của mình, nhà vua vẫn chuẩn cho NVT làm bang biện huyện Thành Hóa, nơi xưa chốn cũ của ông, và còn ban cấp cho ông ấn Khâm phái quan phòng để được quyền trực tiếp tâu bày lên vua. (ĐNTL, XXX, 51, 98, 148, 156, 186, 226, 287; XXXI, 14, 57, 87)

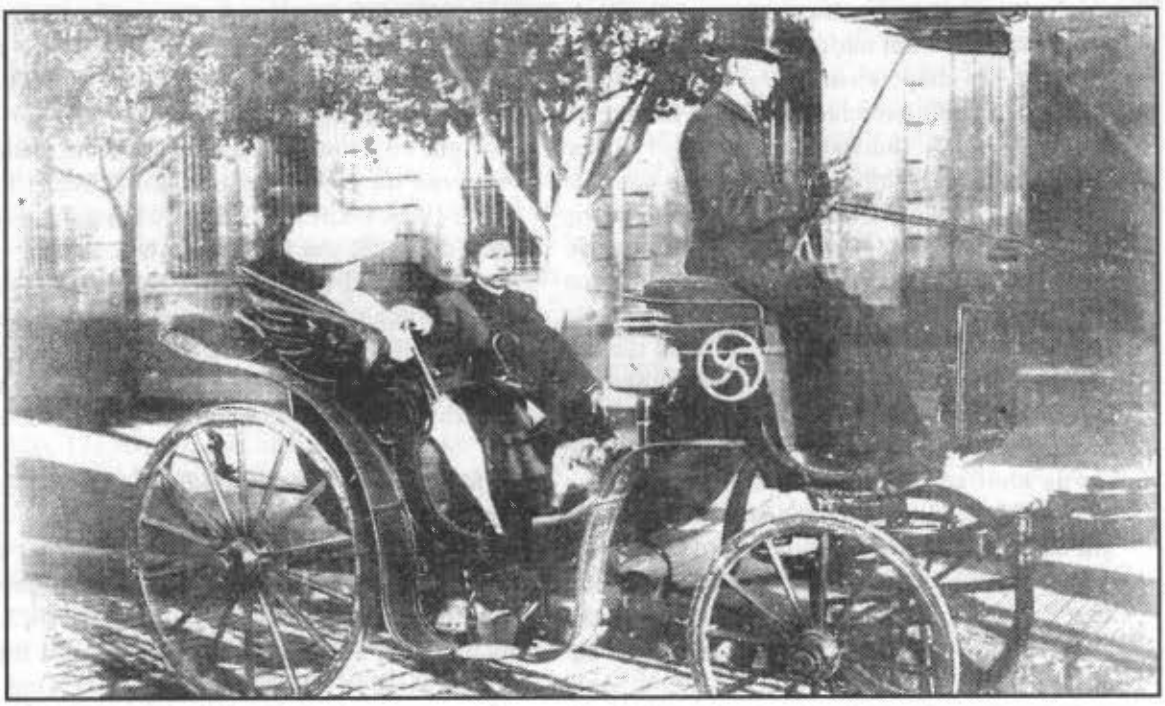

Đám cưới Vua Duy Tân

Quả thật, số mạng đã ràng buộc cuộc đời của NVT với vùng Tân Sở, nơi được dự trù làm kinh đô kháng chiến của nhà Nguyễn, dưới danh nghĩa là một căn cứ sơn phòng nằm trong huyện Thành Hóa. Vua Tự Đức đã nhận thấy tài năng cũng như lòng tận tụy của NVT từ thời đó và, mạc dầu đã cách chức ông sau vụ giặc Đoàn Trưng, Đoàn Triệu [Chày Vôi], vẫn tín nhiệm và giao phó cho ông công tác chiến lược mật về thành Tân Sở. Dự án Tân Sở đã được manh nha hoạch định từ cuối 1866. (ĐNTL, XXXI, 87) Với tư cách bang biện huyện Thành Hóa, một chức quan nhỏ dưới tri huyện, nhưng với quyền hạn rộng lớn vì có ấn khâm phái để tâu thẳng lên vua, NVT đã giúp thực hiện công tác khẩn hoang vùng Trấn Lao và cơ Định Man, dùng binh đội nhà Thanh đã đầu thú, và xây dựng con đường thượng đạo từ Tây sơn, Bình Định đến Trấn Ninh, Nghệ An thông qua Cam Lộ [Tân Sở].Trong lúc đang làm bang biện Thành Hóa, vào đầu năm 1868, NVT được vua sai làm tùy biện cho Hiệp biện đại học sĩ Trần Tiễn Thành, theo lời xin của vị đại thần này, để cùng đi vào Gia Định bàn định hiệp ước mới với Pháp, thay hiệp ước 1862. Ở Gia Định về ít lâu, ông được đình thần bàn tính cử sung vào làm bồi sứ trong phái bộ ngoại giao do Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Văn Phong cầm đầu để vào Sài Gòn và sang Pháp đàm phán chuộc Nam Kỳ. Nhưng dự định này về sau không thực hiện, vì chính NVT đã tâu vua là chưa tiện làm. (ĐNTL XXXI, 184, 202) Xong công tác ngoại giao, NVT được lệnh trở lại nhiệm sở cũ, bang biện huyện Thành Hóa. (ĐNTL, XXXI, 204, 221) Mãi về sau này, khi NVT không còn làm ở vùng Thành Hóa, công tác xây dựng khu chiến lược Tân Sở vẫn tiếp diễn giữa vua Tự Đức và NVT. Vào 1875, với tư cách Hình bộ Thượng thơ, kiêm Cơ Mật Viện Đại thần và Quản lý Thương Bạc Viện, NVT vẫn theo dõi tình hình tiến triển của công tác sơn phòng Cam lộ để trình lên vua. Trong tờ sớ ngày 20 tháng Giêng năm Tự Đức 28, 1875, NVT đã trình bày địa hình, địa vật, dân cư, các đường giao thông thủy bộ trong vùng, mực độ khả dụng của sông Khung [Mékong], sông Thạch Hãn, cùng các đường thượng đạo, mà đời trước Nguyễn Huỳnh Đức đã dùng, từ Nghệ An qua Lạc Hoàn [nơi dân Lào ở, gần Cửu Châu] đến đô thành nước Xiêm La rồi đi về Gia Định, và đường đi từ An Giang đến Cam Lộ. Đến gần cuối năm 1868, vua Tự Đức điều động NVT ra Bắc với chức vụ Tán Tương trong đoàn quân thứ do Đô Thống Đoàn Thọ chỉ huy, để dẹp loạn giặc Khách bên Tàu tràn qua, cướp bóc và giết hại dân lành. (ĐNTL, XXXI, 238) Và NVT đã phục vụ ở chiến trường Bắc Việt, vào sinh ra tử, trong gần sáu năm trời. Đó là đại cương giai đoạn đầu của cuộc đời hoạn lộ của NVT, với tư cách chính yếu là một hành chánh gia. Lịch sử thực dân đã nói gì về NVT trong giai đoạn ấy?

C. Nguyễn Văn Tường bị cách chức Phủ doãn vì bị tội nịch chức, hà lạm?

Trong một cuốn sách xuất bản 1971, căn cứ vào một luận án Tiến sĩ đệ tam cấp của Pháp, tác giả LM Nguyễn Văn Phong đã nói như sau, khi bàn về nền công lý ở Việt Nam thời Pháp xâm lăng Việt Nam vào cuối thế kỷ 19:

" . . . thật rất khó cho vị quan tòa xử đoán trái luật, bởi vì, nếu ông ta đi ra ngoài những gì luật đã định, ông sẽ có thể bị cấp tài phán trên mình khám phá ra tội lỗi ấy và trừng phạt nặng nề. ***Đó là việc đã xảy đến vào năm 1865 cho Nguyễn Văn Tường, vị phụ chánh tương lai của nước Đại Nam." (La société vietnamienne de 1882 à 1902 d'après les écrits des auteurs francais.*** Presses universitaires de France, 1971, 134;, NQT dịch và nhấn mạnh)

Ở chú thích 7, trang 134, LM Phong cho biết ràng tin này tác giả lấy từ sách của Đại úy Ch. Gosselin. Sách này nói ràng sau một thời gian ngán làm phủ doãn Thừa Thiên, NVT "bị tố cáo phạm tội nịch chức [accusé de prévarication], cách chức và giáng cấp [révoqué et dégradé]." (*L'Empire d'Annam*. Paris, Perrin, 1904, 188). Tác giả Gosselin không cho biết tin này bát nguồn từ đâu, chỉ nói ràng những dữ kiện thu thập được về tiểu sử của NVT đã được chính gia đình của ông Tường xác nhận là đúng, nhất là do một người con của ông. Trong một tiểu sử khác về NVT do ông H. Cosserat dẫn, cũng có chỗ nói tương tự ràng lúc làm phủ doãn, NVT "bị cách chức, theo lời khiếu nại của dân chúng đã tố cáo ông bất công." [il fut cassé, sur la plainte des habitants qui l'accusait d'injustice.] ("Comment on écrit l'histoire: réception du Colonel Guerrier à la Cour d'Annam le 17 Aout 1884." *Bulletin des amis du vieux Hué [sẽ được*

King de 1872 à 1874. Paris, Challamel ainé, 1880, 311). Cuốn sách ghi những hàng này của tác giả Romanet đã có ảnh hưởng lớn đến chánh sách thực dân của Pháp sau ngày bốn tỉnh thành Bắc Kỳ, do Francis chiếm đoạt, được giao hoàn lại cho Việt Nam. Cái luận điệu khinh miệt vua quan Việt Nam như vậy không phải là một biệt lệ, mà đầy dẫy trong sách báo của người Pháp thực dân, dưới muôn ngàn hình thức, minh thị hay mạc thị, và ngay cả trong sử sách Việt, bị ảnh hưởng và áp lực của nền sử học thực dân.

Một cuốn sử về Việt Nam viết bằng tiếng Pháp của nhà bác học Công giáo Trương Vĩnh Ký xuất bản vào cuối thập niên 1870, đã mạt sát thậm tệ các vị vua, quan nhà Nguyễn. Theo tác giả thì sở dĩ Nam Kỳ mất, Bắc Kỳ loạn lạc là vì sự ương ngạnh mù quáng của các vua nhà Nguyễn, cùng với sự khủng bố, đàn áp, và tham nhũng của các quan lại. Tác giả cũng lấy tư cách là một sử gia trung nghĩa và cẩn trọng, không quên rằng dù là người An Nam của Pháp, của Nam Kỳ hay Bắc Kỳ, mọi người đều cùng chung một nguồn gốc. Nhưng tác giả khẳng định rằng mình phản đối, đến tận cùng, chính sách cai trị sai lầm, phản kinh tế, đã biến dân chúng trở thành trâu ngựa cho nhà Nguyễn. Tác giả cũng không ngần ngại thú nhận rằng tổ chức chính trị đẹp đẽ của Pháp đã cám dỗ tâm hồn, chinh phục lòng kính mến và tận tụy của mình, cũng như đã thu hút được cảm tình của các dân tộc được sáp nhập vào nước Đại Pháp, vì họ đã hưởng được biết bao nhiêu là tự do, là an ninh do những người chủ mới đem lại. Rồi vị học giả tiếp tục dẫn chứng tội trạng của các vua nhà Nguyễn một cách cụ thể hơn: Minh Mạng đã bạc đãi các giáo sĩ, tập trung họ về Huế để dịch sách hay thực hiện các cuộc khảo cứu khoa học, xong việc thì đày họ đi nơi ma thiêng nước độc; thải hồi các sĩ quan Pháp đã từng tận tụy giúp vua cha; từ chối tiếp sứ giả Pháp; áp bức, đô hộ các nước láng giềng; lấy chị dâu cho mang thai rồi xử tử cùng với hai cháu mình để chúng khỏi có cơ tranh dành ngôi báu; mua chuộc bộ hạ của công thần Nguyễn Văn Thành, xúi họ làm văn thư giả mạo để tố cáo ông này làm phản, rồi xử tử. Cũng theo lời tác giả thì vua Thiệu Trị, sau khi nổi cơn thịnh nộ vì tàu Pháp bán phá bờ biển, đã ban bố thêm một chỉ dụ mới, ngoài những chỉ dụ diệt đạo đương hành, ra lệnh xử tử tất cả những người Âu châu, bị bắt được trên lãnh thổ Đại Nam, mà không cần phải xét xử; ra chỉ thị hủy bỏ tất cả đồ đạc xuất phát từ Âu Châu hiện có trong hoàng thành; lúc còn là hoàng tử, lấy "Cô Hàng", gái Gò Công do người cô môi giới; người cô còn trẻ và coi được, vua cũng lấy luôn; cả hai cô cháu đều có con trai; con của cháu trở thành Tự Đức; con của cô trở thành anh của vua là Hoàng Tử Hoàng Bảo; ông anh âm mưu nổi loạn để tranh ngôi, thất bại, bị gán là đã tự treo cổ chết trong ngục. Nhà bác học cũng kể tiếp rằng, thừa hưởng máu Thiệu Trị, Tự Đức đã giết hại vô số giáo sĩ và giáo dân; khi tàu Pháp can thiệp và sứ thần Pháp đến, vua và triều thần như câm như điếc, theo gương Bác Kinh coi mọi người dân nước khác đều là mọi rợ. (Trương Vĩnh Ký, *Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*, 2e volume. Saigon: Imprimerie du gouvernement, 1879, 251-273). Trong độ 20 trang giấy dành cho ba triều vua tiếp theo đời Gia Long, tác giả chỉ bàn có bấy nhiêu chuyện, toàn là tội lỗi, của các vị vua, và tuyệt đối không đả động gì đến những khía cạnh tích cực của các triều đại đó. Ảnh hưởng của cuốn sử đầy thiên kiến và xuyên tạc đó có thể được phỏng đoán là rất sâu rộng và tai hại cho nhà Nguyễn, vì nó được dùng để dạy học trò Nam Kỳ thời đó, và, theo học giả Pháp Henri Cordier, người giới thiệu cuốn sử thượng thạng của sử gia Pháp Charles Maybon xuất bản năm 1920, thì dân chúng Pháp chỉ biết lịch sử Việt Nam qua cuốn sách duy nhất đó của học giả họ Trương, (Charles Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam* [1592-1820]. Paris Plon, 1920, I, xii) mạc dầu nó không được soạn theo đúng các qui tắc sưu khảo.

Trong bối cảnh đó, NVT, với tư cách là một đại quan của Triều Nguyễn đã kiên cường lãnh đạo công cuộc kháng Pháp cho đến lúc bị Pháp bắt đi đày, dĩ nhiên phải lãnh nhiều mũi dùi xuyên tạc, bôi lọ hơn bất kỳ ai khác.

B. Nguyễn Văn Tường và Tân Sở, kinh đô kháng chiến

NVT đỗ cử nhân năm Canh Tuất, Tự Đức thứ 3, 1850 (Cao Xuân Dục, *Quốc-Triều Hương-khoa lục*. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu. Nhà Xuất Bản TP HCM, 1993, 297). Ông bắt đầu cuộc đời làm quan, dài trên 30 năm, cho

ông Tường, Thuyết và vua Đồng Khánh thay vua Hàm Nghi. Viết dưới thời Pháp thuộc vào đầu thập niên 1920 để dùng vào việc giáo dục thanh thiếu niên của một nước Việt Nam thuộc Pháp, cuốn sách của sử gia Trần Trọng Kim, mạc dầu về sau có đôi chút sửa đổi, dĩ nhiên đã phải chịu áp lực chính trị của chính quyền thời Pháp thuộc, và ảnh hưởng nặng nề của các sách báo của nền sử học thực dân Pháp. Vì xu hướng viết sử trội yếu của các sử gia Việt là lạp lại những gì các sách trước đã viết, không đạt nạng vấn đề tìm kiếm các tài liệu gốc và đầu tay, hay lượng giá, phối kiểm các tài liệu tham khảo, cho nên những sự xuyên tạc và bóp méo do các tác giả thực dân tung ra với mục đích tuyên truyền vẫn được truyền tụng mãi cho đến ngày nay, cả nửa thế kỷ sau khi Việt Nam đã thoát khỏi sự kìm kẹp của Pháp.

Mới gần đây, chẳng hạn, những câu nói đó của sử gia Trần Trọng Kim được lạp lại gần như nguyên văn trong cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả của Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc. (Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, Huế, 1995 [sẽ được gọi tát là: Thế Phả], 383). Trong bài "Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không?" đăng trên báo *Thế Kỷ 21* số 172 và 173 năm 2003, người viết đã chứng minh với đầy đủ chi tiết ràng câu chuyện tư thông và giết vua đó, mà sử sách ta đã tốn bao nhiêu giấy mực bàn cãi mãi, và cho đến nay còn được lạp đi lạp lại trong bộ sử mới xuất bản đầu thế kỷ thứ 21, (Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*. Antony, Pháp: Hội Văn hóa Hải ngoại, 2002, 1271-2, 1327,1891-2), chỉ là một câu chuyện hoàn toàn bịa đạt, do nền sử học thực dân tung ra, vì mục đích chính trị, để bôi lọ nhân vật NVT, một nhân vật đã kiên trì chống Pháp với sách lược "hòa để mưu chiến," và đã bị Pháp đày đi Tahiti rồi mất ở đó. (Xin xem bài "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn." *Thế Kỷ 21,* số 169, 170, 171, 2003). Bài này và các bài kế tiếp sẽ tiếp tục chứng minh ràng tất cả các tố cáo khác của sử sách liên quan đến việc NVT ám hại vua quan, hoàng tộc, ăn hối lộ người Tàu, nịnh bợ, tráo trở để bị cho là "tham lam, tàn nhẫn, gian trá ...", *đều không dựa trên một cơ sở nào vững chắc cả, và đều là kết quả của sự xuyên tạc, bóp méo, bôi lọ các nhân vật chống Pháp, của nền sử học thực dân.*

Để tiện việc trình bày, vấn đề này được chia làm ba phần chính: 1. NVT tham lam; 2. NVT tàn nhẫn?; và 3. NVT gian trá? Bài này sẽ chỉ nhấn mạnh vào khía cạnh "tham lam," hai khía cạnh kia sẽ được bàn trong dịp khác. Vì ranh giới giữa ba tính chất này đôi khi không rõ rệt, và có thể đưa đến nhiều trùng dụng, sự phân chia này không khỏi có phần độc đoán, và chỉ nên được xem như là một phương tiện để sáp xếp tư tưởng mà thôi. Những sự việc, đúng hay sai, có hay không có xảy ra, liên quan đến NVT mà sử sách đã có thể dùng để suy diễn là NVT là tham lam, sẽ được bàn xét sau đây.

I. Nguyễn Văn Tường tham nhũng và hà lạm?

A. Chiến dịch xuyên tạc vua quan Việt Nam của Thực dân Pháp

Nói đúng ra, không phải một mình NVT mà tất cả vua quan nhà Nguyễn nói chung hồi đó, đều là đối tượng của sự bôi lọ của nền sử học thực dân Pháp. Sự bôi lọ đó cần thiết cho giới thực dân để biện minh cho cuộc chiến tranh xâm lăng chiếm cứ thuộc địa của họ. Theo một luận cứ quen thuộc của thuyết thực dân, nước Pháp văn minh, vĩ đại có bổn phận dìu dát các dân tộc bán khai ở các châu Phi, Mỹ, Á lên con đường văn minh tiến bộ. Muốn vậy, cần phải giải phóng các dân tộc này khỏi sự áp bức, bóc lột tàn bạo của giai cấp cai trị họ, cũng như khỏi những tập tục dã man, hủ lậu, mê tín dị đoan của xứ sở họ. Các viên chức dân và quân sự Pháp lo việc diệt trừ giai cấp thống trị bản xứ. Các thừa sai Công giáo lo việc mang ánh sáng phúc âm đến cho dân chúng bị trị. Trong khuôn khổ chiêu bài đó, một tác giả Pháp, dựa vào thư tín của Đức Giám Mục Retord, đã đánh giá các quan lại Việt Nam đại lược như sau: Dân Bắc Kỳ nói chung rất hiền lành và biết ơn, còn những nhà cầm quyền thì chỉ có thể khống chế bằng cách làm cho họ sợ hãi mà thôi; giới quan lại là giai cấp tệ lậu nhất trong xã hội: rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện, xướng ca, trụy lạc là lối tiêu khiển của họ; họ chỉ lo lừa phỉnh vua để hưởng vinh hoa, đàn áp dân chúng để kiếm tiền, bóp méo luật pháp để làm lợi cho mình và làm hại kẻ bần cùng; với những kẻ cai trị như vậy, mọi hiệp ước đều vô nghĩa, chỉ có vũ lực mới buộc được họ thi hành những điều cam kết mà thôi. (Romanet du Caillaud, F., *Histoire de l'intervention francaise au Tong-*

đến ngày đi đày ở Tahiti vào tháng 9 năm 1885. Suốt trong thời gian này, dù ở chức vụ nào, NVT luôn luôn tận tụy làm hết bổn phận với vua, với nước. Ông bát đầu với một chức học quan, huấn đạo huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau một thời gian ngắn, ông được thăng tri huyện Thành Hóa (vùng Cam Lộ, Quảng Trị), và đã ở lại với vùng hoang địa nghèo khổ này, trước sau, tất cả chín năm. Trong vùng này, người Kinh sống xen kẽ với người Thượng ở những nơi gần núi non hiểm trở, và đầy sơn lam chướng khí. Người Thượng gồm nhiều sác dân khác nhau, phần đông sống lưu động ngoài vòng kiểm soát của triều đình, và thường xung đột lẫn nhau. NVT đã đem lại an ninh cho vùng biên giới Lào Việt này, và đã có công chiêu tập các đồng bào thiểu số về khai khẩn đất hoang, qui tụ thành xóm làng đông đúc, phồn thịnh, an cư lạc nghiệp dưới sự kiểm soát và bảo vệ của Triều đình Huế. NVT đã tận tâm và thành công trong công cuộc khẩn hoang, phát triển thủy nông, mở mang chợ búa, mở ngành nghề, bố phòng an ninh, và chiêu dân lập ấp, nên ông được dân trong vùng tưởng nhớ công đức và thờ phượng, và được vua Tự Đức khen thưởng nhiều lần. (ĐNTL, XXVIII, 217, 271, 315, 321; XXIX, 48; Trần Viết Ngạc, "Nguyễn Văn Tường qua châu bản Triều Nguyễn." *Nhóm chủ chiến trong Triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học, 20-6-1996, Trường ĐHSP TP HCM [sẽ được gọi tắt là HNNVTDHSP96], 209; Đỗ Bang, "Góp phần làm sáng tỏ những uẩn khúc trong cuộc đời của nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường [1824-1886]." Hội thảo khoa học "Nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường," Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế - Đại học Huế & Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên, 2/7/2002 [sẽ được gọi tắt là: HTNVTHUE02], 23).* Thành tích đó đã được vua minh thị thừa nhận, vì sau khi NVT được thăng thưởng giữ các chức vụ cao hơn, như viên ngoại và biện lý bộ Binh, án sát Quảng Nam, và phủ doãn Thừa Thiên, vua Tự Đức vẫn bổ nhiệm ông kiêm sung chức doanh điền sứ hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị. Rồi không lâu sau khi NVT bị cách chức phủ doãn Thừa Thiên năm 1866, vì là quan đứng đầu địa phương mà đã không ngăn chận được vụ loạn giạc Chày Vôi xảy ra trong quản hạt của mình, nhà vua vẫn chuẩn cho NVT làm bang biện huyện Thành Hóa, nơi xưa chốn cũ của ông, và còn ban cấp cho ông ấn Khâm phái quan phòng để được quyền trực tiếp tâu bày lên vua. (ĐNTL, XXX, 51, 98, 148, 156, 186, 226, 287; XXXI, 14, 57, 87)

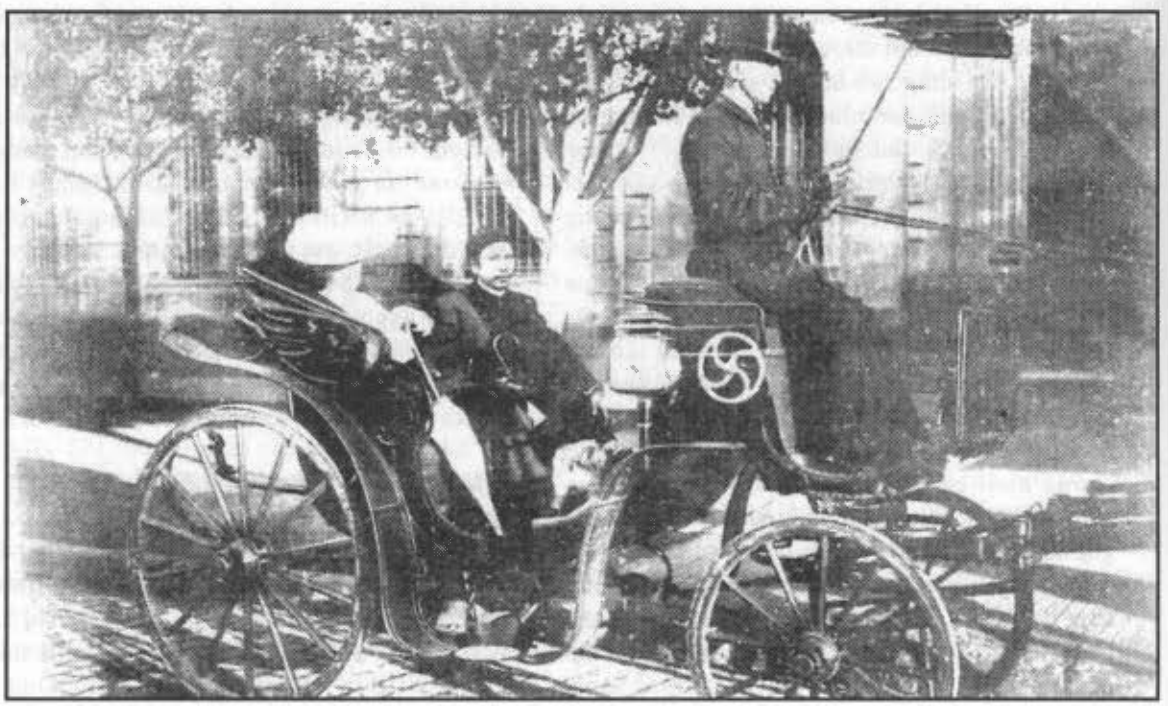

Đám cưới Vua Duy Tân

Quả thật, số mạng đã ràng buộc cuộc đời của NVT với vùng Tân Sở, nơi được dự trù làm kinh đô kháng chiến của nhà Nguyễn, dưới danh nghĩa là một căn cứ sơn phòng nằm trong huyện Thành Hóa. Vua Tự Đức đã nhận thấy tài năng cũng như lòng tận tụy của NVT từ thời đó và, mạc dầu đã cách chức ông sau vụ giặc Đoàn Trưng, Đoàn Triệu [Chày Vôi], vẫn tín nhiệm và giao phó cho ông công tác chiến lược mật về thành Tân Sở. Dự án Tân Sở đã được manh nha hoạch định từ cuối 1866. (ĐNTL, XXXI, 87) Với tư cách bang biện huyện Thành Hóa, một chức quan nhỏ dưới tri huyện, nhưng với quyền hạn rộng lớn vì có ấn khâm phái để tâu thẳng lên vua, NVT đã giúp thực hiện công tác khẩn hoang vùng Trấn Lao và cơ Định Man, dùng binh đội nhà Thanh đã đầu thú, và xây dựng con đường thượng đạo từ Tây sơn, Bình Định đến Trấn Ninh, Nghệ An thông qua Cam Lộ [Tân Sở].Trong lúc đang làm bang biện Thành Hóa, vào đầu năm 1868, NVT được vua sai làm tùy biện cho Hiệp biện đại học sĩ Trần Tiễn Thành, theo lời xin của vị đại thần này, để cùng đi vào Gia Định bàn định hiệp ước mới với Pháp, thay hiệp ước 1862. Ở Gia Định về ít lâu, ông được đình thần bàn tính cử sung vào làm bồi sứ trong phái bộ ngoại giao do Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Văn Phong cầm đầu để vào Sài Gòn và sang Pháp đàm phán chuộc Nam Kỳ. Nhưng dự định này về sau không thực hiện, vì chính NVT đã tâu vua là chưa tiện làm. (ĐNTL XXXI, 184, 202) Xong công tác ngoại giao, NVT được lệnh trở lại nhiệm sở cũ, bang biện huyện Thành Hóa. (ĐNTL, XXXI, 204, 221) Mãi về sau này, khi NVT không còn làm ở vùng Thành Hóa, công tác xây dựng khu chiến lược Tân Sở vẫn tiếp diễn giữa vua Tự Đức và NVT. Vào 1875, với tư cách Hình bộ Thượng thơ, kiêm Cơ Mật Viện Đại thần và Quản lý Thương Bạc Viện, NVT vẫn theo dõi tình hình tiến triển của công tác sơn phòng Cam lộ để trình lên vua. Trong tờ sớ ngày 20 tháng Giêng năm Tự Đức 28, 1875, NVT đã trình bày địa hình, địa vật, dân cư, các đường giao thông thủy bộ trong vùng, mực độ khả dụng của sông Khung [Mékong], sông Thạch Hãn, cùng các đường thượng đạo, mà đời trước Nguyễn Huỳnh Đức đã dùng, từ Nghệ An qua Lạc Hoàn [nơi dân Lào ở, gần Cửu Châu] đến đô thành nước Xiêm La rồi đi về Gia Định, và đường đi từ An Giang đến Cam Lộ. Đến gần cuối năm 1868, vua Tự Đức điều động NVT ra Bắc với chức vụ Tán Tương trong đoàn quân thứ do Đô Thống Đoàn Thọ chỉ huy, để dẹp loạn giặc Khách bên Tàu tràn qua, cướp bóc và giết hại dân lành. (ĐNTL, XXXI, 238) Và NVT đã phục vụ ở chiến trường Bắc Việt, vào sinh ra tử, trong gần sáu năm trời. Đó là đại cương giai đoạn đầu của cuộc đời hoạn lộ của NVT, với tư cách chính yếu là một hành chánh gia. Lịch sử thực dân đã nói gì về NVT trong giai đoạn ấy?

C. Nguyễn Văn Tường bị cách chức Phủ doãn vì bị tội nịch chức, hà lạm?

Trong một cuốn sách xuất bản 1971, căn cứ vào một luận án Tiến sĩ đệ tam cấp của Pháp, tác giả LM Nguyễn Văn Phong đã nói như sau, khi bàn về nền công lý ở Việt Nam thời Pháp xâm lăng Việt Nam vào cuối thế kỷ 19:

" . . . thật rất khó cho vị quan tòa xử đoán trái luật, bởi vì, nếu ông ta đi ra ngoài những gì luật đã định, ông sẽ có thể bị cấp tài phán trên mình khám phá ra tội lỗi ấy và trừng phạt nặng nề. ***Đó là việc đã xảy đến vào năm 1865 cho Nguyễn Văn Tường, vị phụ chánh tương lai của nước Đại Nam." (La société vietnamienne de 1882 à 1902 d'après les écrits des auteurs francais.*** Presses universitaires de France, 1971, 134;, NQT dịch và nhấn mạnh)

Ở chú thích 7, trang 134, LM Phong cho biết ràng tin này tác giả lấy từ sách của Đại úy Ch. Gosselin. Sách này nói ràng sau một thời gian ngắn làm phủ doãn Thừa Thiên, NVT "bị tố cáo phạm tội nịch chức [accusé de prévarication], cách chức và giáng cấp [révoqué et dégradé]." (*L'Empire d'Annam*. Paris, Perrin, 1904, 188). Tác giả Gosselin không cho biết tin này bát nguồn từ đâu, chỉ nói ràng những dữ kiện thu thập được về tiểu sử của NVT đã được chính gia đình của ông Tường xác nhận là đúng, nhất là do một người con của ông. Trong một tiểu sử khác về NVT do ông H. Cosserat dẫn, cũng có chỗ nói tương tự ràng lúc làm phủ doãn, NVT "bị cách chức, theo lời khiếu nại của dân chúng đã tố cáo ông bất công." [il fut cassé, sur la plainte des habitants qui l'accusait d'injustice.] ("Comment on écrit l'histoire: réception du Colonel Guerrier à la Cour d'Annam le 17 Aout 1884." *Bulletin des amis du vieux Hué [sẽ được*

gọi tắt là BAVH], số 3, 1924, 278, ct. 1). Tiểu sử này được ông Cosserat trích dẫn nguyên văn từ sách của A. Bouinais và A. Paulus. (*L'Indochine francaise contemporaine* - Tome II. Paris: Libr. Maritime et Coloniale, 1885, 273, ct. 1) Và có lẽ ông Gosselin cũng đã lấy từ đó mà không nói ra. Về chuyện của NVT, sách của Bouinais có nói rõ hơn ở một chỗ khác ràng:

"Cũng như ở Cao Mên, nhà vua đón nhận những đơn khiếu nại của thần dân về những sự oan ức do các quan lại hành chánh hay tư pháp gây ra. Một cái trống được đặt ở trước cửa hoàng thành. Nguyên cáo chỉ cần đánh trống để các lính canh chú ý, rồi đơn khiếu nại được một tòa án đặc biệt . . . duyệt xét. [ ] Quan xử án nịch chức bị trừng phạt, nhưng người khiếu nại, nếu tố cáo gian, sẽ bị hình phạt roi. ***Phụ Chánh Nguyễn Văn Tường đã bị cách chức trong một trường hợp như vậy từ 1865 đến 1867, thể theo lời khiếu nại của dân chúng Huế."*** *(Op. cit.,* 656, NQT dịch và nhấn mạnh)

Người viết những dòng này, Bouinais, là đại úy thủy quân lục chiến, tùy viên võ phòng của Thống đốc Nam Kỳ Ch. Thomson [1883-1885]. Tác giả không cho biết tin này, cũng như mọi tin quan trọng khác, bát nguồn từ tài liệu tham khảo nào. Tuy nhiên, với tư cách là một công chức cao cấp quan trọng, Bouinais có thể đã lấy tin này từ một bản tiểu sử của NVT do cơ quan mật vụ Pháp soạn thảo, trong đó có chỗ nói sai lạc, một cách cố ý hay vô tình, ràng "Vào 1866 [NVT] bị tố cáo là bất công và cách chức" [1866 Accusé d'injustice, il est cassé]. (Centre d'Archives d'Outre-mer, Aix-en-Provence, [sẽ được gọi tát là CAOM], Archives centrales de l'Indochine, Amiraux et Gouverneurs de la Cochinchine, F44, 11785 - Deportation à Tahiti de Nguyen Van Thong [sic], ex-premier ministre de l'Annam, Pham-Tan [sic] - Duat, ex-ministre des finances et Ton That Dinh, père de l'ex-régent Thuyet.) Đó là một văn kiện viết tay, cũng như mọi giấy tờ thời đó, trên đầu có ghi là số "7" bằng viết chì, không có tên người hay cơ quan soạn thảo, nhan đề "Renseignements divers sur le Ministre des Finances de l'Annam Nguyễn Văn Tường..." Nói chung, thì tài liệu này chứa đựng khá nhiều sai lạc. Ngoài ra, trong sách đã nói, tác giả Bouinais còn tung ra những tin tức khác hoàn toàn vô căn cứ, dựa vào tin đồn với ác ý xuyên tạc, như: vua Hiệp Hòa hứa hối lộ cho ông Thuyết một số vàng để tranh ngôi với ông Dục Đức, nên NVT không tôn Mệ Mến (Kiến Phúc) lên được. Sau vì Hiệp Hòa không đưa vàng cho ông Thuyết, nên mới bị thay bằng vua Kiến Phúc. Lúc đó ông Thuyết mới đồng ý với ông Tường, và hai bên mới cọng tác với nhau. Có thể vì những lý do Bouinais viết lách cẩu thả như vậy nên Tiến sĩ Charles B. Maybon, người đã viết một cuốn sử đứng đắn và rất có giá trị về Việt Nam dựa trên luận án tiến sĩ của mình, đã nói rõ là mình đã cố ý không ghi nhận các công trình của Bouinais vào số các sách được tham khảo. *["C'est intentionnellement que les ouvrages de Bouinais et Paulus.... ne sont pas cités ici"] (Maybon, op. cit.,* xii, ct. 1). Tác phẩm này của Maybon là một công trình xuất chúng, soạn đúng theo các qui tác sưu khảo khoa học, viết đứng trên lập trường quyền lợi của nước Việt Nam, và dựa trên một kho tàng tài liệu vô song, bao gồm không những tài liệu của văn khố Pháp, của các thừa sai Pháp và ngoại quốc, mà còn của Đông phương, Tàu, Nhật, và nhất là của phía Việt, bao gồm cả cả *Đại Nam Thực Lục*, Tiền biên, và Chính biên bằng chữ nho.

Nói tóm lược lại, mới đây, năm 1971, LM Nguyễn Văn Phong nói ràng NVT đã bị cách chức vì phạm tội hà lạm, dựa theo sách của Gosselin; ông này không cho biết tin này xuất xứ từ đâu. Đồng thời, năm 1924, tác giả Cosserat cũng đưa ra tin tương tự, dựa vào sách của Bouinais, xuất bản 1885. Sách này chỉ nói khống vậy thôi, chứ không viện dẫn nguồn gốc xuất xứ của tin tức đó, mạc dầu Bouinais có thể đã dựa vào hồ sơ mật vụ. Cách viết người này dựa theo tin người kia, mà rút cục không dựa trên một nguồn gốc nào đáng tin cậy cả, rất thông thường giữa các tác giả Pháp thực dân. Do đó, tin về NVT vừa kể, tự nó đã thiếu hẳn cơ sở, vì dựa vào một dữ kiện với xuất xứ không rõ ràng, được lấy từ một cuốn sách viết với mục đích tuyên truyền, và không đáng tin cậy.

Đó là tin tức dựa trên sử sách Pháp. Còn về phía Việt Nam thì sao? NVT là một vị đại quan của nhà Nguyễn, và mọi việc quan trọng liên quan đến NVT có thể được ghi chú trong quốc sử, người viết thấy cần đi xa hơn nữa trong việc phối kiểm tin này, nên đã tra cứu chính sử

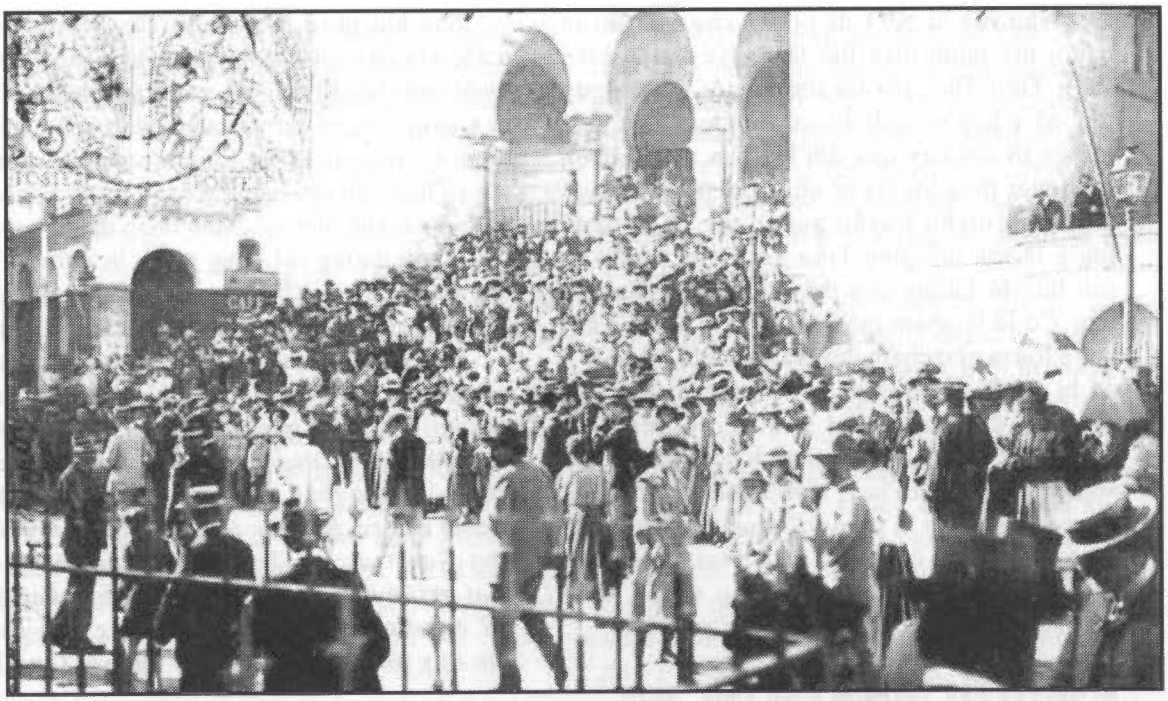

Đám cưới Vua Duy Tân

nhà Nguyễn, là bộ *Đại Nam Thực Lục Chính biên* [ĐNTL]. Bộ sử này, bằng chữ Hán, với một sự phổ biến rất hạn chế dưới thời Pháp thuộc, may thay đã được dịch ra Việt ngữ xong năm 1978. Theo bộ chính sử này thì có một việc như sau xảy ra vào năm Tự Đức 17, 1864:

"Vua cho là hiện nay dân lương, đạo khích nhau, kinh ấp Thừa-thiên, Nghệ-an hạt lớn, cần được người giỏi để hiểu bảo cho yên. Bèn cho Ngụy Khắc Đản [biện lý] lãnh bố chính sứ Nghệ-an [nguyên bố chánh là Đoàn Văn Hội đổi vào làm biện lý Bộ Binh] Nguyễn Văn Tường [biện lý] lãnh chức phủ doãn [nguyên phủ doãn là Trần Tiến Thọ can dân kiện ở ngoài đợi xét]" (ĐNTL, XXX, 97-8, NQT nhấn mạnh)

Việc bổ nhiệm này cũng được tác giả Trần Huy Thanh, ở nhà Bảo tàng Huế, tường thuật với đầy đủ chi tiết hơn. Theo tác giả này thì trong lúc người Pháp chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ và lăm le chiếm các tỉnh miền Tây, và đồng thời thổ phỉ, giặc biển hoành hành ở Bác,

"tình hình chính trị, kinh tế xã hội của phủ Thừa Thiên ngày càng xấu đi là điều quan ngại lớn nhất của triều đình Huế. Từ tháng 11.1862 đến tháng 6.1865 ..., triều đình đã năm lần thay Đề đốc kinh thành. ***Phủ Doãn Thừa Thiên Trần Tiến Thọ vừa mới lãnh chức đầu năm 1864 thì làm việc không có hiệu quả, bị dân kiện đang đợi xét xử.*** *Trước sự yếu kém bất lực của các quan thân văn võ đầu phủ, vua Tự Đức cảm thấy bất an, lo lắng. Tháng 6/1864, vua ... muốn triệu danh tướng Nguyễn Tri Phương đang bình định miền Bắc về kinh gấp nhưng Nguyễn Tri Phương tâu nói vùng biển chưa yên ổn chưa thể về được... Một tháng sau đó, tình hình cấp bách hơn, dân lương, giáo tiếp tục đố kị, khích bác nhau. Vua cho kinh ấp Thừa Thiên là hạt lớn, cần được người giỏi để hiểu bảo cho yên, đã quyết định cử Nguyễn Văn Tường đang làm Biện Lý bộ Binh sung chức Phủ Doãn Thừa Thiên, năm ấy Nguyễn Văn Tường tròn 40 tuổi. Vua ... chọn cử Nguyễn Văn Tường ... vì nhà vua đã từng biết đến năng lực của ... Tường khi làm Tri huyện huyện Thành Hóa [Cam Lộ, Quảng Trị] trong thập niên 50, nay trước yêu cầu đòi hỏi 'cần người giỏi' . . .* ***Tường đã có đủ điều kiện để vua Tự Đức tin tưởng giao cho trọng trách mới."*** *('Nguyễn Văn Tường trong thời gian làm Phũ Doãn Thừa Thiên.' HTNVTHUE02, 85-6, NQT nhấn mạnh)*

Như vậy là NVT đã bị gán cho cái tội của người mà mình thay thế là nguyên phủ doãn Trần Tiến Thọ, rồi tin tức về tội được ngụy tạo, cố ý hay vô tình đó, cứ tiếp tục được loan truyền từ đời này qua đời kia qua những cuốn sách viết theo lối tài tử nói trên, phần lớn với mục đích tuyên truyền xuyên tạc. Việc đáng lưu ý là tên tuổi ông Trần Tiễn Thọ, trước và sau lúc đó không còn thấy trong bộ chính sử nữa. Có lẽ là phạm một tội như vậy là cuộc đời hoạn lộ coi như chấm dứt. Và nếu quả thật NVT có bị tội đó, thì sẽ không có bài viết này. Dù sao, một cái tội bịa đạt như thế, in trên giấy tráng mực đen của một bộ sách gồm hai tập đồ sộ của hai tác giả Pháp, một là viên chức thuộc địa cao cấp, một là giáo sư, cũng đủ làm cơ sở, mạc dầu là một cơ sở hoàn toàn sai lạc, cho sử gia Trần Trọng Kim và biết bao sử gia khác mạt sát NVT là "tham lam" hay "gian xảo."

D. Nguyễn Văn Tường bị cách chức "nhục nhã" ?!

Cùng liên quan đến vấn đề này, một tác giả khác, LM H. de Pirey, dựa vào sự phỏng vấn tại chỗ dân các làng vùng Tân Sở vào 1914, đã kể như sau:

"... Nguyễn-Văn-Tường, lúc đó đang giữ chức vụ phủ doãn, vì phạm lỗi nặng bị vua Tự Đức giáng cấp và đổi đi Quảng Trị một cách nhục nhã. Ông đã quị lụy chấp nhận con đường đi đày, khẩn cầu vua và các vị quan lớn tha tội cho, vì mình đã chịu qui phục và tuân hành thượng lệnh một cách sốt sắng, và cho phép ông được phục hồi chức vụ và cấp bực cũ. ***Ông đã hạ mình và nịnh hót khéo đến nỗi mà ông chiếm được tước vị Khâm Phái, và cũng chính vào thời kỳ ấy ông tập hợp tất cả các kế hoạch mà ông sẽ thực hiện sau này ở Tân Sở, một căn cứ do một mình ông cổ súy và kiến trúc. Ông đã xin được vua cho ân xá các tù phạm bị đày ở Ai Lao, biến họ thành tay chân và đồng lõa với mình, và cùng họ lập nên làng Tự Tân, một danh từ có nghĩa là tự cải hóa.*** *Các làng Tân Định và Tân Mĩ cũng ở vào thời kỳ ấy và thành lập như vậy." ("Une capitale éphémère: Tan-So." BAVH, số 3, 1914, 217, NQT dịch và nhấn mạnh)*

Sau khi phác họa sơ đồ Tân Sở theo như trước khi căn cứ này bị Pháp hủy diệt; tường thuật cuộc hành trình của vua Hàm Nghi từ Huế ra Quảng Trị, và mô tả cuộc hành quân chiếm đóng và hủy diệt Tân Sở của quân đội Pháp, với sự tham dự của các LM Mathey và Patinier; và nhấn mạnh đến việc lính Pháp đã thận trọng tránh con đường rất nguy hiểm là đường Đèo Đại Bác (Col des Canons) mà NVT đã xây đắp khi còn làm tri huyện Cam Lộ, tác giả kết luận:

"Tuy nhiên, hình như là càng ngày ta càng có thể chắc chắn thêm (il semble de plus en plus certain) là các cố gắng khổng lồ nói trên không nhằm mục đích cứu vua cứu nước, mà chỉ là một phương kế do lòng tham lam của Nguyễn Văn Tường chế ra, hầu gia tăng tài sản của y cũng như của gia đình y. ***Trong tất cả tổng Mai Lộc, mọi người đều nhất trí khẳng định rằng Tân Sở chỉ được lập ra với một mục tiêu thầm kín duy nhất là loại bỏ nhà vua và Tôn Thất***

Vua Đồng Khánh

Thuyết, để cho chính con của y lên ngôi, và làm việc đó, nếu cần với sự hậu thuẫn của nước Pháp. *[ ] Đó là sự phán đoán của giới người thấp hèn. Đúng hay sai? Tôi không thể trả lời được. Dù sao, khi mà sử sách đi đến một sự quyết đoán dứt khoát về con người này, mà nước Pháp đã đem lưu đày rồi chết ở đó, sử sách ấy cần phải đếm xỉa đến ý kiến của những người đã thấy ông Tường ra tay, và đã bị đau khổ vì chính sách của ông ta."* (Ibid., 220, NQT dịch và nhấn mạnh)

Với tác giả này, phương pháp xuyên tạc tế nhị hơn, không ngụy tạo mà chỉ bóp méo sự kiện và gán cho hành động xây dựng Tân Sở của NVT những động cơ xấu xa, như để vinh thân, phì gia, cướp ngôi, phản bạn, phản vua, phản nước. Về tội đưa đến cách chức, tác giả không nói rõ là tội gì, chỉ nói là lỗi nặng rồi thêm vào là NVT bị "giáng cấp và đổi đi một cách nhục nhã," rồi ... *"quị lụy"* ... *"khẩn cầu,"*... *"nịnh hót khéo léo"* để ... *"phục hồi chức vụ và cấp bực cũ"* .... tất cả đều do dân quê được tác giả phỏng vấn nói là "hình như" có xảy ra, mà chính tác giả cũng công nhận là mình không thể bảo đảm sự hư thực. Trước hết, về cuộc phỏng vấn tại chỗ làm căn bản cho bài khảo luận của mình, tác giả không nói gì về số người được phỏng vấn là bao nhiêu so với số dân toàn vùng, thành phần lương, đạo, Kinh, Thượng nhiều ít như thế nào, tác giả hỏi họ những câu gì, họ trả lời tự do hay theo một khuôn mẫu nào. Tác giả chỉ nói ám chỉ như là mình đã phỏng vấn tất cả mọi người, không trừ một người nào, và họ đều trả lời đồng loạt như nhau cả, với những câu xác quyết như:

"Đó là những tin tức mà họ cho tôi hay mà tất cả dân chúng ai ai cũng biết cả." (t. 219); hay *"Tất cả mọi người trong tổng Mai Lộc, không trừ một người nào, đều khẳng định rằng..."* (t. 220)

Dụng ý xuyên tạc của tác giả có thể được nhận thấy ngay, vì tác giả đã tự mâu thuẫn với chính mình. Thật vậy, một mặt, vị linh mục đã nói rằng trong số người được phỏng vấn phần lớn đã có tham dự vào biến cố 1885, tức đã là "tay chân và đồng lõa" của NVT trong việc thành lập các làng Tự Tân, Tân Lập và Tân Mĩ, mặt khác, lại nói rằng tất cả mọi người tay chân đồng phạm đó đều mạt sát NVT cả. Trong lúc đó thì các tác giả tại địa phương Cam Lộ, Quảng Trị, dựa vào gia phả gia đình NVT, lại nói rằng dân làng ngày nay còn ghi công đức và lập miếu thờ NVT, như đã nói trên. Như vậy, ít nhứt cũng phải có một số nhỏ người được phỏng vấn không chê trách NVT. Ngay trong những chế độ độc tài nhứt trên thế giới, người ta cũng chỉ lấy đến 99% cho phe mình và chừa 1% cho phe nghịch!

Một thủ đoạn khác của tác giả là chỉ nói NVT "phạm lỗi nặng bị ... *đổi đi ... một cách nhục nhã" mà không giải thích rõ là lỗi gì.* Sự thực thì NVT đã bị cách chức phủ doãn Thừa Thiên là vì đã không ngăn ngừa được loạn Chày Vôi xảy ra trong quản hạt cai trị của mình, một tội không cố ý và không có gì là xấu xa cả. Nếu nêu rõ tội ấy ra, tác giả không thể nói là NVT bị đổi đi "một cách nhục nhã" để bôi lọ ông này được. Mà nếu nói rằng NVT bị cách chức vì bị dân Thừa Thiên kiện về tội hà lạm như Bouinais đã nói ở trên, thì không đúng, nên tác giả cố ý nói vắn tắt như vậy để "mập mờ đánh lận con đen." Thật vậy, trong vụ này, Đoàn Trưng và đồng bọn âm mưu giết vua Tự Đức và đem Đinh Đạo [Ưng Đạo], con của anh vua là Đinh Bảo [Hồng Bảo], lên ngôi. Loạn quân đã xâm nhập được vào hoàng thành và hăm dọa tính mạng vua trước khi bị dẹp. Đinh Đạo bị thắt cổ ngay cùng với mẹ, vợ, và các con trai. Tất cả những người liên can đều bị tội nặng nhẹ theo thứ bậc, lăng trì, bêu đầu, uống thuốc độc, chém đầu, thắt cổ. Vua giận cho là các quan không biết đề phòng trước, nên trừng phạt một số khá đông các viên chức có trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo vệ an ninh. Trong số này, các quan quản hạt nơi xảy ra vụ loạn, Phủ doãn NVT cùng với phủ thừa, tri huyện Hương Thủy đều bị cách chức, nhưng được cho gáng sức làm việc chuộc tội. Thực ra NVT có phải người dò xét nhưng không khám phá ra âm mưu đảo chánh, vì phe làm loạn đã dùng chỉ dụ giả mạo của vua để hợp thức hóa các hành động chuẩn bị phi pháp của mình. (ĐNTL, XXXI, 53-7; Giá sơn Kiều-Oánh-Mậu, Bản triều bạn nghịch liệt truyện. Sài gòn:Tủ sách viện Khảo-cổ, Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1963 40a, 42b). Các hình phạt loại này xảy ra rất thông thường dưới triều Nguyễn thời đó. Ông Nguyễn Tri Phương, chẳng hạn, đã có biết bao chiến công, lên đến chánh nhứt phẩm võ giai, phong tước Tráng Liệt Bá, nắm giữ những chức vụ tột

đỉnh trong nền hành chánh, như Lại bộ thượng thư, nhưng khi thua trận đã có lần bị xử trảm giam hậu [sự thi hành án đợi vua xét sau] và cho cố gáng lập công chuộc tội để phục hồi chức cũ. Sau khi thành Hà Nội mất vào tay Francis Garnier, ông đã tuẫn tiết một cách oanh liệt như sử sách đã ghi. Mạc dầu vậy, vua Tự Đức vẫn phải chiếu theo phép công, xử ông về tội làm tướng mà để mất thành, phải cách mất chức hàm, bị án xử trảm giam hậu mãi mãi [vì đã chết], rồi cho truy phục Binh bộ tả tham tri, và được giữ tước bá. (ĐNTL, XXXIII, 63-4) Trong thời gian phục vụ ở Bác với tư cách tán tương, NVT cùng với Võ Trọng Bình cũng đã bị cách chức vì đã để mất thành Lạng Sơn vào tay giặc, và được cho cố gáng lập công chuộc tội. Đô Thống Đoàn Thọ bị giặc giết trong trận này, và hai ông Bình và Tường được khởi phục một phần chức tước sau khi thu hồi lại được thành Lạng Sơn.

Việc NVT được vua bổ nhiệm làm bang biện Thành Hóa, theo chính sử nhà Nguyễn, là vì lý do hoàn toàn công vụ, nghĩa là để thực hiện một kế hoạch lâu dài thầm kín dùng Tân Sở làm kinh đô thứ hai khi cần đến như đã kể trên, chứ không phải do lời quị lụy cầu khẩn của NVT như LM De Pirey đã nói. Thật vậy, chính sử kể ràng, sau khi vua Tự Đức chấp thuận ý kiến của viện Cơ mật, là không nên gây hoang mang nghi ngờ bằng cách dùng quân đội đóng đồn ở Ba Xuân gần xứ Cao Man [cách Tân Sở một ngày đường], mà chỉ nên dùng biện pháp êm dịu bằng cách từ từ chiêu dụ dân Man vùng ấy, hầu thi hành kế sách lâu dài.

"Vua bảo ràng: trước Nguyễn Văn Tường cũng xin nhận làm việc ấy, tất phải làm theo lời nói, chuẩn cho làm bang biện huyện Thành Hóa để làm việc, cấp cho ấn khâm phái quan phòng cho được tự ý tư tâu." (ĐNTL, XXXI, 87)

Ngoài ra, nói chung mối tương quan giữa vua Tự Đức và NVT có dựa trên sự nịnh bợ, quị lụy,và khúm núm của NVT như vị linh mục khẳng định hay không? Hai sử gia đã trả lời câu hỏi này, dựa vào các bản tấu sớ của NVT trình lên vua, với lời phê của vua Tự Đức trên đó. Trong một bài khảo luận mô tả lòng ái quốc của NVT qua thi văn còn lại trong số di cảo của vị phụ chánh, tác giả Trần Đại Vinh đã đề cập đến bản tấu, đề ngày 27 tháng 10 năm Tự Đức thứ 27, 1874 của NVT lên vua Tự Đức, ***"biểu lộ đức tính dũng cảm, trung thực, dám nói những điều có thể đụng chạm đến lòng tự ái của vua."*** ("Tấc lòng yêu nước son sắt của Nguyễn Văn Tường." *HNNVTDHSP96, 39-40, NQT nhấn mạnh).* Một tác giả khác, Giáo sư sử học Trần Viết Ngạc, sau khi phân tích các bản tấu sớ nói trên, đã viết ràng:

"Quan hệ giữa vua Tự Đức - Nguyễn Văn Tường, trên thực tế ***vượt xa quan hệ Vua - Tôi****. Vua Tự Đức rất tin dùng Nguyễn Văn Tường, có thể bàn bạc với Nguyễn Văn Tường mọi băn khoăn, mọi suy nghĩ của mình. Ngược lại Nguyễn Văn Tường có thể nói thẳng với nhà Vua những ý nghĩ của mình về việc và về người liên hệ đến vận mệnh đất nước mà không ngại Vua sẽ bắt lỗi bất kính, là phạm thượng.* ***Vua gọi cuộc gặp gỡ ấy là tri ngộ****, tôi gọi đó là hạnh ngộ." ("Tìm hiểu thêm về Nguyễn Văn Tường [1824-1886]".* HTNVTHUE02, 11, NQT nhấn mạnh).

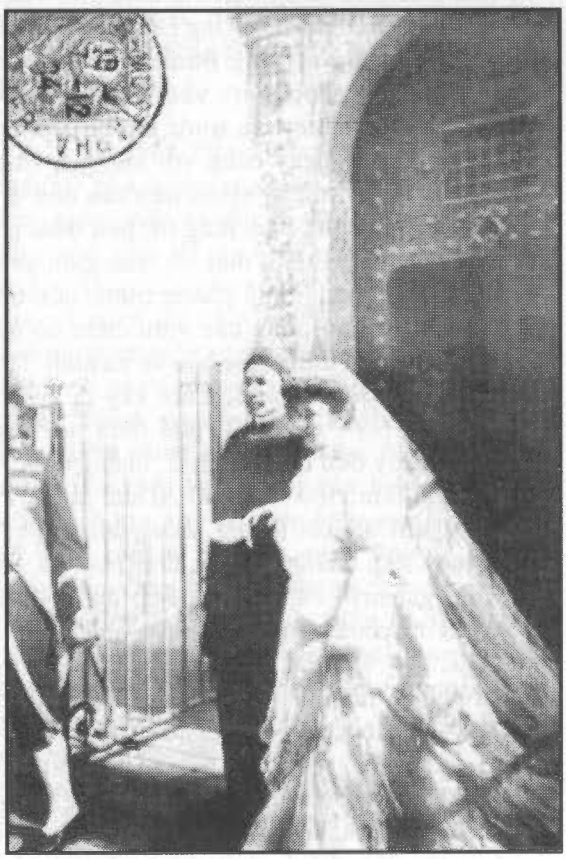

Đám cưới Vua Duy Tân

(Còn tiếp)

Nét Huế

TRONG TÁC PHẨM CỦA HỌA SĨ TÔN-THẤT-SA

Lời Giới Thiệu: *Tác giả bài này, bà Bùi Oanh Hằng, tốt nghiệp tiến sĩ về Sciences du Langage Interculturel tại đại học Rouen, Pháp, hiện đang giảng dạy tại trường Đại Học Sư Phạm và Đại Học Văn Khoa (ban Pháp Văn) tại Huế. Từ tháng 10 năm 2002 đến tháng 2 năm 2003, bà được thỉnh giảng tại Đại Học Paris 7 về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Bà là cháu ngoại của họa sĩ Tôn Thất Sa, mà sự nghiệp hội họa và kiến trúc được đề cập đến trong bài viết này.*

Họa sĩ Tôn Thất Sa

BÙI OANH HÀNG

So với những thành phố trong toàn cõi Việt Nam, Huế luôn chiếm một vị trí đặc biệt trong lòng người dân từ Bắc đến Nam, và ngay cả đối với người nước ngoài. Nhiều tác giả đã dành thời gian nghiên cứu về tánh cách độc đáo của Huế, nó không những được thể hiện ở vẻ dịu dàng mềm mại của phong cảnh nên thơ, cũng như ở lối kiến trúc cổ kính một thời vang bóng. Nhưng độc đáo nhất vẫn là tâm hồn Huế, nó được kết tinh từ thiên nhiên, từ lịch sử, và tồn tại trong lòng người dân Huế từ xưa đến nay.

Tìm hiểu về Huế, còn là tìm hiểu người Huế suy nghĩ như thế nào và diễn tả những suy nghĩ đó ra sao, tuỳ sở thích và năng khiếu của từng người. Trong tinh thần đó chúng tôi muốn tìm hiểu những tâm hồn Huế của những thế hệ đi trước, những nhân vật tiêu biểu đã hiểu được tính độc đáo của Huế và đã đem gởi gám tâm hồn và cuộc đời mình vào Huế .

Huế ngày nay được mang danh Thành phố Di tích Văn hoá thế giới, một thành phố du dịch đầy nét văn hóa độc đáo, đó cũng là nhờ được kế thừa những công lao, óc sáng tạo, trí tưởng tượng của các nghệ sĩ của những thế hệ trước. Trong việc khảo sát, chiêm ngám, tham quan những công trình kiến trúc tại Huế, người ta hay nhắc đến tên họa sĩ Tôn Thất Sa, người đã phục vụ cho sự nghiệp văn hóa và giáo dục tại Huế trong gần ba phần tư thế kỷ.

Tác phẩm của người họa sĩ tài ba ấy vẫn còn đó, âm thầm lạng lẽ nhưng không kém sức hấp dẫn: đối diện với cổng trường Quốc Học là Đài Chiến Sĩ Trận Vong (Giải nhất cuộc thi vẽ đồ án năm 1920), nét vẽ rồng độc đáo trên các nóc nhà Đại Nội, bức tượng bán thân Pasteur dựng ở mạt tiền Phòng thí nghiệm Bệnh viện trung ương Huế v.v. Và khó thấy hơn là những

tác phẩm hội họa nổi tiếng, đã từng đoạt giải nhất toàn quốc, đang khiêm tốn nằm trong thư viện của một vài nhà Huế học tại Kim Long, quê của hoạ sĩ.

Tên tuổi của họa sĩ Tôn Thất Sa cũng gắn liền với những công trình khảo cứu nổi tiếng của Léopold Cadière, một nhà Huế học đã có công rất nhiều trong việc nêu cao giá trị nền văn hóa Huế. Trong tập san Đô Thành Hiếu Cổ (Bulletin des Amis du Vieux Huế - B.AV.H.), hoạ sĩ TTS phụ trách phần vẽ minh họa các bài khảo cứu của L.Cadière và nhiều tác giả khác. Khi khảo cứu di tích lịch sử cổ xưa là Lũy Đồng Hới của Đào Duy Từ ở Quảng Bình, L.Cadière đã mời họa sĩ TTS ra tận nơi để hợp tác, và tác phẩm "Lũy Đồng Hới" trứ danh của L.Cadière ra đời trong Tập San Trường Viễn Đông Bác Cổ (École Francaise d'Extrême d'Orient) năm 1906, với các hình vẽ đều do Họa sĩ TTS minh họa.

Những tranh họa về chùa chiền (chùa Linh Mụ), cung điện, lăng tẩm, long lân quy phụng, áo cẩm bào của vua, đồ đoàn trang trí trong Đại Nội đăng trong B.AV.H. hầu hết đều do họa sĩ TTS, với ký hiệu TS lồng chéo vào nhau. Với nét bút tài hoa, ông cũng đã làm sống lại những công trình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tuyệt vời của những đền đài lăng tẩm đã bao nhiêu năm im lạng chìm trong quên lãng. Nhờ những tranh họa nầy, được cất giữ và tồn tại sau bao cuộc chiến tranh, người ta đã phục chế được những di tích lịch sử văn hóa cổ xưa của một triều đại lớn ở Huế. Công lao ấy xứng đáng với tước hiệu Hiệp sĩ Triều đình mà họa sĩ TTS được ban tặng năm 1934.

Tính chất Huế chính là nguồn cảm hứng của họa sĩ. Đó cũng là niềm say mê tự hào, là tình yêu của ông đối với Huế. Đó cũng chính là động cơ phát triển tài năng vốn có của mình. Nếu không có tấm lòng gắn bó với quê hương, nếu không có một tình yêu chân thật với Huế, sẽ không dễ gì nhận ra và nói lên được cái hay cái đẹp của quê hương mình.

Ông cảm nghiệm sâu sắc nét đẹp độc đáo của Huế, và đã làm nổi bật những phối cảnh hài hòa trời đất mây nước, cung cách thơ mộng của Huế. Đồng thời, vì phải trải qua cuộc sống khó khăn, lao động kiếm sống, ông đã xúc động trước vẻ đẹp duyên dáng và sâu láng của nét chịu thương chịu khó của người lao động, và ông đã diễn tả được những tâm tình đó trong nhiều tác phẩm đề cao tính lao động, sự hy sinh vất vả của người nghèo. Tính cách nầy đã mang lại cho họa sĩ Giải nhất cuộc thi hội họa toàn quốc năm 1916, với bức tranh mang đề tài "Lũ lụt ở Bắc kỳ" nói lên nổi thống khổ của người nghèo trong cảnh thiên tai, nhiều Giải nhất cuộc thi vẽ tem Bưu điện từ 1922 đến 1925 có đề tài "Người chăn trâu," "Kéo cày" ...

Họa sĩ TTS còn là tác giả của những công trình kiến trúc đang còn đó trên đất Huế, và đang là niềm tự hào của Huế (Lăng Khải Định, Cung An Định, Đài Chiến Sĩ Trận Vong). Đặc biệt, hai ngôi trường tiêu biểu của Huế: Quốc Học và Đồng Khánh (nay là Hai Bà Trưng) được coi như mang đầy vẻ trang nghiêm của đất học Kinh đô, nơi đào tạo ra nhiều thế hệ nhân tài, nữ lưu trí thức.

Ngoài tài vẽ, ông TTS còn nạn tượng, và đã nạn tượng các nhân vật lịch sử nổi tiếng thế giới, như tượng Pasteur, Aglibert, người sáng lập trường Pellerin Huế. Ông thường nạn tượng các nhân vật trong triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ, đặc biệt là tượng Vua Duy Tân, đã triển lãm tại Paris năm 1911, nạn theo mẫu sống. Tượng vua ngồi trên ngai cao 0,80m, nét mạt còn ngây thơ, nhưng đã toát lên vẻ thông minh, quảng đại.

Họa sĩ TTS là một người có khiếu vẽ hết sức đặc biệt, cọng thêm sự cần cù, say mê, đã để lại rất nhiều tác phẩm hội họa tiêu biểu cho gần một thế kỷ, xuyên suốt thời đại phong kiến, đến thời Pháp Thuộc, thời chiến tranh Nam Bắc, cho đến hôm nay. Ông thuộc về một giai đoạn lịch sử mà các nghệ sĩ, đặc biệt là các họa sĩ, dù có tài vẫn rất hiếm khi được phát triển tài năng, vì không có trường lớp đào tạo, họ phải là những người có thiên khiếu đặc biệt, cọng thêm một nỗ lực, một sự say mê phi thường, mới có thể lưu lại những tác phẩm xuất sắc cho hậu thế.

I. Tiểu sử Họa sĩ Tôn Thất Sa (1882-1980)

Họa sĩ Tôn Thất Sa người làng Kim Long, xã Vạn Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Ông thuộc dòng dõi Chúa Nguyễn, là cháu trực hệ bảy đời của Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725, thường gọi là Minh Vương).

Năm 1894, TTS lên 12 tuổi, cụ thân sinh là Tôn Thất Du qua đời, gửi gám ông cho linh

Hình 01

mục Dangelzer, Cha Sở giáo xứ Kim Long, để được hướng dẫn học hành. Thấy TTS thông minh đạc biệt lại có năng khiếu hội họa, linh mục Dangelzer giới thiệu TTS với linh mục Renaud, Giám đốc chủng viện Phú Xuân Huế để được chỉ dẫn về nghệ thuật hội họa và nán tượng. Nhờ sự chỉ dẫn tận tình của linh mục Renaud, tài hoa của TTS ngày càng phát triển.

Từ năm 1902 đến 1905, ông phụ trách môn Kỹ nghệ họa tại trường Kỹ nghệ Huế. Đến năm 1906, qua một kỳ thi tuyển, ông được chính thức bổ nhiệm làm giáo sư hội họa tại trường nầy cho đến tháng 6 năm 1941 về hưu theo diện đáo hạn. Trường Kỹ nghệ Huế về sau đổi tên là trường Kỹ nghệ Thực hành. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ ngày 19-12-1946, trường đã di tản ra Nghệ An, Hà Tĩnh, tiếp tục hoạt động với tên Trường Kỹ nghệ Đồng Thanh.

Tại thành phố Huế, trong vùng Pháp chiếm đóng, nhà chức trách cho lập trường Dạy nghề, tiền thân của trường Trung học Kỹ thuật Huế sau nầy. Ông TTS được mời dạy hội họa kỹ nghệ. Ông còn dạy hội họa tại các trường Quốc học, Đồng Khánh, Thiên Hựu và Trường Pháp (École Francaise).

Năm 1946, ông được mời về công tác ở Sở Công Chánh Huế.

Năm 1955, trường Trung học Kỹ thuật Huế được thành lập (nằm trong địa bàn Sở Canh Nông, Thành Nội), ông lại tiếp tục phụ trách môn Kỹ nghệ họa. Đến năm 1956, ông nghỉ dạy, về hưu dưỡng tại quê nhà, Kim Long, Huế. Tại đây, mạc dầu tuổi đã cao (gần 80 tuổi) ông vẫn còn say mê hội họa, và năm 1960, đã vẽ sơ đồ Đài Các Thánh Tử Đạo, cho nhà thờ Kim Long, nơi ghi dấu nhiều kỷ niệm của ông.

Sự nghiệp của ông Tôn Thất Sa không những nằm trong lĩnh vực đào tạo giáo dục mà còn trong nhiều lĩnh vực nghệ thuật đa dạng. Ông dành thì giờ, tìm mọi cơ hội cho cuộc sống nghệ thuật đầy say mê và phong phú của mình. Ông tham dự nhiều cuộc thi hội họa và triển lãm, đã chiếm nhiều giải cao:

- Năm 1916, bức họa "Lũ lụt ở Bắc Kỳ" (Les inondations du Tonkin) triển lãm ở Hà nội, đoạt giải nhất.
- Năm 1920, đoạt giải nhất cuộc thi vẽ đồ án "Đài Chiến Sĩ trận vong đại chiến thế giới I (1914-1818)" ở Huế. Đài nầy hiện còn trong công viên thành phố Huế, dọc hữu ngạn sông Hương, đường Lê Lợi, đối diện trường Quốc Học - Hai Bà trưng (Đồng Khánh cũ).
- Năm 1921, đoạt giải ba cuộc thi vẽ đồ án "Đài Chiến sĩ trận vong" ở Hải Phòng.
- Năm 1922, vẽ sơ đồ Cung An Định, Lăng vua Khải Định.
- Từ 1922-1925, đoạt nhiều giải cao trong các cuộc thi hội họa:

Đoạt bốn giải nhất vẽ tem Bưu điện (Poste d'Annam),

Đoạt hai giải nhất vẽ tem Bưu điện Cambodge,

Đoạt hai giải nhất triển lãm Nghệ thuật họa trang trí ở Paris.

Ngoài những tác phẩm hội họa hoạc kiến trúc, ông còn để lại những tác phẩm về nghệ thuật nán tượng như:

Tượng vua Duy Tân, dành để triển lãm tại Paris Pháp.

Tượng bán thân Sư huynh Aglibert, người sáng lập trường Pellerin Huế.

Tượng bán thân Pasteur, dựng ở mạt tiền Phòng Thí nghiệm bệnh viện Trung Ương Huế.

Tượng thánh Giuse ở nhà thờ Đốc Sơ, Huế.

Ông đã được tạng nhiều huy chương cao quí:

- 1916, huy chương Bạc hạng Nhì, Kim khánh hạng Ba.
- 1921, hai huy chương Vàng hạng Nhì.
- 1922, huy chương Chữ Thập hạng Ba
- 1923, huy chương Kim tiền hạng Ba

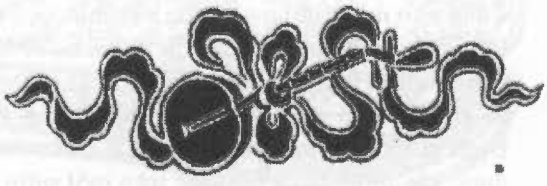

Hình 03

- 1924, Ngũ đẳng Bội tinh Nam triều.
- 1930, huy chương Chữ Thập hạng Nhì.
- 1934, Hiệp sĩ Triều đình và Hồng lô tự Thiếu Khanh.
- 1970, huy chương Văn hoá Giáo dục bội tinh hạng Nhất.

Những năm cuối đời, ông Tôn Thất Sa vui sống tại Kim Long Huế và qua đời tại đó ngày 22-2-1980, thọ 98 tuổi. Mộ táng tại Kim Long.

2. Họa sĩ Tôn Thất Sa trong việc hội nhập kiến trúc Âu-Á

Arnaud Le Bruq, tác giả cuốn "Vietnam: à travers l'architecture coloniale" đã khẳng định tài hoa của ông Tôn Thất Sa, kiến trúc sư đã vẽ Lăng vua Khải Định và Cung An Định, trong việc đưa ra một lối kiến trúc vừa mang hồn Việt Nam, vừa pha cung cách cứng cáp của phương Tây (trang 125).

2.1. ***Lăng vua Khải Định***

Mang dấu ấn nhiều nhất của việc hội nhập phong cách Á Đông với văn minh phương Tây. Trong khi lăng các vua khác được làm bằng đá và gỗ, thì lăng vua Khải Định được làm bằng bê-tông. Xây cất trong tám năm, từ 1922 đến 1930, trên đỉnh của 120 bậc thang, lăng Khải Định đã phá vỡ truyền thống cũ. Mạt tiền là sự phối hợp mô hình của một cánh cổng linh thiêng với mô hình của mạt tiền kiểu Châu Âu, rất ăn khớp với những cột trụ và vòng cung hình quai. Nghệ thuật cát dán rất hài hòa bởi sự phong phú của trang trí theo phong cách hoa mỹ barốc, với rồng, hoa sen và hình chữ vạn. Vị vua nầy đã có ý muốn đúc lên sự trường cửu của con người mình theo một hình dạng tân thời. Và sau nầy người Pháp, khi diễn tả những đền đài, lăng tẩm nầy, suy từ tâm thức của họ, đã ý thức được sự cao cả mang tính lịch sử của Huế và ví sự cao cả ấy như "Điện Versailles Việtnam."

Họa sĩ Tôn Thất Sa theo yêu cầu của vua Khải Định, và cũng vì muốn tạo cho Huế một cung cách mới, vừa duy trì tính cách độc đáo của Huế, nên đã thử phối hợp cung cách Âu Châu vào môi trường văn hóa của thủ đô. Trong Lăng Khải Định, một số yếu tố hiện đại Châu Âu đã chen lấn vào dòng nghệ thuật kiến trúc cổ truyền của dân tộc. Thoạt nhìn lăng Khải Định giống như một tòa lâu đài ở Châu Âu, vì được xây dựng bằng bê-tông trên một sườn núi. Sự loại bỏ màu xanh của lá cây cổ thụ, sự vắng bóng của ao hồ và bể cạn trong lăng, làm cho tổng thể kiến trúc thiếu đi vẻ êm dịu, tươi mát. Những con rồng to lớn trên các bậc thềm của năm tầng sân, đạc điểm của tài nghệ họa sĩ TTS, tạo nên một sự cứng cỏi của toàn thể công trình kiến trúc. Tuy nhiên, tất cả núi đồi, khe suối của một vùng rộng lớn quanh lăng, được dùng làm các yếu tố phong thủy địa lý: tiền án, hậu chẩm, hổ phục, rồng chầu, minh đường, thủy tụ, tạo ra cho lăng Khải Định, kết hợp với ngoại cảnh thiên nhiên, một công trình hùng vĩ và tráng lệ.

Kết hợp công trình kiến trúc với ngoại cảnh thiên nhiên, đó là điều không thể thiếu trong các công trình của họa sĩ TTS. Nếu ta chỉ có thể nhận định giá trị của một hình điêu khắc khi nhìn nó trong toàn thể vật điêu khắc ấy, thì nghệ thuật kiến trúc cũng đạt nạng mối quan hệ chạt chẽ với khung cảnh bao quanh nó. Ngôi chùa nầy, chiếc cổng nầy, hay chiếc tháp nầy, được đạt cạnh gốc cây cổ thụ, bên bờ con sông lạng lờ, trên đỉnh đồi thông, sẽ có một vẻ cao cả và trầm tĩnh mà chúng không thể nào có, nếu chúng được đạt trong một rừng cây đồng đều, hoạc ở giữa một cánh đồng trơ trụi. Các công trình kiến trúc tại Huế của TTS dường như hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên như một viên ngọc trong hộp tư trang. Lăng Khải Định là một tác phẩm mỹ thuật tổng hòa của nhiều dòng văn hóa, một điểm giao thoa giữa mỹ thuật kim cổ đông tây. Nó phản ánh rõ phong cách của Vua Khải Định, và đánh dấu giai đoạn giao thời giữa hai nền văn hóa Á - Âu của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ. Họa sĩ TTS là một khuôn mạt tiêu biểu của ngành Mỹ thuật thời "tân cổ điển" (néo-classique) trong lịch sử mỹ thuật nước ta.

Thêm vào đó, Lăng Khải Định cũng như các lăng khác tại Huế đã diễn tả một phong cách riêng, độc đáo so với các loại hình kiến trúc mộ táng trên hoàn cầu. Chủ đề tư tưởng của nó xuất phát từ nhân sinh quan tổng hợp của các dòng triết học Đông phương và nhờ tài năng nghệ thuật của các nhà kiến trúc. Đứng trước lăng tẩm Huế, ta không hề có ấn tượng chết chóc, sợ hãi như các lăng ở Trung Quốc, hay cảm thấy bị doạ nạt như khi đứng trước những Kim Tự Tháp Ai Cập. Trong lăng tẩm Huế, người ta nhìn thấy những hình ảnh thân quen, gần gũi, và có được cảm giác lâng lâng

thích thú giữa thực và mộng. Sở dĩ như vậy, là vì con người ở đây, thấu hiểu quy luật tự nhiên, họ vui vẻ trước cái chết và sẵn sàng chờ tử thần đến đưa sang thế giới bên kia. Do vậy kiến trúc ở đây đã thể hiện được một sự tổng hợp giữa đạo và đời, và trở thành cõi sống của những người đã chết.

2.2. ***Đài Chiến Sĩ Trận Vong***

Cùng với tư tưởng trên Họa sĩ TTS đã thực hiện một tác phẩm nổi tiếng khác: đó là Đài Chiến Sĩ Trận Vong, đã đoạt giải nhất trong số ba đề án dự thi (Đề án số 1 của ông Nguyễn Hữu Đại, Đề án số 2 của một nhóm họa sĩ trường Kỹ Thuật Huế, và đề án số 3 của ông Tôn Thất Sa).

Đài CSTV lôi kéo sự chú ý của khách du lịch vì tính cách đạc biệt Á Đông, cũng như khung cảnh có một không hai đang làm nền cho nó. Đài CSTV, cũng như Lăng Khải Định, không gợi lên ý niệm tang tóc nào, bởi vì có màu xanh trên trời, có rạng núi tím sẫm trông như một trang trí lý tưởng, nơi chân trời huyền bí và bất cập.

Theo một tiến trình kết hợp tương tự với sự kết hợp ở lăng Khải Định, họa sĩ đã phối hợp bia đá với bức bình phong, thường hiện diện ở nhiều ngôi nhà và đền miếu Việt Nam, để làm nên Đài Chiến Sĩ Trận Vong, đạt song song với dòng chảy của sông Hương, dựa theo trục đường Quốc Học, Đồng Khánh. Đài CSTV trông như một bức bình phong xây trên một giồng cao mà lối vào đã bị tám con rồng hùng mạnh chạn lại. Hai tháp cao chừng 10 mét hướng mạt Đài về phía Nam. Theo lệ thường chỉ có các lăng vua mới có bốn tháp, vì vậy ở đây không thể đạt bốn tháp ở bốn góc.

Bức bình phong trụ trên một bệ, bệ nầy lại dựa trên một nền có 16 con rồng với bản sắc đạc biệt.

Ở giữa, là một chữ thập dụng trên huy chương Kim Khánh quét vôi tráng, trên đó ghi tên những người Pháp đã chết trong cuộc chiến tranh 1914-1918, mạt sau của Đài, chỗ tương ứng với mạt trước, có ghi tên những người Việt đã chết trong cùng cuộc chiến.

Hai cách trang trí Việt và Pháp nầy được dựng trên một nền biển gợn sóng trong đó những con cá nổi lên và phóng mình hướng về trời, như nhắc nhở truyền thuyết về cá hóa rồng trong sách Thủy Kinh.

Phía hai cánh Đài, được bao bọc trong đám hoa sen nở, là bốn bức hình nhỏ được làm bằng các mảnh sành ghép lại, hai bức phía trước hai bức phía sau, có hình bốn loài hoa lá tượng trưng cho bốn mùa trong năm là mai, lan, cúc, trúc.

Hai mút của bức bình phong được thiết kế theo một hình kéo dài như các mộ lính mà người ta thường thấy ở Trung Quốc. Trên mỗi mạt có những chữ Thọ, như khẳng định tính bất khuất của các chiến sĩ đã bỏ mình.

Tất cả được một mái ngói theo kiểu tàu che lên, với những đường sống và góc cạnh được uốn cong, biểu thị bằng đuôi của những con rồng muôn màu muôn sắc.

Những ý tưởng kiến trúc nầy được lấy từ các lăng vua Thiệu Trị và Tự Đức. Đối với các nghệ sĩ Việt nam, thì đó là những nguồn cảm hứng vô tận. Nhưng, nếu như ở các lăng tẩm, cùng sự hỗ trợ của màu thời gian, các đồ men, sứ muôn màu hài hòa tuyệt dịu với tổng thể công trình, thì ở đây màu đỏ, tráng, xám, vàng, xanh tạo nên một kính vạn hoa rất bất ngờ giữa một khung cảnh màu xanh trời và màu xanh lá êm dịu tự nhiên.

2.3. ***Cung An Định***

Huế mang dấu ấn mỹ thuật của thế hệ những họa sĩ Việt Nam chịu ảnh hưởng của nghệ

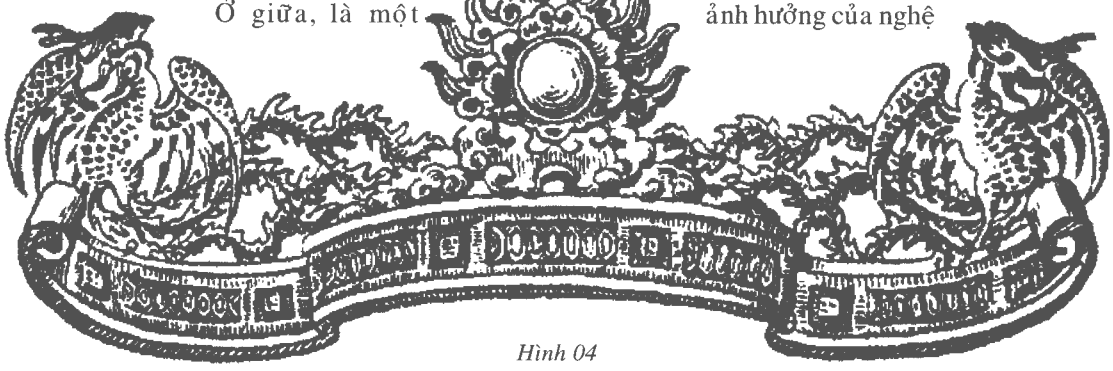

Hình 04

thuật Pháp thuộc. Tiêu biểu của phong cách nầy, ngoài Lăng Khải Định, Đài Chiến Sĩ Trận Vong, còn là Cung An Định, tư thất của Vua Khải Định.

Nằm khuất thành phố Huế, cạnh bên bờ sông An Cựu, Cung An Định là một bức tranh sóng đôi với lăng Khải Định. Tên của nó An Định, nói lên một lời ước, mà lời ước nầy lại tỏ lộ trạng thái tâm lý của vị vua trước sự mong manh của triều đại, và sự lo âu trong trách nhiệm của mình. Lấy mô hình của một biệt thự kiểu Ý, ngôi nhà hỗn hợp kia, mở ra trên một tiền sảnh toàn những hình giả đá hoa dát vàng, viền xung quanh những bức vẽ các lăng tẩm vua chúa. Ý muốn lấy đó làm một nơi nghỉ ngơi, vui chơi, có mảnh vườn được chăm sóc kỹ lưỡng, sự hiện diện của một kiosque hoa và những trang trí hoa mỹ, không xóa được vẻ buồn bã của chốn nầy. Nếu Đại Nội được xem như Điện Versailles huy hoàng của Việtnam ("le Versailles annamite" theo Arnaud le Bruq, *Vietnam: à travers l'architecture coloniale*, trang 125), thì Cung An Định nói riêng, tương tự như một nơi ẩn náu dự tính trước cho những bất trác của triều đại.

2.4. ***Hai cổng trường Quốc Học và Đồng Khánh (nay là Hai Bà Trưng)***

Ngoài các công trình kiến trúc to lớn nầy, Hs TTS còn thể hiện lối kiến trúc phương Tây pha tính cách Châu Á qua hai cổng trường Quốc Học và Đồng Khánh. Cả hai trường đều được thành lập từ thời Pháp. Khi mới xây dựng, cả hai trường đều do bản vẽ của kiến trúc sư Pháp, thời gian sau (Cách Mạng Tháng 8, 1945), khi hai ngôi trường đã hoàn toàn thuộc quyền Việt Nam, cổng trường được xây dựng lại. Cổng trường Quốc Học ngày nay là do hoạ sĩ TTS thiết kế và đích thân coi sóc việc xây dựng hoàn toàn mới năm 1959. Còn cổng trường Đồng Khánh, ông đã sửa chữa lại từ cổng cũ, thay đổi nhiều chi tiết cho thanh thoát hơn, như bỏ kiểu dàn hoa trên cổng, thay vào là họa tiết cổ điển trên đường con triện, pha kiểu hồi văn, trông trang nghiêm hơn, có tính mỹ thuật Á Đông hơn.

3. Tôn Thất Sa, họa sĩ cung đình

Là một họa sĩ mang dòng máu hoàng tộc, tuy được huấn luyện, tiếp xúc rất sớm với ngành mỹ thuật phương tây (họa sĩ TTS được học mỹ thuật với những vị thầy người Pháp), nhưng ông vẫn luôn hoài niệm quá khứ hoàng gia Nguyễn Phúc thuở xưa. Ông đã có một phong cách thiên về mô tả những phong cảnh, kiến trúc, những trang trí tráng lệ trong cung đình. Ông nghiên cứu sâu sắc hội họa Á Đông, thành thạo những biểu họa cổ điển Long Lân Quy Phụng, các hoa văn, trang trí nội thất cung đình lộng lẫy.

3.1. ***Lưu giữ hình ảnh***

Công lao lớn nhất của họa sĩ TTS đối với Huế không chỉ là dùng óc tưởng tượng phong phú, tài năng phác họa mô hình để lập nên những đồ án sau nầy trở thành những công trình kiến trúc để đời trên đất Huế, mà còn là mô tả lại bằng nét bút của mình rất nhiều công trình kiến trúc đã có. Nhờ vào những bức họa nầy người đời sau đã có thể sửa chữa những di tích lịch sử bị chiến tranh và thời gian làm hao mòn, tàn phá.

Đó là các tác phẩm về các đền đài vua chúa: Cổng Miếu Kiên Thái Vương (gần An Cựu), Cổng Nam Đàn Chay ở Nam Giao, Khung treo đèn ở Điện cần Chánh. Ngoài ra những bức vẽ về Chùa Linh Mụ, với các phần phụ, như hình Thần Giữ Cổng, về Mộ Tháp các vị tăng... cũng được xem như để lưu giữ một nét văn minh của nền phong kiến thời đó.

Các vật dùng trong cung, cũng được ông thiết kế và lưu lại bằng các bản sơ đồ rõ ràng tỉ mỉ. Đó là các Kỉnh Gương Soi, Ghế Bàn với những trang trí chi tiết, cẩn thận, Tủ Đứng, Tủ Chè, Giường Nằm... Qua những bức hình nầy, ta thấy được tâm hồn họa sĩ rất nhạy bén, gần gũi với những vật dùng trong cung, xem qua rất bình thường. Những đồ dùng hàng ngày, ít ai để ý, nhưng chính những vật bình thường nầy lại tỏ cho thấy rõ nội tâm của chủ nhân nó, những chất chứa thâm sâu, bởi vì chúng gần gũi ngày đêm với chủ nó. Các chi tiết của chúng rất mềm mại, đối xứng, không hề có gãy gọn. Đó cũng là một phong cách đạc biệt của họa sĩ Tôn Thất Sa, sự mềm mại uyển chuyển không lúc nào thiếu trong các tác phẩm của ông.

3.2. ***Một tính cách vẽ rồng độc đáo***

Rất nhiều người đã vẽ rồng thời ấy. Đó là một phong cách vẽ ảnh hưởng của Trung Quốc. Việt Nam không phải là nước sáng tạo đầu tiên, nhưng họa sĩ TTS vẫn tìm cho mình một phong cách riêng.

Hình 04

Đặc điểm mà ông thường tự hào, đó là cách vẽ rồng phải thể hiện cùng lúc hai tính cách thường đối lập. Rồng phải diễn tả được tính cách oai phong, nhưng đồng thời cũng phải mềm mại, uyển chuyển. Mát rồng phải sáng, nghiêm mà không dữ dằn, thân rồng phải mềm mại, nhưng mạnh mẽ quyết liệt. Nếu để ý chúng ta sẽ thấy rồng của Hs TTS thường có thân hình mập tròn hơn và uốn mình cong, thật mềm mại, khác với rồng của những họa sĩ khác.

Ông đã có nhiều tác phẩm mang đề tài nầy, từ đó rút ra được sáu cách vẽ rồng, mỗi cách vẽ có cung cách khác nhau:

-rồng đắp bằng mảnh sành trên các nóc, điện, đài, chùa,miếu, bình phong,

-rồng chạm bằng gỗ trên các khuôn, kỉnh để dựng hoạc chưng, ngai, bàn ghế,

-rồng chạm bằng vàng, bạc, đồng,

-rồng thêu bằng gấm, hàng lụa,

-rồng vẽ đồ sành như độc bình, chén đĩa

-và rồng vẽ thủy mạc nơi các bức tường, bức rèm.

3.3. ***Bức rèm: vật trang trí nội thất***

Khi nghiên cứu về các bức rèm, Léopold Cadière đã khẳng định ràng các bức rèm ở Huế là đẹp hơn cả. Đó là những vật trang trí trong cung, thường được Hs TTS quan tâm mô tả thiết kế. Các bức rèm là những công trình mỹ thuật vừa mang tính nghệ thuật cao, vừa rất hữu dụng trong cuộc sống. Đó là những tác phẩm quy tụ nhiều yếu tố mang tính kỹ thuật, nghệ thuật và nội dung sâu sắc. Vì thường vẽ và nghiên cứu về công việc nầy, nên TTS đã có những bài báo về nghệ thuật vẽ mành, đăng trên BAVH, mô tả tỉ mỉ nghệ thuật làm mành (Les stores de Huế, bản dịch của Hoàng Yến).

Các màu được chọn để vẽ rèm thường là những màu sống động, như xanh, lục, đỏ, tráng và vàng. Phần trang trí của bức rèm gồm có ba phần: khung cảnh, các góc và điểm giữa. Cái khung thường được vẽ cùng màu: thường thường thì ta thấy một đường xanh nổi trên hai đường tráng. Cái khung được chia làm từng ô vuông, chia cách bởi các hồi văn hoạc các hình lục giác, kim qui, màu vàng, hoạc bằng những hình vẽ hoa thị. Trong các ô vuông, ta nhìn thấy những hình vẽ tượng trưng các đồ vật tiêu biểu, các đồ cổ, hình bát bửu, các chữ phước, lộc thọ, theo dạng xưa, hoạc những dây kim tuyến trang trí bằng hoa và lá. Ở bốn góc, ta thường thấy có những con dơi, bướm hoạc những đám mây.

Điểm giữa, thường được vẽ theo nội dung sử dụng của bức rèm: hình rồng đối với những bức rèm trang trí đền đài hoạc cung điện vua chúa, cũng như chùa chiền trong huyện xã; hình chim phụng đối với các bức rèm trang trí nội thất các hoàng hậu, công chúa, hoạc các điện của các nữ thần; chữ "hỉ" được vẽ nhiều lần ; chữ "thọ" vẽ đơn giản hoạc vẽ cạp, hình vuông hay tròn; hình những con dơi đối với bức rèm dùng cho đám cưới, những lễ vui, diễn kịch, những nghi lễ truyền thống; "quả phẩm" hay "hoa rơi" đối với bức rèm dùng trang trí cho các nhà có đám hoạc cho quan tài.

Tuy nhiên các bức trướng vẽ hình hoa rơi cũng có thể dùng để trang trí cho ghế kiệu và lọng. Mạc dù những hình vẽ nầy rất tiêu biểu, nội dung nào hình thức nấy, nhưng trong thực tế những quy tắc nầy thường ít được giữ. Không phải vì không biết quy tắc , nhưng vì nguyên nhân kinh tế. Người ta không muốn cứ mỗi dịp lễ lại làm một cái rèm mới, và thường xử dụng lại những bức đã có sẵn.

3.4. ***Những họa tiết trang trí***

Các công trình kiến trúc đẹp đẽ lộng lẫy một phần cũng nhờ các hoạ tiết trang trí. Và các kiến trúc sư cũng đã không bao giờ xem thường công việc nầy. Xét chung tác phẩm của Hs TTS thường đưa ra những loại họa tiết sau:

Hình hình học

Hồi văn và dơi: Nơi các góc cạnh, thường

có mấy con dơi ngậm trong miệng cái trống. Đề tài nầy được gọi là "phúc khảnh" có nghĩa là "dơi và trống," "hạnh phúc và chúc mừng." (Hình trích trong *L'Art à Huế*, trang 59)

(hình 01)

Hồi văn - kệ sách: rất được ưa chuộng bởi tính cách mỹ thuật mới lạ của nó. Hình này vẫn còn là mẫu cho nhiều kệ sách dùng trong các gia đình ngày nay (Hình trích trong *L'Art à Huế* , trang 62)

(hình 02)

Chữ tàu

Những chữ Phúc, Lộc, Thọ là những đề tài trang trí nói lên sự mong ước tốt đẹp, là những tấm bùa hộ mệnh, những điềm lành. Họa sĩ TTS thường trang điểm thêm cho chúng, bằng cách tạo cho chúng dáng một lư hương, ghép nó vào hồi văn, vào hoa lá, để trang trí cho các bức bình phong, cửa sổ tròn hoạc vuông. Chữ "Hỉ" thường được vẽ cạp đôi để thành "Song Hỉ," đó là một lời chúc mừng cho đôi tân hôn.

Chữ "Thọ" thường được tạo dáng, cùng với hồi văn. Hai bên chữ "Thọ" là hai chiếc nhẫn đeo vào nhau, biểu tượng của mối liên kết bất khả phân.

(*L'Art à Huế* , trang 65)

(hình 03)

Chữ "Thọ" ghép đôi, thành "Song Thọ," cọng thêm cành mận và hoa mẫu đơn. Đề tài chính là "Song Thọ". Hoa mẫu đơn là biểu tượng vẻ duyên dáng của tuổi trẻ và sắc đẹp. Cành mận là một điềm lành và là một vật chống đỡ tà khí. (*L'Art à Huế* , trang 66)

(hình 04)

Tĩnh vật

Quả cầu với lửa thường được đạt giữa mạt tiền các chùa chiền. Hình nầy gồm có "mạt nguyệt" dựa trên một đám mây, và có lửa bao quanh. Nhưng nó cũng có thể thay đổi: mạt nguyệt dựa trên đầu rồng nhìn chính diện. (*L'Art à Huế* , trang 69)

Con vật (Long, Lân, Quy, Phụng, dơi, hổ, cá...)

Ngoài bốn con vật điển hình Long Lân Quy Phụng, là đề tài thường xuyên cho người họa sĩ cung đình nầy, thì một số con vật khác cũng đã được ông nghiên cứu ý nghĩa và dùng làm họa tiết trang trí cho cổng, nhà, cửa, giường, tủ, kỉnh, bàn ghế...

Dơi chiếm một vai trò lớn trong nghệ thuật trang trí Huế. Đó là biểu tượng của hạnh phúc. Tên gọi trong tiếng Việt dơi chẳng nói lên điều gì. Nhưng tiếng Hán Việt đọc là phúc, giống như chữ Phúc với nghĩa hạnh phúc.

Sư tử được thể hiện dưới hai hình thức và hai tên gọi khác nhau. Sư tử với bờm xoán, lông óng mượt, móng sắc, nhưng dáng vẻ tốt bụng và ngây thơ. Một hình thức khác của sư tử là con nghê , tự điển định nghĩa đây là sư tử nhanh, sư tử vùng Tây Tạng, với móng vuốt, lông, răng nanh. Con nghê được dùng trang trí cho Điện Thái Hòa. Con vật được đạt trong lồng kính, cao một mét, đúc bằng đồng.

Cá cũng là một con vật thường được dùng làm họa tiết trang trí. Theo tiếng Trung Quốc, từ cá được đọc giống như từ chỉ sự "dư thừa." Do đó hình ảnh con cá trở thành biểu tượng của sự "thịnh vượng." Tại Huế, hình cá thường dùng để trang trí trong cung điện. Khi thì nó được vẽ như dạng bình thường, khi thì biến hóa. Cá gáy hóa rồng dùng để chỉ các vị nhân sĩ, nhờ học hành, đã thành đạt và dành được một chức vị trong xã hội. (Hình Dơi và Cá trong *L'Art à Huế* , trang 120). ●

(Còn tiếp)

Bùi Oanh Hằng

Tưởng niệm năm năm Bùi Giáng qua đời
(10/1998 – 10/2003)

Bùi Giáng
Giữa chúng ta

Bùi Giáng, năm 25 tuổi

TRẦN HỮU THỤC

Có lẽ chưa có người nghệ sĩ nào mà cái chết gây ra sự quan tâm nơi nhiều người thuộc nhiều thế hệ khác nhau như Bùi Giáng. Từ trong nước ra ngoài nước, từ già đến trẻ, từ chống Cộng đến thân Cộng và kể cả Cộng sản, tất cả đều nhất loạt bày tỏ tình cảm và lòng trân trọng của mình đối với Bùi Giáng. Tin tức về sức khỏe cũng như cái chết của ông được loan báo tức thời, đồng loạt trên các báo trong và ngoài nước. Chúng ta có cảm tưởng như cái chết của ông đã tạo nên một sự đoàn kết hiếm có giữa những người viết lách trong giai đoạn lịch sử mà sự nghi kỵ vẫn còn nằm ở hàng đầu.

Hầu như các nhà văn, nhà thơ, nhà báo đều nhất loạt ca ngợi nhân cách và sự nghiệp của nhà thơ đất Quảng này. Mọi người đều dùng những từ hay nhất, đẹp nhất để xưng tụng ông. Ta thử đọc qua một số câu trích của một số nhà văn, nhà thơ viết về ông trên *Hợp Lưu*, số đặc biệt về Bùi Giáng sau đây:

·"Nhà thơ Huy Tưởng: Bùi Giáng "*thông tuệ và tài ba ngất trời điên đảo*" ..." *thiên tài thơ Bùi Giáng" (HL, tr.* 9)

·"Nhà văn Mai Thảo:"*Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương.*" (HL, tr. 12)

·"Nhà phê bình Huỳnh Hữu Ủy: " *Đi cho tới cùng cái sâu thẳm nhất của ngôn ngữ, tới đỉnh cao chót vót của nó, sống với nó trong từng mỗi giây phút, trong từng mỗi sát na, xưa nay có lẽ chỉ mới có Bùi Giáng là một.*" (HL, tr. 19)

·"Nhà văn Cung Tích Biền: "*Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển*"... *"Bùi Giáng đã trải một cánh bay dài mênh mông chiếc bóng trong bầu trời thi ca Việt Nam nữa thế kỷ qua." (HL, tr.* 62 & 54)

·"Nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc: *"Ông là một thi sĩ bát ngát, ngây thơ và cỏ hoa điên đảo."* (HL, tr. 75)

·"Nhà phê bình Hoàng Nguyên Nhuận: *"Đời anh là một công án tử sin*h" (HL, tr. 96)

·"Ông Huỳnh Ngọc Chiến: *"Bùi Giáng là bậc thượng trí, hầu như 'vô sở ngộ'.*"(HL, tr. 135).

·"Bà Ý Nhi: "*...những câu thơ được chắt ra từ máu của con người khắc khoải khôn nguôi về thân phận con người, về thế gian này." (HL, tr.* 138)

·"Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền: *"Bùi Giáng là một thiên tài tự hủy ghê gớm nhất của thi ca hiện đại."*

·"Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc: *"Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hỏa diệm sơn của hồn ông."*

·"Ông Nguyễn Hoàng Văn: *"Thơ ông là khối trầm hương chữ nghĩa."*

vv...và vv...

Tóm lại, đạt bút viết về ông, ta chỉ biết có ca tụng và ca tụng. Dường như ta có quyền dùng bất cứ ngôn ngữ xưng tụng nào sáng giá nhất để nói về ông mà không sợ đại ngôn, không sợ nhầm lẫn.

Bùi Giáng giữa chúng ta: hư cấu

Thế là, năm nay (1998) , văn học Việt Nam

có ba cái tang lớn: Mai Thảo, Nguyên Sa và Bùi Giáng. Nói chung, cảm giác của chúng ta đối với ba cái chết không hoàn toàn giống nhau, Mai Thảo một cách, Nguyên Sa một cách và Bùi Giáng một cách. Nhưng Bùi Giáng khác xa nhất.

Theo tôi, khi nghĩ đến Mai Thảo hay Nguyên Sa, ta nghĩ đến những con người thật. Họ đã đến, đã sống, đã tồn tại đâu đó, như ta, bên cạnh ta, vui buồn với ta, chia sẻ với ta, cao thượng như ta và cũng tục tàn như ta. Mai Thảo chết như là một maithảo. Nguyên Sa chết như một nguyênsa. Cũng như, tôi rồi sẽ chết như tôi, anh rồi sẽ chết như anh. Bùi Giáng thì khác. Bùi Giáng không chết như Bùi Giáng. Ông chết như một người khác chết. Khi nghe tin ông chết, ta có thương tiếc, nhưng dường như không xúc động mấy. Không bàng hoàng mấy. Không xót xa mấy. Ta có cảm giác như nhà thơ vừa lên đường rong chơi ở một nơi nào đấy rất xa, rất khác thế giới chúng ta đang ở. Và sẽ trở về. Mai, mốt, hay một lúc nào đó, nhưng chắc chắn trở về. Tại sao ta có cảm giác đó? Tôi không nghĩ rằng vì Bùi Giáng hiện đang ở trong nước còn Mai Thảo hay Nguyên Sa thì ở ngoài nước, tức là gần chúng ta hơn. Theo tôi, ngay khi ông còn sống, ông vốn đã cư ngụ ở một thế giới khác với chúng ta rồi, dù ông vẫn ăn, vẫn uống, vẫn gần cận ta hàng ngày. Chúng ta vẫn gặp ông đâu đó, thỉnh thoảng, hoặc có khi hàng ngày, hàng tuần mà không có cảm giác gì khác ngoài cảm giác này: đó là Bùi Giáng. Thế thôi. Ta biết ông vẫn còn đó, chưa đi đâu xa. Cần cho ông cái gì, ta sẽ có ông bên cạnh để cho. Cần thơ, ông sẽ chép ngay một loạt mấy bài thơ hay cả chục bài thơ không chừng. Ông ở đó, như ta, với ta, nhưng dường như khác băng tầng. Hồi còn ở Sài Gòn, nhiều khi ở tiệm sách ra, trên tay còn cầm cuốn sách của ông vừa mới mua, lại gặp ông đang đứng ngay giữa đường, múa may, cười cợt mà tôi vẫn ít có liên hệ nào giữa cuốn sách đang cầm trên tay và tác giả đang ở đó. Hình như Bùi Giáng trên sách không dính dáng gì đến Bùi Giáng đang ở kia.

Thế đấy! Trong chúng ta, Bùi Giáng nửa thực, nửa hư. Vừa thiên tài, vừa là người điên. Vừa rất giống lại vừa quá khác chúng ta. Trong chúng ta, Bùi Giáng luôn luôn là một nghịch lý. Ta vừa quan tâm đến ông, vừa hững hờ với ông. Tin ông chết không làm tim ta đau nhói lên như một số người khác, Nguyên Sa chẳng hạn. Tôi muốn nói: Bùi Giáng hiện hiện giữa cuộc đời và giữa chúng ta như một hư cấu. Nghĩa là một nhân vật. Một câu chuyện. Có thể nói cho rõ hơn, theo tôi, ông là nhân vật trong một cuốn truyện dài không kết thúc. Và sẽ không bao giờ kết thúc. Ngay lúc này đây, ông chết đã mấy tháng rồi mà tâm thức của tôi về ông vẫn chẳng khác gì trước đây, khi còn ở Sài Gòn hay cách xa ông đến một vòng trái đất. Tôi vẫn tự hỏi: chẳng biết ông chết thật hay ông giả vờ. Bùi Giáng thân xác đã tiêu tán, nhưng Bùi-Giáng-như-một-hiện-sinh vẫn còn đâu đó, nghêu ngao ca hát, làm thơ và sống hồn nhiên trên các đường phố Sài Gòn. Một Sài Gòn có Bùi Giáng và một Bùi Giáng có Sài Gòn:

Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sĩ điên thế kỷ mù rồi.
(Mai Thảo)

Sống như là hư cấu. Chết như là hư cấu. Và vì là hư cấu, ta có quyền đọc lại đời ông. Nghĩa là cũng như bất cứ một nhân vật hư cấu nào khác, nhân vật Bùi Giáng sẽ phục sinh và lại chết và lại phục sinh và lại chết... *cứ thế*. Điều đó giúp ta hiểu thêm vì sao đời ông kết tinh bởi những giai thoại. Những giai thoại chồng chất, trùng nhau và khác nhau. "Đã có rất nhiều giai

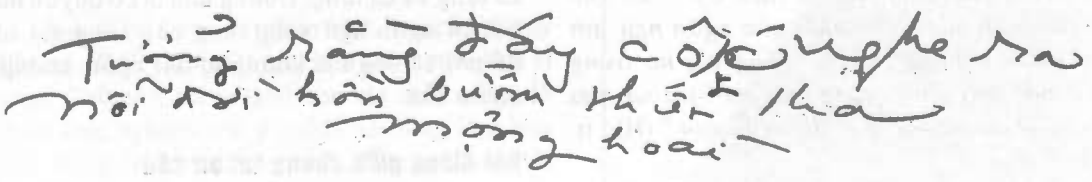

thoại, huyền thoại về ông; vô số được thế gian tô bồi sau này, khó minh xác thực hư" (Cung Tích Biền, tr. 56 & 57)). Không hề gặp ông, ta nghe kể về ông như một hư cấu, kiểu Trạng Quỳnh hay Ba Giai Tú Xuất chẳng hạn. Gặp được ông, đối diện với ông, nắm tay nắm chân ông, nhậu với ông, mà cũng như ta đọc về ông. Cuộc đời ông = giai thoại + thơ. Chính vì thế mà tôi có thể quả quyết ràng, tất cả những gì mà ta đang nghĩ về Bùi Giáng thảy đều là nghĩ về một nhân vật, một hư cấu. Hư cấu của hư cấu. Rồi hư cấu của hư cấu của hư cấu. Nghĩa là, hiểu theo một cách nào đó, ta có thể tùy tiện bày ra một giai thoại nào đó về Bùi Giáng mà vẫn có cảm giác không hề xúc phạm tới ông và làm thương tổn người nghe. Nghĩa là, hư cấu mà là thực. Ta thì hư cấu mà Bùi Giáng trong đó vẫn cứ thực như thường. Và Bùi Giáng đứng bên cạnh ta mà vẫn hư cấu như thường. *"Sống giữa đời, ông có khả năng lấy mật đắng ớt cay làm ngọt. Ăn cơm để thiu nguội rất nhiều ngày. Ông ăn chè ngọt nấu cả với tương chao, nêm vài con mắm. Ông nổi tam bành lúc người đời lẽ ra nên cười, được phúc đắc lợi. Ông rất vui với những ngày chói lòa ánh dương trong một thị thành mà nhìn xe cộ tưởng hươu nai"... "Ông lạ trong sinh hoạt đời thường, lạ trong thi ca, tư tưởng. Ông rất đỗi cô đơn tự đọa đày; vầy cuộc chơi múa hát chỗ vô thanh, đùa giỡn quỷ thần, tương đắc kẻ ở mộ, nhớ nhung người sẽ tới. Ông trào lộng tuyệt cùng giữa bi đát, siêu thoát ngay giữa một tồn sinh tinh mật. Nói chung cuộc sống của ông khá bí ẩn và kỳ dị."* (Cung Tích Biền, tr. 56).

Tôi vốn mê Kim Dung, vì mê những nhân vật đầy "chất khái niệm" mà ông tạo dựng ra trong hơn chục pho truyện đồ sộ của ông, nào Thần Điều Đại Hiệp, Anh Hùng Xạ Điêu, Tiếu Ngạo Giang Hồ... Tôi tìm thấy nhân vật Bùi Giáng của tôi chứa đầy "chất khái niệm" như thế. Ngẫm mà xem, ta có thể tìm thấy ở Bùi Giáng khi thì một chút cuồng ngạo nghịch thường hoàngdượcsư, khi thì lém lỉnh hoàngdung, khi thì ngờ nghệch quáchtỉnh, khi thì đầy cả trào lộng lãongoanđồng, khi thì chân chính, hào sảng, trượng phu hồngthấtcông, khi thì quái đản kiểu mấy quái nhân luyện võ trong hang động, khi thì điên tàn, thống hận tạtốn... Ngẫm mà xem, ông sống đó cũng như ông mất đi. Ông như có đó mà như không hề có đó. Kẻ sĩ hay người điên. Nhà thơ hay triết nhân. Ông sống giữa thế kỷ này hay một ngàn, hai ngàn năm trước. Thiên tài hay tên vô lại. Trong hay ngoài. Tỉnh hay say. Ông làm thơ hay thơ làm ông. Chính vì thế, ngẫm mà xem, tưởng nghĩ đến ông lúc nào cũng làm ta bối rối. Đọc thơ ông lại càng bối rối hơn. Dở hay, hay dở. Điên tỉnh, tỉnh điên. Đời ông như một dấu hỏi lớn ném vào hư không. Rất giống mọi người và chẳng giống ai. Tôi có thể quả quyết ràng, nếu bạn chịu khó tưởng tượng ra một nhân vật, rồi vẽ rắn thêm chân, tô màu tô mè, vẽ râu vẽ ria...theo cách của bạn, bạn sẽ có ngay một Bùi Giáng để thưởng thức, để làm quen.

Chúng ta trong Bùi Giáng

Bởi thế mà viết về ông tưởng như rất dễ mà hóa ra không dễ tí nào.

·Nguyễn Hưng Quốc: "Thơ ông cũng lạ lùng, lạ lùng đến nỗi ai cũng ngại ngùng khi viết về ông. *Kể chuyện về ông: có; nhưng phê bình thơ ông: chưa."*

·Huy Tưởng: "*...vốn sống, vốn chữ nghĩa và cảm thức của mình vẫn chưa thể hứng chờ nổi chiếc bóng lồng lộng, đa âm sắc và linh hoạt của ông."* (HL, tr. 9)

·Cung Tích Biền: "Viết về Bùi Giáng là tôi làm cái việc chỉ vào cục gạch mà bảo ràng đây là Nhu Lai phu nhân." (HL, tr. 55)

·Hoàng Nguyên Nhuận: "Những điều tôi sáp nói chỉ là viên đá dò đường ném vào hư không

hoặc chỉ như người chạy bắt bóng." (HL, tr. 95)

·Huỳnh Ngọc Chiến: "*Viết về ông quả là điều mạo muội nếu không muốn nói là liều lĩnh.*" (HL, tr. 137)

Chắc chắn là không ai giả đò khiêm tốn trong những lời thú nhận thêm. Chắc chắn không ai cố tình viết "cho quá," phóng đại để tâng bốc, kiểu tâng bốc lãnh tụ trong các chiến dịch tuyên truyền, mà là nói thực. Dường như khi viết về Bùi Giáng, chúng ta càng tỏ ra khiêm tốn càng hay. Có lẽ càng khiêm tốn chúng ta càng thấy dễ chịu, để cam đảm cầm bút viết về ông. Tâm trạng đó chẳng phải là lạ lùng, độc nhất vô nhị sao? Cầm bút viết về Bùi Giáng người ta rất ngần ngại, dù chỉ viết để khen, nói gì đến chuyện viết để phê bình. Ấy thế mà có người "dám" phê bình; không những chỉ phê bình chung chung, lấy lệ mà là phê bình "nạng tay", nghĩa là chê, chê thật. Đó là nhà phê bình Thụy Khuê. Chị viết:

"Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những dạ thưa, tồn sinh, trùng lai, phố thị của Bùi Giáng, tà huy của Nguyễn Gia Thiều, mù sa, trăm năm của Nguyễn Du ban đầu làm xao xuyến người đọc: (...) Nhưng vì lập lại nhiều lần, chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng." (HL, tr. 39-40)

.....

"Nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu đầu nữa." (HL, tr. 42)

"Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại." (HL, tr. 43)

Đọc xong bài Thụy Khuê, ít nhất có hai người bạn gọi điện thoại hỏi ý kiến tôi và bày tỏ "thái độ": sao bà Thụy Khuê "dám" phê bình Bùi Giáng? Sao lại không dám nhỉ, tôi trả lời. Bùi Giáng khi sống thì phiêu lãng như hương đồng cỏ nội, như châu chấu như chuồn chuồn, lúc chết thì chết bình thường, thậm chí tầm thường hơn cả những kẻ tầm thường, chứ có phải lãnh tụ vĩ đại gì đâu mà phải dám với không dám. Tôi cho rằng, nếu Bùi Giáng sống lại, đọc được những giòng trên của nhà phê bình Thụy Khuê, chắc phải vô cùng sảng khoái kêu lên: "Thiệt đúng ý qua! Thiệt đúng ý qua!" Y như Archimedes la lên: "Euréka, euréka!" khi tìm ra được nguyên lý về sức đẩy của nước. Hay như nhân vật Độc Cô Cầu Bại của Kim Dung vô cùng sung sướng khi tìm ra được kẻ có thể đánh bại được mình. Theo thiển ý của tôi, nhận xét của chị Thụy Khuê không có gì sai (không có gì sai không tất nhiên có nghĩa là đúng). Thơ Bùi Giáng, và kể cả văn, quả là bị "phá giá," ông làm thơ theo kiểu "tiện tay gạp được chữ nào là bỏ vào chữ nấy," rồi lại "ham chơi" khiến cho có những lời thơ "vội vàng mọc lên như cỏ dại."

Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay — chưa hẳn là rất hay -, còn lại hầu hết thơ ông đều dở. Tôi có cảm tưởng rất nhiều câu thơ ông làm chẳng khác gì những câu thơ ngây ngô của mình khi mới bắt đầu tập tễnh làm thơ hồi còn học trò. Thậm chí có nhiều câu hệt như các em "ma-ri-sến" làm thơ tặng tình nhân. Vần điệu ráp nối tùy tiện, ý tứ lại tầm thường. Chúng ta thử đọc lại một vài câu:

ngô nghê:
Giật mình lúc chợt nghĩ ra
Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi.

đạo văn (của Nguyễn Du):

Rừng phong thu đã nhuốm màu
Quan san ngần ấy tư trào ngần kia

gượng ép chữ cho có vần:
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên

lập lại (vần):
Non nửa thế kỷ xa quê
Mà chưa có dịp về quê một lần

nói nhăng nói cuội:
một hôm gầu guốc gầm ghì
hai hôm gần gũi cũng vì ba hôm
vv...và vv...

Tóm lại, những câu thơ như thế rất, rất nhiều trong sự nghiệp thi ca của ông. Đôi khi tôi có cảm tưởng ta cứ làm đại một bài thơ lục bát nào đó thật dở rồi đề tên Bùi Giáng là ta có một bài thơ rất Bùi Giáng. Nếu bạn không tin, bạn cứ thử đi rồi sẽ biết.

Ta có thể nói, cái dở trở thành tính cách của thơ ông. Nói cho đúng ra, nhà văn nhà thơ nào chẳng có cái dở. Chẳng hạn Mai Thảo, nhà văn được xem như một trong những khuôn mạt hàng đầu của văn học miền Nam, cũng có nhiều cái dở, đến nỗi ta khó mà không đồng ý với nhận xét sau đây của Nguyễn Ngọc Tuấn: "Đọc lại những cuốn tiểu thuyết một thời rất ăn khách ở miền Nam, sau này được in lại tràn lan ở hải ngoại của Mai Thảo, dù thương ông đến mấy, tôi nghĩ, chúng ta cũng nên thẳng thắn thừa nhận một điều là chúng chỉ là những cuốn tiểu thuyết đèm đẹp. *Cố gắng lắm, tôi cũng chỉ đọc vài chục trang là phải buông sách xuống.*" Cái dở của Mai Thảo cũng như cái dở của nhiều nhà văn, nhà thơ khác là vì không thể viết hay hơn hoặc theo như Nguyễn Ngọc Tuấn "người ta không thể không cúi xuống vỗ về những thị hiếu kém cỏi của quần chúng." Nhưng Bùi Giáng có cái dở riêng, phải nói là rất riêng, của Bùi Giáng. Và ông không che dấu cái dở của mình. Không bao giờ. Chẳng những thế, ông lại còn cố ý phô bày nó ra, phô bày một cách chân tình, hồn nhiên, toàn diện. Hay nói cho đúng hơn, ông phô bày mọi thứ. Chúng có thể hay, có thể dở, có thể thế này có thể thế khác. Chúng dính kết vào nhau thành từng chùm, đến nỗi chị Thụy Khuê lấy làm tiếc, cho ràng vì ông quá "ham chơi". Mấy câu thơ đang hay như thế này, bỗng xen vào những câu thơ dở không chịu nổi. Thật uổng!

Gẫm lại, con người chúng ta thường sống hai mạt: tốt và xấu. Tốt khoe, xấu che. Trong văn chương, có bản nháp, bản thật. Thường thì chúng ta tìm cách giấu đi, càng giấu kín càng tốt, bản nháp hay background của đời mình. Chúng ta sống với cái phía khác của đời mình, một phía khác thường không mấy thật. Nếu viết văn, làm thơ, chúng ta rất sợ những câu thơ dở, những đoạn văn tầm thường, nhạt nhẽo hay chữ nghĩa ngô nghê phô bày ra giữa ba quân thiên hạ để tránh bị xem thường, tránh bị tổn hại "thanh danh" (nếu lỡ có thanh danh). Chúng ta trau chuốt chữ nghĩa, tạo nên "nhân cách," tạo nên bề mạt, tạo nên cái vỏ, càng nhiều lớp càng tốt. Biết bao nhiêu bản nháp của đời mình bị chính mình cố tình quên lãng, tìm cách quên lãng. Cũng như biết bao nhiêu bản nháp của thơ, văn, tiểu luận bị đôi vào sọt rác. Chúng không phải là của mình, vì chúng dở. Tưởng chừng như, một kẻ thiên tài như ta đâu có đời nào lại có thể sáng tác ra cái thứ dở như thế. Chúng ta không thích cái dở của mình, không thích cái sai của mình, không thích cái điên của mình, không thích cái xấu của mình trong lúc biết rất rõ, thấy rất rõ cái dở, cái sai, cái điên của người khác. Ta đâu có can đảm công bố một câu thơ dở, một đoạn văn dở của chính chúng ta, trừ phi nó dở mà ta cứ tưởng là hay, là số một. Cái gì xuất hiện trên văn đàn thường cũng đã được cắt xén, hoàn chỉnh, được "review" năm lần bảy lượt. Chúng ta hoàn thành "nhân cách" của mình, vai trò xã hội của mình trong cái vỏ đó.

Bùi Giáng làm trái lại. Bùi Giáng cho chúng ta thoải mái xem bản nháp của đời ông, của văn chương ông. Ông sống và làm thơ, viết văn hở hang, trần trụi. Không trau chuốt, kiểu cách. Ông bỏ cái dở vào đời mình, vào sự nghiệp của mình, trân trọng nó y như chúng ta trân trọng cái hay. Càng nổi danh, chúng ta càng ngụy trang, càng giấu dốt. Bùi Giáng thì càng nổi danh, càng được ca ngợi, tâng bốc, lại càng dở, dở một cách thành thật, hồn hậu. Cái dở của Bùi Giáng, hiểu một cách nào đó, chính là phía khác của Bùi Giáng, cũng là phía khác của đời người, mà cũng là phía khác của chúng ta. Vì sao? Cái hay có thể chúng ta không giống nhau (nếu giống nhau thì làm sao mà hay được). Nhưng cái dở thì hầu như chác chán rất giống

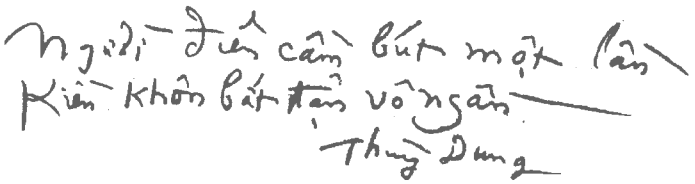

nhau. Đại loại là... dở. Ta cứ tưởng Bùi Giáng tách bạch cái hay, cái dở. Hay thì để dành cho ông, còn dở thì xem như ông diễu cợt (kiểu làm thơ tự trào). Không. Hay và dở trong Bùi Giáng trộn vào nhau y như bụi trộn với đất, nước lạnh trộn với nước nóng, rất khó lựa ra, khiến chị Thụy Khuê tiếc hùi hụi: "giá như ông đừng ham chơi... để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bi lọt vào khu rừng hoang."

Tôi tin rằng có mạt của mỗi một người chúng ta trong vô vàn những câu thơ dở đó, trong cuộc tồn sinh trần trụi đó của Bùi Giáng. Hãy dùng chữ của Thanh Tâm Tuyền: bóng vang. "Ông luôn luôn nhắc nhở nơi ông là những bóng vang của ai khác. *Và ta hãy là bóng vang của ông.*" Chúng ta đã từng làm thơ dở và có thể vẫn tiếp tục làm thơ dở như thế. Ví như, có thể trong sâu thẳm của tâm hồn chúng ta vẫn vang lên tiếng hát thuộc loại "sến" của Tuấn Vũ, Thanh Tuyền, Chế Linh trong lúc, bên ngoài, chúng ta chỉ thích nghe Tuấn Ngọc, Thái Thanh, Vũ Khanh... Ta vẫn "sến" ngay khi rất "trí thức," vẫn yếu đuối trong lúc vô cùng mạnh mẽ, vẫn vô cùng bần tiện, tục tằn ngay khi được tôn thờ như lãnh tụ, thánh nhân (Quang Trung, Gia Long của Nguyễn Huy Thiệp chẳng hạn). Có một đứa bé trong người lớn, có một ác quỷ trong tâm hồn thánh thiện, một lão ngoan đồng trong vị "bác đẩu võ lâm." Chúng ta sống trong và bằng ngụy tín. Bùi Giáng gánh hết cái dở của đời ông, của đời người, của chính ông và của chúng ta. Ông là kẻ cứu chuộc chúng ta bằng cái dở toàn diện của đời ông và thơ ông. Ông giúp ta nhìn thấy "bản lai diện mục" của mình: dở. Đôi khi tôi cũng muốn lý luận như sau về ông: thơ ông càng về sau càng ngô nghê, càng dở là vì ông đi từ hữu chiêu tới vô chiêu, từ chấp ngã tới phi ngã, từ chấp trước tới phá chấp, từ lý luận đến triệt bỏ lý luận, từ chữ nghĩa đến phá bỏ chữ nghĩa, từ nói đến... vô ngôn (như hiện giờ dưới lòng đất). Nhưng thành thật mà nói, khi chúng ta khen ông biết đâu lại chính là chê ông, tưởng "thấu hiểu" được ông, té ra chẳng hiểu mô tê gì ráo:

điên cuồng mà tưởng nên thơ
cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần

Gặp

Khoảng mùa hè năm 1969. Đêm đó, nhân nhà tôi ở trọ có giỗ, tôi mang một ít thức ăn đến chỗ thầy Tuệ Sĩ để thầy dùng. Phòng thầy ở thuộc tầng hai đại học Vạn Hạnh. Kế bên phòng thầy là phòng của anh Nguyễn Hữu Hiệu (hồi đó là nhà tu Thích Chơn Pháp). Đến gõ cửa phòng thầy thì thầy đi váng. Anh Hiệu cũng đi váng. Thường thì khi thầy Tuệ Sĩ không ở nhà, tôi dùng lối đi bên phòng anh Hiệu để đột nhập phòng thầy, ở đó nằm đọc sách hoặc nghe nhạc đợi thầy về. Lần này cả hai đều đi váng. Vậy là tôi tìm một lối leo ra phía lan can, bò dọc bên ngoài, đến chỗ cửa sổ, thò tay kéo cửa sổ để vào phòng thầy Tuệ Sĩ. Tới nơi, thấy cửa đã mở sẵn, tôi hơi ngạc nhiên. Trèo vào, thấy có một người đàn ông đã ở trong phòng. Ông mặc quần xà lỏn, áo mai-ô. Tôi hết sức ngạc nhiên, không biết người đàn ông này là ai và sao ông ta lại biết lối đi này để vào. Cảm giác đầu tiên của tôi là: ông ta là một tay trộm cắp. Tôi hỏi: "Anh quen với Tuệ Sĩ à? Anh là ai vậy?" Người đàn ông trả lời tỉnh bơ: "Ta chẳng biết ta là ai nữa. Mà sao? Nếu ta nói ta không phải là ta, thì sao?" Câu trả lời là lạ khiến tôi nhìn kỹ lại khuôn mặt và chợt biết ngay đó là ai. Tôi mừng rỡ nhào vào ôm người đàn ông, la lên: "Bùi Giáng hả?!"

Vâng, ông ta là Bùi Giáng. Thấy tôi mang đồ ăn vào, ông hỏi và tự nhiên lấy đồ ăn ra ăn, chừa lại một ít cho thầy Tuệ Sĩ. An xong , ông hỏi: "Có rượu không?". "Không. Nhưng hề gì, đi mua thôi." Tôi lao xuống lầu, chạy ra tiệm rượu gần chợ Trương Minh Giảng mua chai Johnnie Walker và một ít đồ nhắm. Tôi nói nhậu ở trong phòng thầy bất tiện. Ông bảo: "Được, đi theo ta." Ông kéo tôi đi lên tầng bốn, đến chỗ Thiền viện. Hai chúng tôi ngồi giữa sân Thiền viện bày ra nhậu. Nơi đây, thực là một chỗ nhậu lý tưởng. Đêm trời đầy sao, không

trăng, ánh đèn đường từ bên ngoài phản chiếu lên vừa đủ. Lại nghe tiếng khánh reo leng keng đồng loạt khi có gió thổi qua. Không khí vô cùng tĩnh lạng.

Đêm đó, hai chúng tôi nhậu quên trời quên đất, quên luôn chuyện trở lại phòng Tuệ Sĩ (đêm đó, may là thầy không về). Tôi, anh học trò nhỏ từ Huế vào, mang trong mình một ít mớ kiến thức triết học tạp nham, thảo luận về đủ thứ chuyện cùng một bậc thầy về nhiều mạt. Nói cho đúng , chẳng thảo luận gì ráo. Tôi chỉ thác mác, đạt câu hỏi và nghe trả lời. Thỉnh thoảng dè dạt đưa ra một vài ý lấy lệ. Nhưng rồi, khi rượu đã ngà ngà, tôi bắt đầu chảng úy kỵ gì nữa, gạp đâu nói đó, ngông nghênh, lếu láo y như đang đấu hót với đàn em. Chẳng hiểu sao, Bùi Giáng cũng hứng chí, đấu hót với mình y như bạn. Ôi, thiên thung mang nai, từ Platon, Socrate đến Sartre, Heiddeger, Gabriel Marcel, Camus, Lão Tử, Trang Tử, rồi Freud, Jung... rồi Kim Dung, gái điếm, chiến tranh, Cộng sản, Mỹ. Được nói chuyện với ông dường như làm tôi hứng khởi cực độ, nên có gì trong đầu là tuôn ra tưới hột sen. Cái làm tôi ngạc nhiên nhất là tôi tiếp cận với một Bùi Giáng hoàn toàn khác hẳn với điều tôi tưởng nghĩ, khác hẳn với những giai thoại, những hình ảnh khác thường mà thi ca và những cuốn khảo luận triết học của ông gợi ra. Ông bình thường, vô cùng bình thường. Một Bùi Giáng thông tuệ, ưu tư, tra vấn về mình và về cuộc đời với một ý thức tỉnh táo vô lượng. Một Bùi Giáng uyên bác, kinh viện hết mực. Chẳng ba đào, tồn lưu, mù sa, thưa ràng... Chẳng châu chấu, chuồn chuồn, xoang điệu, hồng quần, mẫu thân Phùng Khánh... Mà là một Bùi Giáng trên bục giảng đại học. Một Bùi Giáng rất mực luận lý. Một Bùi Giáng rất đời thường với những bất bình, giận hờn, tủi nhục, đau đớn của những đoạn đời trải qua. Ông nói về cái học của ông, về hai người mà ông hận nhất trong đời. Ông nói về việc học chữ Hán và đọc cho tôi nghe mấy bài thơ mới nhất bằng chữ Hán ông vừa mới làm để tạng Kim Dung (Kim Dung thời gian này đang ở Sài Gòn trong một chuyến viếng thăm hình như khá dài ngày). Triết gia mà ông đề cập nhiều nhất đêm hôm đó là Pierre Teilhard de Chardin . Tôi không còn nhớ rõ từ đâu lại đưa đến đề tài này. Nhưng lạ là ông nói về những quan điểm triết lý của cha Teilhard rất say sưa hào hứng. Khoa học và triết lý. Tôn giáo và triết lý. Giáo điều, bảo thủ và tiến bộ... Nhất là ông bàn về một trong những quan điểm của Teilhard: việc "thấy" ("voir" trong tiếng Pháp). Ông đối chiếu quan điểm này với khái niệm về "kiến tánh" trong Phật Giáo.

Nửa đêm, hết rượu, tôi lại phải leo tường ra tìm mua thêm rượu. May mà chưa đến giờ giới nghiêm và may mà có một quán phở ở đường Kỳ Đồng còn mở cửa. Rốt cuộc cả hai người nằm gục trên sân Thiền viện. Sáng ra, chúng tôi thất thểu tìm về phòng thầy Tuệ Sĩ. Ở đây, Bùi Giáng lục tìm một số sách của ông, tạng tôi hai cuốn sách vừa mới in. Ở cuốn "Trăng Tỳ Hải," ông đề tạng như sau:

Tồn lỡ bốn lần sinh bấn loạn
Tặng chàng Hữu Thục học hay hang.

Sau lần đó, tôi còn tìm gạp ông hoạc tình cờ gạp ông nhiều lần, khi thì giữa đường, khi thì trong Vạn Hạnh, khi thì đâu đó trên đường phố Sài Gòn. Ông chảng hề nhớ tôi, và cũng chảng nhớ gì về cuộc nhậu trên sân thiền viện Vạn Hạnh ngày nào. Nói chi đến hai câu thơ ông hồn nhiên viết vội sau một đêm nhậu sa đà. Hai câu thơ ngây ngô, vô nghĩa và dở. Như rất nhiều, rất nhiều câu thơ vô nghĩa, ngây ngô và dở khác của ông. Ấy thế mà tôi cứ nhớ mãi, nhớ mãi đến bây giờ. Ba mươi năm sau.

Xin thưa rõ, Bùi Giáng mà tôi gạp đó chỉ là một hư cấu! Tất nhiên, câu chuyện trên cũng hoàn toàn là hư cấu! ●

12/1998 (*Viết và Đọc*, tập tiểu luận văn học, Văn Học, California, xuất bản, 1999)

Bùi Giáng, Sài Gòn năm 1992

Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế

Các đạo diễn có phim chiếu trong đêm khai mạc Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế gặp gỡ khán giả. Từ trái: Trâm Lê (ban tổ chức), các đạo diễn Tuấn Kiên Nguyễn, Edward T. Tran, Nguyễn Trần Minh Chiêu, Huy Trương, Trần Quang Hàm, và Y Sa (ban tổ chức).

NGUYÊN HUY

Lễ khai mạc

Vào lúc 06.30 chiều Thứ Năm 23 tháng 10 vừa qua, Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế lần thứ nhất đã khai mạc trọng thể tại rạp hát Edwards 6, Irvine.

Một điều ai đến tham dự buổi khai mạc này cũng đều nhận thấy rất rõ là chính thành phần trẻ tuổi trong hai hội đoàn có nhiều hoạt động là Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) và Hội Văn Hóa Ngôn Ngữ Việt Nam (VNLC) đã nhận lãnh vai trò tổ chức Đại hội. Phát biểu trong dịp này, Trâm Lê cùng với Y Sa (Tổng Thư Ký hội VAALA) đều nhận ràng: "Cách đây chỉ một năm, khi có ý tưởng tổ chức Đại Hội Điện Ảnh thì không ai nghĩ ràng có thể làm được."

Nhưng rồi qua thời gian vận động tiếp xúc, các bạn trẻ đã tiến hành được công việc khá suôn sẻ. Họ đã nhận được sự hỗ trợ từ nhiều phía, đạc biệt là phía các nhà làm phim Việt Nam trên khắp thế giới: ngoài Mỹ là nước có nhiều sản phẩm nhất, còn có Canada, Pháp, Đức, Úc. Họ đã đem lòng nhiệt thành cũng như sức mạnh vượt tháng của tuổi trẻ để lướt qua mọi khó khăn trác trở. Kết quả, trên dưới 60 cuốn phim dài ngắn, một số đã đoạt được những giải thưởng giá trị, đã được gom về cho đại hội trình chiếu. Hàng trăm đạo diễn, người viết truyện phim cũng như tài tử và các chuyên viên điện ảnh đã liên tục cùng nhau bàn bạc cho đại hội này để một tuần lễ trình chiếu những phim tiêu biểu cho không chỉ cộng đồng người Việt mà cả cho các cộng đồng khác tới xem.

Trong buổi khai mạc đại hội, sáu cuốn phim ngắn được chiếu trên màn ảnh trong tổng cộng hơn hai tiếng đồng hồ. Hình thức lẫn nội dung các cuốn phim khá đa diện. Từ những góc cạnh,

tâm tình trong cuộc sống đời thường đến những khúc mắc lịch sử, thân phận người dân Việt, đều đã được ghi nhận sắc gọn qua những cái nhìn điện ảnh của những nhà đạo diễn làm phim trẻ người Việt ở hải ngoại. Các cuốn phim đều được vận dụng tối đa những sáng tạo kỹ thuật mới mẻ mà tuổi trẻ Việt Nam hấp thụ được từ những trường lớp của những trung tâm nghệ thuật điện ảnh lớn trên thế giới. Người xem nhận thấy những người làm phim Việt Nam ở hải ngoại đã trưởng thành, ra khỏi được những ước lệ khuôn sáo cũ và quả là có những tìm tòi độc đáo.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Hội VAALA, ông Hoàng Ngọc Tuệ, trong bài phát biểu nhân dịp này nhận định rằng: "Đây là một cuộc duyệt xét và tìm hiểu quy mô nhất về hoạt động điện ảnh của người Việt di dân hiện nay trên thế giới, một công việc đòi hỏi sự cố gắng rất lớn lao của đội ngũ những người trẻ tuổi của chúng ta, trong đó đòi hỏi trí tuệ, khả năng tổ chức, sự can đảm, và quan trọng hơn hết, lòng yêu thương nền văn hóa của dân tộc Việt Nam."

Chính vì những tiêu biểu đó mà khoa Nhân Văn của Đại Học UCI đã hết lòng hỗ trợ và đã dành cho tổ chức nhiều phương tiện để thực hiện đại hội. Nhưng suốt trong tuần lễ Đại hội, các buổi chiếu phim và trao đổi, tiếp xúc với khán giả không chỉ được thực hiện tại tòa nhà Humanities Instructional Building, Cross Cultural Center và Social Science Lecture Hall của UC Irvine Campus, mà còn tại hội trường của nhật báo Người Việt, Viễn Đông, rạp hát Henry Fonda tại Hollywood và có cả một buổi gạp gỡ ở vũ trường Majestic Night Club.

Sau hơn hai giờ chiếu phim, ban tổ chức đã dành cho khán giả xem phim một buổi tiếp xúc với các đạo diễn trẻ có mạt. Nhiều thác mác, câu hỏi đã được khán giả đưa ra trực tiếp với những nhà đạo diễn. Câu hỏi thường được đạt ra là "nguồn tài chánh" bởi ai cũng biết làm một cuốn phim cho có đủ tiêu chuẩn thì rất tốn kém. Đa số các nhà đạo diễn trẻ đã thành thực cho biết là do từ tiền đi làm trong một vài năm để dành được. Một số các nhà đạo diễn khác cũng được tài trợ từ một vài phim trường nhưng thường thì đi kèm với những điều kiện không thích hợp với nội dung phim mà mình muốn thực hiện. Những câu trả lời chân thực đó đã khiến hầu hết khán giả xúc động và không khỏi có những băn khoăn. Nếu quá lệ thuộc vào phương tiện tài chánh thì khó mà có thể có được những tác phẩm điện ảnh ghi nhận trung thực những đề tài của phim mà hầu hết các nhà làm phim trẻ đang có khuynh hướng, là nhìn về quê hương, nhìn lại cuộc chiến Việt Nam mà cho đến nay ảnh hưởng của nó vẫn còn đậm nét trong cuộc sống của người Việt trong và ngoài nước.

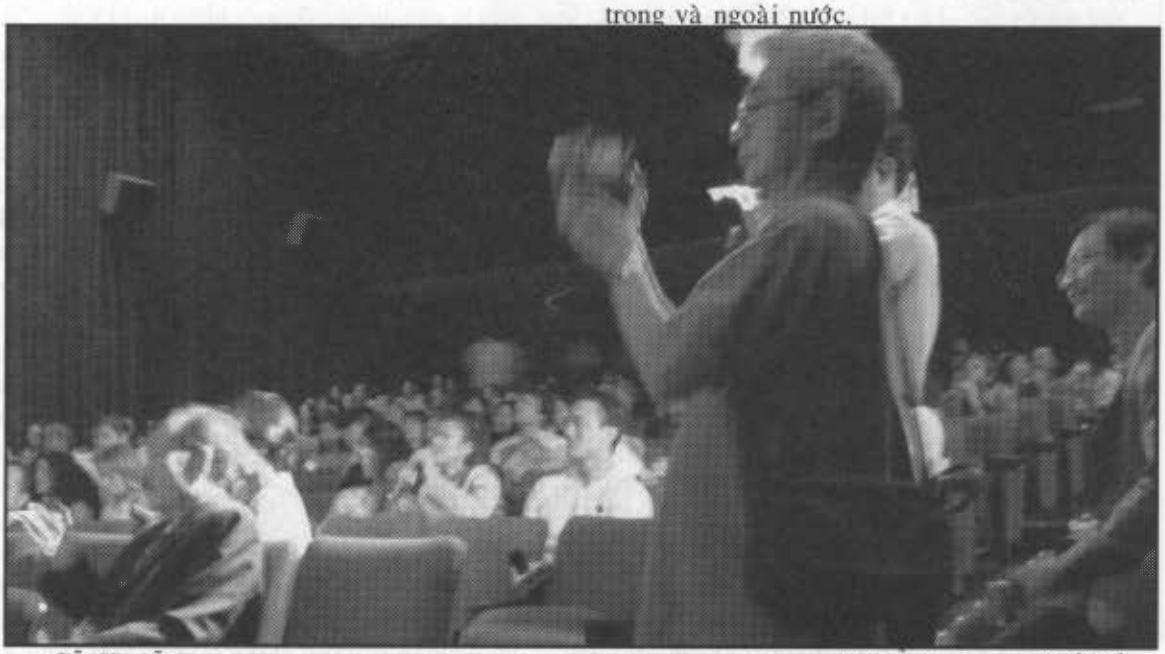

Đạo diễn Nguyễn Tường Hùng (đứng giữa), từ Pháp qua California tham dự Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế, quay phim cảnh lễ khai mạc Đại Hội.

Buổi chiếu phim Người Tình Không Chân Dung và

trao giải Lifetime Achievement Award

cho diễn viên Kiều Chinh

Kiều Chinh nhận giải Lifetime Achievement Award tại Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế. Từ trái: đạo diễn Tony Bùi, Kiều Chinh, Y Sa, Trâm Lê.

PHẠM XUÂN ĐÀI

Sau lễ khai mạc vào đêm thứ Năm, 23/10/03, Đại Hội đã liên tục diễn ra trong ba ngày kế tiếp. Sau đấy sẽ nghỉ ba ngày, và bắt đầu lại vào ngày thứ Năm 30/10 liên tục cho đến ngày bế mạc vào Chủ nhật 2 tháng 11 2003.

Ngày thứ Sáu 24/10 chiếu phim và tiếp xúc với khán giả tại hội trường nhật báo Người Việt, rồi hội thảo tại nhật báo Viễn Đông về các đề tài điện ảnh như việc làm phim hoạt họa, cách viết truyện phim, dịch vụ làm và quảng cáo phim chiếu ở rạp và truyền hình, kỹ thuật digital v.v... do chính các đạo diễn chủ trì. Ngày thứ Bảy 25/10, tiếp tục chiếu phim và gặp gỡ khán giả với sự hiện diện của các đạo diễn và diễn viên, đặc biệt có đạo diễn Nguyễn Tường Hùng từ Pháp sang. Buổi tối chiếu hai phim dài, Green Dragon (Rồng Xanh) và Three Seasons (Ba Mùa). Ngày Chủ Nhật, chương trình trưa và chiều tiếp tục với các phim ngắn, buổi tối đặc biệt chiếu một phim cũ của miền Nam trước 1975, Người Tình Không Chân Dung. Đây cũng là buổi vinh danh cuộc đời phục vụ cho điện ảnh của nữ diễn viên Kiều Chinh với giải thưởng Lifetime Achievement Award (Giải thưởng về thành tựu của cả một đời) mà Đại Hội quyết định trao cho bà.

Người Tình Không Chân Dung có thể nói là một phim bề thế nhất về đề tài chiến tranh của miền Nam, do hãng phim Giao Chỉ sản xuất. Tuy là sản phẩm của một hãng tư do Kiều Chinh thành lập và Hoàng Vĩnh Lộc đạo diễn, phim vẫn được sự hỗ trợ rộng rãi của chính quyền và quân đội trong việc thực hiện. Ngoài Kiều Chinh là nhân vật nữ duy nhất, các diễn viên còn lại, khá đông đảo, hầu hết là quân nhân đang tại ngũ: Vũ Xuân Thông, Nguyễn Mộng Hùng, Hà Huyền Chi, Dương Hùng Cường, Minh Trường Sơn, Chương Marine, Trần Quang, Tâm Phan...

Điều đặc biệt là sau khi quay xong, phim này đã bị... cấm chiếu, trong hai năm, sau cùng phải do một cuộc bỏ phiếu của chính Hội đồng Nội các (20/21 phiếu thuận), phim mới được trình chiếu cho công chúng vào năm 1973. Lý do cũng chỉ vì những hình ảnh hiện thực của chiến tranh (những "mộ bia đều như nấm" trong nghĩa trang, cảnh quân nhân bị thương, bị chết...) mà Hội đồng Duyệt phim các cấp đều chùn tay không dám thông qua, vì lý do "dễ làm nản lòng chiến sĩ." Tuy nhiên tại Đại Hội Điện Ảnh Á Châu 1973, phim đã được hai giải thưởng

cao quý: Giải phim chiến tranh xuất sắc nhất và Giải nữ diễn viên chính xuất sắc nhất dành cho Kiều Chinh.

Đúng 30 năm sau ngày NTKCD ra mắt ở Sài Gòn, nay xem lại tại đất Mỹ, đa số khán giả bàng hoàng. Thứ nhất, phim rất khá, dù đã qua đãi lọc của thời gian và của lòng người với biết bao ảnh hưởng mới mẻ của điện ảnh hiện đại. Thứ hai, cảm phục ý thức của nhóm thực hiện, mà ngày nay, khi cuộc chiến xong đã lâu và mọi sự đã láng xuống, người ta mới càng thấy rõ: ý thức cuộc chiến ấy là "của chúng ta" để bảo vệ những lý tưởng của chúng ta, đồng thời không che giấu cái cảm thức nhức nhối trước một quê hương tan hoang do chiến tranh mang lại. Một mình diễn xuất của Kiều Chinh đã mang hết gánh nạng chuyển tải thông điệp ấy. Là một phụ nữ trẻ tuổi có người yêu tử trận, đang làm trong chương trình "tâm tình với chiến sĩ" trên đài phát thanh Quân đội, cô Mỹ Lan một hôm quyết định xin ra mạt trận để đi tìm một người mà cô chưa từng quen biết, một thính giả chương trình của cô mà cô chọn một cách bất chợt trong số hàng trăm lá thư gửi về đài hàng ngày. Cô bị ám ảnh bởi câu nói của người yêu cũ đã chết: "Anh là chiến sĩ, người chiến sĩ nào cũng có thể là anh." Và cô đã được tận mắt chứng kiến bao cảnh tượng thật của chiến tranh, với một thái độ gan dạ, không phải là trạng thái chai lì của tâm hồn, nhưng là sẵn sàng nhẫn nhục nếm chén đắng cho đến giọt cuối cùng với ý thức mình là một phần của thảm cảnh chung. Một mình Kiều Chinh trong Người Tình Không Chân Dung, ở tuổi 30, với một diễn xuất trầm lắng diễn tả một nội tâm mênh mông nặng trĩu những đổ vỡ mất mát do cuộc chiến mang lại, đủ để đại diện cho lương tâm của người Việt trong cuộc chiến ấy. Cuộc chiến đã qua, may mắn chúng ta vẫn "của tin còn một chút này"...

Đạo diễn Tony Bùi, đại diện cho thế hệ người làm phim ảnh trẻ (nói cách khác: thuộc thế hệ di dân thứ hai) đã được vinh dự là người trao Giải Lifetime Achievement Award cho tài tử Kiều Chinh. Cử chỉ ấy như một nối kết đầy thân ái giữa hai thế hệ, và là một biểu tượng ý nghĩa cho bước đường sắp tới của nền điện ảnh Việt Nam tại hải ngoại.

Một số diễn viên chính trong phim "Người Tình Không Chân Dung" gặp gỡ khán giả tại Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế. Từ trái: Nguyễn Năng Tế, Vũ Xuân Thông, Minh Trường Sơn, Kiều Chinh.

RỒNG VÀ ĐẠI BÀNG Ở Á CHÂU

Đi dự Hội nghị Apec, ông Hồ Cẩm Đào bay sang Bangkok trước ông George W. Bush và được quốc vương Thái Lan thiết triều yến khoản đãi. Ngày hôm sau, Tổng thống Mỹ tới, cũng được hoàng đế Bhumibol mời dự yến trong hoàng cung.

Tuần sau đó Tổng thống Bush đến Australia trước chủ tịch Trung Quốc một ngày, nhưng cả hai cùng được vinh dự lần lượt đọc diễn văn trước lưỡng viện quốc hội Úc.

Các nước ở Đông Nam Á châu đều muốn tiếp đãi hai nhà lãnh đạo Mỹ và Trung Quốc như nhau. Mọi người đều công nhận Trung Quốc và Mỹ là hai cường quốc trong vùng. Nhưng hai cường quốc khác nhau trên nhiều điểm, đạc biệt là trong đường lối ngoại giao của ho hiện nay. Hội nghị APEC vừa qua cho thấy rõ điều đó. Tổng thống Mỹ tới vùng Đông Nam Á để thúc đẩy các nước góp phần vào cuộc chiến tranh chống khủng bố, ông mang theo những lời hứa hẹn viện trợ quân sự. Chủ tịch Trung Quốc đi các nơi đều nói chuyện giao thương và kêu gọi thiết lập mạng lưới thương mại tự do.

Bác Kinh đã đạt chân được vào cửa ngõ khối Asean với lời hứa hẹn thành lập một khối mậu dịch tự do vào năm 2015. Lâu nay, các nước Đông Nam Á nhờ bán hàng cho Mỹ nên phát đạt. Trong năm 2001 số mậu dịch giữa 10 nước Asean với Mỹ là 120 tỷ đô la. Tại Bangkok tuần trước, thủ tướng Ôn Gia Bảo đã tấn công, ông kêu gọi các nước Đông Nam Á hãy tăng số mậu dịch với Trung Quốc, từ 55 tỷ mỹ kim hiện giờ lên 100 tỷ mỹ kim trong hai năm nữa. Các nhà máy Trung Quốc cần hơi đốt của Indonesia, quạng sát ở Úc châu, cao su của Mã Lai, vân vân. Trong khi dân Mỹ than phiền về cán cân thương mại với Trung Quốc bị khiếm hụt thì ngược lại nhiều nước Đông Nam Á đang bán hàng sang Trung Quốc nhiều hơn là mua hàng về.

Hai quốc gia mạnh nhất về kinh tế ở Á Đông là Nhật Bản và Hàn quốc đều giao thương mật thiết với Trung Quốc. Trong năm 2002, Mỹ đã mất vai trò nước xuất cảng nhiều nhất sang Nhật Bản, thay vào đó hàng Trung Quốc đứng đầu. Đổi lại, hàng xuất cảng của Nhật sang Trung Quốc tăng gần 40%. Nước giao dịch thương mại nhiều nhất với Nam Hàn hiện nay cũng là Trung Quốc chứ không phải Mỹ. Trong năm nay, kinh tế Trung Quốc có thể tăng trưởng với tỷ lệ 9% đến 10%. Nhu cầu mua thép, đồng, kền, nhôm, cao su của các xí nghiệp Trung Quốc khiến cho giá các món nguyên liệu này tăng vọt trên thế giới. Khối người tiêu thụ trong lục địa Trung Hoa có thể bảo đảm sự hồi phục kinh tế điều hòa của những đồng minh quan trọng nhất với Mỹ là Nhật Bản, Hàn quốc, Đài Loan, Thái Lan. Các nước Đông Nam Á châu không nhìn 1 tỷ 300 triệu người Trung Hoa là một mối đe dọa kinh tế nữa; trái lại, có thể là những đồng minh trên con đường phát triển. Trong cuộc viếng thăm của ông Hồ Cẩm Đào ở Úc lần này, ông sẽ chứng kiến việc ký kết hợp đồng mới, trong đó tiền vốn của Trung Quốc sẽ góp phần đầu tư vào một công ty tìm kiếm khí đốt ngoài khơi Australia.

Phương cách ngoại giao của Bác Kinh hiện giờ trái ngược hẳn đường lối xuất cảng cách mạng không tưởng của Mao Trạch Đông, một thế hệ trước. Các ông Hồ Cẩm Đào, Ôn Gia Bảo đem theo những đề nghị hợp tác, giúp đỡ, thương thảo ôn hòa cốt lấy lòng mọi người. Phương pháp mới đã có kết quả, mà không chỉ riêng trong lãnh vực kinh tế. Một điều thật khó tưởng tượng được là sau hội nghị Apec Bác Kinh được mời tham dự một hội nghị sáp tới bàn về vấn đề dân chủ hóa xứ Myanmar, Miến Điện! Hầu như các chính phủ trong vùng Đông Nam Á đã quên ràng chế độ cộng sản ở Bác Kinh đang đàn áp những người bất đồng chính kiến và các nhóm tôn giáo một cách tàn bạo hơn cả nhóm quân phiệt ở Miến Điện! Một chính phủ bát bỏ tù cả những người họp nhau tập khí công, mà lại được mời cố vấn quốc gia khác về tiến trình dân chủ hóa!

Đường lối ngoại giao của chính phủ Bush không theo lối mềm dẻo đó. Đó là một chính sách ngoại giao nạng về quân sự. Không riêng gì đối với Á châu mà cả ở Âu châu và Trung

Đông, chính phủ Mỹ muốn mọi nước phải lựa chọn "Đứng về phía tôi hay chống tôi?" Điều này ai cũng đã thấy. Trước khi lên đường công du Á châu sáu ngày Tổng thống Bush đã được một nhà báo hỏi về vai trò của Úc châu, "Nước Mỹ có muốn Úc đóng vai trò một Phó Sê Ríp (Cảnh sát trưởng) trong vùng Đông Nam Á hay không?" (Ý nói Mỹ đang là Sê ríp toàn thế giới.) Câu trả lời của ông Bush là: "Úc không phải là một Phó Sê Ríp. Úc chính là một Sê Ríp!"

Ai cũng biết Úc châu là một đồng minh quân sự của Mỹ từ thời chiến tranh lạnh, và là một nước gửi quân sang giúp Mỹ đánh Iraq ngay từ đầu. Nhưng lời tuyên bố của ông Tổng thống Mỹ làm cả miền Đông Á châu sửng sốt. Ông Sê Ríp Úc của Mỹ sẽ đi bát những tên trộm ngựa, trộm bò nào? Chính phủ Úc cũng thấy hình ảnh ví von đó nguy hiểm, vì Úc đang cố tự giới thiệu mình như một nước ở Á châu. Hiện nay đa số dân là người gốc Á châu, Úc không phải chỉ là một quốc gia của con cháu những người Anh da tráng đi chiếm đất nữa. Ông Bộ trưởng Quốc phòng Úc Robert Hill đã phải nói ông không đồng ý với lời so sánh của ông Bush.

Trong khi Tổng thống Mỹ dùng hầu hết thời gian ở Á châu đã cổ động cho cuộc chiến tranh chống khủng bố của Mỹ, thì chính phủ Bắc Kinh đạt ra các vấn đề trường kỳ và nghiêng về lợi ích kinh tế hơn. Bắc Kinh cũng không quên hỗ trợ Mỹ trong việc ngăn ngừa tham vọng vũ khí nguyên tử của Bắc Hàn. Đây là một hành động được lòng cả Mỹ lẫn các nước Nam Hàn và Nhật Bản, đã được Tổng thống Bush ghi nhận công khai. Cũng tại Bangkok ông Bush đã lui một bước, chấp nhận sẽ tuyên bố không đánh Bắc Hàn, để đổi lại Bình Nhưỡng phải bỏ chương trình vũ khí nguyên tử. Nhưng ai cũng thấy muốn giải quyết chuyện bom của Bắc Hàn thì cần có sự hợp tác của Bắc Kinh. Trung Quốc đã mạc nhiên thành một nước đồng minh của Mỹ nhờ chính sách ngoại giao ôn tồn của họ. Ngay trong vụ Iraq trước Hội Đồng Bảo An Liên giờ lên tiếng đả kích Mỹ công khai như Pháp hay Đức.

Trong chuyến đi vừa qua, Tổng thống Bush cũng không quên các cử tri ở những tiểu bang miền Trung Tây nơi các nhà máy chế tạo đã sa thải quá nhiều công nhân. Ông Bush thường đổ lỗi tại hàng hóa nhập cảng từ những nước như Trung Quốc giá rẻ quá. Và để các xí nghiệp và công nhân vùng này hài lòng, ông thường lên tiếng đả kích chính sách hối suất của Bắc Kinh, định giá đồng nhân dân tệ thấp quá so với mỹ kim. Tại Tokyo và Bangkok, ông Bush yêu cầu các nước Nhật Bản và Trung Quốc hãy cho đồng tiền của họ tăng giá, để giá mỹ kim thấp xuống cho hàng dễ cạnh tranh hơn. Nhưng kết quả là cả hai nước đều giữ nguyên lập trường của họ về hối suất, và các nước Á châu đồng ý. Vì ai cũng biết nếu Trung Quốc tăng giá đồng Nguyên thì kinh tế sẽ xáo trộn, các nước trong vùng đều bị vạ lây. Chính phủ Mỹ cũng biết điều đó, cho nên sau những lời tuyên bố nhám cho các cử tri ở Mỹ nghe, Tổng thống Bush cũng không trông đợi Nhật Bản và Trung Quốc đưa ra các hành động cụ thể.

Sau hai năm Tổng thống Bush đã thay đổi chính sách của chính phủ Mỹ với Trung Quốc một cách triệt để. Trong khi tranh cử năm 2000, ông Bush kịch liệt đả kích chủ trương của chính phủ Clinton, khi họ coi Trung Quốc là "hợp tác chiến lược." Bộ tham mưu của ứng cử viên Bush lúc đó đã đạt ra một từ mới: "Cạnh tranh chiến lược." Nhưng hiện nay, sau vụ 11 tháng Chín, chính phủ Bush chỉ quan tâm về nạn khủng bố quốc tế, họ thực sự đối đãi với Bắc Kinh như một quốc gia thân hữu và hợp tác.

Trong khi đó Bắc Kinh vẫn lạng lẽ củng cố guồng máy quân sự của họ. Vụ phóng người lên không gian là một chương trình của bộ Quốc phòng. Họ đã gia tăng sản xuất hỏa tiễn tầm trung, đủ xa để phóng sang Đài Bắc hay Hà Nội. Ngân sách Quốc phòng của Bắc Kinh đã tăng lên 65 tỷ mỹ kim, gấp đôi ngân sách của Anh quốc. Theo viện Nghiên cứu Chiến lược

trang quân đội. Trung Quốc là quốc gia duy nhất trên thế giới bây giờ chủ tâm chạy theo Mỹ trên mạt quân sự, chờ ngày đuổi kịp. Một chục năm nữa, nước này sẽ là một mối đe dọa cho cả vùng Đông Nam Á. Nếu đảng cộng sản Trung Quốc gạp khó khăn về kinh tế, xã hội hay bi đe dọa có nội loạn; khi đó giới lãnh đạo độc tài sẽ tìm cách gây hấn với bên ngoài để cho dân chúng quên những khó khăn trong nước. Nước Trung Hoa hiện nay có hàng chục triệu thanh niên không thể tìm ra phụ nữ để kết hôn vì chính sách một con của đảng Cộng Sản. Khi một chính quyền không tìm ra cách nào giải quyết những nỗi bất mãn kinh tế và xã hội của đám "trai thừa" đó, họ có thể coi việc mộ lính, tuyển quân là một biện pháp đơn giản nhất. Và chiến tranh có thể lập lại thế thăng bằng nam nữ trong dân số.

Nhìn vào chính sách ngoại giao của Trung Quốc hiện nay, và sự thờ ơ của chính phủ Mỹ về hầu hết mọi chuyện ngoài chuyện chống khủng bố, người Việt Nam phải lấy làm lo ngại. Trong lịch sử con đường bành trướng của Hán tộc về phương Nam đã bị chạn lại từ thế kỷ thứ 10 chỉ vì có giống người Việt Nam ở đó.

Những câu hỏi của ông Donald Rumsfeld

Một điều đáng quý nơi ông Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld là ông hay nói thẳng tuột những gì người khác chỉ nghĩ trong đầu không dám nói, hoạc tìm cách nói tránh né. Ra trước quốc hội Mỹ khi chiến cuộc mới bát đầu, được hỏi liệu chiến tranh Iraq sẽ tốn kém bao nhiêu tiền, ông trả lời: "Tôi không biết." Sẽ kéo dài bao lâu? "Tôi không biết." Nhà báo hỏi tại sao bà Condoleezaa Rice phải gửi cho ông một văn thư mà theo ông trong đó chỉ nói những chuyện mà bình thường bà ta vẫn phải làm, ông Rumsfeld cũng lác đầu, "Tôi không biết. Đi mà hỏi bà ấy."

Văn thư (memo) do ông Donald Rumsfeld gửi cho các nhà lãnh đạo Bộ Quốc phòng trong tháng trước, được báo USA Today tiết lộ, cho thấy ông vẫn là người bộc trực, nghĩ sao nói ra liền. Đọc lá thư đó chúng ta thấy và hiểu những thác mác do ông tự đạt cho mình. Và khi nghĩ một người đóng vai trò lãnh đạo các cuộc chiến tranh nước Mỹ đang tham dự mà nêu những câu hỏi như thế, trong lúc này, thì thật đáng lo ngại.

Ông Donald Rumsfeld là một nhà chính trị, nhưng cũng là một vị quản đốc xí nghiệp những lúc không ở trong chính quyền. Ông từng tham gia trong chính phủ Ford, Reagan, cho đến trước sau hai chính phủ Bush. Có lúc ông làm cho hãng Bechtel, một đại công ty cơ khí, xây cất và dịch vụ khai thác dầu cùng hơi đốt, nơi đào tạo rất nhiều vị bộ trưởng cho các vị Tổng thống đảng Cộng Hòa. Ông tham gia chính phủ Bush II hiện nay với một chương trình có sẵn: cải tổ triệt để bộ Quốc phòng Mỹ cho thích hợp với thế kỷ 21. Ông chủ trương quân quý hồ tinh bất quý hồ đa. Tinh, ở đây nghĩa là dùng nhiều lực lượng đạc biệt phối hợp với nhiều vũ khí tinh khôn áp dụng kỹ thuật điện tử, tin học. Bản văn thư, sau đây sẽ gọi là memo, của ông Donald Rumsfeld gửi cho Tướng Myers, tham mưu trưởng liên quân; ông Wolfowitz, Thứ trưởng Quốc phòng; Tướng Pete Pace, Phó tham mưu trưởng, và ông Doug Feith, Thứ trưởng Quốc phòng về chính sách.

Mở đầu bản memo, ông Rumsfeld hỏi thẳng: Chúng ta đang tháng hay đang thua trong trận chiến toàn cầu chống khủng bố?

Và ba câu hỏi phụ: Bộ Quốc phòng có thay đổi đủ nhanh để đối phó với khung cảnh an ninh mới trong thế kỷ 21 hay không? Cuộc cải tổ định chế lớn có đủ nhanh hay không? Chính phủ Mỹ có thay đổi đủ nhanh hay không? Có thể nói ba câu hỏi phụ này là hệ quả của câu hỏi đầu tiên, nêu lên những phương tiện dùng cho cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu.

Đối với câu hỏi căn bản, ông Rumsfeld có những thẩm định như sau: Chúng ta có kết quả cả tốt lẫn xấu với nhóm al Qaeda ... còn rất nhiều người trong bọn họ vẫn còn hoạt động.

ông Rumsfeld hỏi thẳng: Chúng ta đang thắng hay đang thua trong trận chiến toàn cầu chống khủng bố?

Chính phủ Mỹ đã đạt tiến bộ đáng kể bắt hoặc giết đám 55 thủ lãnh hàng đầu người Iraq. Chính phủ Mỹ chậm hơn trong việc bắt các thủ lãnh Taliban (ở Afghanistan.) Đối với nhóm (du kích Hồi Giáo khác ở Iraq) Ansar Al-Islam thì mới bắt đầu.

Ông Donald Rumsfeld đã kiểm điểm các mạt trận Afghanistan và Iraq, là những nơi thuộc trách nhiệm bộ Quốc phòng; ông không nhắc tới các hoạt động du kích, khủng bố ở những vùng khác trên thế giới, như Palestine hay vùng Đông Nam Á, mà cũng không nói tới mạt trận đối phó với khủng bố ở các nơi khác.

Nhưng trận chiến chống khủng bố không thu hẹp ở một vài quốc gia, chắc chắn các nhóm khủng bố nghĩ như vậy. Trong bản memo ông Rumsfeld cũng đạt những vấn đề rộng rãi hơn, và ông nhận định: "Ngày nay, chúng ta không có những thước đo (metrics trong nguyên văn) để biết mình đang thắng hay đang thua trong trận chiến toàn cầu chống khủng bố." Ông tự hỏi, "Mỗi ngày chúng ta có bắt giam, giết hay ngăn chặn và cản trở nhiều tên khủng bố hơn số người mà các trường tôn giáo (Hồi Giáo) và các giáo sĩ quá khích đang tuyển mộ, huấn luyện và bố trí các nơi để chống lại chúng ta hay không?" Và nói cách khác, "Có phải hiện nay chúng ta đang ở trong tình trạng "càng đánh mạnh thì càng tụt lại đàng sau Hay không?" Trong đoạn sau ông Rumsfeld đạt ra những câu hỏi có tầm xa hơn: "Chính phủ Mỹ có cần định ra một kế hoạch rộng rãi và toàn diện để ngăn chặn thế hệ các tay khủng bố sắp tới hay không?"

Tất cả những câu hỏi trên đều đáng nêu lên, nhưng có lẽ phải nêu lên từ trước khi chính phủ Mỹ bắt đầu các cuộc chiến tranh, nhất là cuộc tấn công Iraq. Người đọc bản memo của ông Rumsfeld phải hỏi: Chính phủ Mỹ có đạt ra những câu hỏi đó hay không, từ khi bắt đầu coi cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu là một sứ mạng của mình?

Khi một nhà lãnh đạo thú nhận "không có những thước đo để biết mình đang thắng hay đang thua trong trận chiến" thì đó là một điều đáng lo. Muốn biết thắng hay bại, trước hết phải định nghĩa thế nào là thắng trận. Nói cách khác, phải ấn định mục tiêu của chiến tranh. Từ Tôn Võ Tử đến Clausewitz, các binh gia bao giờ cũng bắt đầu với việc ấn định mục tiêu. Clausewitz nói rằng chiến tranh chỉ là một hình thức của chính trị, có dùng bạo lực. Vậy mục đích chính trị của cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của nước Mỹ là gì? Tất nhiên, là tiến tới một ngày trên thế giới không còn nạn khủng bố nhắm vào người Mỹ, nước Mỹ nữa. Tôn Tử phân biệt những mục tiêu của chiến tranh để các nhà lãnh đạo chọn: Chiếm đất chiếm thành? Chiếm dân? Tiêu diệt quân địch? Hay vô hiệu hóa quân địch để không cần chiến tranh nữa?

Khi ông Rumsfeld đạt câu hỏi về tốc độ tiêu diệt các tay khủng bố của quân Mỹ, so với tốc độ sản xuất những tay khủng bố mới của những người Hồi Giáo quá khích, ông đã đụng tới vấn đề mục tiêu chiến tranh như Tôn Tử đạt ra. Ông Donald Rumsfeld phải là người đóng góp nhiều nhất vào bản văn về Lý thuyết Quốc phòng của chính phủ Bush, mới công bố năm ngoái. Lý thuyết này viết "... chúng ta không ngần ngại hành động đơn phương, nếu cần, để thi hành quyền tự vệ bằng cách tấn công trước chống lại những tên khủng bố, để ngăn không cho chúng làm hại đến người dân và đất nước chúng ta." Lý thuyết đánh phủ đầu và hành động đơn phương này giả thiết nhà lãnh đạo biết đích danh ai là những tên khủng bố, có địa chỉ của chúng để tấn công, như Afghanistan và Iraq. Lý thuyết đó có thích hợp với cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu, với những tay cảm tử được những tình cảm tôn giáo phát động hay không? Tấn công trước những tên khủng bố bằng cách nào, chiếm đất, chiếm dân hay chiếm lòng người? Văn thư tuần trước của ông cho thấy ông không phải là một người quen đọc binh pháp, dù của Clausewitz hay Tôn Vũ Tử, vì không thấy ông nêu ra các vấn đề cụ thể đó.

Có lẽ trong chính phủ Bush chưa ai nêu ra những vấn đề đó, từ sau vụ 11 tháng Chín và trước khi đánh Iraq, cho nên ông Rumsfeld đã mượn bản memo này để đạt các vấn đề căn bản mà đáng lẽ ông Tổng thống hoặc cố vấn an ninh quốc gia của ông phải đạt ra. Ông Rumsfeld có lý do để mách nước cho các nhà lãnh đạo trong Tòa Bạch ốc. Tuần trước nữa, bà Condoleezaa Rice mới gửi văn thư báo cho ông biết kể từ nay bà sẽ phối hợp các nỗ lực "ổn định" tình hình Iraq. Nhưng, liệu bà Rice có biết như thế nào là tình hình ổn định hay không? Ông Rumsfeld đạt câu hỏi "biết thế nào là thắng, thế nào là thua chưa?" Có lẽ bà Rice

cũng cần nêu câu hỏi đó.

Nhưng bà Rice hiện chỉ phụ trách chuyện Iraq, mà Iraq chỉ là một chạng đường trên con đường dài chống khủng bố (ông Rumsfeld đã nói đến thế hệ khủng bố sắp tới.) Và Iraq cũng chỉ là một điểm trong mạt trận chống khủng bố toàn cầu. Trong lúc bà Rice lo về Iraq, Tổng thống Bush lo vận động quỹ tranh cử cho sang năm, vậy ai là người lo cuộc chiến toàn diện? Ông Rumsfeld đã đánh một tiếng chuông lớn cho tất cả chính phủ Bush và dân Mỹ phải cùng nhìn vào vấn đề chung.

Một ý kiến đã được ông Rumsfeld nêu lên trong bản memo là việc thiết lập một định chế mới, trong Bộ Quốc phòng hay bên ngoài, phối hợp các bộ và các cơ quan để chống khủng bố toàn cầu. Và chắc chỉ có cơ quan mới này mới đủ tầm vóc đề ra một "kế hoạch rộng rãi và toàn diện để ngăn chặn thế hệ các tay khủng bố sắp tới."

Và những câu hỏi về tốc độ của sự thay đổi trong bộ Quốc phòng, thay đổi trong chính phủ Mỹ cũng cần nêu lên với đề nghị trên. Sau khi các giới chức chính quyền giải thích, minh xác, các nhà chính trị đối lập phê phán, chỉ trích, liệu chính phủ và quốc hội Mỹ có nhân dịp này đạt lại các vấn đề căn bản về mục tiêu, phương pháp và định chế cho cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu hay không?

CÁC QUYỀN TỰ DO CHỈ LÀ MỘT

Đảng Cộng Sản Việt Nam thường rêu rao ràng chế độ của họ vẫn tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo. Nhưng vụ ngăn cản phái đoàn chư tăng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất trên quốc lộ số 1, ở Tuy Hòa, Nha Trang, cho thấy sự thật không phải như vậy. Các tu sĩ không được phép di chuyển trên quốc lộ, thì làm sao sinh hoạt tôn giáo được tự do? Bởi vì tuy có nhiều thứ quyền tự do, nhưng tựu chung vốn chỉ có một vấn đề, là con người có được tự do hay không. Tất cả các quyền tự do liên hệ và tùy thuộc lẫn nhau, người ta không thể tách rời ra, vì mất một thứ quyền tự do này thì cũng mất luôn nhiều quyền tự do khác.

Khi chối cãi về tội vi phạm quyền tự do tín ngưỡng của người dân Việt Nam, đảng Cộng Sản thường nêu lên số chùa chiền, số nhà thờ, số người đi lễ, vân vân. Nhưng nếu một tôn giáo không được phép đào tạo tu sĩ, không được phép ấn hành kinh sách, thì làm sao gọi là tôn giáo được tự do? Cũng giống như bảo người ta tự do uống trà nhưng lại cấm không cho tự do đun nước! Và đó là tình trạng của tất cả các tôn giáo tại Việt Nam hiện nay. Chế độ cộng sản vẫn viết trong hiến pháp những quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng; nhưng đảng và nhà nước chỉ cần kiểm soát các nhà in, kiểm soát việc mua bán giấy hoạc kiểm soát hệ thống phát hành là đủ cho tất cả những thứ quyền tự do ngôn luận, báo chí trở thành trống rỗng, vô hiệu.

Trong năm qua, đảng Cộng Sản Việt Nam đã phải nới lỏng sự giam hãm đối với các Hòa thượng Thích Huyền Quang và Hòa thượng Thích Quảng Độ. Ngài Huyền Quang đã được đưa ra Hà Nội chữa bệnh và còn được gạp các viên chức cao cấp của đảng và nhà nước. Ngài Quảng Độ đã được trả tự do cho đi ra ngoài cổng chùa. Những hành động nới lỏng dây trói đó chỉ diễn ra sau những áp lực của những quốc gia trong Liên hiệp Âu châu đang cấp viện trợ và sáp ký thương ước. Họ cần làm vui lòng ngoại quốc để các cán bộ cộng sản có dịp tham nhũng hoạc buôn bán làm giầu.

Các nhà lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Thống nhất đã bầy tỏ thiện chí chấp nhận tình trạng nới lỏng, sống trong giới hạn đó, đã chịu đối thoại với các quan chức cộng sản cũng như các vị lãnh đạo giáo hội do đảng gây dựng nên. Thủ tướng Cộng Sản Việt Nam còn hứa hẹn sẽ xét lại quy chế hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Nhưng các hòa thượng vẫn tiếp tục giữ thái độ độc lập, vì Giáo hội vốn là một tổ chức độc lập đã có sẵn từ trước khi quân cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam. Nếu trong một quốc gia mà hiến pháp có ghi nhận những quyền tự do căn bản, thì các công dân đều có quyền thể

HT Thích Huyền Quang

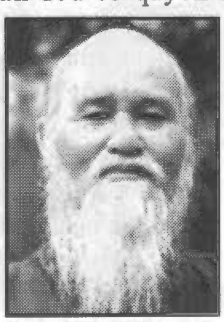

HT Thích Quảng Độ

hiện những quyền đó của mình. Một công dân muốn đi từ Sài Gòn ra Quảng Ngãi, Bình Định thăm một công dân khác, thì cứ tự do đi. Nếu nhà nước muốn ngăn cấm thì phải đưa họ ra tòa, kết án một tội nào đó khiến quyền tự do của họ bị pháp luật hạn chế. Trước đây Hòa thượng Thích Quảng Độ đã bị ngăn cản và bị bát khi đi thăm Hòa thượng Thích Huyền Quang ở Quảng Ngãi, mà đảng Cộng Sản không cho biết vì sao lại cấm cản. Nhưng gần đây cả hai vị đều được coi là đã được "phóng thích" khỏi cảnh tù đầy cũ; và họ đã được tự do thăm viếng nhau.

Bây giờ, các hòa thượng tự coi mình như các công dân tự do trong một nước có hiến pháp và có luật pháp, chín vị tăng sĩ lên đường đi từ Bình Định vào Sài Gòn. Đây là một hành động giản dị, ôn hòa nhất, không cứ các tăng sĩ mà bất cứ một công dân tự do nào cũng có quyền được hưởng, có dịp là thể hiện quyền tự do của mình! Nhưng chế độ cộng sản ở Việt Nam đã tìm cách ngăn cản. Đây là một vi phạm đối với những quyền tự do cơ bản nhất trong một xã hội văn minh. Đảng Cộng Sản sẽ nêu lên các lý do có tính cách thủ tục, luật lệ địa phương, nhưng các luật lệ đó phản lại các quyền tự do cư trú, tự do di chuyển, tự do sinh sống, thì phải coi là vi hiến và phải dẹp bỏ. Một lần nữa, chúng ta thấy khi một chế độ chiếm đoạt của các công dân một quyền tự do dân sự căn bản thì họ cũng có thể cướp đi tất cả những thứ quyền tự do khác. Tôn giáo không thể có tự do nếu người dân không được tự do hội họp, không được tự do cư trú, tự do di chuyển!

Đó là tình trạng thật của tôn giáo ở Việt Nam. Có người đã nêu lên một thí dụ để bênh vực chế độ cộng sản ở Việt Nam về vấn đề tôn

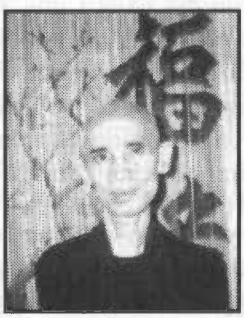

HT Thích Tuệ Sĩ

Nữ Thủ tướng Tân Tây Lan, Helen Clark, lên tiếng công khai việc Hà Nội vi phạm nhân quyền khi thăm Việt Nam

Helen Clark

HT Thích Thiện Hạnh tuyệt thực phản đối

giáo. Ông kể ràng khi ở trong nước ông thấy có một người theo đạo Tin Lành, chưa phải là mục sư, cũng dựng lên một cái nhà nhỏ sơ sài, tuyên bố lấy đó làm nhà thờ; một bên tường treo Thánh giá, một bên treo bản Hiến Pháp, và nhất định chống công an không cho dẹp bỏ vì nhà xây cất không có giấy phép. Nếu chuyện đó là sự thật thì nó cũng chỉ chứng tỏ cả xã hội đang ở trong tình trạng vô pháp luật; đồng thời chứng tỏ những người muốn sống theo tín ngưỡng của mình đã bị đẩy vào bước đường cùng phải làm bất cứ điều gì để phản kháng. Nếu các thánh đường Tin Lành không bao giờ bị quấy nhiễu, nếu các mục sư không từng bị ngăn cản một cách phi lý, phi pháp thì các tín đồ không đến nỗi phải tiến tới các hành động phản kháng tượng trưng đó. Nếu trong cả nước có tự do tín ngưỡng, thì khi một tín đồ dựng lên một ngôi nhà không hợp pháp mà gọi đó là nhà thờ, chính các tín hữu của người đó cũng sẽ ngăn cản, vì không ai muốn tôn giáo của mình bị mang tiếng. Người ta sở dĩ phải làm nhà trước, xin phép sau, bước qua luật lệ, chính vì họ biết không có con đường hợp pháp và hợp lý nào khác. Đạc biệt là ở Việt Nam, họ có thể đã chứng kiến cả xã hội chung quanh không tôn trọng luật lệ, nhất là các quan chức càng sống theo thái độ "vô pháp, vô thiên" bước qua đầu luật pháp.

Trước đây ba tháng có một vị trong hàng giáo phẩm cao cấp Công giáo Việt Nam qua Mỹ, đã đến thăm trụ sở Nhật báo Người Việt. Nhưng khi được dẫn đi thăm một vòng trụ sở và trò chuyện với mọi người, ngài đã yêu cầu tòa soạn đừng loan tin cuộc thăm viếng này. Vì ngài không muốn sẽ bị ngăn cản trong các chuyến đi thăm viếng các tín hữu và làm việc tông đồ sau này. Chúng ta thông cảm sự hy sinh

nhẫn nhục của một vị tu hành. Đảng Cộng Sản có thể sẽ rêu rao là họ đang tôn trọng tự do tôn giáo, bằng cớ là họ cho phép một tu sĩ cao cấp được đi La Mã dự lễ, hoặc sang California làm việc của một chủ chăn. Nhưng nếu tôn giáo được tự do thì tại sao một vị tu sĩ không muốn công khai cho chính quyền biết mình đã đến thăm một tòa báo ở nước ngoài? Như vậy con người sống trong chế độ đó có thực tự do hay không?

Cuộc hành trình của quý vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất từ Bình Định vào Sài Gòn là một thách thức đối với chế độ cộng sản. Và cũng là một tiếng chuông báo thức đối với tất cả mọi người Việt Nam ở trong nước. Đây là một thông điệp mà đồng bào ta nên láng nghe và suy nghĩ: Con người có tự do nên đời sống có phẩm giá. Người ta không thể có tự do chút ít cũng như không thể hơi hơi có phẩm giá một chút. Nói như lời của nhà văn: Một nửa cái bánh mì vẫn là một cái bánh mì, nhưng một nửa tự do chưa phải là tự do.

Các người lãnh đạo đảng Cộng Sản bây giờ quen xin viện trợ, đầu tư của các nước Mỹ, Nhật, Liên hiệp Âu châu, họ nghĩ rằng dân chúng có phải đi ăn xin từng mảnh tự do như cơm thừa canh cạn cũng là chuyện bình thường. Khi cả nước chịu im lạng xếp hàng chờ, chịu sống cảnh ăn mày từng miếng tự do quan trên ban phát như vậy, phải có người nói lên cho ai nấy đều biết, rằng sống như thế là nhục nhã lắm. Các hòa thượng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã làm công việc đó, với thái độ vô úy bình thản của các bậc chân tu.

Tháng Tư vừa qua ông Phan Văn Khải đã gạp Hòa thượng Thích Huyền Quang để vuốt ve, an ủi trước khi phóng thích. Ông cho đài truyền hình chiếu cảnh đó cho Tây và ta được coi, nhất là cho Tây coi để đảng dễ xin Tây tiếp tục viện trợ. Ông Phan Văn Khải còn nói rằng những vụ bắt bớ, tù đầy của các hòa thượng là do cấp dưới làm sai, và hứa sẽ sửa sai. Nhưng, ai cũng biết, đừng nghe những gì ông Phan Văn Khải nói mà hãy nhìn kỹ những gì ông ta làm! Tháng Sáu, Hòa thượng Thích Quảng Độ cũng được trả tự do. Đảng Cộng Sản nghĩ rằng các cụ già này sẽ nhẫn nhục chịu đựng cảnh "tự do theo tem phiếu" của chế độ, hoặc hy vọng sẽ phong cho các cụ những chức cố vấn nào đó trong giáo hội do đảng lập ra năm 1981. Nhưng

Lễ tấn phong HT Thích Huyền Quang là Đức Tăng Thống

đảng đã hiểu lầm các nhà tu hành, họ cũng không hiểu lòng dân Việt Nam. Người Việt Nam không chịu nhục. Và các hòa thượng đã chứng tỏ điều đó. Các ngài không chấp nhận sống đồng lõa với chế độ giả dối, hiến pháp viết những chữ tự do nhưng con người không được tự do.

Ngày 19 tháng Chín vừa qua, các tu sĩ thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất về tu viện Nguyên Thiều gạp nhau, thể hiện quyền tự do hội họp của những công dân bình thường. Nhiều vị bị công an ngăn cản. Hàng chục tăng ni bị công an bắt "làm việc," bị đe dọa không cho dự họp, cấm không được lãnh nhận trách nhiệm nào trong giáo hội. Hòa thượng Thích Quảng Độ đã viết thư cho ông Phan Văn Khải yêu cầu ngưng các hành động "trái nhân đạo và phi pháp" nhưng ông Khải không trả lời. Không những thế, bộ máy công an của chế độ còn làm mạnh hơn, gây ra những cảnh cản đường xe, chọc thủng lốp xe, và bắt giữ các nhà tu vu cho tội mang tài liệu quốc cấm!

Các vị tăng sĩ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã nêu một tấm gương cho mọi người ở Việt Nam. Các ngài đã thản nhiên thi hành các quyền tự do mà đảng Cộng Sản ghi trong hiến pháp, vì họ không thể im lạng đồng lõa với sự giả dối có hệ thống của chế độ. Hoạc quý vị công nhận chúng tôi có những quyền tự do được long trọng ghi trong hiến pháp. Hoạc quý vị cứ việc giam giữ chúng tôi để cả thế giới nhìn thấy sự thật về chế độ của quý vị. Đó là thông điệp của các vị lão tăng mà 80 triệu người Việt Nam ở trong nước và ở bên ngoài đều nên láng nghe. ●

THANH THẢO

Phế liệu của người này là kho tàng của người khác

Tục ngữ Hoa Kỳ có câu "One man's trash can be another man's treasure," tạm dịch "Phế liệu của người này có thể là kho tàng của người khác." Nghĩ đến câu tục ngữ trên chúng ta liên tưởng được ngay đến thú tiêu khiển có hạng của dân tộc Mỹ, đó là đi mua bán vật liệu, đồ dùng cũ tại các căn nhà người ta bán để dọn nhà, gọi là "garage sale" hay tại những khu họp chợ trời gọi là "swap meet" vào những ngày cuối tuần.

Nhưng trong phạm vi qui mô hơn, khi đem áp dụng vào kỹ nghệ hoán chuyển kim loại phế thải của Hoa Kỳ câu tục ngữ này đúng hết chỗ nói.

Trong thời kỳ kinh tế khó khăn vài năm nay tại Mỹ, kỹ nghệ nào cũng bị ảnh hưởng bất lợi. Dù theo các kinh tế gia, nền kinh tế Hoa Kỳ đang trên đà phục hồi một các chậm chạp, nhưng lãnh vực nhân dụng không thấy dấu hiệu phục hồi đáng kể.

Thống kê của Bộ Nhân Dụng Liên Bang Hoa Kỳ cho thấy trong tháng 9 vừa qua toàn nước Mỹ có thêm 59,000 người nhận việc mới. Dù đây là con số ngoài dự trù của các kinh tế gia (các phân tích gia dự kiến số người thất nghiệp trong tháng 9 năm 2003 sẽ nhiều hơn số người tìm được việc), con số người có việc làm này cũng là quá nhỏ tính trên phương diện toàn quốc.

Một trong những lý do khiến tỉ lệ người tìm được việc làm mới quá nhỏ so với tỉ lệ người mất việc là vì các cơ xưởng sản xuất chuyển công ăn việc làm sang những quốc gia đệ tam nơi giá mướn nhân công rẻ có khi chỉ bằng 1 phần 10 tại Mỹ. Phương cách chuyển công việc sang nước khác này tiếng Mỹ gọi là "Outsource."

Những quốc gia hiện nhận được vô khối công việc làm từ các đại công ty Hoa Kỳ là Ấn Độ, Pakistan, Mã Lai, Việt Nam, Trung Quốc... Riêng tại Trung Quốc không những các công ty Hoa Kỳ chỉ chuyển công ăn việc làm sang đây mà còn chuyển nhiều mạt hàng khác trong đó có kim loại phế thải. Tại sao Trung Quốc lại cần kim loại phế thải?

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 20 tháng Mười 2003 Trung Quốc cần kim loại phế thải để tái chế biến thành thép dùng trong những kế hoạch xây cất vô số cơ sở nhiều tầng. Là nước có dân số trên 1 tỉ người, nhu cầu kim loại của Trung Quốc lớn đến độ cho phép giá bán kim loại phế thải tại Mỹ tăng gấp mấy lần giá bình thường mới cách đây có hai năm.

Trường hợp điển hình là công ty Metal Management và công ty Schnitzer Steel.

Ông Daniel Dienst, Chủ Tịch công ty Metal Management cho biết hiện nay ông đang chuyển kim loại phế thải sang Trung Quốc với giá $188 Mỹ kim một Tấn, gấp đôi giá bán ra cách đây hai năm.

Công ty Schnitzer Steel không công bố giá bán kim loại thải sang Trung Hoa, chỉ cho biết nhờ tìm được thị trường tiêu thụ lớn ở Trung Quốc, công ty Schnitzer đã trả hản được phần lớn nợ nần và báo cáo lợi tức tăng vọt sau khi trừ chi phí.

Vì báo cáo lợi tức tăng, giá cổ phiếu chứng khoán của công ty Schnitzer Steel đã tăng đến 270% trong năm nay. Ngày 8 tháng 10 vừa qua, giá trao đổi cổ phiếu chứng khoán của công ty Schnitzer Steel là $37 Mỹ kim một cổ phần. Nhờ bán phế liệu mà trả được gần hết nợ trong

Rác với người này, là tài sản với người khác

vòng có hai năm thử hỏi còn cách làm ăn nào hơn được?

Thế mới biết câu tục ngữ "phế liệu của người này có thể là kho tàng của người khác" đâu phải chỉ áp dụng trong vài hợp hy hữu khi người may mắn mua với giá vài chục Mỹ kim được bức tranh cổ ngoài chợ trời hay tại nhà người nào bán để dọn nhà rồi về nhà mới khám phá ra mình mua được tranh Rembrandt trị giá vài chục triệu.

Trong lãnh vực tiêu thụ kim loại thải, câu tục ngữ này còn chứng minh mối lợi lớn hơn nhiều lần và trong thời gian dài hạn. Khó khăn chính là tìm ra thị trường cho loại hàng thải mình đang có trong tay.

Networkcar: Hệ thống cho biết vị trí xe mỗi hai phút

Tháng Mười hàng năm là tháng tiện lợi cho người tiêu thụ hơn những tháng khác trong việc đổi xe hoạc mua xe mới. Lý do, các trung tâm bán xe hơi cần dành chỗ đậu cho đợt xe đời mới hơn nên dễ quyết định bán xe đang tồn đọng với giá thấp hơn cho người mua. Chẳng hạn vào tháng này nếu quí vị đi mua xe đời 2003 sẽ mua được với giá thấp hơn tháng trước vì đời xe 2004 đã bát đầu được bày bán.

Sau khi ngã giá xe, người mua thường được quảng cáo nên gắn thêm những bộ phận an toàn để tìm được vị trí xe đang đậu phòng khi xe bị mất cáp. Ngoài những biện pháp đề phòng thông thường năm nay kỹ nghệ xe hơi hiện đang có một loại máy đáng đồng tiền bát gạo.

Loại máy vô tuyến hiện bán tại khoảng 100 trung tâm xe hơi toàn quốc đang được kể là sản phẩm được chuộng nhất mang tên Networkcar. Gán dưới dàn điều khiển xe hơi gần tay lái, Networkcar cho phép người chủ xe biết chính xác vị trí chiếc xe của mình mỗi hai phút đồng hồ bàng cách vào mạng lưới điện toán theo dõi xe trên một bản đồ. Bản đồ có sẵn cả tên đường phố và địa chỉ nhà (hoạc trung tâm, cơ sở nào đó) chiếc xe đang đậu. Bán với giá $995 Mỹ kim, loại máy Networkcar tính ra rẻ hơn sản phẩm LoJack, bán với giá $600.

So với loại máy dò tìm lại xe cho thân chủ khi xe bị mất cáp có tên gọi là LoJack, loại máy mới mang tên Networkcar tân tiến hơn nhiều.

LoJack thường không làm gì cả cho đến khi người chủ xe thông báo xe bị mất cho cảnh sát. Trong khi đó, máy Networkcar luôn luôn hoạt động mỗi khi xe nổ máy. Khi xe đậu một chỗ, Networkcar sẽ thông báo trên vị trí điện toán địa điểm sau cùng xe đậu lại và tắt máy.

Thêm vào đó, vì Networkcar dùng cùng hệ thống kiểm soát xe, chiếc máy nhỏ này theo dõi luôn tình trạng hoạt động của xe cho chủ. Chẳng hạn khi một chiếc đèn tháng bị đứt bóng, Networkcar sẽ gửi thư điện toán (e-mail) cho cả chủ xe lẫn trung tâm sửa xe về hư hại này. Networkcar còn thông báo khi nào xe cần thay dầu nhớt. Và tiện lợi nhất cho những cư dân California, Networkcar sẽ tự động kiểm soát hệ thống thải khói (smog check) trong xe giúp chủ nhân khỏi tốn tiền đi thử hệ thống này mỗi hai năm.

Ngoài phí tổn $995 Mỹ kim phải trả khi gán máy Networkcar, người chủ xe còn cần trả thêm $9 Mỹ kim hàng tháng trong đó bao gồm dịch vụ thay bánh xe miễn phí khi gạp trở ngại trên đường phố hay xa lộ tối đa bốn lần một năm.

Tuy số tiền trên không phải là nhỏ, tính thành tiền người chủ xe phải chi ra $108 Mỹ kim hàng năm. Nhưng nếu nghĩ rằng chỉ cần bỏ ra bàng đó tiền mà luôn luôn kiểm soát được tình trạng chiếc xe của mình và được giúp đỡ khi cần thay vỏ bánh xe kể ra cũng là một đầu tư nên làm, nhất là đối với những bà mẹ độc thân đi làm hai ba công việc.

Ngoài những tiện dụng trên, những người có gán máy Networkcar trong xe còn cho biết một lợi điểm khác khi cần phải cho con mượn xe. Có con trưởng thành trong nhà lâu lâu mượn xe cha mẹ để... "đi học với bạn trong thư viện một chút" mà mình muốn biết con đậu xe ở đâu thì cha mẹ không còn cần hỏi con có đi đến nơi về đến chốn không. Chỉ cần lên mạng điện toán, tìm thấy sao thư viện của trường UCI mà lại không nàm gần đường Jamboree/Campus ở thành phố Irvine thì ít ra quí vị cũng biết con đến nhà nào vào giờ nào.

Các cô cậu thanh niên mới lớn chắc không thích loại máy Networkcar lắm, và có lẽ sẽ ít mượn xe cha mẹ hơn nếu xe các cụ có gán hệ thống này. ●

Bị ái tình nó vật, có đau không?

TRẦN QUÁN NIỆM

Đau lắm chứ, và đau thật sự nữa là khác. Đó là câu trả lời của khoa học gia Naomi I. Eisenberger và một đồng nghiệp của bà khi cả hai đăng kết quả khảo cứu của họ trên một tập san khoa học vừa xuất bản tháng 9 năm 2003.

Trong lịch sử loài người, qua các nền văn hóa của mọi dân tộc, các ông bà nhà thơ, nhà văn thường làm thơ về sự khổ đau khi người ta thất tình nhau (broken heart). Từ trước tới nay, người ta vẫn cho là các ông bà này chỉ khéo tưởng tượng cho đời thêm vẻ lãng mạng, hoạc làm mủi lòng đối tượng của tình yêu để may ra chàng/nàng có thương hại phần nào cho chăng. Sở dĩ thế vì thất tình không phải là một vết thương trên da thịt, xương tủy thì làm sao có thể cảm thấy đau đớn được.

Nhưng nay giới y khoa sau nhiều năm thí nghiệm đã thấy ràng quả thật, bị ngườI yêu "cho de" tạo ra những đau đớn thể xác (physical hurt) thật sự. Naomi I. Eisenberger, một khoa học gia thuộc nhóm các nhà tìm tòi nghiên cứu tại tiểu bang California và một nhà khoa học trong nhóm kể trên vừa cho công bố trong tờ tập san khoa học cho ràng "bị loại trừ khỏi nhóm bạn bè, hay bị loại khỏi một trò chơi tạo ra cảm giác hụt hẫng và buồn bực. Hụt hẫng và buồn bực đó được chuyển lên một vùng não bộ có tên anterior cingulate cortex (ACC). Vùng não bộ này lại chính là vùng ghi nhận các đau đớn tạo ra do vết thương thể chất. Eisenbener cho biết mọi sự chối bỏ của xã hội lên một cá nhân: ly dị, không được mời đi dự tiệc, hoạc cái chết của người thân hay chấm dứt của một cuộc tình, tạo ra đau đớn thật sự."

Tại sao thế? Tuy chưa có câu trả lời đích xác nhưng Eisenberger phỏng đoán ràng niềm đau khi bị bỏ rơi, có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử loài người, vì đây chính là một cơ chế giúp cho nhân loại tồn tại trong thiên nhiên. Tương tự con vật, loài người tiền sử sống theo bầy, đàn, để giúp nhau cải thiện đời sống, chống chọi với sự khắc nghiệt của thiên nhiên. Nếu xa bầy, lẻ loi, sẽ bị các giống mãnh thú sát hại, do sợ nỗi nguy vì bị bầy ruồng bỏ khiến con người quây quần sinh sống bên nhau để sinh tồn. Cái khả năng đó tồn tại sâu thẳm trong tiềm thức, dù bây giờ người ta không bị ảnh hưởng trực tiếp của thiên nhiên nhiều như xưa nữa, nhưng luôn luôn muốn sống hợp quần.

Khi yêu, những kẻ yêu nhau cảm thấy mới đầu là một tình cảm nhẹ nhàng, bâng khuâng, mơ hồ như nhà thơ Xuân Diệu đã nói:

Làm sao định nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây bàng bạc, gió hiu hiu

Nhưng rồi tình cảm ngày một tăng dần, đậm đà hơn khiến những kẻ yêu nhau bứt rứt nhớ nhung, vui sướng khi gần nhau và đau sầu khi cách xa. Rồi ve vãn, tán tỉnh, giận hờn, ghen tức. Cho đến một lúc tình yêu đã tha thiết gán bó, thì xa nhau, mất nhau là tuyệt vọng, là khổ đau. Ngày biếng ăn, đêm quên ngủ, thân thể võ vàng, nhiều khi đưa đến tự hủy diệt bản thân.

Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao.
Mặt tơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng
Buồng văn hơi lạnh như đồng
Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phiếm loan
(Kiều)

Như vậy, nếu đã có tương tư, đã có nhớ nhung thì tình yêu phải phát xuất từ trí óc. Thế nhưng theo Tây phương thì tình yêu lại là sản phẩm của trái tim. Người ta thường ví von "đi theo tiếng gọi của con tim", "con tim có những lý lẽ riêng của nó" "anh xin dâng trọn con tim này cho em" v.v. Tại Mỹ hàng năm tới Ngày Tình Yêu (Valentine Day), tại các tiệm bán kẹo, bán thiệp, bán hoa người ta trưng bầy hàng triệu trái tim mầu đỏ, mầu hồng để các kẻ yêu nhau mua về tạng người yêu.

Kể từ ngày văn hóa Tây phương du nhập vào nước Việt thì người Việt cũng quen dần với ý niệm trái tim là biểu tượng của tình ái. Thậm chí các nhạc sĩ gần đây còn cường điệu hơn nữa xưng tụng là "trái tim còn trinh" hay "trái tim ngục tù."

Văn hóa Đông phương muôn đời khác biệt với văn hóa Tây phương. Người Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng lại cho là tình yêu đến từ gan, ruột, dạ dầy. Minh chứng là mọi thứ tình cảm đều bát đầu bàng chữ lòng, như lòng vị tha, lòng hiếu thảo, lòng bác ái, lòng hiếu khách v.v. Xa nhau thi dạ héo, gan sầu, thất tình thì đau đến đứt ruột (đoạn trường). Tôi còn nhớ ở những thập niên 30 40, 50, khi đôi trai gái yêu nhau, người ta nói là họ "phải

lòng" nhau.

Ngày nay y khoa đã biết rõ chức năng của từng cơ phận trong cơ thể, trí óc thì suy nghĩ, trái tim chỉ là một cái bơm máu hoạt động suốt ngày đêm, ruột, dạ dầy, gan thuộc bộ tiêu hóa. Họa chăng, trái tim có liên hệ chút ít đến tình yêu là đôi lứa yêu nhau thấy tim đập hồi hộp hơn, máu dồn lên mạt khiến các cô, má hồng thêm, môi tươi thêm, e ấp thẹn thùng. Thế nhưng người ta không bao giờ thắc mắc tình yêu đến từ đâu.

Phải chăng nói một cách đơn giản, tình yêu chỉ là phản ứng của cơ thể dưới ảnh hưởng của những kích thích tố (hormone) trong nhiệm vụ truyền giống.

Dù sao đi nữa, tình yêu cũng là một ân sủng của thượng đế ban cho loài người, vì loài vật chỉ yêu nhau theo bản năng sinh tồn, hết mùa truyền giống là xong, trong khi con người yêu nhau bốn mùa, và những áng thơ văn tuyệt tác đã làm lãng mạng, thơ mộng thêm cho tình yêu đôi lứa. ●

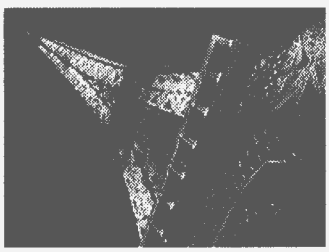

TỪ NGUYÊN

THƯ PARIS

Làm Việc Ít Hay Nhiều? LẠI CHUYỆN 35 GIỜ

Có phải ràng dân Pháp lười biếng hơn các dân tộc khác ở Âu Châu? Hay nói một cách lịch sự hơn, người Pháp làm ít giờ hơn dân các nước khác? Căn cứ trên số giờ làm việc, câu trả lời rõ và gọn gàng : Đúng như vậy. Cũng không sao, vì nhờ lười, khoa học mới tiến bộ!

Thống kê của tổ chức phát triển Âu châu OCDE chứng minh điều đó. Năm 2000, người Pháp làm việc trung bình 1 532 giờ trong một năm, so với nước làm nhiều giờ nhất là Hy Lạp : 1 921 giờ một năm. Vậy mà Pháp cũng còn hơn Đức (1 467) và Hòa Lan (1 346). Người Mỹ làm việc cũng dữ thần (1 821 giờ một năm), tương đương với Nhật (1 821) chỉ thua có Hy Lạp thôi.

Người Ý (1 606) và Tây Ban Nha(1 816), nổi tiếng là lè phè nhưng vẫn làm nhiều giờ hơn Pháp. Có điều là theo nhân số, chỉ có 54% Ý và Tây Ban Nha làm việc, trong khi Pháp có 61% và Mỹ 73%. Người Anh ở mức vào trung bình : 1 711 giờ/năm.

Sở dĩ đề cập đến vấn đề này là vì hiện nay đang có chiều hướng muốn xét lại giờ làm việc 35 giờ một tuần. Trong hiện tình kinh tế của nước Pháp (theo dự đoán, tổng sản lượng chỉ tăng 0,2% năm nay) nhiều người cho ràng bát làm ít giờ là một sự phí phạm.

Thực sự tình hình hiện nay phức tạp hơn nhiều. Trong các công ty, cơ sở lớn, 78% nhân viên làm việc 35 giờ hay ít hơn, 11% làm việc từ 36 đến 39 giờ và 11% làm việc nhiều hơn 39 giờ một tuần. Trong các công ty nhỏ (nhân số từ 10 đến 19), chỉ có 53% làm việc 35 giờ hay ít hơn, 32% làm việc từ 36 đến 39 giờ và 8% làm nhiều hơn 39 giờ một tuần.

Có lẽ vì vậy mà thủ tướng Pháp Jean-Pierre Raffarin không muốn có một đạo luật thay thế luật hiện hành. Ông muốn để cho xí nghiệp cứu xét từng trường hợp. 35 giờ một tuần dù sao cũng đã thành nếp và là quyền lợi đã thủ đắc của dân chúng. Hiệp hội chủ nhân cũng có cùng quan điểm như vậy.

CUỐN SÁCH CỦA BÀ NADINE TRINTIGNANT

Ngoài chuyện quan trọng đó, truyền thông nói nhiều đến cuốn sách của bà Nadine Trintignant, mẹ của Marie nhan đề là *Ma fille, Marie* do Fayard xuất bản. Marie Trintignant là nữ tài tử xi nê tử nạn ở Lituanie, một nước nhỏ bên bờ biển Baltique khi qua đây quây phim tháng 7 vừa qua. Trong đêm 26 rạng ngày 27, trong lúc gây gỗ với người sống chung là Bertrand Cantat, Marie bị anh này ẩu đả đến hôn mê rồi chết. Cảnh sát Lituanie bát giam Bertrand Cantat chờ ngày đưa ra tòa về tội đả thương.

Cuốn sách của bà Nadine Trintignant phát hành ngày 30.9 tại Paris vì vậy rất được chiếu cố. Marie đã từng đóng những vai bênh vực người đàn bà bị áp bức và diễn xuất hay nên được nhiều người ưa thích, thương mến. Trong sách, bà mẹ đã dùng đến 85 lần chữ «meutrier» (giết người) và hai lần «assassin » (giết người có ý dự mưu) để gọi Bertrand Cantat. Luật sư đại diện cho Bertrand Cantat xin tòa tịch thu vì cho ràng sách viết như vậy vi phạm nguyên tác

dự đoán vô tội: ai chưa bị tòa kêu án phải được coi là vô tội.

Ngày 3.10, tòa bác đơn của luật sư đại diện cho Bertrand Cantat vì cho rằng dù tác giả có viết như vậy cũng không ảnh hưởng chi tới người đọc. Và cho sách tiếp tục lưu hành. Luật sư kháng cáo lên tòa trên. Bốn ngày sau, ngày 7.10, tòa thượng thẩm Paris hủy quyết định của tòa dưới, buộc nhà xuất bản Fayard phải bỏ thêm vào sách, một trang viết rằng "mọi người được phỏng đoán là vô tội cho đến khi tội trạng của đương sự đã được tòa án phán quyết một cách hợp lệ."

Theo nhà sách thì trong số 140 000 ấn bản đầu tiên, 136 000 cuốn đã được bán hết. 20 000 cuốn vừa được tung ra thị trường trong đó chữ *assassin*, (với nghĩa là có ý dự mưu) đã được bỏ đi. Nhà xuất bản đang in thêm nhiều vì "nhờ có vụ án, mỗi ngày hết 10 000 cuốn một cách dễ dàng."

BA BÀ ĐẦM CƠ NỔI TRÊN THỊ TRƯỜNG

Đang nói chuyện sách, xin nói luôn. Hiện ba cuốn sách bán chạy nhất tại Paris là của ba nhà văn mà báo chí kêu là ba bà đầm cơ (dame de coeur), viết về chuyện tình. Một bà người Mỹ, Alice Sebold, một bà người Sénégal, Fatou Diome, bà thứ ba người Trung Hoa, Shan Sa.

Sách của bà Sebold, 42 tuổi, đang sống tại California, *Nostalgie de l'Ange* (Hoài niệm của thiên thần) là sách dịch của tác phẩm nổi tiếng của bà tại Mỹ. Cuốn của Fatou Diome, một nhà văn trẻ 32 tuổi, là *Le Ventre de l'Atlantique* được coi như khám phá mới trong mùa sách năm nay.

Thế nhưng không bằng cuốn *Impératrice* (Nữ Hoàng) của nhà văn gốc Trung Hoa 31 tuổi tên là Shan Sa. Ngoài tài năng của tác giả qua cuốn *La Joueuse de Go* năm 2001 (bán hết 100 000 cuốn), cuốn sách này được nhiều người biết đến cũng vì vụ thưa kiện giữa hai nhà xuất bản Albin Michel và Grasset. Đầu đuôi là như thế này: Ngày 19. 8, cuốn sách do Albin Michel phát hành và được chiếu cố nồng nhiệt; ngày 5.9, nhà xuất bản Grasset thưa kiện trước tòa đòi cấm bán cuốn sách. Lý do: Grasset phải được xuất bản cuốn sách đó do lời giao ước trước đây của tác giả. Qua ngày 18, hai nhà xuất bản đồng ý với nhau: Albin Michel đồng ý cho Grasset bán và Grasset chịu bồi thường thiệt hại cho Albin Michel.

Sách phóng tác về cuộc đời của một bà thái hậu vào thế kỷ thứ VII đầu đời nhà Đường từ ngày hàn vi, chinh phục ngôi báu cho đến những ngày trị vì thiên hạ.

117 NGÀY TRÊN ĐẠI DƯƠNG

Trong lãnh vực thể thao, phải kể đến chuyến vượt đại tây dương bằng thuyền chèo của Maud Fontenoy, 23 tuổi. Một mình từ Saint-Pierre-et-Miquelon, cô đầm Pháp dự tính tới Ouessant trong vùng Bretagne từ 80 đến 90 ngày, vượt qua 3 750 cây số. Gió bão đã khiến chuyến đi của cô lâu hơn và phải trải qua đoạn đường dài hơn. Cô đã chèo 117 ngày vượt qua 6 700 cây số để tới bờ biển Tây Ban Nha La Corogne, bình an.

Trên mạt biển bao la đó, cô cho biết sợ nhất là các tàu lớn đụng. Thuyền của cô chỉ là một chiếc lá giữa dòng : 7,5 thước dài, 1,6 rộng và nặng 350 kí lô ! "Điều khổ sở nhất trong khi sống một mình giữa biển là... sự cô đơn," cô nói thế, nhưng cho biết sẵn sàng lại ra đi, lần này trên một chiếc thuyền buồm!

KHĂN QUÀNG HỒI GIÁO
Cấm hay không cấm trong trường học ?

Lila, 18 và Alma, 16 tuổi là hai chị em học trường Henry-Wallon ở thành phố Aubervilliers, ngoại ô phía bắc Paris. Vì không chịu bỏ khăn trùm kín đầu kín cổ khi vào lớp (do từ ý muốn của các em), các em này đã bị hội đồng kỷ luật của trường từ chối không nhận vào học. Quyết định này đạt ra cho cả nước Pháp vấn đề trước đây có lần đạt ra mà chưa giải quyết: có cần một đạo luật để bảo vệ tính cách thế tục (phi tôn giáo) của trường học công lập?

Cuộc tranh luận mở rộng trên truyền thông, trong các cuộc hội họp nhân dịp Quốc Hội đang cứu xét ngân sách của các bộ. Và từ chuyện này bát qua chuyện đồng phục trong các trường và vấn đề nam nữ cho học riêng hay vẫn tiếp tục học chung.

Tổng thống Pháp chờ đợi phúc trình của một ủy ban do Bernard Stasi, một nhân vật thân cận Điện Elysée, về tính cách thế tục của nền Cộng Hòa, đạt ra từ tháng 7 đồng thời một ủy ban quốc hội do chủ tịch Jean-Louis Debré cầm đầu, sẽ chấm dứt công tác tìm hiểu vào cuối năm. Có lẽ vào lúc đó, tổng thống Pháp sẽ có

quyết định về vấn đề này theo lời phỏng đoán của phái viên tờ *Le Monde*.

Trong lúc đó, Bộ Giáo dục lưu ý rằng các giáo chức không phải là thiếu phương cách để ngăn chặn hay phòng ngừa vấn đề đưa tôn giáo vào trường học. Một thông tư của Nha Pháp chế ra ngày 10.3.2003 trình bày rõ cách xử sự của các trưởng cơ sở giáo dục. Tài liệu này dựa vào quyết định của Tham Chánh Viện xác định rõ đâu là giới hạn của quyền tự do phát biểu về niềm tin vào tôn giáo của học sinh trong các trường sở công lập.

Trường hợp của Đô Thành Paris

Đô thành Paris cũng bị bối rối với một vụ khăn quàng Hồi giáo. Báo chí vừa cho biết rằng tòa đô chính từ nhiều tháng nay đã cố gắng giải quyết mà chưa xong trường hợp của bà Senouci, trạc 30 tuổi, trợ tá xã hội trong ngành giáo dục làm việc trong sở Bảo trợ Thiếu nhi (ASE) của đô thành.

Vụ này bắt đầu cũng đã hai năm. Vừa khi được chính thức tuyển dụng, bà trợ tá xã hội liền mang khăn trùm cả đầu, cổ và cho biết từ nay sẽ không bắt tay các đồng nghiệp đàn ông. Chuyện đã không xảy ra như vậy trong thời gian bà đang tập việc. Tuy rằng bà làm việc ở ngoại ô nhưng quyết định của bà Senouci như vậy vẫn gây ra vấn đề vì rằng bà phải tiếp xúc nhiều với giới trẻ có khó khăn trong gia đình và ngoài xã hội.

Phát ngôn viên của tòa Đô chính xác định rằng tình trạng này không thể chấp nhận được nhưng vì chuyện chưa giải quyết được nên còn phải đối thoại và hòa giải. «Trong ngành công vụ, luật lệ quy định rõ ràng nhân viên phải tôn trọng tính cách thế tục vô tư đối với đạo giáo,» lời phó đô trưởng trách nhiệm về hành chánh và nhân viên.

Trong lúc chờ đợi để giải quyết dứt khoát, có ý kiến đề nghị thuyên chuyển bà qua công việc khác không tiếp xúc với công chúng.

Phản ứng của các hội đoàn Hồi giáo

Thật sự thì đa số người Hồi giáo tại Pháp không đặt vấn đề cho các em được quàng khăn trong lớp học. Họ tôn trọng tính cách thế tục của trường học, căn bản của nền cộng hòa. Hội đồng Pháp Quốc của Đạo Hồi (CFCM) đã thấy không cần phải lập một ban nghiên cứu về vấn đề này, trái lại tổ chức Liên hội các tổ chức Hồi giáo tại Pháp (UOIF) có xu hướng ngã về quyết định để cho các em quàng khăn vào trường nhưng cũng đồng ý cần phải có một đạo luật quyết định dứt khoát về chuyện này.

Sở dĩ vậy là vì giáo lý đạo Hồi chấp nhận «tình trạng cần thiết » buộc tín đồ phải theo luật pháp trong nước một khi có sự khác biệt. Chính vì không có luật cấm nên các giáo sĩ bị đạt vào tình trạng khó xử.

Trường hợp của hai em Lila và Alma khá đạc biệt. Bố là người Do Thái, mẹ sau đó theo đạo Thiên Chúa. Các em vì bị đồng bạn chế giễu là người gốc Do Thái nên có phản ứng ngược lại, theo lời của bà mẹ.

Trong những ngày rày các em ở nhà theo học chương trình hàm thụ. Trong một phút tức giận, Lila nói: "Tôi sẽ trở thành luật sư," không hiểu cô bé có nghĩ tới bà Shirin Ebadi, người Iran vừa được giải Nobel Hòa bình năm nay. Bà Ebadi được cấp giải vì có thành tích tranh đấu cho nhân quyền và quyền của người phụ nữ tại Iran. Có điều là bà không trùm khăn!

Nhìn Quanh Âu Châu

Trong số các nước tại Âu Châu chỉ có Pháp và Đức là có khó khăn trong vấn đề này. Có lẽ vì rằng tại hai nước này, số người Hồi giáo đông đảo hơn tại các nước khác, hay là luật pháp khắt khe hơn so với các nước khác. Đức với 3,2 triệu người Thổ nhĩ kỳ cấm quàng khăn trong các trường học và công thự. Mới đây, viện Bảo hiến ở Karlshure phán quyết rằng trường học không được quyền cấm một giáo sư choàng khăn lúc giảng dạy.

Nước Anh có hai triệu người Hồi giáo, phần lớn từ các nước Ấn, Hồi, chọn giải pháp tự do. Trong trường, học sinh được quyền đội mũ kippa Do thái hay quấn khăn của người Sikh. Trong bệnh viện hay trong ngành Cảnh sát, được choàng khăn nếu có xin phép cấp trên.

Hòa Lan : Tôn giáo được coi như là trụ cột của quốc gia. Một luật ban hành cấm mọi kỳ thị tôn giáo. Hồi giáo được bảo vệ như các đạo khác và khăn quàng được chấp nhận trong các trường công.

Bỉ : Không có luật cấm quàng khăn. Nếu có vấn đề sẽ do hiệu trưởng quyết định.

Tại các nước *Bắc Âu*: Luật pháp bảo vệ tự do tôn giáo, khăn quàng Hồi giáo không bị cấm.

Một trường hợp đã xảy ra đầu tháng 10 tại Goteborg, Thụy Điển: Hai nữ sinh người xứ Somalia mang burqa (áo choàng trùm kín từ đầu đến chân, chỉ hở lổ ở mát) bị yêu cầu cởi ra trong giờ học. Sau nhiều ngày thương thuyết, hai nữ sinh đồng ý cởi áo choàng trong giờ học và giờ thi.

Tây Ban Nha có vấn đề đạt ra trong một trường tư thục Công giáo: một em học sinh Hồi giáo đòi quàng khăn, nghe lời yêu cầu của nhà trường đã từ bỏ ý định đó.

Trở lại nước Pháp với một vài tin tức.

- ***Tổng thống Pháp được thủ tướng Gerhard Schroeder*** yêu cầu đại diện nước Đức trong buổi họp thượng đỉnh của Liên Hiệp Âu Châu tại Bruxelles bàn về vấn đề hiến pháp Âu Châu. Thủ tướng Schroeder cũng như ngoại trưởng phải có mạt tại Berlin tham gia cuộc họp của Quốc Hội quyết định về kế hoạch cải tổ xã hội nên không thể dự họp hai ngày cuối tuần qua.

Phát ngôn viên của Điện Elysée không quên bình luận: Đây là dấu hiệu của sự tin tưởng giữa hai nước trong vấn đề chung của Âu Châu. Truyền hình chiếu đi chiếu lại cảnh hai ông tươi cười ôm choàng lấy nhau trong khi tổng thống Pháp nói mấy tiếng Đức. Hay lúc tổng thống Pháp đang nói điện thoại với bà Schroeder.

- ***Nước Pháp vừa có Marianne cho bốn năm tới.*** Câu lạc bộ các thị trưởng của nước Pháp chọn cô Evelyne Thomas người đang điều khiển chương trình trên đài truyền hình France 3 là *tượng hình nước Pháp* thay thế cô người mẫu và tài tử Laeticia Casta được chọn làm Marianne từ năm 2000.

Các phụ nữ Hồi Giáo phải trùm đầu theo phong tục

Những Marianne trước đây là Brigitte Bardot, 1970, Ca sĩ Mireille Mathieu, 1978, Nữ tài tử Catherine Deneuve, 1985.

Hình ảnh của Marianne sẽ xuất hiện trên tiền bạc, tem thư, giấy tờ hành chánh, tượng bán thân để trong các tòa thị chính và các công thự của Pháp.

Trong thư gởi cho Marianne 2004, ban giám khảo cho biết đã chọn cô Thomas căn cứ trên việc làm và những «giá trị của nền cộng hòa.» Được hỏi thế nào là giá trị của nền cộng hòa, cô Thomas nổi tiếng là lanh lợi lác đầu xin chịu không mô tả được nó ra sao. Trông mạt cô hiền hòa, phúc hậu hơn cô người mẫu Casta bốn năm trước đây.

Đêm 22 rạng ngày 23.10

PARIS BỊ KHỦNG BỐ?

Lần đầu tiên tại Pháp, trung tâm thủ đô, đã có một vụ «khủng bố bằng chất hóa học» trong những điều kiện y như thật, xảy ra trong đêm 22 rạng ngày 23.10 tại nhà ga Invalides Quận 7 Paris. Trong những giờ phút đầu, thủ tướng Pháp Jean-Pierre Raffarin đã có mạt bên cạnh bộ trưởng Nội vụ Nicolas Sarkozy, người hùng của chính phủ này, để «khuyến khích» và «ủy lạo nạn nhân,» trước mạt chừng mấy trăm nhà báo chịu lạnh và thức đêm quây phim, chụp hình.

Những ngày lễ cuối năm gần kề, nỗi lo ngại một vụ tấn công bằng vũ khí vi trùng hay tàn sát tập thể là lý do khiến bộ Nội vụ phải cho làm những vụ thực tập báo động thử thách phản ứng và khả năng tiếp cứu của Cảnh sát và Cứu hỏa. Để những người yếu bóng vía khỏi phải bị lo ngại không có lý do chính đáng, thủ tướng Raffarin đã rao giảng trước ràng, không phải vì chính phủ đã nhận được một thư rơi của quân khủng bố đe dọa sẽ sử dụng hơi độc để đổi chác hay là tống tiền đâu, đây chỉ là... tập dượt để đáp ứng kịp thời mọi tình huống.

Ở nhiều nơi khác, như ở Anh hay ở Ý, mà nhất là tại Mỹ, chuyện này đã được làm từ lâu lám rồi, và chính nước Pháp trong năm nay cũng đã làm một cách âm thầm 24 vụ, sang năm sẽ làm tới 50 lần. Scotland Yard tập trận ngày 7. 9 trong đường hầm *subway* ngay trung tâm thủ đô Luân Đôn, khu tài chính của nước Anh.

Nhà ga Invalides trong Quận 7 Paris được chọn là vì thuộc vào loại quan trọng, mỗi ngày có chừng 36 000 người đi về, không quá đông mà cũng quá ít nên rất hợp với khả năng. Theo tuồng tích thì hai nhân viên của Công quản hỏa xa điều khiển tàu điện hầm thấy có hai tên khả nghi liền báo cho cảnh sát. Cảnh sát biết thế nào cũng có cú điện thoại này, nhưng phải chờ người ta kêu mới bát đầu cho còi hụ.

Như trong Xi nê

Hai tên này có thừa thì giờ (trước khi bị bát) để cho nổ một bình chứa chất độc trên sân ga của đường tàu RER C. Để cho dễ đối phó, người ta gọi chất độc này là hơi độc có hại cho não bộ sáp loại sarin. Đây là chất độc đã được giáo phái Aoum của Nhật Bản dùng trong vụ nổ ngày 20.3.1995 trong giờ đông hành khách đi lại nhất. Hồi đó đã có 12 bị chết, hàng ngàn người bị ngất xỉu hay thương tích.

Lần này có hơn năm chục hành khách và nhân viên hỏa xa bị ngộ độc, nằm dài cho Cảnh sát cấp cứu tới khiêng đi. Nhờ làm ban đêm, trong khu vực váng vẻ nên không trở ngại sự lưu thông của đô thành.

Trên bộ cũng như dưới hầm, những Cảnh sát cấp cứu trong những y phục đạc biệt, mới toanh khiến người quan sát có cảm tưởng như coi một ngoại cảnh của một khúc phim xi nê. Nhiều căn trại tiền chế được dựng lên dọc đường để tiếp nhận các nạn nhân, nơi đây, nạn nhân bị «lột trần» xịt xà phòng sát trùng giữa trời Paris lạnh dưới mức bình thường. Khu vực bị ngăn chạn, chỉ có các nhà báo mới được vào quây phim, chụp hình. Cảnh tượng có vẻ thực vì có cả tiếng còi hụ của xe chữa lửa nhưng qua truyền hình thời sự thiếu tiếng rên rỉ và không có máu me lênh láng ra giữa sàn.

Cuộc thực tập theo kế hoạch «Plan rouge» và «Plan Piratox» được đạt ra từ khi có những vụ khủng bố phá hoại hai tòa nhà World Trade Center tại Nữu Ước, kéo dài tới 3 giờ 45 sáng. Tới giờ này, Cảnh sát trưởng Paris Jean-Paul Proust tập họp nhân sự tổng kết rồi giải tán cho mọi người về nghỉ. Trong cuộc họp báo chính thức tại tòa Đô chính 11 giờ 30, ông Proust đã khen ngợi việc phối hợp hiệu quả và phản ứng nhanh chóng của các đơn vị tham gia cuộc thực tập.

GIẢI GONCOURT 2003

Trong lĩnh vực văn học, năm 2003 đánh dấu 100 năm của một giải thưởng văn chương đạc biệt của nước Pháp, giải Goncourt. Ngày 21.10, ban giám khảo của giải này nhóm họp, ai cũng tưởng ràng để chọn lựa lần cuối những tác phẩm dự thi. Ngày công bố trước đây dự tính vào 3.11. Không dè khi những người này ra khỏi hiệu ăn Chez Drouant, tên cuốn sách và tác giả trúng giải đã được loan báo: *La Maitresse de Brecht* của Jacques-Pierre Amette do Albin Michel xuất bản. Tác giả là nhà phê bình văn học trên tuần báo *Le Point*, qua lần bỏ phiếu thứ năm được bảy phiếu trong khi cuốn *Windows on the World* của Frédéric Beigbeder (Grasset xuất bản nói về vụ 11.9 tại New York) được hai phiếu và *Dans la guerre* của Alice Ferney (Actes Sud) được một phiếu. Académie de Goncourt có 10 thành viên, chủ tịch là bà Edmonde Charles-Roux.

Sách được giải nói về đời của một người đàn bà tên là Maria Eich được Mật vụ Đông Đức bát làm người tình của kịch tác gia Bretch để do thám và khuynh đảo ông này. Tác giả trúng giải này sẽ nhận được một chi phiếu 10 Euro, tương đương 5 000 F mà người trúng giải năm 1903, năm bát đầu giải, nhận được.

Quyết định của Goncourt công bố trước hạn kỳ khiến cho người trách nhiệm của những giải khác chưng hửng và bực bội. Như là có chuyện giành giựt để trao giải trong số chừng 100 cuốn sách «có giá» in ra trong mùa tựu trường năm nay. Vì đáng ra Goncourt phải chờ đợi:

Giải nhất về tiểu thuyết của Hàn lâm viện Pháp, (Grand Prix du roman de l'Académie francaise) công bố ngày 23.10, giải Femina và giải Médicis cùng công bố ngày 27.10, giải Renaudot, thường được công bố cùng một ngày với giải Goncourt, nay vẫn giữ ngày 3.11.

Tiếp theo là những giải Prix Décembre, ngày 4.11, Giải Prix de Flore, ngày 5.11, Giải Interallié, ngày 12.11 và giải Wepler, ngày 24.11

Sách trúng giải Goncourt trước đây bán chạy nhất là cuốn tiểu thuyết *l'Amant*, năm 1984, của Marguerite Duras, hơn một triệu cuốn. Các sách khác trung bình vào khoảng nửa triệu, trừ cuốn *Les Ombres Errants* của Pascal Quignard, chừng 200 000 cuốn. Giá mỗi cuốn trung bình từ 15-20 Euro.

Cơn khát

KIỀU DUY VĨNH

Hỏi ông, ông đã đi tù
Hỏi nhà, nhà bị tịch thu mất rồi
Nguyễn Chí Thiện

Tôi được ra tù lần thứ nhất năm 1970, tôi không trở về được ngôi nhà cũ số 7 Thi Sách, gần chợ Hôm Hà Nội nữa, mà phải "qua sông" vượt cầu Long Biên sang Gia Lâm ở.

Hai bàn tay trắng, một cuộc đời đen, toàn bộ gia sản chìm nổi của bố mẹ tôi đều bị tịch thu, vì gia đình tôi bị người ta chụp cho cái mũ "thành phần địa chủ cường hào" để có cớ mà cướp trắng toàn bộ gia sản.

Về đến nhà được vài ba ngày, tôi phải lao đầu đi kiếm việc làm để có cái mà đổ vào mồm.

Những năm tháng đó:
"Không còn ai dám nhận ra ai...
"Và cũng không còn ai nhận ra ai cả"
Nguyễn Chí Thiện

Mọi người đều biến dạng, đều đeo mạt nạ, và chỉ cúi gằm mạt xuống mà đi. Gia cảnh nhà tôi lúc ấy thật thập phần khó khăn.

Có mỗi một mình vợ tôi đi dạy học, nuôi một mẹ già và ba con nhỏ, lúc nào cũng thiếu, cũng đói, cũng rách. Câu nói cửa miệng: "Không có bát mà ăn" đối với tôi thật đúng cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tôi về bất ngờ nên bữa cơm đầu tiên không có bát con ăn cơm dành cho tôi, tôi phải ăn vào cái bát "chiết yêu" to đùng để múc canh. Đến bữa thứ hai, cô em gái tôi "móc ngoạc" mua được con cá nhỏ đem cho để bồi dưỡng cho ông anh, nhưng nhà không có đĩa to để đựng đủ chiều dài con cá nhỏ, mẹ tôi đành lấy một cái đĩa "ngô" đã sứt mẻ để đựng, con cá thò cái đuôi dài ra ngoài quệt xuống mâm.

Tôi lạng nhìn mâm cơm, nhìn con cá nhỏ, nhìn mẹ, nhìn vợ, nhìn con, và nuốt nước mát vào lòng. Sau bữa cơm tôi lạng lẽ cầm cái đĩa sứt ra sau nhà đập vỡ nó ra tưng mảnh. Thà ràng không có, đựng bằng mảnh lá chuối còn hơn.

Mấy hôm sau tôi trở thành anh thợ mộc. Những anh em tù cùng tôi cũ, tập hợp nhau lại thành một tổ thợ mộc, do anh Phan Hữu Văn- "Văn thợ mộc" chỉ huy, nhận lại "có điều kiện" một phần việc của hợp tác xã xây dựng.

Gọi là làm thợ mộc, nhưng tôi chỉ biết mấy miếng võ sơ đẳng là: Đóng đinh, bào, đục, cưa dọc mà thôi. Nhưng đã là anh em cùng đồng cảnh tù tội cũ, không ai so bì, kèn cựa gì. Tiền công chia đều kể cả tổ trưởng Văn cũng vậy.

Nhà tôi chỉ có một chiếc xe đạp cà tàng, sáng ra tôi đèo vợ đến trường ở bờ sông, nơi vợ tôi dạy học, để vợ lại đấy, tôi đạp tiếp đến chỗ làm. Nay chỗ này, mai chỗ khác, khắp Hà Nội. Buổi trưa thì tùy nghi, ai có gì ăn cái đó. Những năm tháng ấy, hầu hết chúng tôi đều không ăn sáng, nhịn đói đi làm. Vợ tôi thường phàn nàn: "Buổi sáng có hôm phải nói nhiều, miệng khô, họng rát, miệng hôi hản đi."

Tôi làm việc từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều, trưa nghỉ độ một tiếng ăn cơm, tan tầm tôi đạp xe đến đón vợ ở bờ sông cùng về.

Hôm ấy, tổ mộc của tôi phải làm công việc "úp mái," một công việc cực kỳ vất vả, nặng

nhọc. "Úp mái" tức là mọi công việc dưới nhà đã làm gần xong, người ta đẩy những thanh gỗ to, nhỏ đã xẻ sẵn đem lên mái đóng đinh, liên kết chúng lại với nhau thành những ô vuông nhỏ đủ để lên đó một viên ngói mà không bị lọt. Trèo lên mái tay cầm búa, quanh mình quấn một vòng dây để đeo một cái ống bơ đựng đinh. Phơi mình dưới nắng từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều ngồi đóng đinh, mà trời thì nắng như đổ lửa, nhiệt độ buổi trưa có thể lên tới 38 oC.

Lúc tan tầm thì người ngợm bẩn thỉu, vừa mệt, vừa đói lại vừa khát. Cũng như mọi hôm, tôi đang đi đến bờ sông để đón vợ tôi, nhưng thật chẳng may hôm ấy vợ tôi phải ở lại họp: Có việc quan trọng đột xuất. Tất nhiên tôi để cái xe đạp lại để khi họp xong vợ tôi có xe mà về.

Xin được phép nói một chút về chiếc xe đạp ở miền Bắc Việt Nam vào thời đó, chiếc xe đạp là của quý hiếm của người dân Bắc Kỳ, nó là một tài sản lớn: Nếu lại là chiếc Peugeot có "líp" ba tầng và có cái sang số, nếu lại là màu cá vàng hoặc da đồng nữa thì nhất Bắc Kỳ rồi. Xe đạp không bán mà chỉ có phân phối trong nội bộ cơ quan thôi, nên có được một cái xe Thống Nhất hoặc xe Liên Xô là vinh dự lắm, may mắn lắm. Nếu sang ra có được cái xe Phượng Hoàng của Tàu thì đã có thể treo lá cờ đuôi nheo lên tay lái, bóp chuông kính cong, kính cong để dọa thiên hạ. Cái xe đạp quý như thế, nên đến năm 1975 chiếm được sài Gòn, anh lính quân giải phóng Bắc Kỳ nào khi quay trở ra đất Bắc, trên ba lô cũng đeo toòng teng một cái khung xe đạp Sài Gòn, và trong ba lô lủng củng nào là xích, líp, nan hoa v.v.. Đến nỗi có câu tục ngữ cửa miệng:

Tướng: tấn, Tá: tạ, Úy: yến,
Lính chiến: xe đạp, búp bê.

(tấn, tạ, yến= 1000 kg, 100 kg, 10 kg). Chả là ngoài khung xe đạp ra chú lính nào hồi hương cũng có một bọc nylon trong đó gói con búp bê tóc vàng nữa. Đọc vậy để các bạn hình dung ra cuộc sống của chúng tôi, dân Bắc Kỳ những năm 70 đói rách như thế nào.

Trở lại câu chuyện của tôi: Sau khi để lại xe đạp cho vợ, tôi cuốc bộ hai km từ đó đến vườn hoa Hàng Đậu để uống một cốc bia trước khi ra về. Đến nơi thì đã thấy đông người xếp hàng mua bia dài dằng dạc. Cái cảnh này thì đồng bào miền Nam cũng đã rõ, nên họ nói XHCN là "Xếp hàng cả ngày" mà. Tôi buồn bã đứng vào hàng. Hy vọng sẽ có một cốc bia để đã cơn khát và chất men trong bia có thể làm tôi đỡ mệt hơn, để có sức đi tiếp qua cầu về nhà bên Gia Lâm.

Những năm tháng ấy, đối với dân thường miền Bắc là những năm tháng đói khổ, nông dân được ba lạng thóc một ngày công, công nhân thì tem phiếu: sổ gạo, phiếu đường, tem thịt, tem đậu, tem nước mắm, tem lòng lợn, ô thanh, ô củi; có nơi đến hai tháng không đong được cân gạo nào cả, và ở Hà Nội lúc bấy giờ gặp ai mà thấy mặt buồn rười rượi thì người ta bảo" "Sao thế, mất sổ gạo à." Hột gạo quý lắm. Tôi mới ở tù ra chưa có sổ gạo, hoàn cảnh thật là gay go. Ở trong tù thì mạc cha nó, dù thế nào cũng không phải lo bữa ăn, cứ đến giờ là phải cho ăn: dù ít, nhưng cũng có cái mà ăn. Nhưng những ngày đầu mới ra tù: Móc đâu ra, vét đâu ra gạo để đổ vào mồm, vợ con phải ăn bớt bát đi để nhường phần cho tôi.

Đã đói lạikhát nữa, khát đến cháy họng. Nhưng chắc chỉ ít phút nữa thôi, cơn khát của tôi sẽ được giải tỏa. Tôi sẽ có một cốc bia sủi bọt, thơm mùi houblon, hơi lạnh của bia toát ra thành cốc rỏ những rọt nước mát vào lòng bàn tay, tôi sẽ hết khát, sẽ hết mệt; men bia sẽ giúp tôi có đủ sức để đi qua cầu Sông Cái, qua đoạn đường dài về nhà.

Tôi lạng lẽ xê dịch theo dòng người chậm chạp từng bước tiến tới quầy bia. Chung quanh tôi, ồn ào như ong vỡ tổ. Những người mua được bia, ngồi xổm, ngồi bệt xuống vệ cỏ, từng nhóm một, họ uống ngon lành và cười nói hả hê. Một lát nữa thôi, tôi cũng sẽ được như họ, sẽ được uống, sẽ được hưởng, sẽ được thưởng thức cái thơm cái lạnh, cái mát của vại bia sủi bọt kia. Tôi hy vọng như vậy.

Nhưng gì thế kia? Những người xếp hàng trước tôi đã tản ra mọi phía. Tôi bàng hoàng ngơ ngác. Có tiếng nói: "Nhà hàng hết bia rồi." Trời! Hết bia rồi! Vài người quanh tôi bảo: "Thôi đành ra mua bia ngoài mà uống vậy." Bia ngoài nghĩa là giá gấp đôi: Những sáu hào, mà trong túi tôi lúc đó chỉ vẻn vẹn có ba hào, chỉ đủ để mua một cốc bia theo giá quy định.

Thưa quý vị: Thế nào là bia ngoài? Số là thế này: Chuyện hết bia hình như hôm nào cũng xẩy ra. Bia thì ít mà người uống thì nhiều, nên có một số người xếp hàng nhiều lần để mua bia, họ huy động cả nhà: già, trẻ, lớn, bé, xếp hàng mua bia, mua xong họ không uống, mà dồn lại vào một cái can, chờ khi nhà hàng hết bia thì họ bỏ ra bán với giá gấp đôi. Đấy cũng

là một cách kiếm ăn ở miền Bắc những năm tháng đó: những năm tháng của thập niên 70 và 80. Chả ai trách gì họ cả. Cuộc sống nó thế. Nhưng hoàn cảnh của tôi bấy giờ thật là bi đát. "Ôi bi đát thay!"

Tất cả gia tài của tôi lúc đó chỉ có ba hào, tôi mới đi tù về, mới đi làm được ít ngày, thì làm gì có lương. Sổ gạo không, tem phiếu không. Tất cả là một con số không to tướng! Có những khó khăn mà ngay cả trong giấc mơ người ta cũng không thể vượt qua. Tôi làm thế nào để có thêm ba hào nữa, để cộng với ba hào của tôi cho nó thành sáu hào bây giờ đây. Tôi bất lực không thể vượt qua được.

"Hỡi ơi! Cuộc đời và thân phận mình!"

Lên đến cầu sông Cái, tôi ngửa mạt lên trời mà kêu như vậy. Bổn phận làm người: làm con, làm chồng, làm cha tôi đều không làm được. Rồi mai đây có thể khác được ngày hôm nay chăng? Chắc là vẫn thế thôi. Thế thì cuộc sống là cái gì nhỉ? Tôi loạnh choạng đi trong buổi chiều tà: Hoàng hôn xuống chậm, ráng chiều đỏ quạch, hơi nóng hầm hập phả vào mạt tôi.

Tôi bỏ mũ cho thoáng, cho dịu đi nỗi điên đầu. Chiều của người đi bộ ngược với chiều đi của xe ô tô (đó là quy định khi đi qua cầu). Trời chạn vạng tối, ô tô đã lên đèn. Đèn pha cứ lần lượt chiếu vào mạt tôi loáng loáng, tâm trạng tôi nạng chĩu nỗi buồn. Ngay cả ở trong tù, lúc ở trại giam Cổng Trời tôi cũng chưa bao giơ thấy buồn như lúc này.

Gia đình tôi bị quy là "địa chủ cường hào." Bố tôi bị bán chết, nhà cửa bị tịch thu toàn bộ, tôi bị bát đi tù 10 năm: đã từng ở những nhà tù kinh khủng nhất, thế mà tôi còn chịu đựng được, sống sót mà trở về. Nhưng trở về để được nhìn thấy cuộc đời như thế này ư? Câu chuyện của một cụ địa chủ cùng đi tù với tôi, kể về cái chết của cô cháu gái mới 13 tuổi đầu, trở lại trong đầu tôi.

Cụ tên là Kính, đúng là một cụ đồ Nho đáng kính trọng, cụ đã từng đi thi Hương, khoa thi cuối cùng ở thành Nam. Khi cải cách ruộng đất, cụ bị quy là "địa chủ cường hào ác bá," may không bị bán chết mà chỉ bị đi tù 20 năm. Trong cải cách ruộng đất, khi các gia đình bị quy là địa chủ thì mọi người từ già tới trẻ gạp ông bà nông dân đều phải chào và đều phải xưng con với họ:

"Thàng già kia, con kia, mày đi đâu?..."

"Thưa ông bà nông dân, con đi mót lúa bát cua."

Mọi cuộc đấu tố trong cải cách ruộng đất đều hỏi và đáp như vậy. Thật là điên đảo, trời đất lộn ngược, đấy là việc làm của lũ người quỷ ám, vô đạo đức, vô nhân tính. Người ta bát những người nông dân phải trở nên tàn ác với đồng bào của mình, với họ hàng, với cha mẹ, vợ chồng, anh em của mình. Thậm chí cả với thầy học của mình. Họ treo ngược thầy học lên xà nhà mà đánh, mà chửi! Tẩm dầu vào chân mà đốt. Vu cáo, chửi bới, đánh đập, hành hạ và thậm chí, tàn sát họ nữa. Cô cháu gái mới lớn của cụ đồ Nho kia, khi gia đình bị quy là địa chủ cũng rơi vào hoàn cảnh ấy.

Cháu bị các bạn bè là con cái nông dân đánh đập, chửi bới, bát quỳ lạy, xưng con, và thậm tệ hơn nữa, có những đứa trẻ quái ác đã lột trần cháu ra mà hành hạ, mà nhục mạ.

"Cháu nó vừa mới bát đầu biết e thẹn, biết kín đáo giữ gìn thì bị như vậy. Thế là chiều hôm ấy, buổi chiều định mệnh, cháu trở về nhà, mạt mũi thâm tím, quần áo tả tơi, cháu khóc nức nở, sướt mướt. Hỏi gì cháu cũng không nói. Và rồi đến đêm, cháu nhảy xuống giếng sâu trầm mình tự tử, lúc đó cháu mới 13 tuổi ông ạ. Đau thương quá, dã man quá, tàn bạo quá ông Vĩnh ơi. Ôi Tần Thuỷ Hoàng nếu có sống cũng phải bái phục tôn họ là bậc thầy. Nỗi đau đó không thể nào nguôi ngoai được. Cụ đã than thở với tôi như vậy. Tôi nghĩ: Cháu gái trong hoàn cảnh đó đúng là chỉ có cái chết mới giải thoát được."

Hỡi ôi:
"Ngàn vạn bông hoa oan trái
"Đau thương sống giữa đầm lầy
"Liễu yếu, lan gầy lạc loài thảm hại" ...
Nguyễn Chí Thiện

Và hôm nay đây, có lẽ đến lượt tôi chăng? Tôi lác đầu cố xua đuổi ý nghĩ đó đi. Tôi là một thằng đàn ông, tôi phải khác cháu bé đó chứ. Không thể yếu, hèn như thế được? Sao lại chịu đầu hàng? Không, không thể thế được. Đã sống đến ngày hôm nay, thì phải tiếp tục chịu đựng, nghiến răng lại mà đi tới cho dù, cho dù... Hình như có một câu chuyện kể về một con thuyền vượt qua được đại dương bão tố, nhưng khi đến bờ chỉ có chạm nhẹ vào tảng đá ngầm mà chịu chìm thuyền. Mình không thể là con thuyền đó!

Nhưng lúc này đây, tôi mệt mỏi lám rồi, cơ thể tôi rã rời, đói khát, sức tàn, lực kiệt. Tôi nhám mát tránh ánh đèn pha ô tô, vịn tay vào

thành cầu, cố gáng đi tiếp. Mình không thể..., không thể chịu thua.

Câu thơ Ngũ Tử Tư lại trở về trong đầu tôi:

"Ngũ Tử Tư! Ngũ Tử Tư! Thù cha đeo nặng...
"Một chiều qua sông nước Sở..."

Tôi phải vượt qua khúc sông này, cho dù nó có dài rộng tới đâu, phải cố mà vượt, mà về đến nhà, dù có phải bò lê cũng phải vượt. Người ta không thể bảo rằng cuộc đời đó đã hết, nếu người đó chưa chết. Tôi nhẩm lại câu nói đó. Vậy thì tôi không thể chết lúc này được; không thể bị khuất phục, không thể chịu thua.

Đèn pha ô tô vẫn cứ lần lượt chiếu vào mạt tôi, làm tôi nhớ lại cuốn phim: *La valse dans l'ombre* do Robert Taylor và Vivien Leigh đóng. Lúc Vivien Leigh tự tử ở trên cầu, cũng trong cảnh như tôi bây giờ đây. Đèn pha chiếu lóa vào mạt nàng, nàng nhám mát lại, và lao xuống đường. Tiếng phanh ô tô rít lên, một đám đông xúm lại vây quanh, và khi Robert Taylor lao đến, chỉ còn sót lại trên mạt đường một vũng máu đào loang lổ, và lăn lóc bên cạnh một con búp bê nhỏ kỷ vật lần đầu tiên gạp nhau. Cái chết của cô bé 13 tuổi, và cái chết của Vivien Leigh cứ hiện lên rõ nét trong tôi.

Lòng tôi nạng trĩu nỗi buồn tuyệt vọng và buông suôi: Thế thì.... Nhưng ta sẽ không như Vivien Leigh, ta có dòng sông Cái, dòng sông mẹ dưới kia, dòng sông đã nuôi ta như dòng sữa mẹ. Ta mà xuống đấy thì mát dịu lám, ta sẽ hết khát, hết mệt, sẽ hết tất cả... một cách êm dịu và lạng lẽ.

Tôi dừng lại, vịn tay vào thành cầu, nhìn xuống dòng sông. Sông sâu, nước lớn. Dòng nước cuồn cuộn, trôi nhanh, hơi tỏa mát lên và sóng nước rì rầm vẫy gọi! ....

Giữa lúc ấy thì có tiếng phanh ô tô rít chói tai ngay bên cạnh tôi. Một chiếc xe ô tô đột ngột dừng lại, ơ kìa, mình có lao xuống lòng đường đâu nhỉ? Có tiếng mở cửa ca bin, một bóng người lao nhanh ra khỏi xe nám chạt tay tôi lác lác:

"Anh Vĩnh, anh Vĩnh sao anh lại đứng đây. Biết tin anh về em đi tìm anh mãi."

Tôi lạng đi không nhận ra ai.

"Em đây mà. Thực đây mà. Anh có nhận ra em không?"

Tôi nhìn lại một lần nữa. Dưới ánh đèn pha tôi nhận ra đấy là chú lính lái xe cho tôi ngày trước, chú ta líu ríu nói tiếp:

"Em tìm anh mãi mà không thấy! Anh đi đâu mà sao lại đứng đây vào giờ này?"

Có tiếng chửi tục tàn, thô lỗ ở những chiếc xe đằng sau:

"... Thằng kia, có lên lái xe đi tiếp không? Thằng kia..." Thực đâm bổ lên cabin, sách xuống một bọc nhỏ, tay rút túi ngực ra một tập tiền đưa cho tôi, miệng lắp bắp vội vàng:

"Anh Vĩnh anh cầm lấy! Em sẽ gạp lại anh sau. Em phải đi đây. Nhưng mà, hiện giờ anh ở đâu?"

"Tôi ở bên Ái Mộ- Gia Lâm, mới đi tù về chú Thực ạ."

"Em biết chỗ đó rồi."

Thực nhảy vội lên xe, đóng cửa, vào số, thò đầu ra ngoài chú bảo:

"Thế nào mấy hôm nữa em cũng sẽ sang tìm anh. Em đang lái xe cho công ty thực phẩm Hà Nội. Thôi em đi đây. Chào anh nhe anh Vĩnh."

Tôi bàng hoàng cả người. Dòng xe ì ầm tiếp tục chiếu đèn pha đi qua mạt tôi, chiếu sáng cái bọc mà Thực vừa đưa cho tôi, tôi nhìn thấy có đến mười quả trứng và hai miếng thịt (chắc là tiêu chuẩn thực phẩm của gia đình chú) và trong tay tôi một tập tiền. Tôi ứa nước mát.

Tôi có khóc bao giờ đâu, trừ lúc còn bé, thường thì tôi chỉ đứng lạng đi, đôi mát trân trân mở to, và nuốt nước mát vào lòng mà thôi. Thế mà lúc ấy, nước mát tôi cứ lạng lẽ ứa ra.

Tôi nhìn theo dòng xe ô tô đang chạy. Tôi nhớ tới chú, người lính đã cùng tôi đi suốt một thời gian. Tuy chỉ ngắn ngủi có vài năm, những cũng đã để lại cho nhau biết bao ân tình đậm đà sâu sắc của những con người đã có một thời cùng nhau vào sinh ra tử.

Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào trên thế giới này, cho dù đứng ở phía nào, trên trận tuyến, những người lính đã cùng nhau chinh chiến, thì họ đều có tình đồng đội máu thịt, họ có thể hy sinh cho nhau, và chẳng bao giờ quên nhau. Như hôm nay và lúc này đây. Lẽ ra... lẽ ra.... nhưng dù thế nào thì cuộc sống của tôi vẫn đáng sống lám vì trên đời vẫn còn nhiều con người như chú em.

Chú Thực ạ!

Tháng 10 năm 1998

Kiếp văn chương

TÔN NỮ THU NGA

Tay bưng tách cà phê nóng hổi và thơm phức, Tú nhẹ nhàng mở cửa căn phòng tối, bật công tác điện. Tú thu dọn sơ sài mấy tờ giấy nháp, mấy cuốn tạp chí ngổn ngang, tìm chỗ đặt cốc cà phê lên bàn. Kéo ghế, ngồi xuống trước máy vi tính, Tú thở phào nhẹ nhõm, nhấp một ngụm cà phê nồng nàn, mỉm cười nhìn màn ảnh sáng lên và những hàng chữ từ bài văn viết dở dang hiện ra trước mạt. Tú đạt tay lên nhấn nút chữ, thầm ước những ngón tay thô kệch của mình được thêm nhanh lẹ để những ý tưởng trong đầu có thể thoát ra một cách linh hoạt, như dòng nước suối mùa xuân tuôn thoát từ lòng rừng. Mát Tú mơ màng, hình dung nhân vật nữ anh đang thêu dệt trong câu chuyện tình. Tú vừa khõ khõ các mẫu tự, vừa nhìn xuống mấy ngón tay:

Lisa nhẹ nhàng gỡ tấm áo lụa tím ra khỏi chiếc móc áo. Làn vải êm ái, mịn màng, mát như làn gió đầu xuân run rẩy đong đưa ngọn cỏ non trên sườn đồi. Áp tấm áo bên má, mơn man thơm ngát mùi nước hoa đắt tiền, nàng nhám hờ đôi mát, láng nghe một nỗi rạo rực không tên tỏa nóng trên da thịt...

-Bố thàng cu ơi, lại trốn vào trong phòng com pu tơ rồi đấy hử... chả có nhờ được điều gì cả, suốt ngày cứ chui nhủi vào trong cái phòng ấy, con cái khóc la cũng mạc kệ, cỏ kiết mọc như cái rừng hoang cũng chả thèm để ý, cái gì cũng mạc cho con vợ già này lo, chán ôi là chán...

Tú nhám mát, tay bịt kín hai tai, cố quên giọng mụ vợ già chì chiết ngoài bếp. Hết lải nhải, mụ lại cạo nồi cạo xoong loảng xoảng, lanh canh nhức cả óc. Tiếp đến mụ lấy cái dao phay, chạt ầm ầm trên cái thớt gỗ...

Tú làm ngơ, trán anh nhăn nhíu cố gáng nhớ lại ý tưởng vừa nảy ra trong óc, hai ngón tay anh lại gõ gõ trên phím chữ.

Tiếng nhạc cổ điển dịu dàng vương vấn trong không gian, dưới ánh đèn vàng ấm, Lisa mơ màng nhìn ngắm dung nhan mình phản chiếu lại trong tấm kính, đôi mát nâu long lanh dưới hàng mi đen mượt. Nàng mỉm cười đưa tay ôm bờ vai...

-Bố ơi, bố ơi...

Thàng Bò giật ống quần Tú, tay cầm chiếc xe tăng bằng sắt, đập cành cạch vào chân ghế, không biết thằng bé chui vào phòng từ lúc nào. Tú ngừng đánh máy, nhìn xuống sàn, thằng bé quệt hai dòng nước mũi xanh vào cánh tay, mạt lem luốc ngước đôi mát tròn xoe nhìn chàng:

-Đi chơi, đi Mac Donald...

Ánh mát thằng Bò đầy hy vọng, bàn tay mũm mĩm chỉ ra cửa. Tú thở dài nhấc bổng đứa con trai nhỏ đạt lên đùi, lấy tờ giấy kleenex chùi mũi cho con. Thằng Bò giẩy nãy, quay đầu trốn tránh, hai tay vùng vẫy:

-Đi Mac Donald .

Tú lắc đầu:

-Không đi Mac Donald được, bố bận và mẹ đang nấu cơm.

Thàng Bò mếu máo, nước mắt bát đầu ứa ra trên mi. Tú mở ngăn kéo, tìm hộp kẹo anh dấu dưới mấy tờ báo cũ, lấy cây kẹo mút See Candy mùi vị cà phê, thứ anh ưa thích, lột ra đưa cho con. Thàng Bò có kẹo, khoái chí mút lia lịa. Anh để con ngồi trên đùi, đạt tay lên nút chữ, cố gáng nối lại dòng tư tưởng .

Ngoài sân, trời xuân dịu dàng mát mẻ, nàng nghe tiếng lá cây lao xao trong gió nhè nhẹ, mơ hồ. Rạng đồi thoai thoải sau nhà trải lốm đốm tấm thảm vàng tươi hoa cải, chen lẫn trong vệt cỏ non xanh; ánh chiều yếu đuối, mơn trớn những ngón tay cuối cùng trong khe núi. Đám mây tím ẻo lả, vương vấn giăng ngang chân trời như tấm lụa mong manh, cố tình che giấu mạt trời tròn trĩnh, trần truồng, huy hoàng như viên ngọc đỏ đang chầm chậm trầm mình xuống chân trời...

-Eo ơi, gớm ghiếc quá!

Tú nhăn mạt, nhìn xuống keyboard, nước dãi từ mồm thàng Bò pha trộn với chất dẻo của kẹo từ hai bàn tay nó đã trét be bét trên cạnh bàn. Nó đang dùng những ngón tay bụ bẫm, nhớp nhúa. dẻo nhẹo lên đập đập trên phím chữ, bát chước bố. Nghe giọng Tú, nó ngước nhìn anh, nhoẻn cười, cầm cây kẹo mút nhễ nhại nước dãi từ trong miệng mình đưa ra mời bố. Tú thở dài, lảng lạng bế con, đứng dậy, bước vào phòng tám. Đạt con ngồi cạnh chậu rửa mạt, Tú lấy chiếc khăn treo lủng lẳng trên vách, mở vòi nước. Bò thấy nước chảy, thích thú thò bàn chân vào dòng nước và bát đầu đá nước tung tóe. Bò cười khanh khách :

-Tám, bố tám...

-Ừ thôi, cho mày tám, thàng dơ dáy này, bỏ mày vào bồn nước cho mày chơi nhé.

Tú đạt con xuống sàn nhà, mở vòi nước tám trong bồn âm ấm, cởi áo quần thàng Bò ra, đạt nó vào bồn nước. Bò thích thú tay chân đập lia lịa làm nước văng đầy cả đầu cả mạt Tú.

-Ái chà, thàng bé này nghịch quá.

Tú lấy con vịt cao su đưa cho con, thàng Bò lác đầu, nó chỉ tay vào mấy tập plastic xanh xanh đỏ đỏ cạnh bồn tám:

-Muốn sách.

Tú cầm lên một mảnh ba bốn tờ giấy nhựa lẹp xẹp, thì ra đây là một cuốn sách họ làm cho bọn trẻ con đọc trong lúc tám cho khỏi hư ướt. Thàng Bò gật gù cái đầu ướt nhẹp của nó, chỉ tay vào hình con bò vàng. Con bò mập mạp ngộ nghĩnh nhảy nhót , miệng cười nhe mấy cái răng bò to tổ bố. Thàng Bò lấy ngón tay chỉ trỏ, đầu nghiêng nghiêng nhìn Tú:

-Bố, cow, cow mooo...

Đôi môi hồng của thàng bé chu tròn xoe dễ ghét hết sức. Tú thở dài:

-Thôi chác tao hy sinh cái nghiệp văn chương cho mầy, bây giờ mày đọc cuốn sách nầy, biết đâu mai mốt mày thành văn sĩ nổi tiếng, không biết chừng lại tháng giải Pulitzer thì tao cũng hãnh diện vậy.

Anh đứng dậy cởi áo, trèo vào bồn, mở thêm nước, nàm dài trong bồn, nhám nghiền đôi mát. Thàng Bò cười khanh khách, nhảy lên bụng bố, cầm cuốn sách nhựa, đập lép bép vào đầu anh kêu:

-Bố chết, bố chết ..

Nó tưởng Tú đang chơi trò giả chết với anh em nó. Bò cù cù vào nách Tú, anh nhột quá cười vang:

-Tổ cha mày, tao chưa chết nhưng cái nghiệp văn chương của tao thế nào cũng chết vì mày.

NGUYỄN HỮU CHI

Đi Hay Ở

Sao Ngân Hà, nào ai đếm nổi?
Sóng ngàn trùng vùi dập tình yêu!

Mạnh vừa đậu bằng tú tài Pháp, đang dự định cùng mấy thằng bạn xuống Hải Phòng rồi ra bãi biển Đồ Sơn nghỉ ngơi mấy tháng hè trước khi vào "trường thuốc". Bỗng nhiên tin đình chiến từ Genève bay về làm đảo lộn đời sống ngây thơ và êm đềm của một cậu học sinh chưa đầy 18 tuổi. Đi hay ở? Đó là câu hỏi mà những người thành niên cùng lứa tuổi với Mạnh không cần phải thắc mắc vì đó là một quyết định quan trọng của các bậc cha mẹ. Nhưng trường hợp của chàng thì khác hẳn. Chàng phải tự quyết định lấy cho tương lai của mình. Mồ côi từ nhỏ, chàng được người chú khá giả nuôi ăn học. Bây giờ tạm đủ khôn lớn, chàng được phép tự do lựa chọn con đường đi của mình.

Chàng lững thững đạp xe đạp bên bờ hồ Hoàn Kiếm. Đầu óc mung lung trước khúc ngoẹo của lịch sử đất nước. Ánh náng chan hòa. Hoa phượng vĩ đỏ rực loáng thoáng rơi trên vai chàng. Vài tháng nữa, đô thành này cũng sẽ đỏ rực mầu cờ. Chàng vẫn không bao giờ có thể quên cảnh gia đình chàng tụ họp sau bữa cơm tối để quyết định về vấn đề *"Đi hay ở"*

Ông Tâm ngồi trước chén nước trà, vẻ mạt đăm chiêu. Ông nói bâng quơ như muốn minh oan cho mình:

— Mình làm nghề dậy học thì đâu có tội tình gì.

Bà Tâm nhìn đàn con, rồi chép miệng thở dài:

— Liệu họ có để yên cho mình dậy học không? Nếu không thì lấy gì mà sống?

— Ôi chào! Bà quá lo xa! Trời sinh voi, trời sinh cỏ. Hơn nữa, chiến tranh đã hết rồi, chính phủ nào thì cũng phải lo dậy giỗ thế hệ mai sau chứ. Chẳng lẽ họ đóng cửa hết tất cả các trường hay sao?

— Nếu vậy khi vào trong đó thì ông cũng lại được tiếp tục dậy học như ở đây. Vậy tại sao không đi?

— Bây giờ bà tính bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ mồ mả tổ tiên để theo ông Diệm vào trong đó hay sao? Tôi thấy phiêu liêu quá.

— Chú Thiện làm ăn trong Sài Gòn khấm khá lắm. Chú ấy cũng có thể giúp mình một tay trong lúc chân ướt chân ráo, thì có sao đâu?

— Mấy hôm nay, tôi cũng đã nghĩ đến điều đó rồi. Nhưng theo ý tôi, mình không nên đi làm gì. Hai năm nữa sẽ có bầu cử. Lúc đó nước mình sẽ thống nhất. Như vậy thì trước sau ở đâu cũng thế thôi. Lũ con mình còn nhỏ quá, mình cũng không nên gây xáo trộn nhiều trong đời sống của tụi nó. Hơn nữa, mình ra đi thì cái cửa tiệm bán áo len của bà thì để cho ai?

Bà Tâm ngồi yên lặng nghĩ đến đàn con nhỏ và cái tiệm bán áo len. Bà đành phải chấp nhận quyết định của chồng. Bà tin tưởng vào chồng bà có nhiều khả năng nhận xét thời cuộc. Nhưng thực ra chính ông Tâm lại không tin tưởng cho lắm vào cái quyết định *"ở lại"* của mình. Thằng Nghĩa, thằng Thành, và bé Thúy ngồi lặng thinh, nhìn bố rồi lại nhìn mẹ. Tối nay, không khí trong gia đình có vẻ nghiêm trọng khác thường làm chúng cũng bát đầu lo sợ cho ngày mai. Mạnh cảm thấy thương đàn em bội phần, nhất là bé Thúy. Tụi nó còn nhỏ quá mà

đã phải lo láng về những chuyện trọng đại như vậy.

Tuy không nói ra, Mạnh rất phân vân không biết cái quyết định của chú mình đúng hay sai. Dường như ông Tâm cảm thấy cái ý tưởng nghi ngờ thầm kín đang lớn vởn trong đầu Mạnh. Ông trìu mến nhìn người cháu mà ông đã có công nuôi nấng dậy giỗ gần hai chục năm. Ông nhẹ nhàng hỏi với hy vọng rồi Mạnh cũng đồng ý với ông:

— Cháu nghĩ thế nào?

Mạnh thành thật trả lời:

— Thưa chú, quả thật cháu cũng không biết trả lời ra làm sao. Chú thím quyết định thế nào thì cháu cũng theo như vậy.

Ông Tâm khẽ thời dài, nghĩ ngợi, rồi nói:

— Cháu đã lớn rồi. Đối với vấn đề *"Đi hay ở"*, chú để cháu tùy ý định liệu. Cháu muốn ở đây với chú thím cũng được, hay cháu muốn vào Sài Gòn để chú Thiện giúp đỡ ăn học một vài năm thì cũng tiện như ở đây với chú thím vậy. Cháu muốn thế nào chú cũng đồng ý.

Mạnh không biết nên đi hay nên ở. Cả hai tuần lễ, chàng đã đi thăm hỏi ý kiến mấy thằng bạn thân học cùng lớp. Vài thằng con nhà giầu thì được bố mẹ sửa soạn cho đi du học bên Pháp. Đa số những thằng khác sẽ theo gia đình vào Nam. Những thằng có bằng *"tú tài Tây"* rất sợ bị các cán bộ *"i-tờ"* vào tiếp thu Hà Nội rồi gán cho cái tội *"đi học tiếng Tây là có ý định đi làm Việt Gian cho Tây."* Chẳng vạ gì mà ở lại để *"chịu trận"*! Mạnh nghe thấy cũng có lý. Nhưng đồng thời chàng cũng tin rằng cái lý lịch *"trẻ mồ côi từ nhỏ"* của chàng sẽ giúp chàng tránh khỏi cái *"tội tổ tông,"* một cái tội làm nao núng bao nhiêu thanh niên vô tội như chàng. Hơn nữa, nếu ra đi, chàng sẽ rất thương nhớ ba đứa em họ của chàng, nhất là bé Thúy hay nũng nịu đòi anh dẫn ra phố mua kẹo vừng, hay ra bờ hồ ăn kem.

Đi hay ở? Một câu hỏi khó trả lời. Một bài toán quá nhiều ẩn số. Mạnh đắn đo hơn một tuần lễ. Sau cùng chàng quyết định ra đi. Một phần vì tính phiêu lưu của tuổi trẻ. Một phần vì không muốn trở thành một gánh nặng cho gia đình ông bà Tâm trong khi tương lai của những người ở lại hãy còn mịt mù.

Mấy ngày sau đó, tất cả gia đình ông bà Tâm tiễn chân Mạnh ra ga dưới trời mưa rả rích. Nhà ga Hàng Cỏ chật ních những người,

NGUYỄN BẠCH DƯƠNG

BẾN QUÊ

Đường bữa trước bây giờ đi trở lại
Biết có còn cây cỏ của hôm nao
Vầng trăng cũ ngoảnh lòng làm mặt lạ
Khi trở về lạ lẫm những trời sao.

Trong xẻo nhỏ chiếc xuồng Cui mê mải
Tựa lưng sào đợi nước lớn chim kêu
Con dế lửa gáy một hồi mỏi cánh
Đêm làm sao khuây khỏa nỗi buồn dài.

Xin đừng hỏi trở về được mấy chốc
Cuộc ra đi dài thấu tận phương đoài
Cuộc ra đi lòng dài đầy trĩu nặng
Mái đình quê che khuất tán sung già.

Ngày tuổi nhỏ hồn nhiên nên đâu biết
Đến bây giờ đâu thể phút nguôi quên
Đi vạn bước lòng không xa tấc cũ
Buổi lộn về lạ lẫm một miền quê.

ồn ào như một đàn chim vỡ tổ. Chàng ngạc nhiên khi thấy trong số hành khách có rất nhiều người nghèo bồng con bế cái từ miền quê ra. Tại sao nghèo đói như vậy mà lại nhất quyết bỏ xóm làng ra đi? Một câu hỏi chàng nêu ra, nhưng không có đủ khả năng trả lời.

Ông Tâm cầm cái va-li quần áo lên, rồi trao cho Mạnh. Ông yên lặng xiết chặt bàn tay chàng. Bà Tâm dươm dướm nước mắt, dúi cho chàng cái bánh mì nhồi thịt nguội và vài tờ giấy trăm. Chàng lắc đầu, từ chối:

— Thưa thím, cháu không dám nhận món tiền này đâu. Trong những tháng tới, chú thím cần tiền nhiều hơn cháu. Vả lại, tiền lương dậy kèm trẻ tháng vừa rồi cháu hãy còn đủ để chi phí dọc đường.

— Đâu có là bao mà cháu phải thác mác. Cháu cứ cầm lấy đi cho chú thím yên lòng. Nhà

còn đủ tiền để gia đình sinh sống. Cháu đừng lo. Chú thím và các em chỉ mong cháu vào trong đó yên trí học hành cho thành tài. Nhờ Trời Phật phù hộ, trong hai năm nữa, gia đình nhà mình sẽ lại đoàn tụ vui vẻ như trước mà.

Một lời tiễn biệt mộc mạc và đầy lạc quan! Bỗng tiếng còi tàu thét lên, lấn át tiếng ồn ào, tiếng chia ly, tiếng khóc tức tưởi. Kẻ ở, người đi, nhốn nháo chia tay nhau. Mạnh cúi xuống ôm mấy đứa em trong lòng. Bé Thúy ôm chạt lấy cổ chàng, khóc thút thít. Chàng ra đi không đành. Nhưng khi tàu bát đầu chuyển bánh, chàng vội nhẩy lên tàu, nuốt nước mắt quay đi, không dám nhìn lại những người thân yêu nhất trong đời chàng. Chàng đã ra đi như người chạy trốn. Chưa bao giờ chảng cảm thấy bơ vơ như lúc này.

Sáng nay trong trại tạm trú, Mạnh dậy sớm. Cả đêm thao thức vì lòng vẩn vơ với nỗi nhớ nhung vô tận. Bên ngoài, trời mưa tầm tã. Gió thổi từng hồi. Hoa phượng vĩ rơi tả tơi trên hè phố Hải Phòng. *"Mưa rơi ngoài trời, mưa trong tim tôi."* Mạnh mang máng nhớ lại mấy câu thơ ủy mị của một nhà thơ lãng mạn mà chàng đã học khi sửa soạn thi Brevet.

Chàng rời trại tạm trú, rồi lủi thủi xách va-li ra bến Sáu Kho đón tàu di cư vào Nam. Mới chín giờ sáng thế mà bến tàu đã đông nghẹt những người. Đa số người đứng co ro dưới mưa là dân từ miền đồng quê tới. Cả cơ nghiệp của họ đựng trong mấy cái bồ nan hay mấy cái thúng cói. Dân tỉnh thành chưa ra đi trong lúc này vì còn bận tìm cách bán nhà cửa, xe cộ, đồ đạc trước khi ra đi. Hay là những người này đã quyết định ở lại?

Khi chiếc tàu *"há mồm"* cập bến, Mạnh lác đầu nhìn bạn đồng hành nghèo khó chen chúc lên tàu. Lần đầu tiên trong đời, chàng có dịp được tiếp xúc với thực cảnh *"chân lấm tay bùn"* của xã hội Việt Nam. Chàng cảm thấy như đang đứng giữa đám người xa lạ.

Theo thói quen chàng đã học được trong trường, chàng kiên nhẫn đứng xếp hàng, và sẵn sàng nhường chỗ cho những đàn bà và trẻ con lên tàu trước. Chàng rất bực mình khi thấy những người đàn ông lực lưỡng xô đẩy những người yếu đuối để tranh lối đi. Chàng lẩm bẩm chê bai hành vi mà chàng cho là *"rất là bán khai và hậu tiến."* Khi phán xét như vậy, chàng có biết đâu là những người không may mắn này đã bao năm tranh đấu để sống còn nơi tiền tuyến. *"Nhanh chân thì sống, chậm chân thì chết!"*, một nguyên tắc rất đơn giản mà ít người sống trong tỉnh thành có thể hiểu nổi.

Khi chiếc tàu *"há mồm"* đã đầy người, nó bát đầu rồ máy, rồi từ từ quay mũi đi ra phía cửa biển. Một chiếc tàu khác tiến ngay vào bờ để đón người tị nạn ra khơi. Cứ như thế, hết chuyến tàu này đến chuyến tàu khác. Đám người đứng đợi tàu trên bờ cũng thưa dần, và cảnh chen lấn cũng đỡ hơn trước. Thế rồi chiếc tàu cuối cùng cập bến để vớt hết số người còn lại.

Mạnh lần từng bước lên tàu. Đi trước chàng là hai chị em. Cô chị vào khoảng tuổi chàng, khệ nệ đội một bị cói lớn trên đầu. Cô em vào khoảng 11 hay 12 tuổi gì đó, hì hục kéo lê cái tay nải, cố gắng chạy theo gót chị. Một vài người đi đằng sau Mạnh bát đầu lẩm bẩm than phiền về *"con bé đi chậm quá."* Chàng nhìn *"con bé đi chậm quá"* rồi trạnh nhớ đến bé Thúy, lòng bùi ngùi:

— Này em bé! Cái bọc nặng quá, để tôi mang hộ cho.

Thấy có người muốn đỡ em một tay, cô chị quay lại nhìn Mạnh, và mỉm cười:

— Cám ơn cậu! Chúng tôi phải đi bộ mấy ngày đêm mới ra tới tới tỉnh, bây giờ chắc con bé bị kiệt sức rồi. Được cậu giúp cho nó một tay lên tàu, thật là quý hóa quá!

Lần đầu tiên Mạnh nhìn thấy mặt cô gái quê trong bộ quần áo rách rưới tiều tụy. Mạnh thẫn thờ trước vẻ đẹp thanh tao và hồn nhiên của nàng. Cái áo nâu sũng nước trở thành mầu nâu thậm làm tăng cái mầu trắng mịn màng của đôi má nàng. Cái khăn mỏ quạ quê mùa không làm mờ cái vẻ tinh anh của đôi mắt bồ câu đen lay láy. Điểm vào đó là một nụ cười rất tự nhiên làm nổi bật hàm răng trắng ngà và đều đạn. Chàng ngây người đứng nhìn. Rồi cảm thấy mình có điệu bộ quá sỗ sàng trước người đẹp, chàng vội vàng lên tiếng để che dấu xúc động:

— Không có sao đâu. Mỗi tay xách một túi đồ, có thăng bằng, dễ đi hơn.

Vừa nói chàng vừa đỡ cái tay nải khỏi tay cô bé. Con bé vui mừng thoát được cái bao quần áo nặng vì sũng nước mưa. Nó vui vẻ *"cám ơn cậu"* rối rít.

Ba người rảo bước lên tàu, rồi tìm chỗ ngồi

tránh mưa. Khổ một nỗi, con tàu *"há mồm"* dùng trong những vụ hành quân đổ bộ, nên không có mái che mưa. Nước mưa đọng từng vũng lớn dưới sàn. Mạnh mệt mỏi, chen vào đám đông, rồi ngồi phệt xuống sàn tàu bên cạnh hai người con gái mà chàng mới gạp. Mưa trên, ướt dưới. Giữa mùa hè mà Mạnh cảm thấy khí lạnh thấm dần vào đến tim chàng. Chàng run cầm cập, vì lạnh, vì đói, vì thiếu ngủ, vì nhớ thương. Cô chị nhìn chàng ái ngại cho một cậu thanh niên tỉnh thành không quen đội nắng lội mưa. Cô em vội nắm tay chàng, nửa như muốn tìm một chỗ bấu víu giữa cơn bão tố, nửa như muốn truyền hơi nóng từ thân hình bé nhỏ của mình cho một ân nhân đã giúp mình trong lúc khó khăn. Mạnh cảm động nắm bàn tay bé nhỏ ấm áp.

— Anh tên là Mạnh, em tên là gì?

— Cháu tên là bé Ngọ. Chị cháu tên là Chị Hợi.

— Bé Ngọ đáng yêu quá, đáng yêu như bé Thúy của anh vậy.

— Cậu cũng đáng yêu như Chị Hợi cháu vậy.

Hợi đỏ mạt. Nàng máng át bé Ngọ:

— Con bé này! Lớn rồi, phải ăn nói cho có phép tắc chứ.

Tàu càng ra xa ngoài khơi, gió thổi càng mạnh, mưa càng nặng hột. Sóng vỗ ầm ầm vào thành tàu. Con tàu chao lên chao xuống. Sau hai tiếng đồng hồ vật vã với sóng, với gió, con tàu tiến vào vịnh Hạ Long. Cơn giông tố cũng dần dần tan đi. Nước vịnh trong suốt đến tận đáy. Mạt biển xanh một mầu cẩm thạch. Lăn tăn gợn sóng như mạt hồ mùa thu, làm Mạnh nhớ tới bài thơ Le Lac của Lamartine. Chàng buồn rười rượi nhìn ra ngoài, chiêm ngưỡng cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ nhưng đầy nét thanh bình khó tả.

Con tàu *"há mồm"* từ từ kẹp vào một chiến hạm Mỹ. Mọi người được lệnh leo lên cái thang móc bên hông chiếc tàu lớn. Họ ngại ngùng nhìn lên cái thang cao vời vợi với một kiến trúc rất sơ sài. Nó thích hợp với khả năng leo chèo của các lính thủy Mỹ hơn là những người dân quê Việt Nam bé nhỏ. Nhưng trong thế bó buộc, tất cả mọi người di cư, cũng đành phải lếch thếch vượt cái chướng ngại vật quân sự đó. Nhớn, bé, già, trẻ, cố gắng leo thang, với những cái bồ, cái thúng, cái bị đựng mớ gia sản nghèo nàn đè nặng lên đầu, hay lên đôi vai gầy guộc.

Ba người cuối cùng sửa soạn rời con tàu *"há mồm"* là hai chị em Hợi và Mạnh. Bé Ngọ rất quen việc lội ruộng, mót lúa và mò cua bắt ốc, nhưng chưa bao giờ trong đời cô bé này phải leo chèo như lính Mỹ. Nó sợ hãi nhìn cái thang cao hơn bốn tầng nhà. Hợi khẩn khoản nhìn Mạnh. Chàng bắt đầu lên cơn sốt, chân tay run lẩy bẩy, thân thể nóng hừng hực như một lò than, nhưng chàng thấy việc phải làm, đành phải cố gắng. Chàng cúi xuống, nhẹ nhàng nói với Ngọ:

— Này, em Ngọ! Bây giờ em cứ coi anh là người anh đi. Vậy em có tin anh không?

— Có chứ. Ngoài chị Hợi ra, cháu không tin cậu thì còn tin ai nữa đây.

— Thế thì tốt lắm. Bây giờ, em ghé vai anh, ôm chặt cổ anh, rồi nhắm mắt lại. Anh sẽ cõng em lên tàu. Đừng sợ gì cả.

— Thế còn chị Hợi? Cậu có cõng không?

Nghe thấy em nói hơi sỗ sàng, Hợi vội vã trả lời câu hỏi hồn nhiên của con bé:

— Chị leo lên một mình cũng được. Không sao cả. Em đừng lo. Đây này, chị leo lên trước cho em xem. Rồi cậu Mạnh sẽ cõng em lên.

— Thế còn còn gói quần áo và bị đồ đạc này thì sao?

Mạnh vội trả lời bé Ngọ:

— Cái đó thì dễ thôi mà. Sau khi anh cõng em lên tàu rồi, anh sẽ xuống mang lên hết cho em.

Mạnh là một thanh niên tỉnh thành, bây giờ phải cố gắng hì hục làm hết nhiệm vụ của mình như đã hứa với một em bé quê, như một hiệp sĩ thời Trung Cổ Tây phương. Chàng vừa

mang hết đồ đạc lên boong, thì ngã vật xuống sàn tàu trong cơn sốt mê man.

Mạnh choàng mát, tỉnh dậy. Chàng ngạc nhiên thấy Ngọ và Hợi đang lo láng đứng cạnh giường. Chàng khẽ hỏi:

— Đây là đâu?

Ngọ nhanh nhẩu:

— Chị Hợi ơi! cậu Mạnh đã tỉnh lại rồi!

Hợi vội mắng yêu em:

— Chị biết rồi. Cái con bé này lắm mồm quá! Việc gì mà phải ầm ĩ lên như vậy.

Rồi nàng ghé gần vào Mạnh:

— Cậu cứ nằm nghỉ cho khỏe. Hiện cậu đang ở bệnh xá trên tàu Mỹ. Xa nhà xa cửa mà lại bị đau ốm giữa đường, thật là tội nghiệp quá. Ông thông ngôn làm việc ở đây cho biết là cậu chỉ bị cảm lạnh thường thôi. Vì kiệt sức nên cậu bị ngất lịm khi lên tới tầu. Ông bác sĩ Mỹ tiêm cho cậu một ống thuốc bổ, và một ống thuốc ngủ để cậu ngủ lại sức.

— Thế tôi ngủ được bao lâu rồi?

— Cậu ngủ từ hồi chiều hôm qua cho tới sáng nay. Cậu có đói không?

— Tôi cảm thấy đói bụng rồi.

— Thế thì tốt quá. Chúng tôi có lấy một phần cơm để dành cho cậu. Cơm ăn với cá hộp Mỹ cũng được lắm. Nếu cậu không thích ăn cá hộp thì có lọ thịt ruốc mà chúng tôi đã mang theo. Trên đường chạy loạn, hai chị em chúng tôi ăn chưa hết. Hãy còn quá nửa lọ.

Bé Ngọ vui vẻ nói tiếp lời chị:

— Có lẽ Trời muốn chị Hợi để phần thịt ruốc cho cậu Mạnh đấy.

Mọi người bật cười. Mạnh ngồi dậy, nhìn Hợi.

— Thôi xin cô Hợi đừng *"cậu cậu, cháu cháu"* với tôi làm gì. Chúng mình cũng ngang tuổi nhau mà. Chúng ta cứ coi nhau như anh em được không?

— Cậu nói làm cháu mủi lòng quá. Hai chị em bỏ làng ra đi không có bà con thân thích đi theo. Ở giữa đường, chúng tôi nhờ ơn Trên được gặp người tử tế như cậu là mừng lắm rồi. Nếu cậu cho phép, chị em chúng tôi sẽ coi cậu như người anh cả của chúng tôi.

— Đã coi anh là *"anh cả"*, tại sao lại còn gọi anh bằng *"cậu"*?

— Thưa cậu... à thưa anh, em chưa quen lối sưng hô tỉnh thành như vậy.

— Thế bây giờ em quen chưa?

Hợi cúi đầu bẽn lẽn:

— Dạ, quen rồi.

— Bây giờ hai chị em *"đóng đô"* ở đâu trên cái tàu to lớn này?

Bé Ngọ nhanh nhẩu:

— Tàu này to lắm, cậu Mạnh ơi,.. à quên anh Mạnh ơi. Có đến những ba tầng cho dân chúng ta ở. Cả làng ở không hết một tầng. Chúng em lên trễ quá, nên chỗ tốt họ chiếm hết cả rồi. Chúng em đành ở tầng trên cùng, gần cửa ra ngoài. Lúc mới tới, mưa hắt vào làm chúng em bị ướt như hai con chuột lột.

Nhìn bé Ngọ liến thoắng, Mạnh lại trạnh nhớ bé Thúy. Chàng xoa đầu cô bé:

—Tội nghiệp cho em tôi quá!

— Không sao đâu, anh Mạnh. Bây giờ nghe nói tàu đã đi qua Thanh Hóa rồi. Không còn mưa như ở ngoài Bắc nữa đâu, thành ra chỗ hai chị em chúng em chọn lại là chỗ mát mẻ nhất. Chúng mình thế mà lại may!

Cô Hợi thấy bé Ngọ nói huyên thuyên làm mọi người trạnh lòng nhớ đến đất Bắc càng ngày càng xa biền biệt. Nàng vội lên tiếng để làm dịu không khí:

— Bé Ngọ nói nhiều quá. Sao không chạy về chỗ của chúng mình lấy đồ ăn cho anh Mạnh đi.

—Đúng rồi! Anh Mạnh phải ăn nhiều để có sức khỏe mới cõng em đi chơi ở trong Nam chứ! Nghe nói trong Nam cánh đồng rộng thẳng cánh có bay, có phải không anh.

Mạnh ngồi dậy.

— Bé Ngọ nói đúng đấy. Đồng lúa miền Nam rộng lắm.

— Thế thì chúng mình thả diều ngoài đồng, tha hồ mà chạy. Thích quá nhỉ!

— Thôi vào trong đó rồi hãy hay. Còn bây giờ, anh đã khoẻ, em không cần phải mang cơm tới đây cho anh làm gì. Để anh ra đó xem chỗ ăn chỗ ở của hai chị em ra sao mà bé Ngọ khen lên đến tận mây xanh như vậy.

Sau khi chàng được viên sĩ quan Quân Y Mỹ cho phép *"xuất viện"*, hai chị em vội xúm vào đỡ Mạnh xuống giường và dìu chàng đi đến chỗ *"tạm cư"*. Đó là một cái sàn trên tàu, rộng bằng hai bãi đá bóng. La liệt những người. Đời sống *"tạm cư"* trên tàu thật là ồn ào nhộn nhịp. Tiếng trẻ con cười đùa la ó, kèm theo tiếng văng tục của những người dân quê bực mình vì không quen sống trong cảnh tù túng,

chật hẹp.

Khu *"nhà"* của hai chị em Hợi – lẽ dĩ nhiên cũng là khu "nhà" của Mạnh – chỉ là một góc trên sàn tàu. Nhưng là một góc tương đối quang đãng thoáng khí, và cũng là một nơi dễ bị *"mưa sa"* thăm viếng nếu cánh cửa sát mở ra phía boong tàu không đóng lại khi trời mưa. Lúc mới bước chân lên tàu, tuy mưa bão mịt mù, nhưng không ai muốn đóng cửa để chạn mưa gió, vì mọi người vẫn còn muốn sống trong cảnh *"mênh mông giữa đồng lúa chín."* Thực ra người Việt Nam nào ở trong một phòng kín đầy người cũng rất sợ đóng cửa vì nó gợi cái ám ảnh tù đày điêu đứng.

Thời gian chậm chạp trôi. Con tàu cũng bình thản trôi theo thời gian. Qua Vinh, rồi tới Đồng Hới. Sáng nay Mạnh đã bình phục hẳn, nhưng lòng buồn vời vợi như con chim non lạc tổ, đang cần một chỗ đậu, chỗ bấu víu. Hợi cũng cảm thấy lòng mình láng xuống khi nhìn chàng thanh niên Hà thành với nét mạt rầu rĩ. Nàng bèn rủ chàng ra chơi ngoài boong xem mạt trời lấp ló trên đỉnh dãy núi Trường Sơn. Dãy núi mầu lam nhạt nhấp nhô chạy dài ở tận chân trời. Hai người đứng dựa khuỷu tay lên lan can tàu, nhìn những đám mây tráng như bông điểm vết hồng lững lờ bay về phía đất liền.

Đứng cạnh Hợi, giữa cảnh bao la, Mạnh bát đầu cảm thấy như tâm hồn đang được dìu vào trong một thế giới êm đềm kỳ diệu. Chàng nhìn trời, nhìn biển, nhìn dẫy núi màu lam ẩn hiện trong sương mù sớm mai. Rồi chàng quay lại nhìn cô bạn đồng hành. Hôm nay Hợi đã bỏ cái khăn mỏ quạ bịt trên đầu, và đã thay cái áo nâu rách vai bằng một cái áo vải *"phin"* tráng nõn. Chàng không ngờ cô gái quê này lại có một vẻ đẹp quyến rũ đến như thế. Chàng say mê nhìn khuôn mạt trái soan rực rỡ dưới ánh náng sớm mai, nhìn nụ cười hồn nhiên nở trên đôi môi hồng thắm, nhìn suối tóc đen cuồn cuộn chảy xuống đôi vai tròn trĩnh. Chàng buột mồm:

— Hợi đẹp quá!

Hợi thẹn thùng, vội quay mạt ra nhìn phía sóng biển.

— Anh quá khen em.

— Anh nói thật đấy. Hợi đẹp hơn mấy cô minh tinh màn bạc mà anh đã nhìn thấy trong xi-nê. Cái vẻ đẹp của Hợi thùy mị và hồn nhiên, ít cô đầm nào sánh kịp.

Hợi đứng yên, không nói gì. Hình như nàng thầm nhận lời khen thành thật của Mạnh. Gió biển tiếp tục nhè nhẹ luồn vào tóc nàng. Thời gian như ngừng trôi. Đôi trai gái mới nhớn lên chưa có kinh nghiệm yêu đương chỉ biết yên lặng đứng nhìn nhau và nhìn trời xanh và biển cả. Họ đang sống một mình trong thế giới riêng biệt và mầu nhiệm của tình yêu mới chớm nở thuở ban đầu. Con thuyền tình vẫn tiếp tục trở chàng Tristan và nàng Iseult về với định mệnh.

— Anh Mạnh và chị Hợi đứng làm gì mà ngây người ra nhìn nhau vậy?

Hai người bừng tỉnh, vội đứng xa nhau ra, và đồng thời quay lại nhìn bé Ngọ đang đứng trước cửa khoang tàu. Để che dấu sự ngượng ngùng, Hợi vội vàng nói với đứa em gái tinh nghịch:

— Ngoài này mát mẻ hơn trong đó. Bé Ngọ hãy ra đây hứng gió cùng với anh chị.

Hợi thốt ra hai tiếng *"anh chị"* một cách rất là tự nhiên và dịu dàng. Tiếng nói chân

LÊ THỊ KIM

KỶ NIỆM

Em đã buông rồi
Nhưng tất cả không rơi
Kỷ niệm vẫn bồng bềnh như sóng biển
Sân trường cũ... và ngày xưa hoa tím
Thoáng mưa buồn...
vài giọt thả long lanh

Giọt nào anh
Giọt nào em
Giọt nào bão tố
Giọt nào nụ hoa
Giọt nào tình mộng
Giọt nào tình xa...

Nước mắt vỡ òa
Tan cơn mộng cũ
Trời mưa thả thả
Em – về – với – Em.

thật phát ra từ đáy lòng một cô thôn nữ lần đầu tiên biết yêu. Nó tạo ra một mớ tình cảm lộn xộn trong đầu người thanh niên tỉnh thành. Mạnh nhìn thân hình duyên dáng của Hợi và vẻ mặt tinh nhanh và bầu bĩnh của bé Ngọ. Chàng ngạc nhiên với lòng mình: *"Sao tình yêu có thể đến nhanh như vậy?"*. Chàng nhớ tới câu nói của nhà triết lý Pascal: *"Trái tim có cái lý riêng của nó mà con người duy lý không sao hiểu nổi"*. Bỗng nhiên chàng cảm thấy như mình đang đứng trước khúc ngoẹo của đời chàng. *Đi hay ở?*

Hai chị em vẫn vô tư, cười nói tíu tít bên Mạnh, tranh nhau chỉ cho chàng nhìn về hướng đàn cá chim bay là là trên mạt sóng. *"Đi hay ở?"*, *"Ở hay đi?"*, *"Đi hay ở?"*... Đầu chàng hỗn độn những ý nghĩ tương phản.

— Anh làm sao vậy? Khổ quá! Lại bị trúng gió rồi?

Mạnh giật mình nghe tiếng hốt hoảng của Hợi, vội trả lời để làm tan nỗi lo âu của nàng:

— Không sao đâu! Anh chỉ chóng mặt một chút thôi. Giờ hết rồi.

— Anh vừa ốm dậy, chưa khỏe hẳn đâu. Thôi chúng mình vào trong phòng để em đánh gió cho. Bu em để lại cho em đồng bạc *"Bà Đầm Xòe,"* em có mang đi theo đây. Thứ này dùng để đánh gió, tốt lắm, anh ạ.

— Anh không sao đâu. Em đừng quá lo.

— Tội nghiệp quá! Anh đi vào Nam một mình thế này thì lúc đau ốm ai lo cho anh?

Mạnh cảm thấy như mình đang rơi sâu xuống giếng tình cảm, nên hơi bực mình với sự săn sóc của Hợi:

— Anh là một trai tráng, đi đâu cũng không sợ. Hai em là con gái đi lang thang nơi xứ lạ mới đáng lo chứ. Vậy gia đình của các em đâu mà không đi cùng với các em?

Nghe thấy vậy, mặt bé Ngọ xịu xuống. Hợi trả lời với dọng buồn rười rượi:

— Thầy bu em đã qua đời rồi. Chúng em bồ côi nên được người trong làng giúp đỡ. Khi thấy tất cả mọi người theo Cha Xứ vào Nam, chúng em cũng đi theo luôn. Chứ ở lại trong làng có một mình thì biết sinh sống ra làm sao!

— Anh xin lỗi đã gợi cái quá khứ đau buồn của hai em. Anh cũng là con mồ côi như hai em vậy. Ba me anh chết đi từ lúc anh mới có hai tuổi.

Bé Ngọ nhanh nhẩu hỏi:

— Thế là anh khổ hơn chúng em nhiều! Thầy bu chúng em mới bị Việt Minh giết năm ngoái. Chúng em buồn lắm! Nhưng chúng em cũng đã nhớn rồi. Còn anh, sau khi bu anh chết đi, thì ai mớm cơm anh, ai ru anh ngủ?

Hợi ngắt lời bé Ngọ:

— Con này hư quá! An nói huyên thuyên, không biết ý tứ gì cả!

Rồi nàng quay sang Mạnh,

— Chúng mình cùng một cảnh ngộ. Khi vào tới trong đó anh em mình cố gắng đùm bọc lấy nhau cũng không sao. Có phải không anh?

Mạnh không dám trả lời câu hỏi của Hợi – một câu hỏi đầy ẩn ý dễ thương làm cho chàng vừa cảm thấy ấm lòng, vừa cảm thấy khó nghĩ. Chàng nói lảng:

— Vào trong đó, Hợi tính định cư ở đâu?

— Em cũng không biết nữa. Cha Xứ dẫn làng em đi đâu, thì chúng em đi theo đấy. Thế còn anh?

— Anh cũng không biết. Trước đây, anh dự định vào Sài Gòn, ở cùng với chú anh để tiếp tục đi học, nhưng bây giờ thì anh cũng không biết muốn đi đâu nữa.

Bé Ngọ nhanh nhẩu hỏi theo:

— Anh lớn tuổi hơn bé Ngọ mà hãy còn đi học à? Anh học cái gì mà bây giờ vẫn còn phải cắp cặp đi học? Thôi học làm gì, anh về với chúng em, vui hơn. Em sẽ dậy anh cách đào dun làm mồi câu cá rô.

— Bé Ngọ không biết đấy thôi. Có người học đến đầu bạc răng long mà vẫn còn phải học. Còn anh thì anh có ý định tiếp tục đi học thêm năm hay sáu năm nữa để trở thành bác sĩ đi chữa bệnh cho những người đau ốm. Nhưng bây giờ ...

Hợi đăm đuối nhìn Mạnh.

— *"Nhưng bây giờ,"* rồi sao nữa anh?

Mạnh thành thật trả lời:

— Nhưng... rồi sẽ tính sau.

Con tàu tới Quảng Bình. Rồi sau đó ông thông ngôn cho biết là tàu đã qua cửa sông Bến Hải. Mọi người thở dài nhẹ nhõm, nhưng cũng bát đầu lo nghĩ đến tương lai trong khi đang lênh đênh giữa biển khơi mịt mùng.

(Còn tiếp)

Côn luân nô

LÊ MẠNH HÙNG dịch từ *Thái Bình Quảng Ký*

Đời Đại Lịch nhà Đường có một chàng họ Thôi, bố làm quan lớn. Bố chơi thân với một vị huân thần đứng vào hàng nhất phẩm của triều đình. Chàng Thôi lúc đó lên kinh học, bố sai đến viếng thăm vị nhất phẩm lúc đó đang mắc bệnh. Thôi sinh còn đang tuổi thiếu niên, dung mạo như ngọc, tính tình nhàn tĩnh, cử chỉ lịch sự, lời ăn tiếng nói thanh nhã. Khi đến viếng thăm, nhất phẩm sai kỹ nữ cuốn rèm, triệu sinh vào nhà. Sinh bái lạy nói lại mệnh cha. Nhất phẩm vui vẻ đón nhận, mời ngồi nói chuyện. Lúc đó có ba kỹ nữ đứng hầu, nhan sắc đều là hạng tuyệt đại giai nhân cả. Kỹ nữ mang đào ngâm, tưới nước cam lộ bỏ vào trong bát vàng dâng lên. Nhất phẩm bèn sai một ả kỹ nữ mặc áo hồng cầm một bát vàng mang mời sinh ăn. Sinh vốn tuổi trẻ, thấy gái đẹp thì thẹn cứ bẽn lẽn không ăn. Nhất phẩm bèn ra lệnh cho ả kỹ áo hồng lấy thìa súc mời. Sinh bất đắc dĩ phải ăn. Bầy kỹ khúc khích cười. Sinh bèn cáo từ ra về. Nhất phẩm nói:

- Nói với lang quân là lúc nào nhàn tản, hãy đến đây chơi, đừng để lão phu mong đợi.

Rồi ra lệnh cho ả kỹ áo hồng đưa tiễn ra ngoài viện.

Ra khỏi, sinh quay lại thấy kỹ đưa tay làm hiệu, chỉ ba ngón tay lên trời, sau đó xoè bàn tay ra ba lần rồi quay tay lại chỉ vào tấm gương nhỏ trước ngực rồi nói, nhớ lấy. Sau đó không nói gì hết.

Sinh về, nói lại ý của nhất phẩm rồi lại quay trở về học viện. Thần mê ý đoạt, nhan sác rầu rĩ, không nói không ràng. Lúc nào cũng bần thần, bỏ ăn bỏ ngủ chỉ suốt ngày ngâm một bài thơ:

Ngộ đáo Bồng sơn đỉnh thượng du
Minh đang ngọc nữ động tiên mâu
Chu bi bán yểm thâm cung nguyệt
Ưng chiếu quỳnh chi tuyết diễm sầu

(Dịch nghĩa: Ngẫu nhiên đi chơi lạc lên đỉnh núi Bồng Lai; ngọc nữ đeo vòng lóng lánh cạp mát tiên động lòng; cánh cửa son đóng một nửa che khuất bóng trăng tạ thiên cung; chiếu vào cành hoa quỳnh đẹp trên tuyết làm người ta buồn)

Tả hữu không hiểu ý chàng là gì cả. Bấy giờ, trong nhà có tên người làm da đen (Gc: Đời Đường những nô lệ da đen thường được mua

từ phương tây tới nên gọi là Côn Luân nô) tên là Ma Lạc, cứ đi theo hỏi chàng, trong lòng có chuyện gì mà cứ đưa ra những lời oán hận như vậy. Có chuyện gì sao không nói cho lão nô biết.

Sinh nói:

- Các ngươi biết gì mà hỏi trong lòng ta có chuyện gì?

Ma Lạc nói:

- Thì cứ cho biết đi, ta sẽ giúp cho lang quân giải quyết. Dù xa gần gì thì cũng thành sự được.

Sinh thấy lời nói khác lạ bèn kể lại tình đầu. Ma Lạc nói:

- Chuyện nhỏ như vậy, sao không nói ra sớm mà để tự làm khổ vậy.

Sinh bèn kể lại ẩn ngữ mà ả kỹ nữ đưa ra. Ma Lạc nói:

- Có gì khó đâu, chỉ ba ngón tay đó là trong nhà nhất phẩm có mười viện cho các ca cơ, nàng ở viện thứ ba vậy. Xoè bàn tay ba lần đó là chỉ số mười lăm, ứng vào số ngày là mười lăm, chỉ tay vào tấm gương trước ngực chỉ ngày mười lăm là ngày trăng tròn như gương bảo ngày đó lang quân hãy đến.

Sinh mừng rỡ không kềm được nói với Ma Lạc rằng:

- Ngươi có cách nào để giải cái u sầu uất kết của ta không?

Ma Lạc cười nói:

- Đêm mai là đêm mười lăm, hãy cho tôi hai tấm đoạn mầu xanh đậm để may một bộ đồ chẽn cho lang quân. Nhà nhất phẩm có chó dữ bảo vệ cho ca kỹ viện môn, người thường không thể vào được, vào thế nào cũng bị chó cán chết. Chó này cơ cảnh như thần, hung dữ như hổ, đó chính là loài chó Mạnh Hải ở Tào châu vậy; thế gian này nếu không có lão nô thì không ai giết được chó đó. Đêm nay xin vì lang quân mà trừ chó đó đi.

Rồi Ma Lạc sửa soạn rượu thịt, đến canh ba cầm một cây gậy sắt ra đi. Chỉ trong chốc lát là quay về nói, chó đã chết rồi, không còn chướng ngại gì nữa.

Canh ba đêm đó, sau khi đưa sinh mạc bộ quần áo xanh mới, Ma Lạc cõng chàng phi thân vượt qua mười lớp tường trùng điệp tiến vào ca kỹ viện của nhất phẩm. Đến cửa thứ ba thấy cửa không khóa, đèn hãy còn tờ mờ, thấy kỹ còn ngồi đó thở dài như chờ đợi ai. Vòng ngọc trệ xuống, mạt hồng u sầu, nỗi hận miên man, ngâm một bài thơ:

Thâm động oanh đề hận Nguyễn lang
Thâu lai hoa hạ giải châu đang
Bích vân phiêu đoạn âm thư tuyệt
Không ỷ ngọc liêm sầu phượng hoàng

(Dịch nghĩa: Trong động sâu, nghe tiếng oanh hót lại giận chàng Nguyễn; sao không đến

MỘNG

Như là khói bay phất phơ trong cõi đời,
Hôn nụ gió lên cánh hoa đang hé mời,
Em liền kiếp nuôi giấc mơ tan giữa trời,
Để lại tôi thôi
Như là sóng, lay vuốt ve bao bãi bờ,
Hôn nụ vỡ lên đá xanh nghiêng ngóng chờ,
Em ngồi đó, buông tóc theo mưa cõi mờ,
Để tình chơ vơ

Ngọt ngào như nắng trên đoá môi tươi,
Dịu dàng như lá xanh mắt đôi mươi,
Nồng nàn lay níu muôn ánh sao trời,
Tìm ngắt thời gian
Nỗi nhớ đong đưa trên mấy cung đàn,
Tiếng hát rưng rưng thao thức hoa vàng,
Tôi tựa núi, nhìn em-sương trắng tan

Như là bướm thu cánh nhung khi nắng tàn,
Tôi về nhớ đêm gió lay muôn ánh vàng,
Em hậu kiếp ra bến sông, lay lờ làng
Thả tình tôi trôi
Như loài thú say bóng trăng bên suối nguồn,
Tôi chợt biết trong giấc mơ, mang nỗi buồn,
Em rạng rỡ đem tiếng vui gieo giữa đời,
Gọi tình lên ngôi

Tôi buồn như mây cuối thu
Em cười như trăng chớm xuân

CỔ NGƯ

đây dưới hoa để cởi cái vòng ngọc; Mây biếc bay đi cát đứt hết thư tín; một mình ngồi dựa tấm rèm ngọc, chim phượng hoàng buồn)

Lúc đó những thị vệ ai cũng ngủ hết, chung quanh tịch không tiếng động. Sinh bèn vén rèm lên bước vào. Hồi lâu, ngước mắt nhìn lên thấy sinh, kỹ vội nhẩy xuống giường, nám tay sinh nói:

- Biết lang quân thông minh dĩnh ngộ tất hiểu ẩn ngữ. Sở dĩ phải làm như vậy là vì không biết lang quân có thần thuật nào để có thể vào tới đây.

Sinh bèn kể chuyện Ma Lạc bày mưu ra sao; cõng mình như thế nào để có thể đến được. Kỹ hỏi:

- Ma Lạc nay ở đâu?

Sinh trả lời:

- Ở bên ngoài rèm.

Bèn mời vào, lấy chén vàng rót rượu mời uống rồi kỹ nói với sinh:

- Thiếp vốn con nhà giòng dõi, quê ở phương Bắc. Chủ nhân cầm cờ tiết (tức là quan tư lệnh quân đội tại vùng) ép phải làm tỳ thiếp, không có can đảm để tự tử, đành cố sống thừa. Ngoài mạt tuy bôi son trét phấn, nhưng bên trong đầy phiền muộn. Tuy sống trong cảnh cành vàng lá ngọc, nhưng đó không phải là ước muốn, mà chỉ coi như là xiềng xích mà thôi. Kẻ trợ thủ của chàng đã có thần thuật, chắc hẳn có thể giúp cho thiếp thoát ra khỏi vòng lao lý này. Nếu đạt được sở nguyện đó, có chết cũng không hối hận. Nguyện xin làm nô bộc cho chàng, hầu hạ quang dung. Không hiểu ý lang quân ra sao?

Sinh trầm ngâm không nói. Ma Lạc nói:

- Nương tử đã kiên quyết như vậy thì đây chỉ là chuyện nhỏ.

Kỹ vui mừng. Ma Lạc bèn bảo hãy đem đồ tư trang, quần áo của kỹ ra trước. Phải làm như vậy đến ba lần mới hết; sau đó bảo hai người:

- Hãy đi ngay, sợ chậm nữa thì trời sáng mất.

Rồi cõng cả hai người, phi thân vượt qua mười lớp tường cao ra về. Đám bảo vệ trong nhà nhất phẩm hoàn toàn không hay biết gì hết. Sinh bèn đưa cô gái về học viện ẩn tránh.

Đến sáng, nhà nhất phẩm mới biết chuyện, lại thấy chó bị chết. Nhất phẩm kinh hãi nói:

- Nhà ta từ trước đến nay, môn tường lúc nào cũng nghiêm mật, nay cửa khóa còn chắc chắn, tựa như là phải biết bay mới vào được. Đây chắc hẳn phải là hành động của đám hiệp sỹ vậy. Thôi đừng để lộ ra tai tiếng ra, có khi còn chuốc họa thêm vào thân.

Cô gái ở nhà Thôi sinh được hai năm, nhân ngày hội hoa, mới đi xe nhỏ ra Khúc Giang xem hoa, bị người nhà của nhất phẩm trông thấy nhận ra. Người nhà trở về bạch với nhất phẩm. Nhất phẩm ngạc nhiên, cho triệu Thôi Sinh đến hỏi cho ra nhẽ. Sinh sợ, không dám dấu diếm, kể hết đầu đuôi. Nhất phẩm nói:

- Thị kia bỏ trốn là có tội nạng, nhưng đã ở với lang quân mấy năm, ta cũng không hỏi đến nữa. Nhưng ta phải vì thiên hạ trừ hại.

Bèn ra lệnh cho giáp sỹ năm chục người, mang binh khí đến vây nhà Thôi sinh lệnh bắt Ma Lạc. Ma Lạc bèn cầm trủy thủ, phi thân vọt lên tường cao, tựa như có cánh vậy, mau lẹ chẳng kém chim ưng. Lính bắn tên lên như mưa, nhưng không làm sao trúng được. Rồi chỉ trong nháy mắt không thấy đâu nữa. Không biết đi đâu. Cả nhà Thôi sinh đều kinh ngạc hãi hùng. Sau nhất phẩm cảm thấy hối sợ, mỗi đêm khi ngủ đều sai gia đồng cầm kiếm kích bảo vệ. Cứ như vậy cả năm mới hết.

Mười năm sau, nhà Thôi sinh có người gặp Ma Lạc bán thuốc ở chợ Lạc Dương dung mạo vẫn như xưa.

Washington DC
14/7/2003

SAVE MONEY!

Vietnam 55¢
Per minute

Dial :
10-15-335-011+84+City Code+Your #
After Prompt:
Enter Activation Code: 230509
On your 1st Call

* No Switching Long Distance
* No Monthly Fee
* 10 minute Minimum.

Mobile Rate: 59¢

For Other Country Rates Call: (310) 207-0094

Một đám cưới

VÕ DOÃN NHẪN

Buổi sáng, khoảng 10 giờ, tôi mở máy điện toán. Thư của chị Chín. Tôi mở ra đọc:

Em Nhân,

Chị Bảy về có ghé chị bốn lần trước và sau đám cưới Hiếu, vì chị ấy nhờ Ba các cháu đứng chủ hôn mà. Theo ý của chị ấy, càng tổ chức đơn giản càng tốt.

Hai tuần lễ trước đó Hiếu có gọi điện về và gửi email liên tục nhờ Tâm và chị giúp, nào thuê xe hoa, mướn quả, bánh trái, trầu cau, trà đèn, vừa lễ cưới vừa lễ hỏi.

Một đứa chưa có gia đình mà nhờ lo đám cưới! Chị nhớ ngày xưa ngoại hay nói: "Không có chó, bắt mèo ăn cứt!" (xin lỗi nghen). Em nó nói: Kỳ này chị Tâm trúng số độc đắc cặp 10.

Ngày 15 tháng Năm ta (ngày cưới), nhà chị chuẩn bị xếp đồ vô quả. Xong xuôi rồi chờ mãi đến gần 9 giờ, ba nhân vật chính mới đủng đỉnh từ khách sạn qua(chị Bảy, Tâm và Hiếu), rồi thì chụp hình và xuất phát.

Chiều hôm sau, chị Bảy và vợ chồng Hiếu sang nhà chị để cám ơn. Sáng sớm thứ hai (tức ngày 17 âm lịch), hai chị đi Nha Trang bằng máy bay, cho đến nay chưa vô lại Sài Gòn. Nghe đâu chị ấy ở khách sạn vì Nha Trang nóng.

"Sự đời nghĩ cũng nực cười."

Tôi tắt máy điện toán, ngồi miên man nghĩ ngợi. Lòng xáo trộn vì một khối kỷ niệm mơ hồ dồn dập, lảng vảng trước màn ảnh ký ức, khiến tôi không thể nắm bắt được gì. Trời ban trưa nóng hầm hập, mồ hôi nhễ nhại. Tôi lau mồ hôi, bước vào giường nằm nghỉ. Trên cành cao, gió lay động xôn xao, tưởng chừng như bên ngoài chắc phải mát. Cây trúc đào tráng vẫn mùa hè nở rộ, từng khóm từng chùm chi chít.

Anh Ngô tôi cưới vợ, lập gia đình. Chị Vinh, người yêu anh Ngô, ban đầu cha mẹ tôi không bằng lòng, vì thiếu môn đăng hộ đối. Vả lại, cả hai người đều không hợp tuổi. Hai vợ chồng vẫn sinh con, sòn sòn năm đôi (không phải năm một). Tôi nhớ cảnh tân lang và tân giai nhân ngày cưới: chú rể mạc áo dài đen quần tráng, khăn đóng, cô dâu mạc áo dài xanh, búi tóc, rõ ra một cặp vợ chồng son nông dân chính hiệu nhà quê Xóm Lá. Cả hai đứng cạnh một cây dừa con, cao không quá đầu người. Thàng em nhỏ mới mười tuổi là tôi không được chụp, chỉ đứng xớ rớ, chầu rìa bên ngoài. Cho tới ngày hôm nay, kể đã ngoài sáu mươi năm, không biết anh Sáu có còn giữ lại tấm ảnh nào kỷ niệm ngày cưới không.

Tối hôm đó, tân lang và tân giai nhân cúng lễ tơ hồng. Hai vợ chồng cùng ăn với nhau, gắp thức ăn cho nhau. Cũng cùng đêm ấy, tôi rất muốn... ngủ chung với hai vợ chồng mới "cát chỉ" ấy (cho vui vậy mà), nhưng tôi cố nhịn, đành cố đợi đêm hôm sau. An cơm tối xong, tôi ôm gối lên giường nằm xí chỗ trước, chỗ giữa, chồng nằm bên trái, vợ nằm bên phải. Giấc ngủ bình an, không có sự cố gì xảy đến.

Được vài ba đêm, mẹ tôi không cho tôi ngủ chung với vợ chồng anh chị Sáu nữa. Nguyên nhân mù mờ, lý do lấp lửng, tôi không

hiểu tại sao. Bây giờ thì tôi hiểu, hiểu rất rõ. Nhớ lại cái tuổi thơ ngây, khờ dại, tôi thấy tôi thật đáng buồn cười hơn đáng trách.

Anh chị Bảy, tức anh chị Tiềm, thành đôi vợ chồng không cưới hỏi. Miễn lễ chạm ngõ, miễn lễ rước dâu, chỉ có giấy giá thú trình hội đồng Nhân Dân xã. Thời kỳ Kháng chiến mà! Ông anh rể, anh Huynh, chồng chị Tiềm, vốn con cùng cha khác mẹ của ông Phương, vốn là Giám đốc sở Thuốc NhaTrang. Thế cũng được. Anh Huy làm Biện lý toà án Nhân Dân tỉnh Bình Định. Anh được một gái đầu lòng là Quỳnh Như, rồi con thứ hai tên Tín, không may mất sớm. Anh Huy đã có một người con gái, tên Tường Vi, mẹ mất sớm, tục huyền cùng chị Tiềm.

Chị Liêm, tức chị Tám, cũng theo chồng không cưới hỏi ruờm rà, vì chị sống trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp "chống Mỹ cứu nước." Hôn nhân trở nên bình thường, vì không ai đòi hỏi lễ vật, cũng chẳng ai có đồng ý chấp nhận cuộc hôn nhân hay không. Con trai đạt đâu, con gái ngồi đó. Tôi nghĩ, thời đó, chỉ có bánh kẹo, nước trà là xong. Tiệc cưới dã chiến.

Giờ tôi phải nhắc tới hôn nhân chị Đạm, tức chị Chín

Số chị Đạm là người lận đận. Chị không được chị dâu tức chị Vinh, vợ anh Sáu thương yêu từ ngày chị về làm dâu. Chị ăn nhờ ở đậu ngay từ lúc chị còn ở thành phố NhaTrang. Chị Vinh thường nói ra nói vô những khi chị Đạm không có mạt ở nhà. Chị Vinh vốn tính người không được rộng rãi, thường không bỏ tiền ra mua những bánh trái vật dụng để rồi khi ở nhà chỉ còn hai vợ chồng, chị đem ra cùng ăn. Thường mỗi buổi sáng, tôi cũng như bao nhiêu người khác kể cả chị Đạm đều nhịn đói trước khi đi học. Chỉ được ăn bữa ăn trưa. Và bữa tối.

Vào năm 1954, nhân hiệp định đình chiến miền Nam miền Bác, một số gia đình cộng tác với Cộng sản nàm vùng, ra Bác trở lại, trong số đó có Nghị. Nghị, còn gọi Lộc, là bạn trai, là người yêu của chị Đạm. Gia đình tôi tỏ vẻ không bằng lòng, vì Nghị không gia đình, không cật ruột, tứ cố vô thân, "sans cordon ombilical." Mối tình vô vọng ấy, rồi cũng nguôi ngoai dần. Rồi chị Đạm quên. Rồi chị bị tù. Bị cải huấn mất hai năm. Chị hoạt động bí mật... nàm vùng với bọn họ trên núi. Chị được cha mẹ bằng lòng với anh San, vốn là đồng chí đồng hướng

HAI MƯƠI BẢY NĂM

TRẦN VẤN LỆ

Chị Ba đứng nhìn trời. Chiều. Mấy hạt mưa rơi. Năm nay Thu về sớm. Chị Ba nhìn xa xôi...

Xa xôi là mấy dạm? Xa xôi là chỗ nào? Quê Hương thì thăm thẳm. Chị trả lời em đi!

Buổi chiều. Trời mây chì. Xám đen vùng biển Bắc. Tôi thương sao đôi mắt của Chị Ba. Buồn hiu...

Vài chiếc lá vàng rơi xuống mạt sân. Lảng lạng. Vườn nhà tôi quạnh váng, đôi quạ không bay về.

Chị Ba đang nhớ quê, hay nhớ ai hồi trẻ? Tôi nghe lòng ứa lệ. Chiến Tranh Hòa Bình ơi!

Hai mươi bảy năm rồi... kể từ ngày ngưng chiến. Hòa Bình là khói quyện những vòng nhang nhớ thương...

Chiều mưa bay như sương. Chị Ba, tay vén tóc. Hình như là Chị khóc. Tóc Chị dài giọt mưa...

Tôi vào nhà, làm thơ; Chị còn ngoài hiên lạnh. Giọt mưa trời lóng lánh trong ánh đèn hoàng hôn.

Thơ tôi không có hồn mà chảy dài như suối. Câu hỏi nãy tôi hỏi, Chị Ba không trả lời!

Quê Hương là tuyệt vời như Chị Ba tôi chứ? Chị vẫn hồng môi nụ, sao chiều mưa tái tê...

với chị.

Cha mẹ anh San có thăm viếng tới lui một đôi lần với cha mẹ chị. Rồi thôi, một phần vì e ngại đường sá xa xôi và vì lúc bấy giờ công an an ninh dòm ngó. Chế độ đệ nhất cộng hòa lúc bấy giờ ra sức khủng bố đàn áp những kẻ đã từng "ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản." Chị Đạm, anh San lo chạy vô Sài gòn tá túc. Chị Đạm ở nhà anh chị Tiềm, thuộc quận Phú Nhuận, số nhà 178/1, đại lộ Chi Lăng. Tôi cũng đã từng ăn ở và học tại đó. Ban đêm, tôi được dành riêng một chiếc chõng bố. Anh Bảy, chồng chị Tiềm, gán cho tôi một bóng đèn điện sáng, mùng màn chăn gối tạm đủ cho những đêm trời nóng bức và những mùa mưa gió.

Những đêm tối trời, sau khi cơm nước xong, tôi thường leo lên chõng bố nằm đọc sách. Sau một ngày làm việc mỏi mệt, tôi thường giây lâu bỏ sách, tắt đèn, lăn ra ngủ. Đến khuya, chợt thức giấc, tôi thấy anh San đã ngồi cạnh chiếc ghế nhựa ở đó từ bao giờ. Chị Đạm cũng ngồi bên cạnh. Hai anh chị ngồi im, không nói năng, chỉ thấy chị Đạm gục đầu vào vai anh San. Tôi thở dài rất nhẹ, trở mình, rồi tiếp tục ngủ. Như thế cho đến ngày cưới.

Nhân dịp lễ Giáng Sinh vào năm thứ ba, năm cuối cùng của chương trình học, tôi được nghỉ một tuần để dự ngày cưới chị tôi. Lễ rước

dâu nhằm vào đường Tự Đức, phía sau đường Hai Bà Trưng. Vợ chồng anh chị Chín dời lại địa điểm cũ để ăn ở cho tiện. Mấy lúc này, anh đã đi làm công nhân đường sá cho Mỹ, phụ trách làm đường ở phi cảng Tân Sơn Nhất, làm... cai nhứt. Anh mạc quần áo công nhân, đầu đội nón nhựa, dáng người khỏe mạnh.

Từ khi tôi còn đi học ở Đà Lạt, tôi đã có lòng yêu cô gái nhỏ, tên Hoa, người cùng xóm. Lúc đầu, tôi không nghĩ là mối tình được đáp lại. Chỉ là mối tình đơn phương. Chỉ là mối tình chú cháu. Hoa kêu tôi bằng chú. Mẹ tôi phản đối dữ dội. Ai lại làm sui gia cái kiểu đó, chẳng ra thể thống gì cả. "Thím Năm -mẹ chị Vinh- vừa là sui gia kêu tao bằng chị, vừa... là con... Chỉnh cũng sui gia với tao luôn là sao? Tao phải ăn làm sao, nói làm sao với mấy người đó?" Anh chị em tôi phản đối. Bạn bè chế diễu. Tôi vẫn tiếp tục tấn công. Tôi vẫn tiếp tục ù lì... trường kỳ kháng chiến chờ ngày tháng lợi. Tôi đi làm, đi dạy, làm nhà giáo. Rốt cục, mẹ tôi đành chào thua. Từ ngày bắt đầu mối tình cho đến hôm nay, tính ra đã ngót bảy năm trường, nhưng tôi vẫn một lòng một dạ. Nước chảy đá mòn. " Petit à petit, l'oiseau fait son nid." Tôi chưa hề được gần gụi với người yêu, vì mẹ vợ tương lai nổi tiếng... khó. Tôi nhớ một đêm trăng trung tuần, trăng vừa lên, ánh sáng chiếu lên khu vườn nhà: cây chay, cây xoài, cây cam, cây bưởi, tạo nên một thế giới mơ màng huyền hoạc. Hoa ra vườn trước ngắm trăng, tôi vội vàng im lạng bén gót theo sau, hi vọng cảnh trăng sẽ đem lại môi trường thuận tiện. Nhưng tôi vừa bén gót theo kịp Hoa, mẹ tôi đã cất tiếng, tiếng vang lanh lảnh gọi Hoa vô biểu. Thế là mất một dịp may. Cụt hứng! Lần sau, khi tôi xây nhà coi như hoàn tất, một gian phòng dành riêng cho tôi. Vỏn vẹn một cái giường gỗ, kèm thêm một chiếc giường vải bố, kê thêm một table de nuit. Tôi đạt thêm một chiếc radio đã cũ, đạt thêm một dĩa máy hát Đức: Lern Deutsh bei der Deutschen Welle. Hôm ấy, trời trưa, Hoa đến bất ngờ. Bất ngờ sung sướng. Bất ngờ hồi hộp. Vội vàng, tôi đưa nàng đến, bác ghế ngồi chơi, mở nhạc dĩa hát LaCumparsita, Greenfields... Ngồi chưa được nóng chỗ thì Hòa, em gái Hoa, từ phía hàng rào keo cất tiếng rất ư dõng dạc:

"Chị Hoa, về má biểu."

Lại một lần, tôi bị cụt hứng, bản nhạc đành

phải cát ngang, bỏ dở.

Trải một thời gian khá lâu, tôi đoán chừng tôi không còn bị chống đối vì cuộc tình đó nữa. Cho đến một tối, sau khi cơm xong, anh tôi mặc áo sơ mi tráng, quần dài xám đóng thùng. Hai mẹ con lạng lẽ đi qua nhà bên. Tôi chỉ đoán chừng hai người qua nhà cô láng giềng, chỉ đoán chừng để lo việc hôn nhân hai... đứa. Một lát sau, hai người ra về, tôi cũng chỉ đoán chừng... không có việc gì trục trạc xảy ra. Tôi cũng không hỏi.

Vậy mà tôi vẫn chưa được phép đưa xe chở Hoa đi chơi!

Mỗi khi Hoa đi chơi cùng chúng bạn, tôi chỉ biết nhìn theo, đưa mắt nhìn. Tôi nhớ, dạo nọ, khi anh Thu và anh Thọ, hai anh em con cô con cậu mời thím Tám và hai em gái cùng đi ăn cưới ở tận thị trấn B'Lao. Khỏi phải nói, cả hai chúng tôi đều muốn ở nhà cả hai. Và cũng khỏi phải nói, bà mẹ vợ tương lai của tôi đời nào lại chịu chấp nhận cung cách giả vờ ở nhà như thế? Đến ngày đi B'Lao, Hoa giả vờ nhuốm bệnh, ngỏ ý muốn ở nhà. Lập tức, bà mẹ vợ ra lệnh:

"Không ai được ở nhà hết. Đi là phải đi tất cả."

Dự án coi như hỏng, hư bột hư đường. Bà còn nhờ vả tôi coi chừng, giữ nhà giùm, đừng cho trẻ con phá phách, hái trộm cây trái thanh long, mảng cầu, và nhất là hái trộm dừa xiêm. Bà đi nhiều nhất nửa tháng là về. Tôi chỉ biết vâng vâng dạ dạ, Bụng buồn... còn muốn nói năng chi...

Một hôm nhằm ngày lành tháng tốt, mẹ tôi và gia đình tổ chức đám hỏi cho tôi. Chúng tôi rủ nhau (lần đầu tiên à nghen) ra phố chợ mua một trăm hộp bánh biscuit, một khay trầu và một buồng cau trăm trái. Chúng tôi tuần tự thay nhau đi biếu họ hàng bà con cô bác.

Chúng tôi chọn ngày cưới nhằm ngày hai mươi lăm tháng mười hai, lo in thiệp cưới tại nhà in Mỹ Tín, đường Phan Bội Châu, lo mời các anh chị em bà con. Trước tiên tôi gửi thiệp mời anh chị Ba Thuyên, vợ chồng anh chị Bảy,vợ chồng anh chị Chín và sau cùng vợ chồng anh chị Sáu, tất cả đều đầy đủ bộ sậu. Vợ chồng chị Liêm, tôi không thể gửi, vì non sông ngàn trùng cách trở.

Trước ngày cưới một ngày, tôi không thấy tin tức tăm hơi gì của các anh các chị. Thư từ báo tin, những chuyến xe về NhaTrang cũng không. Im lạng là không trả lời. Im lạng là phản đối. Chị Tiềm phản đối bằng cách cho biết vào ngày cưới, tình địch sẽ xách súng tới bán! Còn anh San, tức anh rể thì phản đối bằng cách:

"Ai lại kêu chị Tám bằng má? Nghe không được."

Nghe không được, rốt cục, phải được. Ban đầu, mẹ tôi không bằng lòng, rốt cục, bằng lòng. Sau ngày đám cưới, tôi đưa vợ tôi vô Sài Gòn, chào hỏi giới thiệu anh chị Ba, anh chị Tiềm, anh chị Chín. Dĩ nhiên các anh các chị ấy không thể không tiếp đón. Cũng vui vẻ thôi.

Bốn mươi năm trời, vợ chồng tôi về Việt Nam, mục đích để dựng vợ gả chồng cho đứa con trai đầu lòng. Chúng tôi cũng không quên, không dám quên mời các anh các chị về dự ngày vui của cháu. Vào tháng này, trời mưa, trời bão và... lụt! Anh chị Sáu tham dự. Chị Liêm về dự. Anh chị Đạm về dự. Riêng chị Tiềm không về và cũng không dự. Tôi không biết nguyên nhân nào. Và tôi cũng không biết vợ chồng các anh các chị có gợn một chút ân hận nào về chuyện không dự ngày vui của chính tôi ngày trước hay không. Lẩn thẩn, tôi liên tưởng đến bức thơ chị Đạm gửi về: "Một đứa chưa có gia đình mà nhờ lo đám cưới." Tôi nghĩ một đứa ấy là cháu Tâm. "Chị nhớ ngày xưa ngoại hay nói: không có chó bát mèo ăn cứt." Riêng tôi, tôi vẫn chưa quên ngày trước, khi chị Tiềm về Việt Nam, chị nói chị sẽ đi thẳng về Nha Trang luôn, không cần ghé lại Sài Gòn chi cho mất thì giờ. Sài Gòn chẳng có gì vui, quyến rũ. Bây giờ thì chị ấy sẽ bắt buộc ghé Sài Gòn nhờ giúp một tay dựng vợ gả chồng cho cháu Hiếu trước khi về Nha Trang hưởng thú trăng thanh gió mát.

Tôi nghĩ đến câu ca dao nửa vời "sự đời nghĩ cũng nực cười" của chị Đạm. Tôi nhớ từ ngày còn nhỏ, tôi có đọc một bài ca dao của Thượng Chi tức Phạm Quỳnh biên soạn: "Sự đời nghĩ cũng nực cười, một con cá lội, mấy người buông câu." Rồi tôi cũng nghĩ đến bài ca dao bỏ lửng nửa vời "sự đời nghĩ cũng nực cười, một anh dạm vợ nhận lời trầu cau" để chấm dứt lá thư giai kết hoàn nguyên (cũng là giai kết gẫy) mà thấm thía./.

Santee, mùa trăng 2003

Trúc Lâm Thiền Viện.com

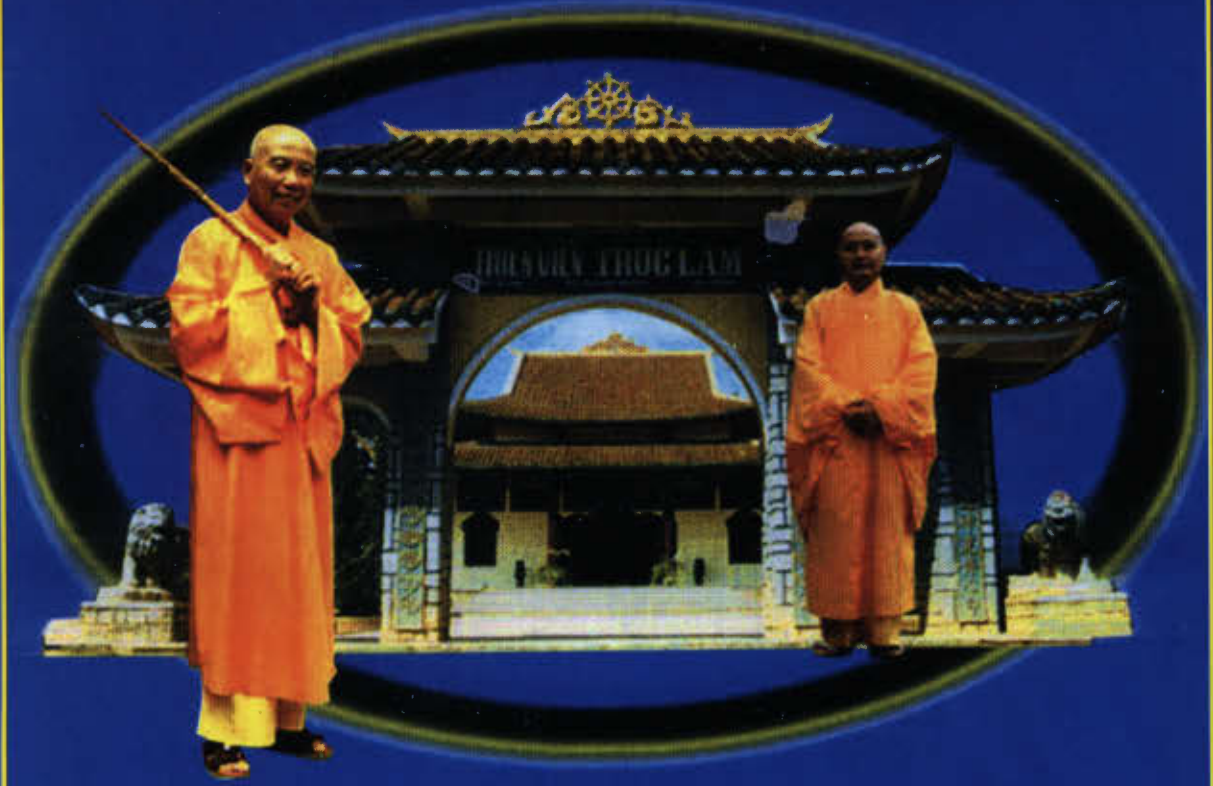

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN

JEWELRY. INC.

SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES

G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600

(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim